

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**1. Thông tin tổ chức phát hành:**

- Tên tổ chức: Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP
- Mã chứng khoán: MVN
- Địa chỉ: Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Email: [cbtt@vimc.co](mailto:cbtt@vimc.co)
- Điện thoại: 024 35770825
- Website: vimc.co

**2. Nội dung công bố thông tin**

Tổng công ty Hàng hải Việt công bố Nghị Quyết số 294/NQ-HHVN ngày 09/7/2025 về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (*Nội dung theo file đính kèm*).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP vào ngày 9/07/2025 tại địa chỉ website:

<http://vimc.co>

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP xin cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Tổng giám đốc;
- Người PTQTCT;
- Lưu: VT, VP. L02.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**



**CHÁNH VĂN PHÒNG  
Trần Tuấn Hải**

## CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Thời gian: ½ ngày, từ 08h30 ngày 9 tháng 7 năm 2025

Địa điểm: Tầng 2, Long Vĩ Palace, Số 3 Đào Duy Anh, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội.

Hình thức: Họp trực tiếp.

Thời gian	Nội dung
08h00 - 08h30	Tiếp đón đại biểu/cổ đông, kiểm tra tư cách cổ đông
08h30 - 08h45	Công bố kết quả kiểm tra tư cách cổ đông Khai mạc Đại hội, giới thiệu đại biểu
08h45 - 09h00	Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội
09h00 - 09h15	Giới thiệu Đoàn Chủ tọa Đại hội; Giới thiệu Ban Thư ký Đại hội; Thông qua danh sách Ban Kiểm phiếu
09h15 - 09h25	Thông qua Chương trình đại hội
09h25 - 10h45	Trình bày các nội dung nghị sự: 1. Báo cáo của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) về kết quả hoạt động năm 2024, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2025 - 2030, kế hoạch hoạt động năm 2025. 2. Báo cáo của Ban Kiểm soát (“BKS”) về thẩm định Báo cáo Tài chính, kết quả kinh doanh và kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc VIMC năm 2024. 3. Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của BKS và Kiểm soát viên năm 2024, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2025 - 2030, kế hoạch hoạt động năm 2025. 4. Báo cáo tài chính năm 2024 của VIMC đã được kiểm toán. 5. Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2024 của VIMC. 6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025 của VIMC. 7. Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và kế hoạch tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của HĐQT, BKS. 8. Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của VIMC. 9. Bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025-2030 10. Thông qua việc đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của VIMC
10h45 - 11h00	Đại hội thảo luận và biểu quyết các nội dung đã trình bày
11h00 – 11h05	Báo cáo kết quả kiểm phiếu
11h05 – 11h25	Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội
11h30	Bế mạc Đại hội



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2025*

## **QUY CHẾ**

### **TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 CỦA TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; và Luật

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 124/NQ-HHVN ngày 11/4/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP về kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP,

### **CHƯƠNG I:**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (“Đại hội”) bằng hình thức trực tiếp, bỏ phiếu biểu quyết điện tử.

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham dự Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.

3. Cổ đông, đại diện cổ đông và các tổ chức, cá nhân tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

4. Các quy định liên quan đến việc tổ chức Đại hội không quy định chi tiết tại Quy chế này, sẽ được áp dụng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VIMC và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VIMC.

## **Điều 2. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Quy định này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1 “Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP” (sau đây gọi tắt là “VIMC”) là Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần ngày 18/8/2020.

1.2 “Đại hội đồng cổ đông” (“ĐHĐCĐ”) là Đại hội đồng cổ đông VIMC.

1.3 “Hội đồng quản trị” (“HĐQT”) là Hội đồng quản trị của VIMC.

1.4 “Tổng giám đốc” là Tổng giám đốc của VIMC.

1.5 “Cổ đông” là người sở hữu ít nhất một cổ phần của VIMC, có tên trong Danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc là người được ủy quyền hợp lệ.

1.6 “Bỏ phiếu điện tử” là việc Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của Cổ đông thực hiện biểu quyết trên Hệ thống bỏ phiếu điện tử tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Quy chế này.

1.7 “Người được ủy quyền” là người được Cổ đông ủy quyền tham dự họp và thực hiện các quyền của Cổ đông tại ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ của VIMC và Quy chế này.

1.8 Tài khoản truy cập bao gồm tên truy cập (username) và mật khẩu (password) được VIMC cấp duy nhất cho từng cổ đông.

1.9 Thời gian mở cửa Hệ thống biểu quyết điện tử là thời điểm bắt đầu để cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của Cổ đông có thể truy cập, đọc tài liệu Đại hội và có thể biểu quyết các nội dung cần biểu quyết tại Đại hội.

1.10 Thời gian đóng cửa Hệ thống biểu quyết điện tử là thời điểm Hệ thống trực tuyến đóng truy cập, biểu quyết, ... theo thông báo của Chủ tọa Đại hội.

2. Các từ ngữ, thuật ngữ, khái niệm chưa được định nghĩa trong Điều này sẽ được hiểu theo từng ngữ cảnh cụ thể trong Quy chế và các quy định có liên quan của VIMC và pháp luật hiện hành.

## **Điều 3. Điều kiện tiến hành Đại hội**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội.

Điều 4. Hình thức tham dự Đại hội Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Tham dự trực tiếp và biểu quyết bằng bỏ phiếu điện tử tại Đại hội;



b. Ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết bằng bỏ phiếu điện tử tại Đại hội. Gửi ủy quyền bằng văn bản đến cuộc họp hoặc gửi thông qua người được ủy quyền.

c. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

## **CHƯƠNG II:**

### **QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

#### **Điều 5. Quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội (Điều 18 Điều lệ)**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể tham dự Đại hội theo một trong các hình thức nêu tại Điều 4 Quy chế này. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Khoản 2, Khoản 4 Điều 14 Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự Đại hội. Cổ đông có sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền tối đa 01(một) người tham dự Đại hội. Cổ đông có sở hữu từ 10% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền tối đa 03 (ba) người tham dự Đại hội. Cổ đông sở hữu từ 50% tổng số cổ phần trở lên được ủy quyền tối đa 05 (năm) người tham dự Đại hội. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội được nhận thông báo công khai về nội dung, chương trình Đại hội.

3. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) để thực hiện bỏ phiếu biểu quyết điện tử được cung cấp cho cổ đông/người được ủy quyền tham dự Đại hội khi đến trực tiếp tham dự Đại hội. Khi cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội thông báo cho cổ đông theo hình thức trực tiếp hoặc email/điện thoại (theo thông tin cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp).

4. Cổ đông/đại diện cổ đông có quyền thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Điều lệ VIMC, Luật Doanh nghiệp hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

#### **Điều 6. Nghĩa vụ của cổ đông tham dự Đại hội (Điều 19 Điều lệ)**

1. Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội mang theo giấy tờ sau:
  - a. Thông báo mời tham dự Đại hội.
  - b. Giấy chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực.
  - c. Giấy ủy quyền trong trường hợp được ủy quyền bằng văn bản tham dự Đại hội. Giấy ủy quyền phải có đầy đủ chữ ký và đóng dấu (nếu cổ đông là pháp nhân/tổ chức). Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với VIMC).
2. Cổ đông/đại diện cổ đông chỉ được chính thức tham dự trực tiếp và biểu quyết tại Đại hội sau khi đã thực hiện đăng ký với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông. Khi cổ đông/đại diện cổ đông đăng ký tham dự Đại hội sẽ được cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc mã QR để đăng nhập vào hệ thống bỏ phiếu biểu quyết điện tử.
3. Cổ đông/đại diện cổ đông khi vào phòng họp phải tuân thủ ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội hướng dẫn.
4. Trong thời gian diễn ra Đại hội, cổ đông/đại diện cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn, điều khiển của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.
5. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ không đổ chuông.
6. Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội từ khi bắt đầu Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử đối với các nội dung biểu quyết tại Đại hội.

#### Điều 7. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa

1. Đoàn Chủ tọa Đại hội gồm 05 người: Chủ tọa và 04 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị VIMC làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Để hỗ trợ cho Chủ tọa, Đoàn Chủ tọa Đại hội gồm 04 thành viên khác cùng tham gia để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền của Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
  - a. Thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

b. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.

c. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

d. Hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.
- Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.
- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

3. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

a. Điều hành các hoạt động của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo Chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b. Hướng dẫn các Đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong Chương trình.

c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d. Thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử trên hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình.

e. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu. f. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

#### **Điều 8. Ban Thư ký Đại hội**

1. Ban Thư ký Đại hội gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên do Chủ tọa Đại hội giới thiệu.

2. Nhiệm vụ của Thư ký Đại hội:

a. Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội.

b. Tiếp nhận ý kiến đăng ký thảo luận của cổ đông. Tổng hợp các ý kiến của cổ đông trong quá trình diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ và gửi tới Đoàn Chủ tọa.

c. Lập Biên bản cuộc họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

d. Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ VIMC.

e. Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa Đại hội.

#### **Điều 9. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông**

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội do Hội đồng quản trị VIMC quyết định thành lập, trong đó gồm 03 người: Trưởng Ban và 02 thành viên.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

a. Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

b. Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông tham dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành.

c. Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

**Điều 10. Ban Kiểm phiếu**

1. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

a. Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.

b. Kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết, lập biên bản tổng hợp kết quả biểu quyết, công bố kết quả biểu quyết; chuyển Biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.

c. Thông báo kết quả biểu quyết cho Thư ký Đại hội.

d. Bàn giao các biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu biểu quyết (nếu có) cho Ban tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ.

e. Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết. f. Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu hoặc phân công của Chủ tọa.

### **CHƯƠNG III:**

### **TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

**Điều 11. Chương trình Đại hội**

1. Chương trình và nội dung Đại hội phải được Đại hội thông qua ngay trong phần khai mạc Đại hội.

2. Trường hợp có sự thay đổi nội dung trong Chương trình họp đã được gửi kèm Thông báo mời họp cho các cổ đông thì các thay đổi phải được Đại hội thống nhất thông qua.

**Điều 12. Thảo luận tại Đại hội**

1. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong Chương trình Đại hội.

2. Chỉ có cổ đông/đại diện cổ đông mới được tham gia thảo luận. Cổ đông nếu có ý kiến gửi nội dung cần thảo luận cho Ban Thư ký để chuyển cho Đoàn Chủ tọa hoặc đăng nhập vào tài khoản tham dự Đại hội để gửi nội dung cần thảo

luận. Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển cho Đoàn Chủ tọa Đại hội.

3. Cổ đông giơ tay khi cần phát biểu hoặc thảo luận, và chỉ được phát biểu khi Đoàn Chủ tọa đồng ý. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

4. Trên cơ sở nội dung thảo luận của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông.

5. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được VIMC trả lời sau.

### **Điều 13. Biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội**

1. Nguyên tắc chung:

1.1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung Chương trình Đại hội. Việc biểu quyết được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

1.2. Cổ đông thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến đối với một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội.

1.3. Các nội dung theo Chương trình Đại hội được thông qua tại Đại hội khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 5 Điều 29 Điều lệ VIMC.

1.4. Trường hợp cổ đông đăng ký tham dự Đại hội sau khi Đại hội đã biểu quyết một/một số nội dung nhưng chưa kết thúc thì vẫn được đăng ký và biểu quyết với những vấn đề phát sinh sau đó nhưng không được phép tham gia biểu quyết những vấn đề đã được biểu quyết xong. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

1.5. Mọi khiếu nại, thắc mắc về việc biểu quyết và kiểm phiếu (nếu có) phải được Đoàn Chủ tọa Đại hội giải quyết trước khi Biên bản họp Đại hội được công bố.

2. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết điện tử: Việc bỏ phiếu điện tử được thực hiện như sau: 2.1. Cổ đông sử dụng tài khoản truy cập hoặc quét mã QR để đăng nhập vào trang web theo hướng dẫn kèm theo Quy chế này để thực hiện biểu quyết.

2.2. Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên hệ thống.

2.3. Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tiếp để thực hiện bỏ phiếu điện tử tính đến thời điểm biểu quyết.

2.4. Cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

2.5. Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết). Hệ thống bỏ phiếu điện tử chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu.

2.6. Kể từ thời điểm hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên hệ thống theo tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này.

### 3. Thời điểm biểu quyết:

3.1. Cổ đông có quyền biểu quyết từ thời điểm khai mạc Đại hội đến trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Trường hợp cổ đông đã biểu quyết nhưng muốn thay đổi ý kiến thì phải thực hiện thay đổi trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Ý kiến biểu quyết sau cùng được Hệ thống ghi nhận trước thời điểm kết thúc biểu quyết là ý kiến hợp lệ và được ghi nhận vào kết quả kiểm phiếu.

3.2. Để bảo đảm diễn biến liên tục và tập trung thời gian cho phần diễn biến của Đại hội, cổ đông tham dự khi đăng nhập hệ thống có thể tiến hành biểu quyết về Chương trình Đại hội, thành phần Ban kiểm phiếu và Quy chế tổ chức Đại hội. Thời gian kết thúc biểu quyết của các nội dung này trên hệ thống sẽ được Ban tổ chức thông báo tại thời điểm khai mạc Đại hội.

3.3. Các kết quả bỏ phiếu được tính tại thời điểm cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử nên việc kết nối của cổ đông bị ngắt đột ngột (nếu có) chỉ ảnh hưởng đến các nội dung chưa bỏ phiếu, các nội dung đã bỏ phiếu không bị ảnh hưởng.

3.4. Trước khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông chỉ được biết kết quả bỏ phiếu của mình. Sau khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông sẽ biết được kết quả biểu quyết chung đối với từng nội dung do Đoàn Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố.

4. Tính hợp lệ của phiếu biểu quyết: Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu biểu quyết của cổ đông hoặc đại diện uỷ quyền của cổ đông có tham gia biểu quyết và có chọn phương án biểu quyết và hoàn thành việc gửi trên hệ thống. Trường hợp cổ đông hoặc người đại diện uỷ quyền của cổ đông đăng nhập thành công để thực hiện biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử nhưng không lựa chọn ý kiến nào (không đánh dấu chọn vào ô nào) sẽ được hiểu là cổ đông từ chối quyền và không tham dự biểu quyết tại nội dung đó. Số phiếu của cổ đông này không được cộng vào tổng số phiếu tham gia biểu quyết của nội dung không đánh dấu.

5. Cổ đông chịu trách nhiệm bảo mật thông tin về tài khoản truy cập được VIMC cung cấp và đảm bảo việc sử dụng tài khoản truy cập để biểu quyết đúng quy định.

**Điều 14. Kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu**

1. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến. Hệ thống phần mềm sẽ tự động thống kê, tổng hợp số phiếu Tán thành, Không tán thành và Không có ý kiến.

2. Ban Kiểm phiếu kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử và phiếu biểu quyết do cổ đông gửi đến để tổng hợp kết quả biểu quyết; hoàn thiện Biên bản tổng hợp kết quả biểu quyết.

3. Kết quả biểu quyết được Đoàn Chủ tọa hoặc Ban Kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội.

**Điều 15. Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội**

1. Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

2. Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội sẽ được công bố thông tin và đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của VIMC theo quy định.

**CHƯƠNG IV:**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 16. Điều khoản thi hành**

1. Quy chế này gồm 4 chương, 16 điều, có hiệu lực ngay tại thời điểm được Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP thông qua.

2. Đoàn Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo các điều khoản tại Quy chế này.

3. Các cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**Lê Anh Sơn**



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
NĂM 2024, NHIỆM KỲ 2020-2025; PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG  
NHIỆM KỲ 2025-2030, KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025  
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC) và các quy định pháp luật có liên quan, Hội đồng quản trị VIMC (HĐQT) trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông về Kết quả hoạt động năm 2024, nhiệm kỳ 2020-2025 và Phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2025-2030, Kế hoạch hoạt động năm 2025 như sau:

**I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 CỦA HĐQT**

**1. Tình hình hoạt động của HĐQT năm 2024**

HĐQT VIMC có 05 thành viên, bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc và 03 thành viên HĐQT, không có sự thay đổi thành viên HĐQT trong năm 2024.

HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số, hoàn thành tốt việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VIMC, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định khác có liên quan; thực hiện tốt việc giám sát công tác điều hành của Ban Điều hành. HĐQT làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và minh bạch trong công tác quản trị công ty, thực hiện đúng vai trò và đã đề xuất nhiều giải pháp, đưa ra các quyết định đúng đắn, kịp thời.

HĐQT phối hợp với Ban Kiểm soát VIMC tăng cường thực hiện chức năng giám sát, quản lý, chỉ đạo trong việc thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông đề ra, tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ VIMC.

HĐQT tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ, cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của HĐQT, mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp cần thiết khác. Các ý kiến đóng góp kịp thời của Ban Kiểm soát đối với hoạt động của VIMC và HĐQT đều được ghi nhận, điều chỉnh thực hiện ngay trong quá trình ban hành các Nghị quyết, Quyết định và triển khai.

*\* Các cuộc họp, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT:*

Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện theo các trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VIMC và mời Ban Kiểm soát, Ban Thường vụ Đảng uỷ theo quy chế

phối hợp cùng tham dự họp; thông báo mời họp, hồ sơ, tài liệu được gửi đầy đủ đến các Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Thường vụ Đảng uỷ dự họp để tham khảo, nghiên cứu theo quy định. Các nội dung họp bao quát, đầy đủ các chủ đề liên quan đến hoạt động của VIMC, tuân thủ quy định hiện hành, được các Thành viên HĐQT chủ động thảo luận, đánh giá đầy đủ và thận trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho VIMC. Biên bản các cuộc họp của HĐQT đã được lập đầy đủ, đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật.

Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT tại các cuộc họp phù hợp với các quy định pháp luật, Điều lệ, các quy chế quản lý nội bộ của VIMC, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với chiến lược, kế hoạch SXKD đã được thông qua.

Ngoài ra, HĐQT thực hiện việc họp, trao đổi, thảo luận và tham gia các cuộc họp giao ban với Ban Điều hành, các cuộc họp/ buổi làm việc với DNTV, chủ trì/ đồng chủ trì một số cuộc họp, hội nghị quan trọng liên quan đến hoạt động SXKD và quản trị của VIMC để nắm bắt kịp thời, chỉ đạo linh hoạt, phù hợp.

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 05 phiên họp, các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ 100%. Ngoài các cuộc họp, HĐQT thực hiện lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để thống nhất, ban hành các Nghị quyết, Quyết định phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền. Số lượng Nghị quyết, Quyết định HĐQT ban hành trong năm 2024 là 213 Nghị quyết và 83 Quyết định.

#### *\* Kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT*

Năm 2024, các thành viên HĐQT được phân công nhiệm vụ cụ thể theo Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT VIMC được ban hành tại Quyết định số 62/QĐ-HHVN ngày 09/02/2021 dựa trên nguyên tắc phát huy thế mạnh của từng thành viên, tạo tính dân chủ và sức mạnh trí tuệ tập thể để hoàn thành trách nhiệm của HĐQT theo quy định một cách hiệu quả nhất. Trong cả nhiệm kỳ, các thành viên HĐQT chủ động thực hiện nhiệm vụ, tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền. Các thành viên HĐQT phối hợp tốt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành Tổng công ty, tạo được sự đồng thuận, thống nhất cao trong tập thể HĐQT đối với quyết định về các mục tiêu, chiến lược, định hướng và nhiệm vụ quan trọng của Tổng công ty. Các thành viên HĐQT thực hiện kiểm tra, giám sát, đốc thúc Ban Điều hành thực hiện các nội dung, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, cấp trên giao; chủ động trao đổi, thảo luận và nêu ý kiến trong lĩnh vực được phân công.

Năm 2024, chương trình hành động HĐQT được ban hành tại Nghị quyết số 10/NQ-HHVN ngày 10/01/2024. Kết quả năm 2024, các thành viên HĐQT đã hoàn thành hầu hết các nhiệm vụ đề ra. Một số nội dung chưa hoàn thành do các lý do khách quan được chuyển tiếp sang năm tiếp theo để tiếp tục thực hiện.

Cụ thể nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT theo phân công tại Quyết định số 62/QĐ-HHVN ngày 09/02/2021 như sau:

#### **1.1 Ông Lê Anh Sơn - Chủ tịch HĐQT**

- Thực hiện, tuân thủ các quyền và nghĩa vụ của thành viên, Chủ tịch HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực công việc phụ trách và giám sát hoạt động các Đơn vị, Bộ phận được giao.

- Phụ trách chung, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT và thay mặt HĐQT giải quyết các công việc quản lý, điều hành hàng ngày theo các quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ VIMC, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và văn bản pháp luật có liên quan.

- Lĩnh vực phụ trách: Trực tiếp phụ trách, chỉ đạo và giám sát công tác: xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển dài hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; sắp xếp đổi mới doanh nghiệp; cơ cấu tổ chức và công tác cán bộ; công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật; tài chính kế toán; thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng, lãng phí; đổi mới sáng tạo; công nghệ thông tin; thông tin và quan hệ cổ đông; phối hợp công tác với Đảng ủy, Công đoàn và các tổ chức đoàn thể của Tổng công ty.

#### 1.2 Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

- Thực hiện, tuân thủ các quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ VIMC và các quy định liên quan khác (ngoài việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc); hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực công việc phụ trách và giám sát hoạt động các Đơn vị được giao.

- Trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của VIMC theo mục tiêu, kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT.

#### 1.3 Ông Nguyễn Đình Chung - TV HĐQT

- Thực hiện, tuân thủ các quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ VIMC và các quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực công việc phụ trách và giám sát hoạt động các Đơn vị, Bộ phận được giao.

- Lĩnh vực phụ trách: Theo dõi, giám sát hoặc tăng cường chỉ đạo các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT liên quan đến lĩnh vực khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải.

#### 1.4 Ông Đỗ Tiến Đức - Thành viên HĐQT

- Thực hiện, tuân thủ các quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ VIMC và các quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực công việc phụ trách và giám sát hoạt động các Đơn vị, Bộ phận được giao.

- Lĩnh vực phụ trách: Theo dõi, giám sát hoặc tăng cường chỉ đạo các vấn đề liên quan đến công tác xây dựng, ban hành các quy chế quản lý nội bộ; công tác phá sản doanh nghiệp; pháp chế hàng hải; hỗ trợ, giúp việc Chủ tịch HĐQT

trong công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng.

1.5 Ông Đỗ Hùng Dương - Thành viên HĐQT

- Thực hiện, tuân thủ các quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ VIMC và các quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực công việc phụ trách và giám sát hoạt động các Đơn vị, Bộ phận được giao.

- Lĩnh vực phụ trách: Theo dõi, giám sát hoặc tăng cường chỉ đạo các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT liên quan đến lĩnh vực khai thác vận tải biển.

*\* Về các giao dịch với các bên liên quan:*

Không có báo cáo về giao dịch giữa VIMC, công ty con, công ty do VIMC quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó.

Tổng giá trị giao dịch giữa VIMC với Công ty do thành viên HĐQT làm Người quản lý là 136 tỷ đồng, cụ thể như sau:

Tên Công ty	Mối quan hệ liên quan với TV HĐQT	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung	Tổng giá trị giao dịch (VNĐ)
Công ty CP Cảng Đà Nẵng	Ông Nguyễn Đình Chung - Thành viên HĐQT VIMC, Chủ tịch HĐQT Công ty	Năm 2024	Mua hàng hóa, dịch vụ	5,484,647,853
		Năm 2024	Bán hàng hóa, dịch vụ	1,246,133,600
		Năm 2022 (NQ số 45/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2024)	Cổ tức	103.950.000.000
Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	Ông Đỗ Tiến Đức - Thành viên HĐQT VIMC, Chủ tịch HĐQT Công ty	Năm 2024	Bán hàng hóa, dịch vụ	1,480,010,646
		Năm 2024	Mua hàng hóa, dịch vụ	1,178,705,580
		Năm 2024	Cổ tức	23,029,881,600
		31/12/2024	Công nợ phải thu	20,039,871
		31/12/2024	Công nợ phải trả	357,798,600
			<b>TỔNG CỘNG:</b>	<b>136.747.217.750</b>

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông năm 2024 giao

2.1 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Sau những khó khăn do ảnh hưởng của thời tiết và các yếu tố bên ngoài, hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục chuyển biến tích cực, lấy lại được đà tăng trưởng như giai đoạn trước dịch; xuất khẩu tiếp tục là điểm sáng, hầu hết các nhóm hàng xuất khẩu chủ lực tăng trưởng cao. Nhờ đó, nhu cầu vận chuyển hàng hóa qua cảng biển tăng cao, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp trong ngành. Giá cước vận

tải biến có tăng trưởng nhờ vào sự phục hồi của nhu cầu và các yếu tố bên ngoài như xung đột khu vực và tình trạng hạn hán tại kênh đào Panama. Tuy nhiên, ngành hàng hải Việt Nam đang phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp quốc tế, đặc biệt là trong bối cảnh gia nhập Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA). Nhận diện rõ ràng về các thách thức, khó khăn, HĐQT đã bám sát các nội dung Nghị quyết số 229/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 giao, xây dựng Chương trình hành động của HĐQT, chỉ đạo quyết liệt với các giải pháp cụ thể, tập trung và đạt được các kết quả, hoạt động như dưới đây:

**(i) Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của VIMC đã giao chỉ tiêu như sau:

- Tổng doanh thu: 2.415 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 935 tỷ đồng.

Kết quả đạt được trong năm 2024 như sau:

- Số liệu Công ty mẹ: Doanh thu đạt 3.155 tỷ đồng (131% KH 2024). Lợi nhuận trước thuế đạt 1.353 tỷ đồng (145% KH 2024).
- Số liệu Hợp nhất: Doanh thu đạt 19.235 tỷ đồng (143% KH 2024). Lợi nhuận trước thuế đạt 3.153 tỷ đồng (115% KH 2024).

**(ii) Công tác đầu tư**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của VIMC đã giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư như sau:

- Tổng vốn đầu tư các dự án năm 2024: 436,7 tỷ đồng, trong đó, các dự án chuyển tiếp: 199,6 tỷ đồng, các dự án đầu tư mới: 237,1 tỷ đồng.
- Tổng vốn đầu tư tài chính: 1.208 tỷ đồng.
- Đầu tư 02 tàu hàng rời, trọng tải 38.000 DWT, tổng mức đầu tư 72,6 triệu USD.
- Tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp có vốn góp, giảm tỷ lệ sở hữu của VIMC tại 07 doanh nghiệp.
- Thực hiện thoái/giảm vốn của VIMC tại 09 doanh nghiệp có vốn góp (03 doanh nghiệp chuyển tiếp, 04 doanh nghiệp theo kế hoạch năm 2024, góp vốn bằng giá trị cổ phiếu tại 02 doanh nghiệp).

**Kết quả thực hiện năm 2024 như sau:**

\* Công ty mẹ đã thực hiện công tác đầu tư với tổng giá trị là 151,4 tỷ đồng (tương đương 35% kế hoạch). Nguyên nhân chính khiến tỷ lệ hoàn thành kế hoạch đầu tư chưa cao là do vướng cơ chế chính sách liên quan đến việc đấu thầu nên Công ty mẹ chưa triển khai thực hiện Dự án đầu tư 02 tàu hàng rời (khoảng 178 tỷ đồng) và một số dự án chưa hoàn thành như kế hoạch.

Về Kế hoạch đầu tư vốn: trong năm 2024, VIMC đã triển khai thực hiện đầu tư vốn tại các doanh nghiệp như sau: (i) Hoàn thành đầu tư góp vốn thành

lập CTCP Vận tải Container VIMC (VIMC Lines); Đồng thời, VIMC đã hoàn thiện các thủ tục góp vốn vào VIMC Lines bằng tiền, tài sản (lô vỏ container, giá trị vốn đầu tư tại VIMC Đình Vũ, Vimadeco) theo quy định. (ii) Đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Hàng hải VIMC - Aries.

Ở cấp độ toàn VIMC, tổng vốn đầu tư theo kế hoạch năm 2024 là 4.471 tỷ đồng. Kết quả thực hiện đầu tư toàn VIMC đạt 3.077 tỷ đồng (69% kế hoạch). Năm 2024, công tác đầu tư của VIMC đã được đẩy mạnh triển khai, các dự án trọng điểm của VIMC cơ bản đạt được tiến độ theo kế hoạch, cụ thể:

Lĩnh vực cảng biển:

(i) Dự án đầu tư xây dựng Bến container số 3, số 4 thuộc cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại khu bến Cảng Lạch Huyện, Thành phố Hải Phòng): Ngày 01/4/2025 đã công bố mở Bến số 3 Lạch Huyện. Dự kiến hoàn thành toàn bộ Dự án trong năm 2025.

(ii) Dự án Cảng trung chuyển quốc tế tại Huyện Cần Giờ, TP Hồ Chí Minh: Trong năm 2024, VIMC đã phối hợp với Cảng Sài Gòn tích cực, bám sát các Bộ, ngành để giải trình bổ sung hồ sơ Dự án. Ngày 16/01/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 148/QĐ-TTg chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ. VIMC/Cảng Sài Gòn đang tiếp tục phối hợp với đối tác để hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư và được lựa chọn làm nhà đầu tư Dự án, phân đầu khởi công Dự án trong năm 2025.

(iii) Dự án Đầu tư xây dựng Bến cảng Liên Chiểu, Đà Nẵng: VIMC đã phối hợp với Cảng Đà Nẵng triển khai các thủ tục đề xuất đầu tư và đẩy mạnh việc hợp tác với đối tác nước ngoài để triển khai, xây dựng phương án hợp tác phù hợp với định hướng đầu tư mới của UBND thành phố Đà Nẵng.

Lĩnh vực logistics: Đẩy mạnh triển khai phát triển các dự án cơ sở hạ tầng logistics tại các khu vực và đạt được nhiều bước tiến quan trọng như: Dự án Cảng thủy nội địa Ninh Giang được chấp thuận chủ trương đầu tư; công bố mở cảng cạn Đông Phố Mới, tỉnh Lào Cai (ICD Lào Cai).

Lĩnh vực vận tải biển: Với định hướng đầu tư để trẻ hóa đội tàu, phát triển đội tàu hiện đại với tính năng kỹ thuật cao, đội tàu container, trong thời gian vừa qua, cùng với việc thanh lý các tàu già cũ, các doanh nghiệp vận tải biển đã đầu tư được một số tàu mới sau rất nhiều năm chưa đầu tư phát triển đội tàu. Trong thời gian tới, VIMC tiếp tục đầu tư trẻ hóa đội tàu và phát triển đội tàu container nhằm tạo nền tảng cho phát triển dịch vụ logistics tích hợp.

\* Công tác tăng vốn các DNTV: VIMC đã hoàn thành tăng vốn điều lệ của Công ty CP Vận tải biển Vinaship, Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam và đang triển khai các thủ tục để tăng vốn điều lệ tại một số DNTV theo kế hoạch.

\* Công tác thoái vốn: VIMC đã hoàn thành thoái vốn tại Sesco trong tháng 02/2024. Dự kiến tiếp tục thực hiện các thủ tục thoái vốn tại Transvina, Vinabridge, SHC.

***(iii) Việc xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và dài hạn của VIMC***

Căn cứ Đề án Cơ cấu lại giai đoạn 2021-2025 của VIMC đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua và ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua một số nội dung bổ sung, sửa đổi, VIMC đã xây dựng kế hoạch hành động và triển khai thực hiện các nội dung theo Đề án. Đồng thời, VIMC đã xây dựng Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 05 năm giai đoạn 2021-2025 của VIMC (tại Nghị quyết số 349/NQ-HHVN ngày 18/8/2023, Nghị quyết số 323/NQ-HHVN ngày 07/6/2024 của HĐQT VIMC).

Để triển khai thực hiện, HĐQT VIMC đã thành lập Ban Chỉ đạo, các Tổ xây dựng chiến lược, phối hợp với đơn vị tư vấn quốc tế để xây dựng các giải pháp, triển khai Chiến lược phát triển đã được phê duyệt.

***(iv) Phân phối lợi nhuận***

Thực hiện theo đúng nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

***(v) Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập***

Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 cho VIMC đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý theo đúng quy định của pháp luật theo đúng các tiêu chí đã được ĐHĐCĐ thông qua.

***(vi) Việc thực hiện Quỹ tiền lương, thù lao năm 2024 của HĐQT***

Tiền lương, thù lao, phụ cấp và các chi phí hoạt động của HĐQT được thực hiện theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024, các quy chế nội bộ của VIMC. Trong năm 2024, tổng tiền lương, thù lao của các thành viên HĐQT là 6.609 triệu đồng.

Mức chi cụ thể được công bố tại Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của VIMC.

***2.2 Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 22/7/2024***

Triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường ngày 22/7/2024 số 380/NQ-ĐHĐCĐ, HĐQT VIMC đã ban hành Nghị quyết số 381/NQ-HHVN ngày 23/7/2024 và chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung thông qua, cụ thể: (i) Bổ sung ngành nghề kinh doanh của VIMC; (ii) sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VIMC; và (iii) Bổ sung danh mục đầu tư năm 2024 của VIMC. Tổng giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện theo các quy định hiện hành.

**II. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2020-2025 CỦA HĐQT**

Giai đoạn 2020-2025 chứng kiến những biến động chưa từng có và đầy thách thức đối với kinh tế toàn cầu. Đại dịch COVID-19 bùng phát đầu năm 2020 đã gây ra cú sốc lớn, làm gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, suy giảm nghiêm trọng hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ. Các biện pháp phong tỏa, giãn cách xã hội trên diện rộng đã đẩy nhiều nền kinh tế vào suy thoái.



Việt Nam đã thể hiện khả năng chống chịu đáng ngạc nhiên trong giai đoạn đại dịch COVID-19, duy trì được tăng trưởng dương trong năm 2020 và phục hồi mạnh mẽ trong các năm tiếp theo. Chính phủ đã triển khai nhiều biện pháp quyết liệt để kiểm soát dịch bệnh, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư. Về mặt chính trị, Việt Nam duy trì sự ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế. Việc tiếp tục đẩy mạnh hội nhập quốc tế, tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTA) đã mở ra nhiều cơ hội mới cho thương mại và đầu tư.

Tuy nhiên, Việt Nam cũng không tránh khỏi những tác động tiêu cực từ bối cảnh kinh tế thế giới, đặc biệt là tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng và lạm phát gia tăng. Ngành hàng hải cũng chịu ảnh hưởng tương tự từ các yếu tố toàn cầu. Tuy nhiên, với lợi thế về vị trí địa lý và sự phát triển của hoạt động xuất nhập khẩu, ngành hàng hải Việt Nam vẫn duy trì được đà tăng trưởng. Các cảng biển Việt Nam tiếp tục được đầu tư nâng cấp, năng lực vận tải biển được cải thiện.

Có thể nói, nhiệm kỳ 2020-2025, HĐQT VIMC đã hoạt động trong một bối cảnh phức tạp, chịu nhiều tác động từ các yếu tố bên ngoài. Việc đánh giá chi tiết kết quả hoạt động của HĐQT cần xem xét đến những khó khăn và cơ hội phát sinh từ bối cảnh này, cũng như khả năng ứng phó và thích ứng của VIMC trước những biến động của thị trường.

### **1. Tình hình hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025**

Ngày 13/8/2020, Tổng công ty tổ chức ĐHĐCĐ lần đầu, chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần. Tại ĐHĐCĐ lần đầu này, đã bầu ra HĐQT gồm 05 thành viên, bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc và 03 thành viên HĐQT. Không có sự thay đổi thành viên HĐQT trong suốt nhiệm kỳ 2020-2025.

HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số, hoàn thành tốt các chức năng, quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VIMC, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, các quy định có liên quan khác của pháp luật và của VIMC; thực hiện tốt việc giám sát công tác, điều hành của Ban Tổng giám đốc. HĐQT làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và minh bạch trong công tác quản trị công ty nghiêm yết, thực hiện đúng vai trò và đã đề xuất nhiều giải pháp, đưa ra các quyết định đúng đắn, kịp thời.

HĐQT phối hợp với Ban Kiểm soát VIMC tăng cường thực hiện chức năng giám sát, quản lý, chỉ đạo trong việc thực hiện các mục tiêu của ĐHĐCĐ đề ra, tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ VIMC.

### **2. Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025**

Nhiệm kỳ 2020-2025, HĐQT VIMC nhận diện rõ ràng về các thách thức, khó khăn, và đã bám sát các Nghị quyết ĐHĐCĐ hàng năm, xây dựng Chương trình hành động, chỉ đạo quyết liệt thực hiện các giải pháp kinh doanh phù hợp và đạt được kết quả như sau:

Năm	Doanh thu (tỷ đồng)			Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)		
	Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện/ Kế hoạch	Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện/ Kế hoạch
2020 (T8-T12)	631,88	653,12	103%	55,5	-1.117,26	
2021	1.368	1.824	133%	0,983	230	234%
2022	1.691	2.417	143%	240	653	272%
2023	2.024	2.067	102%	310	357	115%
2024	2.415	3.156,6	130%	935	1.353,5	144%

Năm 2020 là năm đầu tiên VIMC hoạt động theo mô hình CTCP với rất nhiều khó khăn, thách thức. Số lỗ -1.117,36 tỷ đồng là do điều chỉnh, bổ sung các yếu tố chi phí phải phân bổ, trích lập các tồn tại về tài sản, công nợ tồn đọng trong giai đoạn DNNN trước đây khi chuyển sang mô hình CTCP theo các quy định về cổ phần hoá. Các năm tiếp theo, được sự chỉ đạo sát sao của cơ quan đại diện chủ sở hữu và các ban ngành, cùng sự quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành của HĐQT, Ban Điều hành, VIMC luôn hoàn thành, vượt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, tăng trưởng các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận. Đến năm 2023, VIMC đã hết lỗ lũy kế và có lợi nhuận để chia cổ tức cho cổ đông.

### **3. Kết quả hoạt động đầu tư giai đoạn 2020-2025**

Sau thời gian dài không đầu tư phát triển do hạn chế về nguồn lực và tập trung tái cơ cấu doanh nghiệp, hiện nay, với kết quả hoạt động kinh doanh đạt được như trên, VIMC định hướng chiến lược đầu tư phát triển mở rộng cơ sở hạ tầng cảng biển, logistics, tập trung đầu tư các cảng nước sâu, cảng trung chuyển quốc tế; đầu tư phát triển đội tàu hiện đại và đầu tư đổi mới công nghệ phục vụ SXKD, nhằm góp phần thực hiện thành công Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

#### **3.1 Đầu tư lĩnh vực cảng biển**

Với định hướng đầu tư cơ sở hạ tầng cảng biển tại các vị trí mới, phát triển hệ thống cảng biển cho tàu trọng tải lớn; nâng cấp, mở rộng đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng hiện hữu và đầu tư chiều sâu nhằm tăng năng lực khai thác cảng, VIMC đã triển khai các dự án trọng điểm: (i) Đầu tư nâng cấp mở rộng bến số 1 Cảng Quy Nhơn; (ii) Đầu tư xây dựng Bến 3, 4 Cảng Lạch Huyện; (iii) Đề xuất đầu tư Dự án Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ; (iv) Đề xuất đầu tư 2 bến khởi động Cảng Liên Chiểu.

#### **3.2 Đầu tư lĩnh vực vận tải biển**

Với định hướng đầu tư để trẻ hóa đội tàu, phát triển đội tàu hiện đại với tính năng kỹ thuật cao, đội tàu container, trong thời gian vừa qua, cùng với việc thanh lý các tàu già cũ, các doanh nghiệp vận tải biển đã đầu tư được một số tàu mới sau rất nhiều năm chưa đầu tư phát triển đội tàu. Trong thời gian tới, VIMC tiếp tục đầu tư trẻ hóa đội tàu và phát triển đội tàu container nhằm tạo nền tảng cho phát triển dịch vụ logistics tích hợp.

### **3.3 Đầu tư lĩnh vực dịch vụ hàng hải**

Với định hướng phát triển mở rộng các ICD để tạo thành chuỗi dịch vụ logistics tích hợp, VIMC đã tập trung nghiên cứu, phát triển một số ICD tại các khu vực kinh tế trọng điểm như: (i) Dự án Cảng thủy nội địa Ninh Giang, Hải Dương: đã được phê duyệt chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận là nhà đầu tư Dự án; (ii) Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Dịch vụ Logistics tại huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng: đã khởi công Dự án; (iii) nghiên cứu phát triển các dự án Trung tâm Logistics, ICD tại các khu vực trọng điểm như Bình Định, Tây Ninh, Lạch Huyện (Hải Phòng), ...

### **4. Đổi mới về quản trị doanh nghiệp**

Cùng với việc đổi mới mô hình hoạt động, VIMC đã đổi mới phương thức quản trị tiên tiến, hiện đại. Chiến lược phát triển của VIMC được tư vấn bởi các chuyên gia quốc tế Roland Berger với các giải pháp về quản trị tốt nhất theo thông lệ quốc tế như: phân cấp phân quyền mạnh mẽ; quản lý kinh doanh vừa tập trung vừa linh hoạt, lấy khách hàng làm trung tâm; cải tiến liên tục (Kaizen); cơ chế tuyển dụng, bổ nhiệm qua thi tuyển cạnh tranh, công khai, minh bạch; chính sách tiền lương, thưởng hấp dẫn, thu hút nhân tài; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; ...

Mô hình quản trị của VIMC được thực thi theo nguyên tắc 123:

1 HỆ THỐNG: Xây dựng một hệ thống kinh doanh hiệu quả, linh hoạt, thích nghi với sự thay đổi, với các tiêu chuẩn, quy chuẩn thống nhất áp dụng cho toàn bộ các doanh nghiệp của Tổng công ty.

2 TRUNG TÂM: (1) Lấy khách hàng làm trung tâm; (2) Lấy con người làm trung tâm. Đây là nhiệm vụ xuyên suốt để hình thành văn hóa chung toàn Tổng công ty.

3 CHIẾN LƯỢC: (1) Xây dựng, phát triển cảng nước sâu; (2) Xây dựng, phát triển đội tàu container và dịch vụ vận tải/logistics trên nền tảng công nghệ số; (3) Xây dựng hệ thống quản trị nguồn lực hiệu quả.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2025-2030**

Nhiệm kỳ 2025-2030, HĐQT VIMC tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035 của VIMC. Theo đó, một số định hướng chiến lược trọng tâm như sau:

#### **1. Phát triển mạnh mẽ đầu tư cơ sở hạ tầng cảng biển, logistics, đầu tư phát triển đội tàu**

- Tập trung các dự án cơ sở hạ tầng cảng biển, logistics: đầu tư xây dựng các cảng nước sâu, cảng trung chuyển quốc tế, các ICD tại các vùng kinh tế trọng điểm.

- Tập trung đầu tư, đóng mới, phát triển đội tàu: đầu tư các tàu thế hệ mới, tàu có tính năng kỹ thuật cao, đặc biệt là đầu tư phát triển đội tàu container.

## **2. Xây dựng mô hình kinh doanh tập trung, linh hoạt, hướng tới khách hàng nhằm chuẩn hóa, phù hợp với tình hình thị trường để tăng tốc, bứt phá, đổi mới toàn diện**

- Xây dựng các gói dịch vụ tích hợp cảng biển - vận tải biển - logistics tự động hóa và kết nối. Phát triển vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả, giảm chi phí logistics, mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng.

- Triển khai hệ thống CRM nhằm tăng cường quản lý khách hàng, gia tăng chất lượng dịch vụ và mở rộng thị trường mới. Đổi mới phong cách phục vụ, tăng tính linh hoạt và nhanh chóng trong giải quyết yêu cầu khách hàng.

- Chuẩn hóa quy trình vận hành, khai thác các dịch vụ cảng biển, vận tải biển, logistics nhằm tăng năng suất lao động và tối ưu chi phí. Tích hợp công nghệ quản lý tiên tiến như ERP nhằm kiểm soát chi phí, tăng tính minh bạch và hiệu quả.

- Tiếp tục thực hiện xử lý triệt để các tồn tại, vướng mắc về tài chính, cơ cấu lại các khoản nợ của các doanh nghiệp thành viên, đề xuất các giải pháp, cơ chế nhằm giảm nghĩa vụ bảo lãnh, giúp lành mạnh hóa tình hình tài chính của Tổng công ty.

- Rà soát tổng thể các nguồn lực vốn, tài sản, đất đai của toàn Tổng công ty để xây dựng cơ chế quản lý, điều động, hỗ trợ giữa Công ty mẹ và các doanh nghiệp thành viên, giữa các doanh nghiệp thành viên với nhau nhằm sử dụng nguồn vốn một cách tối ưu mang lại hiệu quả để gia tăng doanh thu, tiết giảm các chi phí và sự lãng phí nguồn lực và tạo ra lợi nhuận cao nhất cho các cổ đông.

## **3. Tiếp tục cơ cấu lại doanh nghiệp có trọng tâm, trọng điểm nhằm tinh gọn bộ máy, tạo nền tảng bước vào giai đoạn phát triển mới**

VIMC tiếp tục thực hiện cơ cấu lại có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các doanh nghiệp yếu kém, thua lỗ; xử lý các tồn tại, vướng mắc kéo dài, ... nhằm xây dựng mô hình hoạt động chuẩn hóa, tinh gọn, linh hoạt, phù hợp với tình hình thị trường để tăng tốc, bứt phá, thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư trong giai đoạn phát triển mới, nhiệm kỳ 2025-2030.

## **4. Mở rộng hợp tác quốc tế trong hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cảng biển, logistics, phát triển đội tàu**

- Tiếp tục tìm kiếm, kết nối các đối tác có kinh nghiệm, năng lực, các nhà đầu tư chiến lược, đối tác có tiềm lực tài chính để cùng nghiên cứu cơ hội hợp tác phát triển các dự án trọng điểm của VIMC như cảng biển, phát triển đội tàu container và dịch vụ chuỗi logistics.

- Đẩy mạnh hoạt động hợp tác với các cảng biển lớn, các hãng tàu lớn, có uy tín trong khu vực và trên thế giới nhằm phát triển các tuyến vận tải biển quốc tế, chuỗi dịch vụ logistics kết nối trực tiếp với hệ thống cảng VIMC.

## **5. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao công nghệ, phát triển đột phá chuyển đổi số, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; thúc đẩy các quá trình chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng**

- Áp dụng các công nghệ tự động hóa, giải pháp phần mềm lõi, IOT, Blockchain, Cloud, ... để số hóa và tối ưu toàn diện các hoạt động tác nghiệp khai thác.

- Xây dựng kho dữ liệu lớn (Big Data) đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời của dữ liệu toàn hệ thống.

- Phát triển ứng dụng các công nghệ AI để khai thác kho dữ liệu, nhằm hỗ trợ/bán tự động/tự động hóa hoàn toàn các hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm mở ra các phương thức kinh doanh mới.

- Ứng dụng năng lượng tái tạo, giảm phát thải khí carbon, tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế về phát triển bền vững.

## **6. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phát triển văn hóa doanh nghiệp**

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua đổi mới toàn diện: công tác tuyển dụng, thu hút nhân tài; đào tạo, quy hoạch và phát triển đội ngũ nhân sự kế cận; sắp xếp đội ngũ cán bộ theo vị trí công việc, khung năng lực, đảm bảo đúng người, đúng việc; điều động, luân chuyển hợp lý; cơ chế đãi ngộ cạnh tranh, xứng tầm nhằm trọng dụng người tài; cơ chế thưởng phạt nghiêm minh tạo môi trường minh bạch, công bằng; ...

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp không chỉ thể hiện bản sắc riêng của tổ chức mà còn giúp tạo dựng môi trường làm việc tích cực, nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng thích ứng trong bối cảnh thị trường ngày càng thay đổi nhanh chóng.

## **IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 CỦA HDQT**

Năm 2025 là năm đặc biệt quan trọng, then chốt, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 05 năm giai đoạn 2021-2025 và Đề án cơ cấu lại VIMC giai đoạn 2021-2025. HDQT VIMC đề ra kế hoạch hoạt động như sau:

1. Về Tài chính/ Khách hàng: Hoàn thành tối thiểu 100% các chỉ tiêu kế hoạch tài chính được thông qua thông qua giải pháp:

- Nâng cao hiệu quả ở nhóm thực hiện công tác thị trường và khai thác tại cầu tàu/bãi; Đẩy mạnh chuỗi khai thác hàng container; Tối ưu hoá khai thác đội tàu khô.

- Mở rộng tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận xung quanh hoạt động cốt lõi: thúc đẩy nhóm logistics tích hợp, hàng container, nông sản, sắt thép.

- Kiểm soát chi phí đội tàu và khai thác container tại cảng.

- Đầu tư mở rộng năng lực cho hệ thống cảng biển, đội tàu container và đội tàu hàng rời, tàu dầu.

2. Về Học hỏi phát triển/Quy trình nội bộ: Thúc đẩy tăng trưởng bền vững trong năm 2025 và giai đoạn tiếp theo, thông qua các giải pháp:

- Xác lập môi trường thúc đẩy tăng trưởng bền vững năm 2025: văn hoá kỷ luật - hiệu quả.

- Xác lập Hành động chuyển đổi năm 2025 và giai đoạn 2025-2035.

Trên đây là báo cáo Kết quả hoạt động năm 2024, tổng kết hoạt động nhiệm kỳ 2020-2025 và Phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2025-2030, kế hoạch hoạt động năm 2025 của HĐQT VIMC, kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Các TV HĐQT;
- Văn phòng, Ban KTNB;
- Lưu: VT, CT HĐQT, TK-TH. HT02

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Lê Anh Sơn**

Số: 285/BC-ĐHĐCĐ

*Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2025*

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
VỀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SXKD,  
GIÁM SÁT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP NĂM 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2025  
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VIMC;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát VIMC;

Căn cứ Nghị quyết số 229/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Tổng công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY;

Ban Kiểm soát Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (BKS) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông năm 2025 (ĐHĐCĐ) về Kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của VIMC, hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc VIMC như sau:

**PHẦN I. KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA VIMC**

Tổng công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0100104595 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 24/5/2024. Từ ngày 18/8/2020, Tổng công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

Vốn điều lệ tại 31/12/2024: 12.005.880 triệu đồng, tương đương 1.200.588.000 cổ phần.



Vốn thực góp đến 31/12/2024: 12.005.880.000.000 đồng (trong đó: vốn nhà nước tại VIMC là 11.942.133 triệu đồng, nắm quyền kiểm soát 99,469% vốn điều lệ, theo công văn số 1661/VPCP-ĐMDN ngày 28/02/2025 của Văn phòng chính phủ về việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước, VIMC thuộc sự quản lý của Đại diện chủ sở hữu là Bộ Tài chính).

Cổ phiếu của VIMC là MVN đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM ngày 18/10/2018. Hiện nay,

**Cơ cấu quản trị:**

+ Hội đồng quản trị bao gồm:	
Ông Lê Anh Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh	Thành viên
Ông Đỗ Tiến Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Chung	Thành viên
Ông Đỗ Hùng Dương	Thành viên
+ Ban Tổng Giám đốc bao gồm:	
Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc
+ Ban kiểm soát bao gồm:	
Ông Lương Đình Minh	Trưởng ban
Ông Phạm Cao Nhuệ	Thành viên
Bà Phan Thị Nhị Hà	Thành viên
+ Người đại diện theo pháp luật:	Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh
	- Tổng giám đốc

**Ngành nghề kinh doanh:** Hoạt động chính của VIMC là cung cấp dịch vụ vận tải đường biển, dịch vụ cảng biển, dịch vụ hàng hải.

**Cơ cấu tổ chức:**

VIMC gồm Cơ quan Văn phòng và 06 đơn vị hạch toán phụ thuộc, như sau:

- Công ty Vận tải biển VIMC;
- Công ty Kho bãi VIMC Hải Phòng;
- Công ty Nhân lực Hàng hải VIMC;
- Ban Quản lý dự án chuyên ngành Hàng hải VIMC;
- Chi nhánh Tổng công ty Hàng hải Việt Nam tại Hải Phòng;
- Chi nhánh Tổng công ty Hàng hải Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh.

Đến 31/12/2024, VIMC đầu tư góp vốn vào 35 doanh nghiệp với giá trị vốn góp là 10.932,45 triệu đồng:

+ Phân loại theo quyền kiểm soát:

(i) 18 công ty con giá trị góp vốn là 10.511,44 triệu đồng, số đầu công ty con đã giảm 01 đơn vị so với đầu năm 2024 do thoái vốn tại Công ty CP Phát

triển Hàng hải và Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ để chuyển thành vốn góp tại Công ty CP Vận Tải Container VIMC với quyền kiểm soát 99,956%.

(ii) 13 công ty liên doanh liên kết giá trị góp vốn là 403.834 triệu đồng.

(iii) 4 công ty thuộc đầu tư khác giá trị góp vốn là 17.179,3 triệu đồng.

+ Phân loại theo loại hình hoạt động: Lĩnh vực cảng biển gồm 14 công ty với số vốn góp là 9.414.928 triệu đồng; Lĩnh vực vận tải biển gồm 09 công ty với số vốn góp là 1.184.854 triệu đồng; Lĩnh vực dịch vụ hàng hải gồm 06 công ty với số vốn góp là 284.595 triệu đồng; Lĩnh vực khác gồm 06 công ty với số vốn góp là 48.075 triệu đồng.

## **II. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT)**

- Ngày 20/4/2024, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Đại hội đã ban hành Nghị quyết số 229/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2024 giao HĐQT, BKS Tổng công ty triển khai thi hành.

Hội đồng quản trị VIMC với 05 thành viên, trong đó 01 thành viên kiêm nhiệm Tổng giám đốc và 04 thành viên chuyên trách, như vậy tính từ đầu nhiệm kỳ 13/8/2020 đến hết năm 2024 không có sự biến động đối với các thành viên HĐQT. Hội đồng quản trị đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VIMC và các quy định của pháp luật hiện hành.

Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát hoạt động quản trị của HĐQT, tham gia các cuộc họp của HĐQT; rà soát các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT, các Quy chế do HĐQT ban hành.

Tiếp tục phát huy hiệu quả đã đạt được của năm 2023 theo Nghị quyết số 11/NQ-HHVN, ngay từ đầu năm 2024 Hội đồng quản trị VIMC đã họp và ban hành Nghị quyết số 10/NQ-HHVN ngày 10/01/2024 về Chương trình hành động năm 2024 của HĐQT TCTHHVN với mục tiêu: Tiếp tục thực hiện các nội dung tại Tuyên bố hành động Đại Lải và thực thi nguyên tắc “1 HỆ THỐNG, 2 TRUNG TÂM, 3 CHIẾN LƯỢC” nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ, tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động, chủ động thích ứng, hành động quyết liệt, hiệu quả hơn theo tinh thần chủ đề điều hành của Chính phủ là “Kỷ cương trách nhiệm; Chủ động kịp thời; Tăng tốc sáng tạo; Hiệu quả bền vững” lấy đó làm kim chỉ nam để triển khai chỉ đạo, tổ chức thực hiện xuyên suốt cho cả năm 2024. Dựa trên kế hoạch, chiến lược dài hạn đã được cấp thẩm quyền quyết định: (i) Đề án Cơ cấu lại VIMC giai đoạn 2021-2025; (ii) Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035; (iii) Kế hoạch SXKD và đầu tư 05 năm giai đoạn 2021-2025 của VIMC.

Trong năm 2024 Hội đồng quản trị đã bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2024 thông qua, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện. HĐQT được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực hoạt động. Hội đồng quản trị đã sát sao trong công tác giám sát điều hành của

Ban điều hành dựa trên kết quả thực hiện các chỉ tiêu và tiến độ đã được đặt ra tại Nghị quyết số 229/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/4/2024 của Đại hội cổ đông và Nghị quyết số 10/NQ-HHVN của HĐQT VIMC nói riêng, cụ thể ở 4 mảng hoạt động: Công tác tài chính; Công tác khách hàng; Quy trình nội bộ và Học hỏi phát triển, định kỳ tổ chức sơ kết đánh giá tình hình và đề ra phương hướng cho kỳ tới để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Năm 2024 HĐQT VIMC đã chủ động thích ứng với các thay đổi trong môi trường kinh doanh và phát huy tối đa tiềm năng của mình. Để nâng cao hiệu quả hoạt động, VIMC đặt mục tiêu trọng tâm là đẩy mạnh phát triển thị trường/thị phần, tập trung xây dựng những nền tảng về cơ sở hạ tầng, công nghệ, nhân sự để phát triển thị trường/ khách hàng mới; chủ động bám sát diễn biến thị trường đảm bảo hiệu quả hoạt động về doanh thu và lợi nhuận; đẩy mạnh đầu tư phát triển, đặc biệt là tập trung nguồn lực cho những dự án trọng điểm về hạ tầng cảng biển, logistics, dự án đầu tư tàu; đổi mới mạnh mẽ về quản trị doanh nghiệp, áp dụng nguyên tắc quản trị tiên tiến, hiện đại theo thông lệ quốc tế; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; tăng cường gắn kết các DNTV của VIMC để xây dựng chuỗi dịch vụ toàn diện, chủ động hội nhập, liên doanh liên kết trên cơ sở Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035; Kế hoạch SXKD, đầu tư và Đề án cơ cấu lại VIMC giai đoạn 2021-2025.

Năm 2024 Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 cuộc họp và nhiều buổi hội ý, làm việc với BDH/NĐDPV của Tổng công ty tại các DNTV, Hội đồng quản trị đã nhận 219 tờ trình của Ban điều hành, ban hành 213 Nghị quyết và 83 Quyết định chủ yếu tập trung vào chỉ đạo SXKD, công tác tái cơ cấu nợ và nâng cao năng lực tại 02 cảng liên doanh SSIT, CICT; Tái cơ cấu Cảng Sài Gòn gắn liền với các hoạt động khai thác các cảng liên doanh theo định hướng khai thác container và hàng rời; Tái cơ cấu và kiểm soát tài chính đối với các DN hoạt động không hiệu quả; công tác đầu tư dự án Bến 3, 4 Lạch Huyện tại Cảng Hải Phòng, Bến số 1 Cảng Quy Nhơn, đẩy nhanh thủ tục triển khai các dự án cảng nước sâu tại Cần Giờ, Liên Chiểu; sửa đổi nâng cao hiệu lực Văn bản Quy phạm nội bộ; công tác cán bộ; mua sắm, thanh lý tài sản, các nội dung để NĐDPV tại các đơn vị có vốn góp của VIMC biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Năm 2024, các thành viên HĐQT đã chủ động thực hiện nhiệm vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ đã được phân công, tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền, từng thành viên HĐQT đã phối hợp tốt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành Tổng công ty, tạo được sự đồng thuận, thống nhất cao trong tập thể HĐQT đối với quyết định về các chính sách, chiến lược, định hướng và nhiệm vụ quan trọng của Tổng công ty.

### **III. Kết quả giám sát hoạt động của Tổng giám đốc**

Ban điều hành gồm 04 thành viên, trong đó 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc, Ban điều hành đã kịp thời ban hành quyết định số 02/QĐ-

HHVN ngày 02/01/2024 về việc phân công nhiệm vụ giữa Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc.

Ban Kiểm soát giám sát BDH thông qua giám sát và kiểm tra việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2024 đã được ĐHĐCĐ năm 2024 thông qua và Nghị quyết số 10/NQ-HHVN ngày 10/01/2024 của HĐQT. Công tác giám sát BDH được thực hiện thường xuyên cụ thể ở các cuộc họp giao ban, tham gia các cuộc làm việc của BDH với các đơn vị thành viên. Ban điều hành đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT và chỉ đạo các bộ phận liên quan triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời. Luôn tuân thủ sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, các quy định, quy chế nội bộ, Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

Trong năm 2024, Ban điều hành tiếp nhận triển khai 223 Nghị quyết (của 2023 chuyển sang 10 nghị quyết) của HĐQT, trong đó đã thực hiện 215 nghị quyết còn 08 nghị quyết đang triển khai xử lý tiếp sang năm 2025, đó là:

(1) Nghị quyết số 345/NQ-HHVN ngày 24/9/2021 Chương trình hành động triển khai Chiến lược Chuyển đổi số VIMC giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2030 của HĐQT của VIMC.

(2) Nghị quyết số 283/NQ-HHVN ngày 14/5/2024 Phương án chuyển nhượng vốn của Tổng công ty tại Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam: TCT đã công bố thông tin cuộc đấu giá phần vốn góp tại VNB tại ngày 6/12/2024 dự kiến ngày 27/12 sẽ thực hiện tổ chức phiên đấu giá, tuy nhiên việc đấu giá chào bán ra bên ngoài không thành công. Tại Nghị quyết số 120/NQ-HHVN ngày 10/4/2025 Hội đồng quản trị VIMC đã yêu cầu Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Vinabridge: “Bổ sung nội dung sau tại cuộc họp Hội đồng thành viên 2025: Đánh giá nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư; nghiên cứu và xây dựng phương án tăng vốn điều lệ, trong đó xem xét giảm tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại Vinabridge xuống 36%. Báo cáo Tổng công ty về phương án tăng vốn điều lệ”.

(3) 06 nghị quyết đang triển khai theo lộ trình, như: nghị quyết 323/NQ-HHVN ngày 7/6/2024 về Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2035; Kế hoạch SXKD và đầu tư 05 năm giai đoạn 2021-2025;

(4) Nghị quyết 411/NQ-HHVN ngày 28/8/2024 Kế hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng 30 năm ngày thành lập Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (29/4/1995 - 29/4/2025); (5) Nghị quyết 431/NQ-HHVN ngày 13/9/2024 Ủy quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án “Đóng mới tàu chở hàng khô 12.500 DWT Vinalines Freedom chiếc số 1/KH2006 (Ký hiệu HL15)”; (6) Nghị quyết 465/NQ-HHVN Thông qua phương án chuyển nhượng vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại; (7) Nghị quyết 546/NQ-HHVN ngày 20/12/2024 NQ Phiên họp HĐQT ngày 19 tháng 12 năm 2024 về đánh giá đảng viên năm 2024; (8) Nghị quyết 559/NQ-HHVN ngày 27/12/2024 về Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP.

- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm soát hiệu quả hoạt động SXKD năm 2024 của Tổng công ty cũng như tại các đơn vị có vốn góp của VIMC, Ban điều hành đã sát sao trong việc hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình phù hợp điều kiện thực tiễn, phân cấp mạnh hơn tạo sự chủ động cho cấp dưới mà vẫn tuân thủ quy định pháp luật, thường xuyên cập nhật, xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy phạm nội bộ trình HĐQT, đến thời điểm 31/12/2024, VIMC có tổng số 80 quy chế, quy định nội bộ hiện hành; trong đó 05 quy phạm do Đảng ủy Tổng công ty ban hành, 01 quy phạm do Ban kiểm soát Tổng công ty ban hành, 46 quy phạm thuộc thẩm quyền ban hành của HĐQT và 28 quy phạm thuộc thẩm quyền ban hành của TGD Tổng công ty. Hệ thống quy phạm nội bộ của VIMC luôn được rà soát và hoàn thiện định kỳ hàng năm trên cơ sở “Kế hoạch ban hành quy phạm nội bộ của VIMC” do HĐQT ban hành.

Nhằm cải thiện hiệu suất, đảm bảo chất lượng và giảm thiểu rủi ro trong quá trình thực hiện công việc đối với hoạt động SXKD cũng như quản trị điều hành, từ công ty Mẹ đến các DNTV việc xây dựng các quy trình thao tác chuẩn Sops luôn được thúc đẩy, được tổ chức thành các cuộc thi đua, đăng ký sáng kiến. Năm 2024, có ... Sops được ban hành tập trung vào 4 nhóm quy trình: Kinh doanh và khách hàng, Hoạt động SXKD cốt lõi, Quản lý và phát triển nguồn lực, Quản lý rủi ro và đảm bảo tuân thủ.

- Tổng giám đốc và BDH chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật có liên quan, tuân thủ sự chỉ đạo của HĐQT, các quy định, quy chế nội bộ, Điều lệ của Tổng công ty trong công tác quản trị doanh nghiệp và nhiệm vụ kinh doanh của Tổng công ty, BDH đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động SXKD theo đúng các mục tiêu, định hướng và chỉ đạo của HĐQT. Căn cứ Chương trình hành động năm 2024, BDH luôn kịp thời đưa ra các biện pháp nhằm tháo gỡ những khó khăn trong hoạt động SXKD, phân công, chỉ đạo quyết liệt triển khai cụ thể hóa kế hoạch hành động đến các Phó Tổng giám đốc và các Ban chuyên môn nghiệp vụ thuộc Tổng công ty.

- Đảm bảo các chế độ theo quy định Nhà nước, điều kiện môi trường làm việc, thực hiện Thỏa ước lao động tập thể và các chế độ khác đối với người lao động.

- Đối với cổ đông: Về cơ bản VIMC đã thực hiện đầy đủ công tác công bố thông tin tới cổ đông cũng như tới đối tác, các đối tượng quan tâm theo quy định theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản liên quan.

Tuy nhiên, trong năm vẫn còn trường hợp việc công bố thông tin chưa kịp thời liên quan tới chuyển vốn góp của VIMC tại Vimadeco sang VIMC lines.

#### **IV. Kết quả thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh năm 2024, giám sát thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2024**

##### **1. Kết quả thẩm định Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2024**

Ban Kiểm soát thống nhất với Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành VIMC về tình hình và kết quả kinh doanh của VIMC.

Theo Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, tình hình thực hiện kết quả SXKD năm 2024 đạt được như sau:

(1) Công ty mẹ:

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

Nội dung	Thực hiện 2023	Năm 2024		So sánh (%)	
		Kế hoạch	Thực hiện	TH2024/ KH2024	TH2024/ TH2023
Sản lượng (triệu tấn)	5,62	3,8	5,27	139%	94%
Tổng doanh thu	2.067,26	2.415	3.156,7	131%	153%
- Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	1.468,72		1.640,92		112%
- Doanh thu hoạt động tài chính	546,6		540,45		99%
- Thu nhập khác	51,94		975,33		1.878%
Tổng chi phí	1.709,98	1.480	1.803,2	122%	105%
Lợi nhuận trước thuế	357,28	935	1.353,54	145%	379%

Doanh thu hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ chủ yếu từ lĩnh vực vận tải biển, một phần từ hoạt động cho thuê tòa nhà, hoạt động tài chính (cổ tức/lợi nhuận được chia từ các công ty có vốn góp) và một số hoạt động khác.

Cụ thể:

- Tổng doanh thu trong năm 2024 của Công ty mẹ là 3.156.702 triệu đồng, tăng 31% so với kế hoạch, tăng 53% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó:

+ Doanh thu thuần năm 2024 đạt 1.640.919 triệu đồng, tăng 12% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do Công ty mở rộng sang dịch vụ kinh doanh than. Cơ cấu doanh thu như sau: Vận tải: 1.081.135 triệu đồng, chiếm 65,9% tổng doanh thu, tuy nhiên, giảm 15,5% so với cùng kỳ; Cho thuê văn phòng, kho bãi: 142.620 triệu đồng, chiếm 8,7% tổng doanh thu, tăng 13,7% so với cùng kỳ; Kinh doanh than: 401.034 triệu đồng, đóng góp đáng kể vào doanh thu, tăng 849,6% so với cùng kỳ; Khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải: 7.636 triệu đồng, giảm 37,9% so với cùng kỳ; Dịch vụ khác: 8.494 triệu đồng, giảm 13,5% so với cùng kỳ.

+ Doanh thu hoạt động tài chính là 540.455 triệu đồng, bằng 98,9% giảm nhẹ so với cùng kỳ năm ngoái, chủ yếu giảm do doanh thu cổ tức, lợi nhuận được chia giảm 22,4% tương đương 93.549 triệu đồng và lãi tiền gửi, tiền cho vay giảm 14,8% tương đương 13.867 triệu đồng. Ngoài ra, trong năm VIMC ghi nhận khoản lãi từ việc thoái vốn đầu tư được 29.503 triệu đồng.

- Thu nhập khác trong năm 2024 là 975.328 triệu đồng, tăng 1.778% (tương đương 923.390 triệu đồng) so với cùng kỳ năm ngoái, chủ yếu là thu nhập từ lãi vay được xóa tại VDB theo Nghị định 78/2023/NĐ-CP ngày 07/11/2023 của Chính phủ là 377.745 triệu đồng và khoản lãi do chênh lệch đánh giá lại tài sản góp vốn 468.537 triệu đồng.

\* Tổng chi phí năm 2024 là 1.803.166 triệu đồng, tăng 5% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó:

- Giá vốn hàng bán là 1.448.034 triệu đồng, tăng 5% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong khi doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 12% cùng kỳ, dẫn tới lợi nhuận gộp năm 2024 tăng 20% so với cùng kỳ năm ngoái.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là 222.773 triệu đồng, tăng 7% (tương đương 14.109 triệu đồng) so với cùng kỳ năm ngoái, chủ yếu tăng do chi phí dịch vụ mua ngoài là 26% (tương đương 4.371 triệu đồng), chi bằng tiền khác 21% (tương đương 7.688 triệu đồng) và chi phí nhân công 8% (tương đương 10.684 triệu đồng). Bên cạnh đó, trong kỳ chi phí khấu hao tài sản cố định giảm 8% (tương đương 1.054 triệu đồng) do một số tài sản hết khấu hao. Ngoài ra, năm 2024 hoàn nhập dự phòng số tiền 5.955 triệu đồng (trong khi cùng kỳ năm trước phải trích 3.394 triệu đồng).

- Chi phí tài chính là 107.309 triệu đồng, tăng 21,2% (tương đương 18.796 triệu đồng) so với cùng kỳ năm ngoái. Chủ yếu từ chi phí lãi vay tăng 10,4% (tương đương 2.204 triệu đồng) do phát sinh lãi phạt trên lãi phải trả VDB (khi Nghị định 78/2023/NĐ-CP ngày 07/11/2023 có hiệu lực, VIMC đã loại bỏ toàn bộ lãi phạt trên lãi đã ghi nhận trong năm 2024) và Lỗ chênh lệch tỷ giá tăng 251,8% (tương đương 53.210 triệu đồng). Ngoài ra, dự phòng tổn thất đầu tư tài chính giảm 80,6% (tương đương 35.999 triệu đồng) do đánh giá và trích lập lại các khoản đầu tư tại VIMC Hậu Giang, Vinabridge, Transvina, SP-PSA, VIMC Đình Vũ.

\* Lợi nhuận trước thuế năm 2024 là 1.353.536 triệu đồng, bằng 3,8 lần cùng kỳ năm ngoái, tăng 45% so với kế hoạch năm (do thu nhập từ lãi vay được xóa tại VDB theo Nghị định 78/2023/NĐ-CP ngày 07/11/2023 của Chính phủ là 377.745 triệu đồng và khoản lãi do chênh lệch góp vốn 468.537 triệu đồng). Trong đó: hoạt động sản xuất kinh doanh của Văn phòng Tổng công ty lãi 1.042.340 triệu đồng, Công ty Vận tải biển VIMC lãi 309.342 triệu đồng.

Theo kết quả sản xuất kinh doanh nêu trên của Công ty mẹ trong năm 2024 đã hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao cả về doanh thu và lợi nhuận trước thuế.

**(2) Kết quả SXKD hợp nhất:**

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2024	TH 2024	So sánh	
				TH 2024/ TH 2023	TH 2024/ KH 2024
Sản lượng Vận tải biển	Ng.Tấn	15,887,4	19.398,3	93%	122%
Sản lượng hàng thông qua cảng	Ng.Tấn	123,748,4	145.270,9	127%	117%
DOANH THU TOÀN TCT	Tỷ đồng	18.599,0	25.879,6	138%	139%
DOANH THU HỢP NHẤT	Tỷ đồng	13.447,2	19.253	138%	143%



Khối Vận tải biển	Tỷ đồng	5.042,5	9.729	161%	193%
Khối Cảng biển	Tỷ đồng	6.741,3	7.753	119%	115%
Khối Dịch vụ hàng hải	Tỷ đồng	1.397,3	1.543,4	100%	110%
<i>Bù trừ doanh thu nội bộ</i>		<i>(583,6)</i>	<i>(1.150)</i>	<i>141%</i>	<i>197%</i>
<b>LNTT toàn TCT</b>		<b>3.609,3</b>	<b>4.901,5</b>	190%	136%
<b>LNTT HỢP NHẤT</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>2.736,0</b>	<b>3.152,7</b>	148%	115%
Vận tải biển	Tỷ đồng	813,6	823,6	262%	101%
Cảng biển	Tỷ đồng	1.556,1	1.973,3	112%	127%
Dịch vụ hàng hải	Tỷ đồng	42,7	74,7	110%	175%

Sản lượng vận tải biển: 19,4 triệu tấn, 93% cùng kỳ, 122% KH 2024.

- Sản lượng giảm 7% so với cùng kỳ do trong năm 2024 các đơn vị thực hiện thanh lý 13/57 tàu, trong khi chỉ đầu tư bổ sung được 1 tàu, đồng thời có 14 tàu phải tiến hành lên đà, sửa chữa theo định kỳ.

- Sản lượng vẫn đảm bảo và vượt kế hoạch 22% do VIMC đã quyết liệt chỉ đạo các đơn vị trong việc đẩy mạnh các hoạt động thuê tàu ngoài để bù đắp. Sản lượng từ hoạt động thuê tàu ngoài đạt 2,2 triệu tấn.

• Sản lượng cảng biển: 145 triệu tấn, 126% cùng kỳ, 117% KH 2024. Trong đó, sản lượng container: 6,2 triệu Teus, 127% cùng kỳ, 119% KH 2024.

Sản lượng khối Cảng biển tăng trưởng tốt và cao hơn mức tăng trung bình của cả nước, nguyên nhân:

- Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nhằm duy trì và tăng trưởng thị trường, thị phần.

- Tận dụng cơ hội từ việc tắc nghẽn các cảng trong khu vực đồng thời đẩy mạnh công tác thị trường, chăm sóc khách hàng, khối cảng biển phát triển thêm được nhiều tuyến dịch vụ container mới về các cảng.

- Hầu hết các cảng đều có sản lượng tăng trưởng so với năm 2023 và KH 2024. Trong đó, sản lượng các mặt hàng chiến lược như container, thức ăn gia súc, sắt thép, dăm gỗ, viên gỗ nén tăng trưởng tốt tại các cảng như Sài Gòn, Đà Nẵng, Quy Nhơn, và đặc biệt tăng mạnh tại nhóm các cảng liên doanh với mức tăng trưởng 38%.

- Sản lượng container của công ty mẹ Cảng Hải Phòng tương đương mức thực hiện năm 2023 và chỉ đạt 96% kế hoạch do các hãng tàu chuyển dịch services sang cảng Nam Đình Vũ sau khi cảng này hoàn thành việc nạo vét luồng đến 8.5m trong khi Cảng Hải Phòng chưa được cấp phép nạo vét.

• Doanh thu: 19.253 tỷ, 138% so với cùng kỳ, 143% KH 2024. Trong đó:

- Doanh thu hợp nhất khối vận tải biển tăng 4.686 tỷ đồng so với kế hoạch, trong đó:

+ VIMC Shipping tăng 83 tỷ đồng (doanh thu thương mại tăng 312 tỷ đồng, doanh thu tái cơ cấu tăng 104 tỷ đồng, doanh thu thanh lý tàu giảm 359 tỷ đồng).

+ Vosco tăng 3.280 tỷ đồng (doanh thu thương mại tăng 2.355 tỷ đồng; doanh thu hoạt động khác tăng 500 tỷ đồng; doanh thu khai thác tăng 317 tỷ đồng; doanh thu bán tàu tăng 156 tỷ đồng).

+ Bisco tăng 238 tỷ đồng từ doanh thu khai thác.

+ Từ tháng 7/2024, ghi nhận doanh thu của VIMC Lines vào kết quả hợp nhất (479 tỷ đồng)

- Doanh thu hợp nhất khối cảng biển tăng 1.011,7 tỷ đồng so với kế hoạch, trong đó các cảng biển có mức tăng trưởng doanh thu cao nhất bao gồm:

+ Cảng Hải Phòng tăng 472 tỷ đồng (do tăng doanh thu khai thác, ngoài ra trong năm hợp nhất cảng Hải Phòng ghi nhận khoản đền bù di dời cảng Hoàng Diệu 202 tỷ đồng); Cảng Đà Nẵng tăng 90 tỷ đồng; Cảng Sài Gòn tăng 85 tỷ đồng (do tăng doanh thu khai thác và doanh thu tài chính).

+ Tiếp tục đẩy mạnh và thúc đẩy việc phát triển các hoạt động ngoài bốc xếp, hoạt động logistics, chuyển đổi phương thức xuất nhập khẩu hàng hóa góp phần tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận (cảng Đà Nẵng: 230 tỷ, cảng Nghệ Tĩnh 25 tỷ, cảng Cam Ranh 49 tỷ, cảng Hải Phòng cung cấp dịch vụ logistics cho 19% sản lượng container qua cảng Tân Vũ, sản lượng dịch vụ forwarding do cảng Quy Nhơn cung cấp đạt trên 1.000 TEU...).

- Doanh thu hợp nhất khối dịch vụ tăng 145,7 tỷ đồng so với kế hoạch do các đơn vị đều đảm bảo và vượt mức doanh thu được giao đồng thời trong năm ghi nhận thêm 37 tỷ đồng từ Dự án Dịch vụ hậu cần cảng Cái Lân của VIMC Logistics.

Hoạt động của khối dịch vụ hàng hải tiếp tục gặp nhiều khó khăn và chưa có chuyển biến, lợi nhuận khai thác toàn khối giảm 46% so với kế hoạch. Nguyên nhân:

+ Hoạt động của khối dịch vụ hàng hải của VIMC tiếp tục gặp nhiều khó khăn do hoạt động kinh doanh truyền thống của các đơn vị bị suy giảm; chưa có đột phá trong phát triển các dịch vụ mới.

- Hệ thống kho bãi, đội xe vận tải, hệ thống logistics vẫn còn hạn chế nhiều mặt về năng lực và chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Dịch vụ logistics cốt lõi chưa đem lại nhiều doanh thu, phụ thuộc nhiều vào thuê ngoài.

- Cơ cấu khách hàng chưa đa dạng, phụ thuộc nhiều vào các khách hàng truyền thống. Các hoạt động có biên lợi nhuận thấp, một số hoạt động chưa hiệu quả như khai thác đội xe, công nợ tồn đọng lớn.

- Nguồn vốn nhỏ, giới hạn về đầu tư khiến cho doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc nâng cấp hay mở rộng năng lực phục vụ, tỷ lệ thuê ngoài chiếm một phần không nhỏ trong hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

- Chưa hình thành được chuỗi cung ứng khép kín vận tải - cảng biển - dịch vụ Bắc - Trung - Nam do khó khăn trong việc phát triển đội tàu chuyên dụng và đầu tư hạ tầng logistics.

- Các đơn vị khối dịch vụ chưa có tính kết nối cao trong hệ sinh thái của VIMC để xây dựng chuỗi dịch vụ Logistics nhằm cạnh tranh với các đối tác trong và ngoài nước.

- Lợi nhuận: 3.152,7 tỷ đồng, 148% cùng kỳ, 115% KH 2024, trong đó:

- Lợi nhuận hợp nhất khối vận tải biển có tăng nhẹ 10 tỷ đồng so với kế hoạch.

- Lợi nhuận hợp nhất khối cảng biển tăng 417 tỷ đồng so với kế hoạch: Cảng Hải Phòng – tăng 260 tỷ đồng, Cảng Quy Nhơn – tăng 45 tỷ đồng, Cảng Sài Gòn – tăng 23 tỷ đồng, Cảng Đà Nẵng – tăng 10 tỷ đồng;

- Lợi nhuận hợp nhất khối dịch vụ hàng hải tăng 32 tỷ đồng so với kế hoạch, tuy nhiên nguyên nhân tăng chủ yếu từ lợi nhuận của VIMC Logistics. Lợi nhuận Vosa giảm 8 tỷ so với kế hoạch do phải trích lập dự phòng 15 tỷ đồng.

## **2. Kết quả giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết số 229/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024**

### **2.1 Tình hình thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023**

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 229/NQ-HĐCĐ ngày 16/4/2024, ngày 07/5/2024, Hội đồng quản trị VIMC đã ban hành Nghị quyết số 272/NQ-HHVN về việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP, trong đó quy định đối với phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

Tổng Lợi nhuận sau thuế được phân phối là 140.250,98 triệu đồng, trong đó:

- + Quỹ Đầu tư phát triển 42.075,29 triệu đồng;

- + Quỹ khen thưởng phúc lợi 50.673 triệu đồng (trích lập Quỹ khen thưởng 55% là 27.870 triệu đồng, trích lập Quỹ Phúc lợi 45% là 22.802,85 triệu đồng, theo đó VIMC đã phân chia Quỹ khen thưởng và Quỹ Phúc lợi cho các đơn vị phụ thuộc theo quyết định của TGD VIMC);

- + Quỹ thưởng người quản lý 1.176,12 triệu đồng;

- + Chia cổ tức: Ngày 16/7/2024, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 372/NQ-HHVN về việc chi trả cổ tức năm 2023, theo đó giá trị chia theo tỷ lệ 0,39% với số tiền là 46.326,57 triệu đồng và được chi trả cho cổ đông ngày 10/10/2024 (cổ đông Nhà nước là 46.080,59 triệu đồng, cổ đông khác là 246 triệu đồng).

### **2.2 Kế hoạch Thanh lý tài sản**

#### **\* Công tác bán tàu:**

Theo kế hoạch bán tàu năm 2024, VIMC đề xuất bán 05 tàu: Green, Glory, Galaxy, tuy nhiên, tàu Tây Sơn 1 và Tây Sơn 2 dừng thanh lý, đến nay việc thực hiện kế hoạch vẫn chưa hoàn thành. Trong năm 2024, VIMC đã hoàn thành thanh Tầu Green theo kế hoạch, doanh thu bán tàu là 103 tỷ đồng. Tầu Galaxy (tên mới là Đại An) được bán trong năm 2025, tàu Glory chưa được thanh lý.

**\* Công tác thanh lý tài sản:**

Thanh lý 10 xe ô tô không còn nhu cầu sử dụng, tiền thu về 1,08 tỷ đồng.

**2.3 Kế hoạch đầu tư**

Theo kế hoạch đầu tư năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, nguồn vốn cho kế hoạch đầu tư là 436,7 tỷ đồng, trong đó, các dự án chuyển tiếp: 199,6 tỷ đồng, các dự án đầu tư mới: 237,1 tỷ đồng.

Trong năm, Công ty mẹ đã thực hiện công tác đầu tư với tổng giá trị là 151,4 tỷ đồng (tương đương 35% kế hoạch). Nguyên nhân chính khiến tỷ lệ hoàn thành kế hoạch đầu tư chưa cao là do vướng cơ chế chính sách liên quan đến việc đầu tư tàu biển của doanh nghiệp nhà nước nên Công ty mẹ chưa triển khai thực hiện Dự án đầu tư tàu hàng khô từ 20.000 - 50.000DWT (Kế hoạch 177,8 tỷ đồng).

Năm 2024, tất cả các dự án trọng điểm của Tổng công ty đã được đẩy mạnh triển khai, kết quả như sau:

(i) Dự án đầu tư xây dựng Bến container số 3, số 4 thuộc cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại khu bến Cảng Lạch Huyện, Thành phố Hải Phòng):

Tính đến thời điểm báo cáo, tổng giá trị giải ngân lũy kế là 2.635 tỷ đồng/tổng mức đầu tư 6.946 tỷ đồng (tỷ lệ 37,9%). Đây là dự án trọng điểm của Tổng công ty nên ngay từ đầu năm đã được Tổng công ty/ Cảng Hải Phòng tập trung nguồn lực, đẩy mạnh thực hiện. Trong năm, Tổng công ty đã chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ, khẩn trương hoàn thành các gói thầu, lắp đặt thiết bị và chuẩn bị các thủ tục công bố mở cảng, đảm bảo Dự án được đưa vào khai thác đúng kế hoạch (đưa dự án vào khai thác trong quý I/2025), dự kiến hoàn thành toàn bộ dự án trong năm 2025.

(ii) Dự án Cảng trung chuyển quốc tế tại Huyện Cần Giờ, TP Hồ Chí Minh

Trong năm 2024, Tổng công ty đã phối hợp với Cảng Sài Gòn tích cực, bám sát các Bộ, Ngành để giải trình bổ sung hồ sơ Dự án Cảng trung chuyển quốc tế tại huyện Cần Giờ, TP Hồ Chí Minh. Đến nay, cơ bản đã giải quyết được các thủ tục liên quan đến chấp thuận chủ trương của Dự án. Cụ thể:

- Về Quy hoạch hệ thống cảng biển Việt Nam: Ngày 22/5/2024, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 442/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050

- Về hồ sơ đề xuất dự án xin chấp thuận chủ trương: Đến ngày 06/12/2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Báo cáo thẩm định số 10120/BCBKHĐT trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án (trình lần 2).

Trong năm 2025, dự kiến Tổng công ty/ Cảng Sài Gòn sẽ phối hợp với đối tác để hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư, được lựa chọn làm nhà đầu tư Dự án.

(iii) Dự án Đầu tư xây dựng Bến cảng Liên Chiểu, Đà Nẵng:

Trong năm, Tổng công ty đã đẩy mạnh việc hợp tác với đối tác nước ngoài để triển khai, xây dựng phương án hợp tác phù hợp với định hướng đầu tư mới của UBND thành phố Đà Nẵng.

## ***2.4 Việc xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và dài hạn của VIMC:***

Căn cứ Đề án Cơ cấu lại giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua một số nội dung bổ sung, sửa đổi; VIMC đã xây dựng kế hoạch hành động và triển khai thực hiện các nội dung theo Đề án. Đồng thời, trong năm 2024, VIMC đã cập nhật, sửa đổi Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP và Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 05 năm giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (tại Nghị quyết số 323/NQ-HHVN ngày 07/06/2024 của HĐQT VIMC).

Để triển khai thực hiện, HĐQT VIMC đã thành lập Ban Chỉ đạo, các Tổ xây dựng chiến lược, phối hợp với đơn vị tư vấn quốc tế để xây dựng các giải pháp, triển khai Chiến lược phát triển đã được phê duyệt.

## ***2.5 Công tác đầu tư vốn:***

Thực hiện Kế hoạch đầu tư vốn năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua, trong năm 2024, VIMC đã triển khai thực hiện đầu tư vốn tại các doanh nghiệp như sau:

+ Hoàn thành đầu tư góp vốn thành lập CTCP Vận tải Container VIMC (VIMC Lines): Ngày 10/5/2024, VIMC Lines đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Đồng thời, VIMC đã hoàn thiện các thủ tục góp vốn vào VIMC Lines bằng tiền, tài sản (lô vỏ cont, giá trị vốn đầu tư tại VIMC Đình Vũ, Vimadeco) theo quy định. Hiện nay, VIMC Lines đang dần ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Đầu tư góp vốn thành lập liên doanh VIMC - Aries: VIMC đã xây dựng phương án hoàn thiện trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương, quyết định góp vốn thành lập Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Hàng hải VIMC - Aries. Đến thời điểm hiện nay, đã nộp hồ sơ để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư và đăng ký thành lập doanh nghiệp.

## ***2.6 Công tác tăng vốn các doanh nghiệp thành viên:***

VIMC đã hoàn thành tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship; Công ty cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam và đang triển khai các thủ tục để tăng vốn điều lệ tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng, Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ...

## ***2.7 Công tác thoái vốn:***

Tổng công ty đã hoàn thành thoái vốn tại Sesco trong tháng 02/2024. Dự kiến tiếp tục thực hiện các thủ tục thoái vốn tại Transvina, Vinabridge, SHC.

## ***2.8 Công tác Chấm dứt hoạt động chi nhánh:***

VIMC đã xây dựng Phương án chấm dứt hoạt động Công ty VTB Container VIMC là chi nhánh của VIMC và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ngày 29/9/2023, Hội đồng quản trị VIMC ban hành Quyết định số 378/QĐ-HHVN về việc chấm dứt hoạt động của Công ty VTB container VIMC - Chi nhánh Tổng

công ty. Hiện nay, VIMC đang thực hiện các thủ tục quyết toán số nộp Ngân sách Nhà nước, đóng mã số thuế chi nhánh, làm việc với cơ quan đăng ký kinh doanh để chấm dứt hoạt động chi nhánh...

## **2.9 Công tác giải thể doanh nghiệp**

VIMC đang tiếp tục thực hiện các thủ tục giải thể đối với Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines - Đông Đô.

## **2.10 Công tác phá sản doanh nghiệp**

Hiện nay, VIMC có 02 doanh nghiệp đã có Quyết định của Tòa án tuyên bố phá sản là Công ty Cà Mau và Công ty Falcon; 02 doanh nghiệp đã nộp Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và đã được Tòa án thụ lý, gồm: Công ty TNHH MTV Vận tải viễn dương Vinashin (Vinashinlines) và Công ty Xuất nhập khẩu Vật tư đường biển.

## **2.11. Đối với các khoản bảo lãnh, cho vay:**

a) Các dự án vay vốn của các DNTV do VIMC bảo lãnh tại VDB tính đến 31/12/2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên tàu	Dư nợ gốc	Nợ gốc quá hạn	Dư nợ lãi		Lãi suất (%)		Hợp đồng TD		GTCL của TSDB
				Lãi/nợ gốc	Tổng lãi	Trong hạn	Quá hạn	Thời gian vay vốn	Thời gian đáo hạn HĐ	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>302.163</b>	<b>302.163</b>	<b>784.872</b>	<b>784.872</b>					<b>70.345</b>
<b>I</b>	<b>Inlaco SG</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>48.613</b>	<b>48.613</b>					<b>2.198</b>
1	Thanh Thủy		-	13.401	13.401	3,00	3,9	12 năm	T7/2015	851
2	Aquamarine		-	35.212	35.212	6,60	9,9	12 năm	T3/2017	1.347
<b>II</b>	<b>Vitranchart</b>	<b>193.517</b>	<b>193.517</b>	<b>374.008</b>	<b>374.008</b>					<b>0</b>
1	Viễn Đông 3	0	0	15.692	15.692	3,0	3,9	12 năm	T6/2015	0
2	Viễn Đông 5	6.860	6.860	28.453	28.453	6,6	9,9	15 năm	T1/2020	0
3	VTC Dragon	99.372	99.372	132.165	132.165	6,6	9,9	12 năm	T11/2020	0
4	VTC Phoenix	87.285	87.285	197.698	197.698	7,8	11,7	12 năm	T11/2021	0
					0	9,0	13,5			

<b>III</b>	<b>Đồng Đô</b>	<b>17.600</b>	<b>17.600</b>	<b>197.646</b>	<b>197.646</b>					<b>68.147</b>
1	Đồng Ba	17.600,00	17.600,0	65.706	65.706	7,8	11,7	15 năm	T6/2021	0
2	Đồng Phú	0	0,0	131.940	131.940	9	13,5	15 năm	T11/2021	68.147
<b>IV</b>	<b>OSTC</b>	<b>91.046</b>	<b>91.046</b>	<b>164.605</b>	<b>164.605</b>					<b>0</b>
1	Hồng Lĩnh	81.025	81.025	145.792	145.792	11,7	13,5	10 năm		0
3	Ngọc Sơn	10.021	10.021	18.813	18.813	3,0		10 năm		0

\* Trong năm 2024, nghĩa vụ bảo lãnh của VIMC giảm được 634 tỷ đồng (trong đó giảm do trả nợ 122 tỷ đồng và giảm do xoá nợ lãi/lãi là 512 tỷ đồng). Các khoản bảo lãnh của VIMC tại các doanh nghiệp thành viên đã giảm đáng kể so với giai đoạn trước.

- Đối với các khoản bảo lãnh của VIMC: VIMC đã thực hiện tăng cường các biện pháp giám sát dòng tiền, hoạt động SXKD của các doanh nghiệp bảo lãnh để đôn đốc, yêu cầu các doanh nghiệp tăng trả nợ các khoản vay có nghĩa vụ bảo lãnh của VIMC, báo cáo Dư nợ vay, bảo lãnh, số tiền thanh toán nợ có bảo lãnh định kỳ hàng tháng, quý, 06 tháng. Đồng thời, VIMC cũng chỉ đạo, hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện tái cơ cấu nợ để giảm nghĩa vụ bảo lãnh. Như trường hợp bảo lãnh cho Vitranschart vay tại Ngân hàng ACB đã tái cơ cấu nợ xong và xoá được nghĩa vụ bảo lãnh của VIMC. Các khoản bảo lãnh tàu đóng mới còn lại tại Ngân hàng VDB: VIMC và các doanh nghiệp đang chờ cơ chế xử lý nợ tại Ngân hàng VDB được ban hành để thực hiện cơ cấu nợ, giảm nghĩa vụ bảo lãnh của VIMC.

Riêng đối với khoản bảo lãnh 2 tàu (Gold Falcon và Diamond Falcon) cho Công ty CP Vận tải Dầu khí Việt nam (Falcon) giá trị bảo lãnh 334,46 tỷ đồng tại VDB đã được VIMC dừng theo dõi. Falcon đã chính thức dừng hoạt động từ ngày 18/10/2022 theo Quyết định tuyên bố phá sản số 1886/2022/QĐ-TBPS ngày 18/10/2022 của Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh, tuy nhiên tại khoản 5.6 Điều 5 của Quyết định có nêu: “Trường hợp Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB)- SGD II yêu cầu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP thực hiện cam kết trả nợ thay cho Công ty CP Vận tải Dầu khí Việt Nam theo văn bản số 211/CV-TCKT ngày 10/3/2006v/v cam kết bảo lãnh của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự (nếu đương sự có yêu cầu)”.

b) Đối với các khoản VIMC cho các doanh nghiệp thành viên vay vốn: VIMC đang cho 04 doanh nghiệp thành viên vay vốn là Cảng Cần Thơ, VIMC Hậu Giang và SP-PSA. Cụ thể số nợ gốc tại 31/12/2024:

(i) Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ 33,58 tỷ đồng: Số dư gốc và lãi vay của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được Tổng Công ty trả hộ theo Văn bản thỏa thuận đã ký ngày 30/09/2019 giữa

Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ. Thời hạn trả nợ đến hết năm 2027. Lãi suất của kỳ tính lãi đầu tiên là 4,5%/năm, lãi suất cho năm 2024 là 3,4%/năm. Các kỳ tiếp theo sẽ được điều chỉnh lại theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức bình quân lãi suất huy động của 04 Ngân hàng: Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank. Biện pháp đảm bảo bao gồm các tài sản đảm bảo và Quyền đòi nợ từ các hợp đồng kinh tế của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ với giá trị dự kiến được xác định là 65.726.937.914 đồng.

(ii) Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang 6,5 tỷ đồng: Khoản cho vay Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang (“Công ty Hậu Giang”), lãi suất 6%/năm, mục đích vay để nộp tiền sử dụng đất cho thời gian gia hạn tiến độ sử dụng đất tại Khu công nghiệp Sông Hậu - Giai đoạn 1. Thời gian vay đến ngày 31/12/2024 hoặc ngay sau khi Công ty Hậu Giang thu được tiền chuyển nhượng 21ha đất. Khoản vay không tài sản đảm bảo, Công ty ưu tiên sử dụng nguồn thu từ việc chuyển nhượng 21ha đất để hoàn trả khoản hỗ trợ tài chính. Đến thời điểm hiện tại Công ty Hậu Giang vẫn đang trong thời gian triển khai thực hiện các thủ tục để chuyển nhượng lô đất nêu trên.

(iii) Khoản cho Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA vay, trị giá nguyên tệ là 4.950.000 USD theo Hợp đồng vay cổ đông ngày 26/08/2008, tương ứng với tỷ lệ vốn góp 15% của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA. Khoản cho vay được hưởng lãi suất Sofr (lãi suất cho vay qua đêm có đảm bảo), được hoàn trả khi có yêu cầu của Công ty PSA Vietnam Pte Ltd., (bên cho vay).

(iv) Khoản phải thu công ty TNHH Cảng Công - Ten - Nơ Quốc tế Cái Lân (Cảng CICT) là 12.620.866,40 USD theo thỏa thuận mua nợ đã ký giữa VIMC, Công ty SSA Holdings International và các bên cho vay (Lender) nhằm thực hiện phương án tái cấu trúc tài chính CICT đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 22/7/2024.

Đối với các khoản VIMC cho doanh nghiệp thành viên vay vốn, định kỳ, VIMC vẫn thực hiện đối chiếu, đôn đốc thu hồi công nợ đến hạn. Cụ thể: (i) Đối với Cảng Cần Thơ (phát sinh nợ đến hạn trả): VIMC tiếp tục yêu cầu các doanh nghiệp gửi kế hoạch dòng tiền hàng Quý kèm kế hoạch trả nợ để giám sát việc trả nợ của doanh nghiệp. Cảng Cần Thơ vẫn thực hiện trả nợ gốc đầy đủ, đúng kỳ hạn theo các Hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng đã ký kết. (ii) Đối với SP-PSA: nguồn cho vay lại từ khoản vay PSA Vietnam; SP-PSA sau khi được tái cấu trúc nợ năm 2021 đã có nguồn trả nợ định kỳ cho các cổ đông, năm 2025 cảng SP-PSA sẽ bắt đầu trả nợ khoản vay năm 2008 cho các cổ đông. (iii) Đối với VIMC Hậu Giang: do khó khăn về dòng tiền hoạt động, VIMC với vai trò là Công ty mẹ sở hữu 100% vốn, VIMC đã chấp thuận gia hạn hợp đồng hỗ trợ vốn và định kỳ hai bên vẫn đối chiếu nợ gốc, lãi phát sinh theo đúng quy định.

Trong năm 2024, các khoản nợ cho các doanh nghiệp thành viên vay vốn đều được VIMC theo dõi, giám sát chặt chẽ nhằm đảm bảo thu hồi cho vay của VIMC.



## **2.12 Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của VIMC**

Hội đồng quản trị đã ban hành Văn bản số 310/HHVN-TKTH ngày 30/5/2024 về việc chấp thuận lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY - là đơn vị soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 cho VIMC.

Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 cho VIMC đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý theo đúng quy định của pháp luật theo đúng các tiêu chí đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## **2.13 Việc thông qua Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của HĐQT và Ban Kiểm soát VIMC**

Tổng lao động tại 31/12/2024 là 730 người (số đầu năm là 856 người), trong đó người quản lý là 11 người, lao động chuyên môn nghiệp vụ là 210 người, số người lao động trực tiếp SXKD là 491 người và lao động thừa hành phục vụ là 18 người, số lao động trong năm đã giảm được 126 người (tuyển dụng mới 39 người, số lao động giảm là 165 người (do việc bán tàu VIMC Green giảm 81 thuyền viên; chuyển toàn bộ 48 lao động tại Trung tâm container VLC về Công ty CP Vận tải Container VIMC và giảm khác: tái cơ cấu lao động, thôi việc, nghỉ hưu).

### **Quỹ tiền lương chung năm 2024:**

Năm 2024, VIMC đã thực hiện trích lập Quỹ tiền lương tuân thủ quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 53/2016/NĐ-CP, việc phân phối và chi trả tiền lương, thù lao đầy đủ, đúng quy định cho người lao động, người quản lý theo đúng Quy chế tiền lương đã ban hành.

Ngày 31/3/2024 Người đại diện phần vốn VIMC đã thực hiện Văn bản số 82/BC-NĐD báo cáo Ủy ban Quản lý vốn nhà nước về phương án quyết toán quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 và kế hoạch lao động, tiền lương, thù lao năm 2024 của VIMC.

Thực hiện Văn bản số 689/UBQLV-TCCB ngày 15/4/2024 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2023, kế hoạch lao động và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông VIMC năm 2024 của Công ty mẹ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, Hội đồng quản trị VIMC đã ban hành Nghị quyết số 244/NQ-HHVN ngày 25/4/2024 của HĐQT về việc phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của Công ty mẹ.

Quỹ tiền lương Công ty mẹ gồm quỹ lương của Cơ quan văn phòng và 04 đơn vị hạch toán phụ thuộc là VLC, VMSC, VIMC Hải Phòng, Ban

QLDACNHH. Ngày 25/4/2024 Tổng giám đốc VIMC đã ban hành Văn bản số 703/HHVN-TCNS triển khai Nghị quyết số 244/NQ-HHVN ngày 25/4/2024 của HĐQT về quỹ tiền lương kế hoạch năm 2024 của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

- Ngày 27/12/2024 người đại diện phần vốn Nhà nước tại VIMC đã trình kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2025 tại Báo cáo số 560/BC-NĐD, trong đó tại Phụ lục số 20 và Phụ lục số 21 đã thể hiện các số liệu về lao động, tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 của người quản lý, ban kiểm soát và người lao động báo cáo Ủy ban Quản lý Vốn nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt.

- Ngày 26/5/2025 người đại diện phần vốn Nhà nước tại VIMC đã gửi Bộ Tài chính Báo cáo số 757/BC-NĐD về việc bổ sung thuyết minh phương án quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025, theo đó tại Phụ lục số 01 đã thuyết minh cụ thể quỹ lương thực hiện năm 2024, tại khoản 5 Công văn số 9942/BTC-DNNN ngày 4/7/2025 của Bộ Tài chính đã thông qua đề xuất của Người đại diện tại VIMC về chi trả tiền lương, thù lao năm 2024.

Cụ thể:

Tiền lương bình quân thực hiện đề nghị là: 25,19 triệu đồng/tháng, bằng 109% kế hoạch ước trên kết quả SXKD năm 2024 (Tiền lương bình quân kế hoạch năm 2024 đã xây dựng và được duyệt là: 23,11 triệu đồng/người/tháng).

STT	Đơn vị	Tổng Quỹ tiền lương (triệu đồng)			Tiền lương BQ (trđ/người/tháng)	
		Hạch toán CF 2023	Kế hoạch 2024	Hạch toán CF 2024	Năm 2023	Năm 2024
1	VLC	137.719		156.749	17,60	23,04
2	VMSC	4.218		4.767	11,34	13,70
3	CNHP	1.800		2.305	12,50	14,78
4	Ban QLDA	4.364		4.067	22,15	22,59
5	VPCQTCT (NLĐ), bao gồm cả CĐTCT	54.589		61.739	32,04	36,49
	<i>Trong đó quỹ tiền lương chênh lệch của CĐTCT</i>	3.190		3.291	15,64	15,24
<b>I</b>	<b>Tổng QTL người LĐ</b>	<b>202.690</b>	<b>236.554</b>	<b>229.626</b>	<b>19,79</b>	<b>25,01</b>
<b>II</b>	<b>Tổng QTL của HĐQT, BDH, BKS</b>	<b>9.409</b>	<b>11.880</b>	<b>12.949</b>	<b>77,12</b>	<b>98,10</b>
<b>III</b>	<b>Thù lao TV.HĐQT</b>	<b>185</b>	<b>216</b>	<b>235</b>	<b>15,42</b>	<b>19,62</b>
<b>IV</b>	<b>Tổng quỹ tiền lương, thù lao chung của Cty mẹ</b>	<b>212.284</b>	<b>248.650</b>	<b>242.811</b>		-

***Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của HĐQT, BKS năm 2024:***

HĐQT gồm 04 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và 01 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (thành viên HĐQT kiêm TGD). BKS gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Tổng quỹ tiền lương: 8.021,5 triệu đồng; tiền lương bình quân: 95,5 triệu đồng/ người/ tháng. Trong đó:
  - + Quỹ tiền lương HĐQT: 5.269,5 triệu đồng.
  - + Quỹ tiền lương Ban KS: 2.752,0 triệu đồng.
- Quỹ thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 235,44 triệu đồng/năm. Thù lao bình quân: 19,62 triệu đồng/ người/ tháng
- Thực hiện phân phối theo Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý, Ban Kiểm soát VIMC.

## **V. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính**

### **1. Nhận xét về Báo cáo tài chính**

Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính của VIMC năm 2024 và thống nhất xác nhận kết quả như sau:

- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, là đơn vị nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

- Đối với Báo cáo tài chính riêng năm 2024:

Kiểm toán viên lưu ý:

*“Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính riêng các nội dung sau:*

*- Tại thuyết minh số 12: Tổng Công ty đang theo dõi khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn tại chỉ tiêu “Đầu tư vào công ty con” (mã số 251) của Bảng Cân đối kế toán riêng với giá trị là 415,46 tỷ đồng. Đây là giá trị mà Tổng Công ty đã chuyển trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành (Công ty Hợp Thành) theo các quy định của hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu cổ phần. Đến ngày 31/12/2024, các bên vẫn đang trong quá trình trao đổi, xem xét về giá trị lợi ích hợp pháp của Công ty Hợp Thành trong giai đoạn tham gia đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.*

*- Tại thuyết minh số 35.3: Theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, Tổng Công ty phải thực hiện quyết toán thuế, các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước với Cơ quan thuế và đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, quyết toán tiền thu về cổ phần hóa, chi trả chế độ lao động dôi dư, chi phí cổ phần hóa. Tổng Công ty đã hoàn thành việc quyết toán thuế. Đối với các nội dung còn lại, Tổng Công ty đã hoàn thành hồ sơ và đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, do vậy số liệu trên Báo cáo tài chính riêng kèm theo có thể thay đổi theo ý kiến của các cấp có thẩm quyền.*

*Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.”*

Và Ban Kiểm soát cũng thống nhất với ý kiến của đơn vị kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty năm 2024, như sau: *“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”*

- Đối với Báo cáo tài chính Hợp nhất:

Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

*“1. Tại Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng - Công ty con Tổng công ty:*

*Tại thời điểm 31/12/2024, Cảng Hải Phòng đang ghi nhận tại chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 142,14 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.*

*Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Cảng Hải Phòng đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 là 44,8 tỷ đồng, chi phí lãi vay tạm trích trước là 149,3 tỷ đồng.*

*Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị, Cảng Hải Phòng đã dừng trích khấu hao, dừng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này.*

*Ngày 08/6/2023, Cảng Hải Phòng đã có văn bản số 1674/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ.*

*Bộ GTVT đã có văn bản số 10882/BGTVT-TC ngày 28/9/2023 gửi Bộ Tài chính tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (thay thế Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018), trong đó Bộ GTVT có đề xuất bổ sung nội dung trong điều khoản chuyển tiếp của Nghị định để trong trường hợp đề xuất được thông qua sẽ giải quyết được hình thức quản lý tài sản, tức là tài sản bến số 4,5 Cảng Chùa Vẽ được giao cho Cảng Hải Phòng quản lý, khai thác (không phải cho thuê).*

Ngày 24/12/2024, Văn phòng Chính phủ đã có thông báo số 569/TB-VPCP về việc kết luận tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ về Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. Theo đó, Phó Thủ tướng thống nhất về việc không quy định xử lý chuyển tiếp trong Nghị định đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hình thành từ nguồn vốn Nhà nước, đồng thời giao Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính khẩn trương báo cáo phương án xử lý.

Khi có sự phê duyệt chính thức của các cấp có thẩm quyền về phương án quản lý khai thác đối với tài sản Cầu số 4, số 5, Bãi container Chùa Vẽ và Góí thiết bị, Cảng Hải Phòng sẽ có trách nhiệm cập nhật lại số liệu báo cáo tài chính.

Ngày 27/12/2024, thực hiện theo Nghị quyết số 168/NQ-CHP, Hội đồng quản trị Cảng Hải Phòng đã chấp thuận chủ trương tiếp tục trích khấu hao đối với cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ theo đề xuất của Tổng Giám đốc Cảng Hải Phòng tại Báo cáo số 4882/CHP-TCKT ngày 25/12/2024.

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để xác định các chi phí liên quan đến việc sử dụng các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ của Cảng Hải Phòng giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Cảng Hải Phòng (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Cảng Hải Phòng chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Cảng Hải Phòng sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính của Cảng Hải Phòng.

Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của toàn bộ các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

2. Tại Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông – Công ty con của Tổng Công ty (“Biển Đông”)

Liên quan đến chênh lệch số dư gốc vay và nợ vay phải trả Công ty tài chính TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy (“VFC”)

Theo thư xác nhận độc lập mà chúng tôi nhận được từ VFC, số dư gốc cho vay và lãi phải thu Biển Đông liên quan đến Dự án tàu Container 1730 TEU V22 lớn hơn số liệu trên sổ sách do Biển Đông theo dõi tại thời điểm 01/01/2024 lần lượt là 28.667.314,77 USD và 59.208.393,37 USD, tại thời điểm 31/12/2024 lần lượt là 28.667.314,77 USD và 63.541.824,47 USD.

Nguyên nhân là do Biển Đông đã thực hiện chuyển nợ gốc và lãi vay phải trả VFC sang Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng (“Bạch Đằng”) theo biên bản bàn giao ký ngày 05/08/2015 với Bạch Đằng.

Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp cho các số dư tại thời điểm đầu năm, số liệu phát sinh trong kỳ và số dư cuối kỳ của các khoản vay và chi phí lãi vay phải trả này.

Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các chỉ tiêu này và các ảnh hưởng nếu có đến Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo hay không (xem thêm tại Thuyết minh số 20 và số 24).

Liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch giữa nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng với số tiền Công ty nhận nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)

Trước năm 2017, Biển Đông áp dụng hướng dẫn của công văn số 751/BTC-TCDN ngày 17/9/2015 của Bộ tài chính (công văn 751) v/v hướng dẫn kế toán phần chênh lệch giữa giá trị khoản nợ theo sổ sách kế toán và giá trị nhận nợ với DATC. Theo đó, khoản chênh lệch giữa số tiền Biển Đông nhận nợ với DATC với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận tăng giá trị phần vốn Nhà nước tại Biển Đông.

Từ năm 2018 đến năm 2021, Biển Đông chuyển sang áp dụng các quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, theo đó khoản chênh lệch giữa số tiền Biển Đông nhận nợ DATC với giá trị khoản gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Từ năm 2022 tới 2023, Biển Đông áp dụng hướng dẫn của Thông tư số 46/2021/TT-BTC ngày 23/6/2021, công văn số 751/BTC-TCDN ngày 17/9/2015, công văn số 5883 /BTC-TCDN ngày 08/5/2017, công văn số 1440/BTC-TCDN ngày 08/02/2021 của Bộ Tài chính. Theo đó, khoản chênh lệch giữa số tiền Công ty nhận nợ với DATC với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận tăng giá trị phần vốn Nhà nước tại Biển Đông.

Nếu Biển Đông áp dụng nhất quán quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc ghi nhận các khoản này thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2024, chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Mã số 416) sẽ giảm xuống 2.166,24 tỷ đồng, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) tăng lên tương ứng và tại ngày 31/12/2024, chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Mã số 416) sẽ giảm xuống 2.166,24 tỷ đồng, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) tăng lên tương ứng.

Bên cạnh đó, kiểm toán viên cũng lưu ý người đọc Báo cáo tài chính Hợp nhất một số vấn đề cần nhấn mạnh tại các trang 7,8,9 Mục “Vấn đề cần nhấn mạnh” tại Báo cáo tài chính Hợp nhất. Cụ thể như:

- Tại thuyết minh số 1.5 – Cấu trúc Tổng công ty: Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn – Công ty con của Tổng Công ty được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đang phản ánh giá trị khoản đầu vào Công ty con này là 415,46 tỷ VND. Đây là giá trị mà Tổng Công ty đã chuyển trả cho Công ty Cổ

phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành (“Hợp Thành”) theo các quy định của hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu cổ phần.

Đến ngày 31/12/2024, Tổng Công ty và Hợp Thành vẫn đang trong quá trình trao đổi, xem xét về giá trị lợi ích hợp pháp của Hợp Thành trong giai đoạn tham gia đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

- Tại thuyết minh 2.1 – Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất: Các báo cáo tài chính của một số Công ty con, Công ty liên kết được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đang tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của các Công ty này. Các báo cáo tài chính của các đơn vị này đang được lập và trình bày trên giả định hoạt động liên tục.

- Như trình bày tại thuyết minh 11 – Các khoản đầu tư tài chính, Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Công ty con của Tổng Công ty (Cảng Sài Gòn), đang theo dõi khoản đầu tư góp vốn bằng tài sản là 600m cầu tàu K6, K7, K8, K9, K10 tại Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội vào Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Ngọc Viễn Đông (“Công ty Ngọc Viễn Đông”) với giá trị góp vốn được xác định là 300.001.000.000 đồng (tương đương tỷ lệ góp vốn 5,6%). Cảng Sài Gòn không thu thập được các Báo cáo tài chính của Công ty Ngọc Viễn Đông từ năm 2021 đến nay. Tuy nhiên, các tài sản góp vốn là hơn 600m cầu cảng từ K6 đến K10 tại Khu Nhà Rồng - Khánh Hội vẫn đang được Công ty tiếp tục quản lý, khai thác, kinh doanh và Công ty Ngọc Viễn Đông cam kết chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất có liên quan đối với Nhà nước theo Biên bản thỏa thuận ngày 31/08/2017 giữa Công ty Ngọc Viễn Đông và Cảng Sài Gòn. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khoản đầu tư này không bị suy giảm giá trị.

- Như trình bày tại Thuyết minh số 17- Xây dựng cơ bản dở dang, “Dự án đầu tư xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I” được triển khai từ năm 2002 với tổng mức đầu tư theo dự toán ban đầu 230,3 tỷ đồng; “Dự án đầu tư xây dựng cảng Cái Cui giai đoạn II” được triển khai từ năm 2009 với tổng mức đầu tư theo dự toán ban đầu là 829,8 tỷ đồng. Việc đầu tư 02 dự án đã kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu và hiện vẫn chưa hoàn thành. Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ – Công ty con của Tổng Công ty đang tiếp tục triển khai đầu tư để hoàn thành đưa các hạng mục dự án vào sử dụng vào hoạt động kinh doanh.

- Như trình bày tại Thuyết minh số 19 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:  
+ Cảng Sài Gòn đã tạm tính các chi phí phải nộp liên quan đến tiền thuê đất tại Khu vực Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội tính đến thời điểm Công ty ký thỏa thuận với Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô Thị Ngọc Viễn Đông (“Ngọc Viễn Đông”) (chủ đầu tư dự án Khu Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội) theo Quyết định chủ trương đầu tư số 6815/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh). Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Cảng Sài Gòn đang tiếp tục làm việc với cơ quan thuế về cơ sở tính tiền thuê đất phải nộp.

+ Cảng Sài Gòn đã tạm nộp về tiền thuê đất và thuế đất cho giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020 tại Cảng Tân Thuận 1, Tân Thuận 2 (Tân Thuận Đông) theo thông báo của Chi cục thuế Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đang tiếp tục làm việc với chi cục thuế Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan hữu quan về cơ sở của việc phải nộp số tiền thuê đất này.

- Như trình bày tại Thuyết minh số 22 (3) và 22 (4) – Phải trả phải nộp khác: Cảng Sài Gòn đã tiếp nhận tiền ứng vốn từ Ngân sách Nhà nước và Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông để phục vụ đầu tư dự án xây dựng Cảng Sài Gòn – Hiệp Phước, thuộc quản lý của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước - Công ty con của Cảng Sài Gòn. Đến thời điểm hiện tại dự án này vẫn đang trong quá trình xây dựng.

- Tại thuyết minh 22(6) – Phải trả phải nộp khác và 24(1) – Vay và nợ thuê tài chính, đến thời điểm hiện tại Dự án Nhà máy đóng tàu Hậu Giang của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang đã bị dừng vĩnh viễn theo văn bản số 403/TTg-KTN ngày 29/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Liên quan đến nguồn vốn dùng để đầu tư dự án này, Công ty đang thực hiện ghi nhận lãi suất tái cơ cấu căn cứ Nghị quyết 107/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính Phủ. Tuy nhiên các bên cho vay/ứng vốn gồm: Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (VFC), Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy (SBIC) chưa thực hiện cơ cấu nợ theo nghị quyết nêu trên.

- Tại Thuyết minh số 24 (2) - Vay và nợ thuê tài chính và Thuyết minh số 7 – Phải thu về cho vay: Tại ngày 31/12/2024, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty phản ánh khoản Phải thu về cho vay Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP - PSA ("SP-PSA") trị giá nguyên tệ là 4.950.000 USD (tại Công ty mẹ - Tổng Công ty) và 11.880.000 USD (tại Cảng Sài Gòn), đồng thời phản ánh khoản vay Công ty PSA Việt Nam Pte., Ltd ("PSA Việt Nam") với cùng số tiền theo Hợp đồng vay cổ đông ngày 26/08/2008, tương ứng với tỷ lệ vốn góp 15% của Tổng Công ty và 36% của Công ty CP Cảng Sài Gòn tại Công ty TNHH Cảng quốc tế SP PSA. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty và Cảng Sài Gòn vẫn đang tiếp tục làm việc với các bên để thống nhất ký lại phụ lục hợp đồng và cơ sở tính số lãi phải thu và lãi phải trả tương ứng.

- Như đã nêu tại Thuyết minh số 37.3 – Thông tin khác, theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, Tổng Công ty phải thực hiện quyết toán thuế, các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước với Cơ quan thuế và đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, quyết toán tiền thu về cổ phần hóa, chi trả chế độ lao động dôi dư, chi phí cổ phần hóa. Tổng Công ty đã hoàn thành việc quyết toán thuế. Đối với các nội dung còn lại, Tổng Công ty đã hoàn thành hồ sơ và



đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do vậy số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo có thể thay đổi theo ý kiến của các cấp có thẩm quyền”.

Ngoại trừ các vấn đề nêu trên, Ban Kiểm soát cũng thống nhất với ý kiến của Công ty kiểm toán UHY đối với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty năm 2024: “Căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng được nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hàng hải Việt Nam tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.”.

## **2. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính**

### **2.1. Tại Công ty mẹ**

Căn cứ số liệu tại Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty đã được kiểm toán năm 2024, Ban Kiểm soát lập bảng tổng hợp sau:

\*Tình hình Tài sản - Nguồn vốn tại ngày 31/12/2024:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>1/1/2024</b>		<b>31/12/2024</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Tỷ trọng (%)</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Tỷ trọng (%)</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>13.777.616</b>	<b>100</b>	<b>14.412.914</b>	<b>100</b>
+ Tài sản ngắn hạn	2.511.356	18,2	2.222.671	15,4
+ Tài sản dài hạn	11.266.260	81,8	12.190.243	84,6
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>13.777.616</b>	<b>100</b>	<b>14.412.914</b>	<b>100</b>
+ Nợ phải trả	1.631.485	11,8	1.011.422	7,0
- Nợ ngắn hạn	1.469.927	10,7	832.935	5,8
- Nợ dài hạn	161.558	1,2	178.487	1,2
+ Nguồn vốn chủ sở hữu	12.146.131	88,2	13.401.492	93,0
- Vốn góp của chủ sở hữu	12.005.880	87,1	12.005.880	83,3
- Quỹ đầu tư phát triển		0,0	42.075	0,3
- LNST chưa phân phối	140.251	1,0	1.353.537	9,4

Đánh giá sự phù hợp của cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

+ Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2024 là 14.412.915 triệu đồng, tăng 635.298 triệu đồng, tương đương tăng 4,6% so với thời điểm đầu năm. Trong đó, tài sản ngắn hạn là 2.222.671 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 15,4% tổng tài sản, giảm 288.685 triệu đồng so với thời điểm đầu năm. Tài sản dài hạn là 12.190.243 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 84,6% tổng tài sản, tăng 923.983 triệu đồng so với thời điểm đầu năm. Cơ cấu các tài sản chính, cụ thể:

- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn là 10.671.792 triệu đồng chiếm tỷ trọng 74,0% tổng tài sản. Đây là giá trị các khoản đầu tư góp vốn của VIMC tại

các doanh nghiệp, đã được định giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty.

- Tài sản cố định là 944.114 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 6,6% tổng tài sản. Trong đó, tài sản lớn nhất là đội tàu của Công ty mẹ với nguyên giá là 5.491.924 triệu đồng, giá trị còn lại tại 31/12/2024 là 4.888.581 triệu đồng.

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là 1.324.907 triệu đồng, chiếm 9,2% tổng tài sản.

- Tiền và các khoản tương đương tiền là 322.931 triệu đồng, chiếm 2,2% tổng tài sản.

+ Nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2024 bao gồm: Nợ phải trả là 1.011.422 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 7% tổng nguồn vốn; vốn chủ sở hữu là 13.401.492 triệu đồng chiếm tỷ trọng 93% tổng nguồn vốn (vốn góp của chủ sở hữu là 12.005.880 triệu đồng và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 1.353.537 triệu đồng). Từ năm 2021 đến nay, VIMC đều có lãi và đã bù đắp được hết khoản lỗ năm 2020. Tại thời điểm 31/12/2024 vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu.

\* Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2024:

Chỉ tiêu	ĐVT	01/01/2024	31/12/2024
<b>Chỉ tiêu thanh toán:</b>			
- Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	8,44	14,25
- Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	1,71	2,67
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,71	2,67
<b>Chỉ tiêu nợ:</b>			
- Nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	11,8	7,0
- Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	%	13,4	7,5
<b>Khả năng sinh lời</b>		<b>năm 2023</b>	<b>năm 2024</b>
- LN sau thuế / Doanh thu thuần	%	24,3	82,5
- LN sau thuế/ TTS (ROA)	%	2,6	9,4
- LN sau thuế/ VCSH (ROE)	%	2,9	10,1

Các chỉ số thanh toán của VIMC tại thời điểm 31/12/2024 đều ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể so với đầu năm: Khả năng thanh toán tổng quát tăng mạnh từ 8,44 lần lên 14,25 lần, cho thấy VIMC có khả năng đảm bảo thanh toán các khoản nợ cả ngắn hạn và dài hạn một cách vững chắc; Khả năng thanh toán hiện thời và khả năng thanh toán nhanh đều tăng từ 1,71 lần lên 2,67 lần, chứng tỏ khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của VIMC được củng cố.

Các chỉ số nợ của VIMC đều giảm so với đầu năm, phản ánh việc doanh nghiệp đã chủ động thanh toán các khoản nợ, kéo theo sự sụt giảm của nợ phải trả đồng thời giúp vốn chủ sở hữu tăng lên. Trong ba năm gần đây, VIMC đã tập trung trả nợ gốc, lãi tại VDB, và đến hết 31/12/2024 công ty đã hoàn tất việc trả nợ gốc.

Các chỉ số về khả năng sinh lời của VIMC trong năm 2024 tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái. Sự gia tăng này chủ yếu do hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn, mang lại lợi nhuận cao hơn.

**\* Về quản lý công nợ:**

**a. Tình hình công nợ phải thu:**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Tại 01/01/2024		Tại 31/12/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
<b>I. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>273.883</b>	<b>59,3</b>	<b>365.712</b>	<b>40,8</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	127.491	27,6	222.972	24,9
Trả trước cho người bán ngắn hạn	61.406	13,3	73.091	8,2
Phải thu về cho vay ngắn hạn	13.216	2,9	13.216	1,5
Phải thu ngắn hạn khác	363.047	78,7	339.784	37,9
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(292.706)	-63,4	(284.780)	-31,8
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.429	0,3	1.429	0,2
<b>II. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>187.600</b>	<b>40,7</b>	<b>531.071</b>	<b>59,2</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	153.331	33,2	471.101	52,5
Phải thu dài hạn khác	34.305	7,4	59.970	6,7
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(36)	0,0	0	
<b>Tổng nợ phải thu (= I + II)</b>	<b>461.483</b>		<b>896.783</b>	

Tổng số nợ phải thu tại ngày 31/12/2024 là 896.783 triệu đồng, tăng 435.300 triệu đồng đương đương tăng 94,3% so với thời điểm đầu năm, trong đó: các khoản phải thu ngắn hạn là 365.712 triệu đồng, tăng 33,5% (tương ứng 91.829 triệu đồng) so với thời điểm đầu năm chủ yếu do phải thu khác tăng. Phải thu dài hạn là 531.071 triệu đồng, tăng 183,1% so với thời điểm đầu năm là do khoản phải thu về cho vay dài hạn tăng.

Tổng nợ xấu tại thời điểm 31/12/2024 của VIMC là 297.407 triệu đồng, VIMC đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi số tiền 284.780 triệu đồng theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính. Trong đó, chủ yếu là trích lập dự phòng đối với khoản phải thu của Vinalines Nha Trang (104.165 triệu đồng), Công ty Đóng tàu Bạch Đằng (49.239 triệu đồng), Vosco (70.704 triệu đồng), Công ty Denmar (16.658 triệu đồng).

**b. Tình hình nợ phải trả:**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Tại 01/01/2024		Tại 31/12/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
<b>I. Các khoản phải trả ngắn hạn</b>	<b>1.469.926</b>	<b>90,1</b>	<b>832.935</b>	<b>82,4</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	120.658	7,4	77.415	7,7
Người mua trả trước ngắn hạn	2.937	0,2	22.165	2,2

Thuế và các khoản phải nộp NN	898	0,1	923	0,1
Phải trả người lao động	64.790	4,0	79.638	7,9
Chi phí phải trả ngắn hạn	23.767	1,5	5.845	0,6
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	4.204	0,3	3.236	0,3
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	240.671	14,8	-	0,0
Phải trả ngắn hạn khác	1.011.976	62,0	620.649	61,4
Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	25	0,0	23.064	2
<b>II. Các khoản phải trả dài hạn</b>	<b>161558</b>	<b>9,9</b>	<b>178.487</b>	<b>17,6</b>
Phải trả dài hạn khác	40.679	2,5	52.010	5,1
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	120.879	7,4	126.477	12,5
<b>Tổng nợ phải trả (I+II)</b>	<b>1.631.484</b>	<b>100,0</b>	<b>1.011.423</b>	<b>100,0</b>

Tổng số nợ phải trả tại ngày 31/12/2024 là 1.011.423 triệu đồng, giảm 620.061 triệu đồng tương đương giảm 38% so với thời điểm đầu năm. Trong đó:

+ Nợ phải trả ngắn hạn: 832.935 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 82,4% tổng nợ phải trả, giảm 636.991 triệu đồng so với thời điểm đầu năm. Trong cơ cấu nợ ngắn hạn: phải trả người bán 77.415 triệu đồng, phải trả người lao động 79.638 triệu đồng, phải trả ngắn hạn 620.649 triệu đồng (chủ yếu là lãi phải trả VDB là 492.078 triệu đồng),....

+ Nợ dài hạn: 178.487 triệu đồng. Trong đó: Vay, nợ dài hạn: 126.477 triệu đồng (nợ vay PSA Việt Nam).

## 2.2. Hợp nhất

*Đơn vị tính: triệu đồng*

CHỈ TIÊU	1/1/2024		31/12/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
<b>Tổng tài sản</b>	<b>27.537.463</b>	<b>100</b>	<b>30.424.971</b>	<b>100</b>
+ Tài sản ngắn hạn	11.965.376	43,5	13.250.276	43,6
+ Tài sản dài hạn	15.572.087	52,4	17.174.694	56,4
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>27.537.463</b>	<b>100</b>	<b>30.424.971</b>	<b>100</b>
+ Nợ phải trả	<b>12.168.959</b>	<b>44,2</b>	<b>13.008.273</b>	42,8
- Nợ ngắn hạn	7.417.142	30,9	8.099.991	26,6
- Nợ dài hạn	4.751.817	16,8	4.908.282	16,1
+ Nguồn vốn chủ sở hữu	<b>15.368.504</b>	<b>52,3</b>	<b>17.416.698</b>	57,2
- Vốn góp của chủ sở hữu	12.005.880	44,6	12.005.880	39,5
- LNST chưa phân phối	(239.781)		596.829	2,0

- Tổng tài sản hợp nhất của VIMC tại thời điểm 31/12/2024 là 30.424.971 triệu đồng, tăng 2.887.508 triệu đồng so với thời điểm đầu năm. Cơ cấu các tài sản chính như sau:

Tài sản cố định là 9.100.520 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 29.9% tổng tài sản, lớn nhất trong tổng tài sản, đây là các hạng mục tài sản cố định có giá trị lớn như đội tàu, hệ thống bến cảng, kho bãi, phương tiện thiết bị,...

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là 5.138.580 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 16,9% tổng tài sản. Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến dưới 12 tháng.

- Nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2024 tăng 2.887.508 triệu đồng so với thời điểm đầu năm, trong đó: nợ phải trả là 13.008.273 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 42,8% tổng nguồn vốn; vốn chủ sở hữu là 17.416.698 triệu đồng chiếm tỷ trọng 57,2% tổng nguồn vốn (vốn góp của chủ sở hữu là 12.005.880 triệu đồng và lợi nhuận chưa phân phối là 596.829 triệu đồng).

\* Các chỉ tiêu tài chính và hiệu quả hoạt động:

Chỉ tiêu	ĐVT	01/01/2024	31/12/2024
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</i>			
+ Khả năng thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ NH)	Lần	1,6	1,6
+ Khả năng thanh toán nhanh (TSNH-HTK)/Nợ NH	Lần	1,5	1,6
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	44,2	42,8
+ Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	%	79,2	74,7
<i>3. Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời</i>			
- LN sau thuế / Doanh thu thuần	%	13,3	15,5
- LN sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	11,1	18,1
- LN sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	6,2	8,6

## **VI. Tình hình thực hiện các kiến nghị tại các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền**

### **1. Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước**

Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước về kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021: Năm 2023 VIMC tiếp tục có các văn bản số 494/HHVN-TCKT ngày 31/3/2023 và văn bản số 2134/HHVN-TCKT ngày 28/12/2023 gửi Kiểm toán Nhà nước Chuyên ngành VI báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị tại Thông báo số 759/TB-KTNN ngày 14/12/2022 và các Thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán nhà nước tại 11 đơn vị được kiểm toán về kết quả kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2021 cho đến nay. Cụ thể:

1.1 Đối với kiến nghị về điều chỉnh số liệu kế toán và BCTC năm 2021: VIMC và các đơn vị đã hoàn thành việc điều chỉnh sổ sách, lập lại BCTC năm 2021.

1.2 Đối với các kiến nghị về Xử lý tài chính, nộp vào Ngân sách nhà nước 56.194 triệu đồng: VIMC và các đơn vị đã hoàn thành.

1.3 Việc Chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, kế toán: công tác sử dụng tiền và tương đương tiền; Công tác quản lý nợ phải thu; Công tác quản lý nợ phải trả; Công tác quản lý sử dụng TSCĐ; Quản lý tiền lương và các khoản trích theo lương; Công tác quản lý doanh thu, chi phí; Thực hiện nghĩa vụ với NSNN; Công tác quản lý mua sắm vật tư, hàng hoá, tài sản, thuê ngoài cung cấp dịch vụ; Công tác quản lý hàng tồn kho; Công tác Quản lý đầu tư tài chính: VIMC đã có các văn bản đôn đốc, thường xuyên giám sát và yêu cầu các công ty có liên quan báo cáo kết quả thực hiện.

1.4 Kiến nghị, xem xét, kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại đã nêu tại báo cáo kiểm toán: Tổng công ty đã thực hiện (theo Biên bản họp ngày 27/3/2023 về kiểm điểm theo Kết luận số 759/TB-KTNN ngày 14/12/2022 và Kết luận số 1133/TB-KTNN ngày 27/12/2022 của Kiểm toán Nhà nước).

Cho đến thời điểm hiện nay, về cơ bản, Tổng công ty đã thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

## **2. Tình hình thực hiện kiến nghị của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp**

### **\* BKS VIMC:**

Thực hiện Văn bản số 2128/UBQLV-CNHT ngày 19/9/2024 về việc tham gia ý kiến đối với Báo cáo giám sát tài chính 6 tháng đầu năm 2024 của VIMC, BKS đã có công văn số 1579/BC-HHVN. BKS ngày 30/9/2024

Thực hiện Văn bản số 953/UBQLV-CNHT ngày 17/5/2024 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về việc tham gia ý kiến đối với Báo cáo giám sát tài chính năm 2023 của VIMC, BKS đã có công văn số 852/HHVN - BKS ngày 24/5/2024.

### **\* NDDPV nhà nước tại VIMC:**

Thực hiện Công văn 2881/UBQLV-CNHT ngày 12/12/2024 về việc thực hiện kết luận số 419/KLTTCP ngày 13/11/2024 của Thanh tra Chính phủ, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đã tổ chức họp kiểm điểm theo Kế hoạch 553/KH-HHVN ngày 23/12/2024, Biên bản cuộc họp đã được ban hành ngày 26/12/2024.

Thực hiện các kiến nghị của Ủy ban tại văn bản số 2714/UBQLV-CNHT ngày 20/11/2024 về Kết quả giám sát tài chính năm 2023 tại Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, theo văn bản có 6 doanh nghiệp thuộc đối tượng phải báo cáo, gồm: Công ty mẹ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, Công ty CP Cảng Sài Gòn, Công ty CP Cảng Hải Phòng, Công ty CP Cảng Đà Nẵng, Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam, SP-PSA, SSIT, CMIT. Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đã triển khai thực hiện các kiến nghị đã được chỉ ra và đang hoàn thiện báo cáo Chủ sở hữu nhà nước về tình hình thực hiện các kiến nghị tại văn bản số 2714/UBQLV-CNHT.

### **3. Đối với các kiến nghị tại các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác**

VIMC đã chỉ đạo các Ban, các đơn vị thành viên thực hiện các kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Cụ thể tình hình thực hiện các kiến nghị của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền như sau:

- Cục thuế Thành phố Hà Nội: Thực hiện quyết định số 42947/QĐ-CTHN-TTKT1 ngày 26/7/2024 của Cục Thuế TP. Hà Nội về việc thanh tra tại VIMC; Biên bản thanh tra thuế lập ngày 31/12/2024; Kết luận số 69902/KL-CTHN-TTKT1 ngày 31/12/2024 về kết luận thanh tra tại VIMC; quyết định số 69903/QĐ-CTHN-TTKT1-XPVPHC ngày 31/12/2024 về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, theo đó số tiền phải nộp về NSNN là 4.078.180.313 đồng, bao gồm (1) không đủ điều kiện được giảm tiền thuê đất năm 2021 là 1.295.136.216 đồng; (2) Tiền phạt hành chính do kê khai sai thuế GTGT là 510.618.444 đồng; (3) Tiền thuế GTGT kê khai thiếu phải nộp là 2.059.289.219 đồng; (4) Tiền chậm nộp thuế tính đến 30/12/2024 là 213.136.434 đồng. Toàn bộ số tiền phải nộp trên VIMC đã thực hiện nộp về NSNN đúng quy định (10/01/2025) đồng thời đã có biện pháp thu hồi với các cá nhân thanh toán sử dụng hoá đơn không phù hợp.

- Bộ Tài chính: Thực hiện Kết luận thanh tra số 1134/KL-TTr ngày 06/12/2019 của Thanh tra Bộ Tài chính về Thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài chính, kế toán và thuế, tiếp theo Văn bản số 406/HHVN-TCKT ngày 28/02/2020, năm 2023 VIMC đã gửi tiếp Văn bản số 1772/HHVN-TCKT ngày 31/10/2023 báo cáo tình hình thực hiện các kiến nghị, năm 2024 VIMC đã gửi tiếp báo cáo tình hình thực hiện các kiến nghị tại Báo cáo giám sát tài chính 06 tháng đầu năm 2024 số 404/BC-NĐD ngày 15/8/2024, theo đó 09/12 kiến nghị đã hoàn thành; 03/12 kiến nghị đang triển khai thực hiện, cụ thể: (i) Kiến nghị Công ty CP Vận tải biển Việt Nam làm việc với Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng và công ty TNHH MTV Đóng tàu Nam Triệu (các đơn vị đóng mới 3 tàu Lucky Star, Blue Star, Vosco Sunrise) để đối chiếu, xác nhận và thanh quyết toán giá trị hoàn thành theo quy định hiện hành.

(ii) Kiến nghị Công ty CP Vận tải biển Việt Nam, Công ty CP vận tải biển Vinaship và VIMC có biện pháp xử lý dứt điểm khoản nợ liên quan đến tàu Vinashin Atlantic theo biên bản thỏa thuận ba bên ký ngày 01 tháng 11 năm 2010 tại Công ty CP Vận tải biển Việt Nam và khoản nợ phải thu Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin liên quan đến việc sửa chữa tàu Green Sea tại Công ty CP Vận tải biển Vinaship đảm bảo quy định của pháp luật

(iii) Kiến nghị Công ty CP Cảng Hải Phòng và Công ty CP Cảng Sài Gòn hiện còn vướng mắc về phương án sử dụng đất tại Cảng Sài Gòn và vướng mắc xác định số tiền thuê đất phải nộp vào ngân sách nhà nước theo đúng quy định của luật quản lý thuế và Cảng Sài Gòn đang tạm xác định và hạch toán vào chi phí số tiền 40,2 tỷ đồng và Cảng Hải Phòng số tiền 19,7 tỷ đồng chưa xử lý xong.

- Thanh tra Chính phủ:

(i) Thực hiện chỉ đạo của UBQLV tại văn bản số 2881/UBQLV-CNHT ngày 12/12/2024 về việc thực hiện Kết luận số 419/KL-TTCT của Thanh tra Chính phủ về việc tái cơ cấu DNNN, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất sản xuất kinh doanh của DNNN, doanh nghiệp CPH sang kinh doanh đất xây dựng nhà ở giai đoạn 2011- 2021 tại Bộ Giao thông Vận tải. VIMC đã tổ chức triển khai thực hiện các kiến nghị, xử lý tồn tại, đến thời điểm hiện nay còn: 01/5 tồn tại đang triển khai thực hiện (việc chậm quyết toán cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng và Công ty TNHH MTV Cảng Sài Gòn) và 01/02 kiến nghị đang triển khai thực hiện (chỉ đạo Cảng Sài Gòn thu hồi của Công ty TNHH Trung Thủy Lancaster tiền phạt chậm nộp 4.515 triệu đồng khi thực hiện hợp đồng với Công ty CP Cảng Sài Gòn trong việc chuyển nhượng dự án tại cơ sở nhà đất tại 430 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh).

(ii) Thực hiện chỉ đạo của Bộ Giao thông vận tải tại Văn bản số 1420/TTr-P5 ngày 29/11/2023 về việc báo cáo kết quả thực hiện Kết luận Thanh tra số 1566/KL-TTCT ngày 17/9/2018 của Thanh tra Chính phủ về việc cổ phần hóa Cảng Quy Nhơn, Tổng công ty đã có Báo cáo số 174/HHVN-ĐT ngày 04/12/2023 về kết quả thực hiện Kết luận thanh tra số 1566/KL-TTCT ngày 17/9/2018, đến nay, VIMC đã hoàn thành 05/6 kiến nghị và 01/6 kiến nghị đang triển khai thực hiện.

Đối với các kiến nghị đang thực hiện, Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục theo dõi, đôn đốc và báo cáo cổ đông tại kỳ ĐHĐCĐ tới.

## **VII. Đánh giá việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc với Ban Kiểm soát**

- Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban Điều hành trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ. Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty, được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp cần thiết khác.

- Hầu hết các ý kiến đóng góp kịp thời của Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban điều hành Tổng công ty đều được ghi nhận và được điều chỉnh ngay trong quá trình ra các nghị quyết, quyết định và triển khai thực hiện.

- Sự phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc góp phần tăng cường hiệu quả sử dụng vốn, tài sản nói chung cũng như tăng cường hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và quản lý rủi ro trong Tổng công ty.

## **VIII. Báo cáo về các giao dịch liên quan đến các thành viên HĐQT, TGD và người điều hành khác**



Trong năm 2024, Công ty không có phát sinh hợp đồng giao dịch liên quan đến các thành viên HĐQT, TGD và người điều hành khác.

## **PHẦN II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Để hoàn thành tốt các nhiệm vụ năm 2025 và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng công ty, Ban Kiểm soát xin có một số đề xuất, kiến nghị sau:

1. Công tác quyết toán cổ phần hóa: Kính đề nghị Bộ Tài chính hỗ trợ sớm phê duyệt quyết toán tài chính tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần của Công ty mẹ - Tổng công ty làm cơ sở thực hiện bàn giao giữa doanh nghiệp nhà nước và công ty cổ phần.

2. Hội đồng quản trị VIMC tiếp tục thực hiện các biện pháp kiểm soát chặt chẽ tình hình tài chính, nâng cao hiệu quả SXKD đối với nhóm các công ty có vốn góp có dấu hiệu mất an toàn tài chính; thực hiện thoái vốn các doanh nghiệp trong kế hoạch vào thời điểm phù hợp thu được hiệu quả cao nhất.

Nhiều đơn vị thuộc VIMC có số nợ phải thu và số dư thuế giá trị gia tăng được khấu trừ lớn, bị chiếm dụng vốn, giảm hiệu quả sử dụng vốn. Đề nghị HĐQT chỉ đạo, thực hiện quyết liệt có biện pháp thu hồi nợ hiệu quả, có biện pháp để giảm số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ.

3. Đề nghị Hội đồng quản trị và Ban Điều hành VIMC tiếp tục thực hiện và có báo cáo về tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ Tài chính và tại các kết luận thanh kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát năm 2024, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT VIMC;
- Các thành viên BKS (để t/h);
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Lương Đình Minh**

Số: 286/BC-ĐHĐCĐ

*Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2025*

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ  
CỦA KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024,  
PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025  
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 229/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên VIMC năm 2024;

Ban Kiểm soát (“BKS”) Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025 với các nội dung như sau:

**1. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024**

***1.1 Số lượng thành viên Ban Kiểm soát***

Nhân sự Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2025, gồm 03 thành viên:

- 1) Ông Lương Đình Minh - Trưởng Ban Kiểm soát
- 2) Ông Phạm Cao Nhuệ - Thành viên Ban Kiểm soát
- 3) Bà Phan Thị Nhị Hà - Thành viên Ban Kiểm soát

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay nhân sự Ban Kiểm soát không có thay đổi.

***1.2 Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2024 của Ban Kiểm soát***

Thực hiện nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao, trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành

và kiểm tra hoạt động SXKD của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ về kiểm tra, giám sát, BKS luôn đảm bảo tính trung thực và căn trọng, đạo đức nghề nghiệp, không cản trở đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cũng như tại các đơn vị thành viên được kiểm tra.

- Trong năm 2024, Ban kiểm soát có 09 (chín) cuộc họp, định kỳ mỗi quý ít nhất họp một lần đảm bảo theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Ngoài ra BKS cũng đã thường xuyên trao đổi, đánh giá các vấn đề liên quan trong công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty phục vụ cho cho mục đích kiểm soát của BKS.

- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, dịch vụ toàn Tổng Công ty năm 2024 thông qua các báo cáo, các cuộc họp với BDH hàng tháng, quý và trong năm 2024.

- Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024, việc chấp hành Điều lệ VIMC, Pháp luật Nhà nước và các Quy chế, quy định, nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban điều hành trong công tác quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ năm 2024.

- Thực hiện các báo cáo theo yêu cầu của cổ đông lớn là Ủy ban Quản lý Vốn nhà nước tại doanh nghiệp, như: góp ý đánh giá Báo cáo định kỳ của Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VIMC, tham gia ý kiến đối với Báo cáo giám sát tài chính năm 2023 và Báo cáo giám sát tài chính 6 tháng đầu năm 2024 của VIMC.

- Giám sát các chỉ tiêu tài chính; bảo toàn và phát triển vốn; Thực hiện các dự án đầu tư và hiệu quả đầu tư; Việc thực hiện chế độ tài chính, phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ.

- Giám sát tình hình thực hiện các chỉ đạo/kiến nghị của Chủ sở hữu (Ủy ban Quản lý Vốn Nhà nước tại doanh nghiệp), của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, cơ quan Thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Kết luận của Thanh tra Bộ Tài chính; Kết luận của Thanh tra Chính phủ.

- Giám sát tình hình thực hiện hoàn thành theo phân kỳ đối với Đề án Cơ cấu lại VIMC giai đoạn 2021-2025; Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035 và Kế hoạch SXKD và đầu tư 05 năm giai đoạn 2021-2025 của VIMC, để đảm bảo bám sát tiến độ theo yêu cầu của đề án và chiến lược đã được phê duyệt.

- Thông qua hoạt động kiểm tra giám sát, BKS đưa ra các ý kiến, kiến nghị với HĐQT, BDH về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, quy định nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD trong năm 2024 của Tổng công ty và một số đơn vị thành viên (theo kế hoạch đã được ĐHĐCĐ năm 2024 thông qua).

- Tham gia đóng góp ý kiến sửa đổi, bổ sung, soát xét hệ thống tài liệu quản trị nội bộ trong Tổng Công ty.

Thông qua việc xem xét rà soát các Tờ trình của Ban điều hành, Nghị quyết của HĐQT, Quy chế do HĐQT ban hành; giám sát công tác điều hành của Ban điều hành thông qua việc tham gia các cuộc họp giao ban, các cuộc làm việc của Ban điều hành với các đơn vị thành viên qua đó Ban Kiểm soát đã đóng góp ý kiến đề HĐQT, Ban điều hành có thêm thông tin trong việc ra quyết định.

Bên cạnh các công việc thường xuyên Ban Kiểm soát cũng đã hoàn thành công tác thẩm định Báo cáo tài chính (đã kiểm toán) của Tổng công ty năm 2023 và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024; Giám sát việc kiểm kê tài sản theo quy định của Luật Kế toán (tuy nhiên Hội đồng kiểm kê còn chưa thực hiện: công tác báo cáo kết quả kiểm kê có kiến nghị đề xuất và công tác xử lý kết quả kiểm kê tài sản tại 0h ngày 01/01/2024 vẫn chưa được thực hiện); Thẩm định việc xây dựng quỹ tiền lương của người quản lý và người lao động tại Công ty Mẹ; Kiểm tra tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản lý chi phí, quản lý nợ tại một số đơn vị hạch toán phụ thuộc. Trong năm 2024 BKS đã tham gia thực hiện KTGS cùng 12 đoàn công tác, trong đó 5 đoàn do BKS đứng chủ trì và 7 đoàn có thành viên BKS tham gia, các đoàn do BKS đứng chủ trì đã có sự kết hợp tham gia thêm của các thành viên các ban chuyên môn VP VIMC, do đó chất lượng KTGS đã được nâng lên cả về số lượng và chất lượng so với thời kỳ trước, với nội dung kiểm tra được rộng hơn, sâu và kỹ hơn, các nhận xét, kiến nghị và ý kiến đóng góp của đoàn kiểm tra đã hỗ trợ giúp cho đối tượng được kiểm tra được kịp thời đưa ra các quyết định trong công tác hoạt động kinh doanh hiệu quả. Cụ thể: (1) 05 đoàn KTGS do BKS VIMC chủ trì (đã được ĐHĐCĐ 2024 thông qua) như: Công ty CP Phát triển Hàng hải (VIMADECO), Công ty CP VIMC Logistics, Công ty CP Cảng Cam Ranh, Công ty CP Cảng Đà Nẵng, Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông và KTGS gián tiếp Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam thông qua các Báo cáo của đơn vị cũng như các kết luận, báo cáo giám sát của Ban điều hành VIMC; (2) 7 công ty thành viên (thực hiện kết hợp với các đoàn KTGS của BDH VIMC theo công văn số 304/HHVN-KTNB ngày 11/03/2024 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam) như: Cảng Sài Gòn, Cảng Hải Phòng, Cảng Cần Thơ, Cảng Năm Căn, DVHH Hậu Giang, CPI, VOSA.

Ban Kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện các nội dung trong Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VIMC. Duy trì tốt mối quan hệ công tác và phối hợp với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban điều hành. Thực hiện đầy đủ các báo cáo giám sát và báo cáo khác khi được yêu cầu. Các thành viên Ban Kiểm soát làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập, cẩn trọng, luôn vì lợi ích của cổ đông và của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

### ***1.3 Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên Ban kiểm soát***

- Với tinh thần trách nhiệm cao, trong quá trình hoạt động, từng thành viên Ban kiểm soát luôn khẳng định năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kiểm tra một cách độc lập, khách quan và báo cáo theo ý kiến của mình về tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính, cũng như tính tuân thủ pháp luật của các hoạt động kinh doanh chung. Thường xuyên trao đổi, đóng góp ý kiến thẳng thắn với Hội đồng quản trị, Ban điều hành khi phát hiện ra sai sót cũng như các hoạt động có tiềm ẩn rủi ro cho Tổng Công ty.

- Các thành viên Ban Kiểm soát đã hoạt động tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng Công ty.

- Từng thành viên đã hoàn thành nhiệm vụ giám sát, kiểm tra, đánh giá các nội dung công việc theo phân công một cách nghiêm túc, trung thực. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các thành viên Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi, tinh thần làm việc tập thể, thực hiện công việc một cách khách quan và đạt hiệu quả cao nhất.

- Các thành viên đã chủ động trong công việc, có nhiều ý kiến đóng góp cho HĐQT/ Ban điều hành, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao năm 2024.

### ***1.4 Lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024***

Lương và thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo chế độ của Công ty, tuân thủ quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14. Năm 2024, cả 03 kiểm soát viên đều làm việc chuyên trách nên không phát sinh tiền thù lao, tổng tiền lương của các thành viên Ban Kiểm soát VIMC là 2.752 triệu đồng.

Các chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được thực hiện đúng định mức chi theo quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của Tổng Công ty.

## **2. Phương hướng hoạt động năm 2025**

Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VIMC và nhiệm vụ được giao tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, Ban Kiểm soát lập kế hoạch hoạt động chi tiết cho năm 2025 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, trong đó tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

- Thực hiện báo cáo đánh giá nhiệm kỳ 2020-2025 phương hướng nhiệm kỳ 2025-2030.

- Giám sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025 do Đại hội đồng cổ đông giao.

- Giám sát tình hình thực hiện hoàn thành theo phân kỳ đối với Đề án Cơ cấu lại VIMC giai đoạn 2021-2025; Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035 và Kế hoạch SXKD và đầu tư 05 năm giai đoạn 2021-2025 của VIMC, để đảm bảo bám sát tiến độ theo yêu cầu của đề án và chiến lược đã được phê duyệt.

- Kiểm tra, thẩm định Báo cáo tài chính quý, bán niên và cả năm 2025 của Tổng công ty.

- Giám sát các chỉ tiêu tài chính; Bảo toàn và phát triển vốn; Thực hiện các dự án đầu tư và hiệu quả đầu tư; Việc thực hiện chế độ tài chính, phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ.

- Kiểm tra việc tuân thủ các chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Kiểm tra tình hình thực hiện công tác xây dựng các quy chế, quy định, quy trình quản lý nội bộ của Công ty.

- Kiểm tra giám sát tính hợp pháp, hợp lý, trung thực và cẩn trọng của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong việc tổ chức thực hiện quyền của chủ sở hữu, trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Làm việc với người đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp của VIMC và Ban Kiểm soát các đơn vị này về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ và công tác kiểm tra giám sát.

- Giám sát việc thực hiện, tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của VIMC, tuân thủ các quy định của pháp luật nhà nước; Tuân thủ các chỉ đạo của Hội đồng quản trị, của Tổng giám đốc.

- Đánh giá hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ Tổng công ty. Đề xuất kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của bộ phận Kiểm toán nội bộ để tăng cường công tác giám sát tại công ty.

- Tham gia các đoàn kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát theo kế hoạch năm 2025 sẽ thực hiện kiểm tra hoạt động của người đại diện phần vốn của VIMC tại các công ty: Công ty CP Vận tải biển Việt Nam; Công ty CP Vận tải biển Vinaship; Công ty CP Cảng Hải Phòng; Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh; Công ty CP Cảng Quy Nhơn; VIMC Lines.

- Phối hợp tham gia cùng các đoàn kiểm tra giám sát của Ban Điều hành và Ban KTNB VIMC trong việc kiểm tra giám sát công tác hoạt động sản xuất kinh doanh tại các công ty thành viên của Tổng công ty.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng, đoàn thanh kiểm tra trong việc kiểm tra giám sát công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; Giám sát việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của các đoàn thanh kiểm tra, kiểm toán tại VIMC.

- Thực hiện các công việc khác của BKS theo quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành.

- Cập nhật chính sách, quy định mới ban hành, tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn.

*(Chi tiết Kế hoạch hoạt động năm 2025 theo Phụ lục đính kèm)*

Trên đây là báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động nhiệm vụ của Kiểm soát viên và của Ban Kiểm soát năm 2024, phương hướng hoạt động của Ban Kiểm

soát năm 2025. Ban Kiểm soát kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT VIMC;
- Các thành viên BKS (để t/h);
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Lương Đình Minh**



**PHỤ LỤC: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025**  
**CỦA BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

Stt	Nội dung / Nhiệm vụ	Đối tượng kiểm tra, giám sát	Hình thức kiểm tra, giám sát	Thời gian thực hiện	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Nhiệm vụ thường xuyên</b>				
1	Giám sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025 được giao tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025.	VIMC	Thường xuyên	Năm 2025	
2	Giám sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, chỉ tiêu kế hoạch nhiệm kỳ và kế hoạch 5 năm 2021 - 2025.	VIMC	Thường xuyên	Năm 2025	
3	Tham gia các cuộc họp theo nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.			Năm 2025	
4	Thực hiện các báo cáo định kỳ theo quy định			Năm 2025	
5	Đánh giá hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ Tổng công ty. Đề xuất kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.	VIMC	Thường xuyên	Năm 2025	
6	Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của bộ phận Kiểm toán nội bộ để tăng cường công tác giám sát tại công ty.	Ban KTNB VIMC	Thường xuyên	Năm 2025	
7	Kiểm tra giám sát tính hợp pháp, hợp lý, trung thực và cần trọng của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong việc tổ chức thực hiện quyền của chủ sở hữu, trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh	HĐQT, Ban TGD	Thường xuyên	Năm 2025	
8	Giám sát công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT, Ban Tổng giám đốc VIMC theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của VIMC	HĐQT, Ban TGD	Thường xuyên	Năm 2025	



9	Giám sát các chỉ tiêu tài chính; Bảo toàn và phát triển vốn; Thực hiện các dự án đầu tư và hiệu quả đầu tư; Việc thực hiện chế độ tài chính, phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ năm 2024, 2025.	VIMC	Thường xuyên	Năm 2025	
10	Kiểm tra, Giám sát tình hình thực hiện các kết luận, kiến nghị của chủ sở hữu, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tại VIMC.	VIMC	Thường xuyên	Năm 2025	
11	Thực hiện các công việc khác được quy định tại Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát VIMC, Điều lệ và Luật doanh nghiệp hiện hành.	VIMC	Thường xuyên	Năm 2025	
<b>B</b>	<b>Kiểm tra, giám sát theo chuyên đề</b>				
<b>I</b>	<b>Quý I năm 2025</b>				
1	Giám sát việc kiểm kê tài sản và xử lý kết quả kiểm kê tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2025	Văn phòng TCTY và đơn vị hạch toán phụ thuộc VLC	Tham gia kiểm kê trực tiếp; Biên bản kiểm kê; Báo cáo kết quả xử lý sau kiểm kê	Theo lịch kiểm kê của đơn vị	
2	Thẩm định Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý và người lao động tại Công ty Mẹ năm 2024 và Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025.	Văn phòng TCTY	Thông qua Tờ trình của TGD; Nghị quyết của HĐQT	Tháng 3/2025	
3	Rà soát, tham gia có ý kiến đối với Báo cáo tài chính năm tài chính 2024 của VIMC đã được kiểm toán (gồm BCTC riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất).	Công ty mẹ - Tổng công ty	Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, các biên bản kiểm toán, Thư quản lý, Hợp đồng kiểm toán và hồ sơ chứng từ liên quan	Sau khi Báo cáo tài chính 2024 đã kiểm toán được phát hành	BCTC riêng bao gồm Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc
<b>II</b>	<b>Quý II năm 2025</b>				
1	Thẩm định Báo cáo tài chính riêng Quý I năm 2025 của VIMC.	Công ty Mẹ - Tổng công ty và các công ty	Thông qua BCTC, báo cáo của người đại diện vốn, báo cáo của Kiểm	Sau khi Báo cáo tài chính quý	

		con	soát viên Tcty tại các đơn vị	I/ 2025 được phát hành	
2	Kiểm tra Công tác tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ; Đánh giá công tác quản lý tài chính, tình hình tài chính, việc tổ chức công tác kế toán; Kiểm tra việc chấp hành các quyết định, chỉ đạo của VIMC và thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện vốn của VIMC tại đơn vị. Kỳ kiểm tra: năm tài chính 2024.	Công ty CP Vận tải biển Vinaship	Kiểm tra trực tiếp tại đơn vị	Tháng 5/2025	Ban Kiểm soát kiểm tra hoặc phối hợp với các ban, bộ phận thuộc bộ máy giúp việc của VIMC
3	Kiểm tra Công tác tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ; Đánh giá công tác quản lý tài chính, tình hình tài chính, việc tổ chức công tác kế toán; Kiểm tra việc chấp hành các quyết định, chỉ đạo của VIMC và thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện vốn của VIMC tại đơn vị. Kỳ kiểm tra: năm tài chính 2024.	Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh	Kiểm tra trực tiếp tại đơn vị	Tháng 6/2025	Ban Kiểm soát kiểm tra hoặc phối hợp với các ban, bộ phận thuộc bộ máy giúp việc của VIMC
4	Kiểm tra Công tác tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ; Đánh giá công tác quản lý tài chính, tình hình tài chính, việc tổ chức công tác kế toán; Kiểm tra việc chấp hành các quyết định, chỉ đạo của VIMC và thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện vốn của VIMC tại đơn vị. Kỳ kiểm tra: năm tài chính 2024.	Công ty CP Cảng Hải Phòng	Kiểm tra trực tiếp tại đơn vị	Tháng 6/2025	Ban Kiểm soát kiểm tra hoặc phối hợp với các ban, bộ phận thuộc bộ máy giúp việc của VIMC
<b>III</b>	<b>Quý III năm 2025</b>				
1	Kiểm tra đánh giá hệ thống công nghệ thông tin của Tổng công ty (về các nội dung: Trang bị & quản lý TSCNTT; Quản lý kiểm soát truy cập; An toàn mạng máy tính; QL sử dụng các phần mềm nghiệp vụ; hoạt động lưu trữ sao lưu dữ liệu; tình hình thực hiện, triển khai các dự án...).	Văn phòng TCTy	Quan sát, phỏng vấn, đánh giá trên các hồ sơ, tài liệu, báo cáo	Tháng 7/2025	BKS VIMC thực hiện

2	Kiểm tra Công tác tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; Đánh giá công tác quản lý tài chính, tình hình bảo toàn và phát triển vốn; việc chấp hành các chỉ đạo của VIMC.	Chi nhánh VIMC tại Hải Phòng	Kiểm tra trực tiếp tại đơn vị	Tháng 7/2025	BKS VIMC thực hiện
	Kỳ kiểm tra: năm tài chính 2024, 6 tháng 2025.				
3	Kiểm tra Công tác tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; Đánh giá công tác quản lý tài chính, tình hình bảo toàn và phát triển vốn; việc chấp hành các chỉ đạo của VIMC.	Công ty Kho bãi VIMC Hải Phòng	Kiểm tra trực tiếp tại đơn vị	Tháng 7/2025	BKS VIMC thực hiện
	Kỳ kiểm tra: năm tài chính 2024, 6 tháng 2025.				
4	Thẩm định Báo cáo tài chính bán niên 2025 của VIMC.	Công ty Mẹ - Tổng công ty và các công ty con	Thông qua BCTC, báo cáo của người đại diện vốn, báo cáo của Kiểm soát viên Tcty tại các đơn vị	Tháng 8/2025	Sau khi Báo cáo tài chính quý II 2023 được phát hành
5	Kiểm tra Công tác tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ; Đánh giá công tác quản lý tài chính, tình hình tài chính, việc tổ chức công tác kế toán; Kiểm tra việc chấp hành các quyết định, chỉ đạo của VIMC và thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện vốn của VIMC tại đơn vị.	Công ty CP Cảng Quy Nhơn	Kiểm tra trực tiếp tại đơn vị	Tháng 9/2025	Ban Kiểm soát kiểm tra hoặc phối hợp với các ban, bộ phận thuộc bộ máy giúp việc của VIMC
	Kỳ kiểm tra: năm tài chính 2024 và 6 tháng 2025.				
<b>IV</b>	<b>Quý IV năm 2025</b>				
1	Kiểm tra Công tác tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ; Đánh giá công tác quản lý tài chính, tình hình tài chính, việc tổ chức công tác kế toán; Kiểm tra việc chấp hành các quyết định, chỉ đạo của VIMC và thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện vốn của VIMC tại đơn vị.	Công ty CP Vận tải biển Việt nam (Vosco)	Kiểm tra trực tiếp tại đơn vị	Tháng 10/2025	Ban Kiểm soát kiểm tra hoặc phối hợp với các ban, bộ phận thuộc bộ máy giúp việc của VIMC
	Kỳ kiểm tra: năm tài chính 2024 và 6 tháng 2025.				

2	Kiểm tra Công tác tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ; Đánh giá công tác quản lý tài chính, tình hình tài chính, việc tổ chức công tác kế toán; Kiểm tra việc chấp hành các quyết định, chỉ đạo của VIMC và thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện vốn của VIMC tại đơn vị.	Công ty CP Vận tải Container VIMC	Kiểm tra trực tiếp tại đơn vị	Tháng 11/2025	Ban Kiểm soát tham gia cùng đoàn kiểm tra của BDH VIMC
	Kỳ kiểm tra: năm tài chính 2024 và 6 tháng 2025.				
3	Thẩm định Báo cáo tài chính riêng Quý III năm 2025 của VIMC.	Công ty Mẹ VIMC và các công ty con	Thông qua BCTC, báo cáo của người đại diện vốn, báo cáo của Kiểm soát viên Tcty tại các đơn vị	Tháng 11/2025	Sau khi Báo cáo tài chính quý III 2025 được phát hành
4	Đánh giá hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ Tổng công ty	Công ty Mẹ Tổng công ty	Rà soát các thành phần của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Công ty Mẹ Tổng công ty	Tháng 12/2025	Đánh giá hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ

Lưu ý:

\* Thời gian kiểm tra trong kế hoạch này là dự kiến, thời gian cụ thể phụ thuộc vào sự sắp xếp, phối hợp với các ban liên quan.

Số: 287/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2025

## **TỜ TRÌNH**

### **V/v phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (“VIMC”);

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP,

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung như sau:

#### **1. Về Báo cáo tài chính riêng năm 2024**

Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Ý kiến kiểm toán viên về Báo cáo tài chính như sau:

*“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng” đối với Báo cáo tài chính.*

Tóm tắt một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã kiểm toán như sau:

Đơn vị tính: VND

<b>A</b>	<b>Bảng Cân đối kế toán</b>	<b>Tại 31/12/2024</b>	<b>Tại 31/12/2023</b>
<b>I</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>14.412.914.827.217</b>	<b>13.777.616.310.724</b>
1	Tài sản ngắn hạn	2.222.671.378.674	2.511.356.461.711
2	Tài sản dài hạn	12.190.243.448.543	11.266.259.849.013
<b>II</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>14.412.914.827.217</b>	<b>13.777.616.310.724</b>
1	Nợ phải trả	832.935.182.928	1.631.485.332.118
2	Vốn chủ sở hữu	13.401.492.275.760	12.126.130.978.606

<b>B</b>	<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	192.885.296.483	87.655.450.723
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	393.406.540.554	316.318.324.070
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.353.536.982.178	357.283.201.651
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.353.536.982.178	357.283.201.651

<b>C</b>	<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
1	Lợi nhuận trước thuế	1.353.536.982.178	357.283.201.651
2	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	205.778.519.391	2.929.683.033
4	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(97.957.522.738)	392.017.304.702
5	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(286.998.125.997)	(66.812.514.027)
6	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(179.177.129.344)	329.034.473.708
7	Tiền và tương đương tiền đầu năm	480.875.972.938	149.475.735.653
8	Tiền và tương đương tiền cuối năm	322.930.807.932	480.875.972.938

## 2. Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Trong Báo cáo kiểm toán độc lập có nêu:

“1. Tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng - Công ty con Tổng công ty

Tại thời điểm 31/12/2024, Cảng Hải Phòng đang ghi nhận tại chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 142,14 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.

Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Cảng Hải Phòng đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 là 44,8 tỷ đồng, chi phí lãi vay tạm trích trước là 149,3 tỷ đồng.

Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị, Cảng Hải Phòng đã dừng trích khấu hao, dừng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này. Ngày 8/6/2023, Cảng Hải Phòng đã có văn bản số 1674/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Bộ GTVT đã có văn bản số 10882/BGTVT-TC ngày 28/9/2023 gửi Bộ Tài chính tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (thay thế Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018), trong đó Bộ GTVT có đề xuất bổ sung nội dung trong điều khoản chuyển tiếp của Nghị định để trong trường hợp đề xuất được thông qua sẽ giải quyết được hình thức quản lý tài sản, tức là tài sản bến số 4,5 Cảng Chùa Vẽ được giao cho Cảng Hải Phòng quản lý, khai thác (không phải cho thuê). Ngày 24/12/2024, Văn phòng Chính phủ đã có thông báo số 569/TB-VPCP về việc kết luận tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ về Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. Theo đó, Phó Thủ tướng thống nhất về việc không quy định xử lý chuyển tiếp trong Nghị định đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hình thành từ nguồn vốn Nhà nước, đồng thời giao Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính khẩn trương báo cáo phương án xử lý. Khi có sự phê duyệt chính thức của các cấp có thẩm quyền về phương án quản lý khai thác đối với tài sản Cầu số 4, số 5, Bãi container Chùa Vẽ và GóI thiết bị, Cảng Hải Phòng sẽ có trách nhiệm cập nhật

*lại số liệu báo cáo tài chính. Ngày 27/12/2024, thực hiện theo Nghị quyết số 168/NQ-CHP, Hội đồng quản trị Cảng Hải Phòng đã chấp thuận chủ trương tiếp tục trích khấu hao đối với cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ theo đề xuất của Tổng Giám đốc Cảng Hải Phòng tại Báo cáo số 4882/CHP-TCKT ngày 25/12/2024.*

*Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.*

*Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Cảng Hải Phòng (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Cảng Hải Phòng sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính của Cảng Hải Phòng.”*

*2. Tại Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông - Công ty con của Tổng công ty*

*- Liên quan đến chênh lệch số dư gốc vay và nợ vay phải trả Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy*

*Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và số 24 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Theo thư xác nhận độc lập mà chúng tôi nhận được từ Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy (“VFC”) ghi nhận số dư gốc cho vay và lãi phải thu Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông (“Biển Đông”) liên quan đến Dự án tàu Container 1730 TEU V22 lớn hơn số liệu trên sổ sách do Biển Đông theo dõi tại thời điểm 01/01/2024 lần lượt là 28.667.314,77 USD và 59.208.393,37 USD, tại thời điểm 31/12/2024 lần lượt là 28.667.314,77 USD và 63.541.824,47 USD. Nguyên nhân là do Biển Đông đã thực hiện chuyển nợ gốc và lãi vay phải trả VFC sang Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng (“Bạch Đằng”) theo biên bản bàn giao ký ngày 05/08/2015 với Bạch Đằng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp cho các số dư tại thời điểm đầu năm, số liệu phát sinh trong kỳ và số dư cuối kỳ của các khoản vay và chi phí lãi vay phải trả này.*

*Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các chỉ tiêu này và các ảnh hưởng nếu có đến Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo hay không (xem thêm tại Thuyết minh số 20).*

*- Liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch giữa nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng với số tiền Công ty nhận nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)*



*Trước năm 2017, Biển Đông áp dụng hướng dẫn của công văn số 751/BTC-TCDN ngày 17/9/2015 của Bộ tài chính ( công văn 751) v/v hướng dẫn kế toán phần chênh lệch giữa giá trị khoản nợ theo sổ sách kế toán và giá trị nhận nợ với DATC (Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam ). Theo đó, khoản chênh lệch giữa số tiền Biển Đông nhận nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận tăng giá trị phần vốn Nhà nước tại Biển Đông.*

*Từ năm 2018 đến năm 2021, Biển Đông chuyển sang áp dụng các quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, theo đó khoản chênh lệch giữa số tiền Biển Đông nhận nợ DATC với giá trị khoản gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.*

*Từ năm 2022 tới 2023, Biển Đông áp dụng hướng dẫn của Thông tư số 46/2021/TT-BTC ngày 23/6/2021, công văn số 751/BTC-TCDN ngày 17/9/2015, công văn số 5883 /BTC-TCDN ngày 08/5/2017, công văn số 1440/BTC-TCDN ngày 08/02/2021 của Bộ Tài chính. Theo đó, khoản chênh lệch giữa số tiền Công ty nhận nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận tăng giá trị phần vốn Nhà nước tại Biển Đông.*

*Nếu Biển Đông áp dụng nhất quán quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong ghi nhận các khoản này thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2024, chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Mã số 416) sẽ giảm xuống 2.166,24 tỷ đồng, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) tăng lên tương ứng và tại ngày 31/12/2024, chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Mã số 416) sẽ giảm xuống 2.166,24 tỷ đồng, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) tăng lên tương ứng.”*

*Đối với ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc ghi nhận tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng: Đây là yếu tố khách quan do phương án xử lý đối với các tài sản cầu số 4, số 5 và bãi container cảng Chùa Vẽ vẫn chưa được các cơ quan quản lý phê duyệt. Tồn tại này được nêu trên Báo cáo tài chính của Công ty kể từ khi chuyển sang công ty cổ phần (từ ngày 01/07/2014).*

*Đối với ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc ghi nhận tại Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông: Công ty kiểm toán không đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với việc hạch toán kế toán của Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông. Ý kiến ngoại trừ này chỉ liên quan đến việc áp dụng chính sách kế toán chưa nhất quán giữa các năm trong giai đoạn cổ phần hóa và thực hiện phương án tái cơ cấu để chuyển đổi thành công ty cổ phần. Việc hạch toán hiện tại của Công ty Biển Đông vẫn tuân thủ các quy định pháp lý liên quan.*

Tóm tắt một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 sau kiểm toán như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<b>A</b>	<b>Bảng Cân đối kế toán</b>	<b>Tại 31/12/2024</b>	<b>Tại 31/12/2023</b>
<b>I</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>30.424.970.632.989</b>	<b>27.535.428.729.284</b>
1	Tài sản ngắn hạn	13.250.276.250.627	11.963.612.942.094
2	Tài sản dài hạn	17.174.694.382.362	15.571.815.787.190
<b>II</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>30.424.970.632.989</b>	<b>27.535.428.729.284</b>
1	Nợ phải trả	13.008.273.019.746	12.169.113.677.699
2	Vốn chủ sở hữu	17.416.697.613.243	15.366.315.051.585

<b>B</b>	<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.813.362.201.188	2.403.014.876.794
2	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	225.015.248.832	153.835.939.153
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.796.420.018.078	1.780.363.893.364
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.152.648.526.287	2.126.014.151.227
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.629.828.754.343	1.701.819.140.313

<b>C</b>	<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
1	Lợi nhuận trước thuế	3.152.648.526.287	2.126.014.151.227
2	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	2.798.128.629.518	2.066.041.757.855
4	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(2.206.074.606.952)	(1.244.736.019.469)
5	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(124.661.281.820)	(417.919.181.174)
6	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	467.392.740.747	403.386.557.212
7	Tiền và tương đương tiền đầu năm	2.771.448.217.598	2.384.234.648.554
8	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3.255.012.146.283	2.771.448.217.598

Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông năm 2025 thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán.

Trân trọng kính trình./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, CT HĐQT, TKTH, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Lê Anh Sơn**



**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024**

---

*Tháng 03 năm 2025*

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	09 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 48

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Lê Anh Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Cảnh Tinh	Thành viên
Ông Đỗ Tiến Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Chung	Thành viên
Ông Đỗ Hùng Dương	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Cảnh Tinh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Cảnh Tinh - Tổng Giám đốc.

**Ban kiểm soát**

Ông Lương Đình Minh	Trưởng ban
Bà Phan Thị Nhị Hà	Kiểm soát viên
Ông Phạm Cao Nhuệ	Kiểm soát viên

**Kế toán trưởng**

Ông Lê Duy Dương	Trưởng ban Tài chính – Kế toán
------------------	--------------------------------

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.


Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

**CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. 

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Cảnh Tình**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Số: 143/2025/UHY- BCKT

### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP*

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024*

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 03 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ các nội dung sau:

- Tại thuyết minh số 12: Tổng Công ty đang theo dõi khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn tại chỉ tiêu "Đầu tư vào công ty con" (mã số 251) của Bảng Cân đối kế toán riêng với giá trị là 415,46 tỷ đồng. Đây là giá trị mà Tổng Công ty đã chuyển trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành (Công ty Hợp Thành) theo các quy định của hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu cổ phần. Đến ngày 31/12/2024, các bên vẫn đang trong quá trình trao đổi, xem xét về giá trị lợi ích hợp pháp của Công ty Hợp Thành trong giai đoạn tham gia đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

- Tại thuyết minh số 35.3: Theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, Tổng Công ty phải thực hiện quyết toán thuế, các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước với Cơ quan thuế và đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, quyết toán tiền thu về cổ phần hóa, chi trả chế độ lao động dôi dư, chi phí cổ phần hóa. Tổng Công ty đã hoàn thành việc quyết toán thuế. Đối với các nội dung còn lại, Tổng Công ty đã hoàn thành hồ sơ và đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, do vậy số liệu trên Báo cáo tài chính riêng kèm theo có thể thay đổi theo ý kiến của các cấp có thẩm quyền.

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi Ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Lê Quang Nghĩa  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Trịnh Thị Trang  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán số 4061-2022-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.222.671.378.674</b>	<b>2.511.356.461.711</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	322.930.807.932	480.875.972.938
Tiền	111		272.428.807.932	400.875.972.938
Các khoản tương đương tiền	112		50.502.000.000	80.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>12</b>	<b>1.324.907.174.250</b>	<b>1.530.400.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.324.907.174.250	1.530.400.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>365.711.524.538</b>	<b>273.883.149.312</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	222.971.807.428	127.491.538.729
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	73.091.281.040	61.405.892.519
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	13.216.000.000	13.216.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	339.784.197.850	363.047.109.705
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(284.780.328.729)	(292.705.958.590)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	10	1.428.566.949	1.428.566.949
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>137.400.989.697</b>	<b>153.482.119.491</b>
Hàng tồn kho	141		341.720.580.497	357.936.012.141
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(204.319.590.800)	(204.453.892.650)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>71.720.882.257</b>	<b>72.715.219.970</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	5.876.143.841	7.463.577.609
Thuế GTGT được khấu trừ	152		57.756.292.081	57.796.496.026
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	8.088.446.335	7.455.146.335
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>12.190.243.448.543</b>	<b>11.266.259.849.013</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>531.071.124.866</b>	<b>187.599.743.783</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	471.101.268.994	153.331.321.528
Phải thu dài hạn khác	216	8	59.969.855.872	34.304.989.955
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	-	(36.567.700)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>741.566.363.684</b>	<b>1.036.046.199.031</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	732.970.430.801	1.024.624.456.869
- Nguyên giá	222		5.941.341.461.328	6.245.913.260.678
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.208.371.030.527)	(5.221.288.803.809)
Tài sản cố định vô hình	227	14	8.595.932.883	11.421.742.162
- Nguyên giá	228		28.181.758.628	28.181.758.628
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.585.825.745)	(16.760.016.466)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>15</b>	<b>202.548.041.956</b>	<b>231.505.088.170</b>
- Nguyên giá	231		443.576.848.623	442.711.786.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(241.028.806.667)	(211.206.698.453)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>21.225.570.819</b>	<b>1.403.776.017</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		21.225.570.819	1.403.776.017
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>10.671.792.508.773</b>	<b>9.790.818.999.914</b>
Đầu tư vào công ty con	251		10.511.439.628.364	9.681.323.395.201
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		403.834.081.788	403.834.081.788
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		17.179.300.748	17.179.300.748
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(260.660.502.127)	(311.517.777.823)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>22.039.838.445</b>	<b>18.886.042.098</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	22.039.838.445	18.886.042.098
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>14.412.914.827.217</b>	<b>13.777.616.310.724</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.011.422.551.457</b>	<b>1.631.485.332.118</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>832.935.182.928</b>	<b>1.469.926.809.480</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	77.414.834.913	120.657.522.218
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	22.164.650.361	2.936.761.500
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	922.942.745	897.628.499
Phải trả người lao động	314		79.638.465.162	64.790.331.601
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	5.845.237.358	23.767.395.200
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.236.056.371	4.203.916.965
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	620.649.301.249	1.011.976.213.604
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	-	240.671.555.973
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		23.063.694.769	25.483.920
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>178.487.368.529</b>	<b>161.558.522.638</b>
Phải trả dài hạn khác	337	21	52.009.918.529	40.679.522.638
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	126.477.450.000	120.879.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>13.401.492.275.760</b>	<b>12.146.130.978.606</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>13.401.492.275.760</b>	<b>12.146.130.978.606</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		42.075.293.582	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.353.536.982.178	140.250.978.606
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	(217.032.223.045)
- LNST chưa phân phối lũy kế năm nay	421b		1.353.536.982.178	357.283.201.651
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>14.412.914.827.217</b>	<b>13.777.616.310.724</b>

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu



Vũ Thị Thanh Duyên

Trưởng ban TCKT



Lê Duy Dương

Tổng Giám đốc




Nguyễn Cảnh Tĩnh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>25</b>	<b>1.640.919.298.307</b>	<b>1.468.719.468.851</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>1.640.919.298.307</b>	<b>1.468.719.468.851</b>
Giá vốn hàng bán	11	26	1.448.034.001.824	1.381.064.018.128
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>192.885.296.483</b>	<b>87.655.450.723</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	540.455.111.560	546.597.897.046
Chi phí tài chính	22	28	107.309.478.612	88.513.606.302
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>23.372.539.160</i>	<i>21.168.826.790</i>
Chi phí bán hàng	25	29	9.851.871.608	20.757.680.927
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	222.772.517.269	208.663.736.470
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>393.406.540.554</b>	<b>316.318.324.070</b>
Thu nhập khác	31	31	975.328.607.325	51.938.641.658
Chi phí khác	32	32	15.198.165.701	10.973.764.077
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>960.130.441.624</b>	<b>40.964.877.581</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1.353.536.982.178</b>	<b>357.283.201.651</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>1.353.536.982.178</b>	<b>357.283.201.651</b>

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Vũ Thị Thanh Duyên

Trưởng ban TCKT

Lê Duy Dương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Cảnh Tĩnh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024*

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.353.536.982.178	357.283.201.651
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		340.192.919.503	344.539.099.272
Các khoản dự phòng	03		(58.953.775.107)	(21.951.655.951)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(27.062.031.481)	(13.720.689.173)
Lãi/(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(841.700.009.728)	(510.583.305.368)
Chi phí lãi vay	06		23.372.539.160	21.168.826.790
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		789.386.624.525	176.735.477.221
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(324.770.272.237)	20.584.576.590
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		16.215.431.644	109.745.486.531
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(226.674.387.935)	(91.037.847.971)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.566.362.579)	11.901.990.662
Tiền lãi vay đã trả	14		(46.812.514.027)	(225.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh</b>	20		205.778.519.391	2.929.683.933
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(211.873.742.487)	(75.680.027.360)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		105.673.144.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.276.225.072.874)	(1.966.818.482.684)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.176.716.000.000	1.954.790.166.684
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(340.426.974.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị	26		29.502.900.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		418.676.222.623	480.625.648.062
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu</b>	30		(97.957.522.738)	392.917.304.702

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(240.671.555.973)	(66.812.514.027)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(46.326.570.024)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(286.998.125.997)</b>	<b>(66.812.514.027)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(179.177.129.344)</b>	<b>329.034.473.708</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	480.875.972.938	149.475.735.653
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		21.231.964.338	2.365.763.577
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	322.930.807.932	480.875.972.938

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2025

Người lập biểu

Vũ Thị Thanh Duyên

Trưởng ban TCKT

Lê Duy Dương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Cảnh Tinh



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 250/TTg ngày 29/4/1995 của Thủ tướng chính phủ. Ngày 29/09/2006, Tổng Công ty đã chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 216/2006/QĐ – TTg của Thủ tướng chính phủ. Đồng thời, Thủ tướng chính phủ cũng ban hành Quyết định số 217/2006/QĐ-TTg về việc thành lập Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Ngày 25/06/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 985/QĐ-TTg về việc chuyển Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Thực hiện đề án Tái cơ cấu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tổng Công ty đã tổ chức thực hiện xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2016. Ngày 08/12/2017, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 3402/QĐ-BGTVT công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Đến ngày 20/06/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 751/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Ngày 18/06/2020, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp ban hành Quyết định số 277/QĐ-UBQLV điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ theo kết quả chào bán cổ phần lần đầu của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Tổng Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu vào ngày 13/08/2020 và chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 18/08/2020.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0100104595 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội lần đầu ngày 07/07/2010. Từ ngày 18/08/2020, Tổng Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7 để chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với vốn điều lệ là 12.005.880.000.000 VND.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, đường thủy nội địa, đường bộ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải; hoạt động điều hành cảng biển, cảng đường thủy nội địa; hoạt động đại lý, giao nhận vận chuyển, logistics, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, mua bán nợ...

**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

**1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

**1.5 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY**

Thông tin về Công ty con, Công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh 12 – phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty có các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.5 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY (TIẾP)**

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại Hải Phòng	Hải Phòng	Cho thuê mặt bằng, văn phòng
2	Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Cho thuê mặt bằng, văn phòng
3	Công ty Vận tải biển VIMC	Hà Nội	Dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường biển
4	Công ty Kho bãi VIMC Hải Phòng	Hải Phòng	Cho thuê mặt bằng, văn phòng, dịch vụ hàng hải
5	Công ty Nhân lực VIMC – Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP	Hà Nội	
6	Ban Quản lý dự án chuyên ngành hàng hải – Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP	Hà Nội	Quản lý dự án

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH****2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) và được tổng hợp từ báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và của Văn phòng Tổng Công ty. Các giao dịch và số dư giữa các đơn vị này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

**3.1 CÁC ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.2 TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.3 NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được quy đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

**Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác**

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài.

*Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này được ghi nhận theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi và được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bán cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng tại Công ty Vận tải biển VIMC – đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty mẹ, giá trị hàng tồn kho (chủ yếu là nhiên liệu trên tàu) được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối kỳ kế toán cho từng mặt hàng tồn kho có chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc hàng tồn kho và giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ VÔ HÌNH**

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Đối với các tài sản cố định được ghi nhận tăng trước ngày 31/12/2016, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Tổng Công ty đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được công bố.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 35
Máy móc, thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	03 – 08
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50
Phần mềm	03

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.8. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đối với bất động sản đầu tư được đưa vào sử dụng và ghi tăng nguyên giá trước hoặc trong ngày 31/12/2016 (thời điểm xác định giá trị cổ phần hóa), nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được ghi nhận theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

**Nhóm tài sản cố định****Thời gian sử dụng (năm)**

Nhà cửa, vật kiến trúc

35

**3.9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

***Chi phí đất trả trước***

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận Tài sản cố định vô hình theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ phát sinh một lần: dựa trên đánh giá tình hình thực tế, chi phí công cụ dụng cụ được phản ánh vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.

***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần: dựa trên đánh giá tình hình thực tế, chi phí công cụ dụng cụ được phản ánh vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.

***Chi phí thuê nhà và chi phí bảo hiểm:*** Được phân bổ căn cứ thời gian trả trước.

**3.11. NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Tổng Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 3.3.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.12 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: các khoản đi vay và nợ thuê tài chính.

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ, theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

**3.13 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, toàn bộ chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

**3.14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm chi phí lãi vay và các loại chi phí khác.

**3.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Tại ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần, vốn đầu tư của chủ sở hữu được hạch toán điều chỉnh về đúng vốn điều lệ của Công ty cổ phần đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phần chênh lệch giữa giá trị vốn chủ sở hữu tại ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần và vốn điều lệ của công ty cổ phần được Tổng Công ty hạch toán vào chỉ tiêu Phải trả ngắn hạn khác để nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

**3.16 GHI NHẬN DOANH THU*****Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.16 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)**

**Doanh thu hoạt động tài chính** bao gồm lãi tiền gửi, tiền vay, cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi chênh lệch tỷ giá, lãi thoái vốn tại các công ty cổ phần,... cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.

**Thu nhập khác** phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Tổng Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

**3.17 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

**3.18 CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Bảo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khí xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.19. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện. Báo cáo bộ phận được trình bày tại Báo cáo hợp nhất của Tổng Công ty theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kiểm toán số 28 – Báo cáo bộ phận.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	3.121.559.730	2.319.125.484
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	269.307.248.202	398.556.847.454
Các khoản tương đương tiền (*)	50.502.000.000	80.000.000.000
	<b>322.930.807.932</b>	<b>480.875.972.938</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng Thương mại với kỳ hạn không quá 03 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>22.168.478.540</b>	<b>(793.136.329)</b>	<b>34.774.715.693</b>	<b>(792.992.581)</b>
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	39.871	-	-	-
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	484.977.024	-	594.804.860	-
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	648.000.000	-	93.020.000	-
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	221.735.430	-	134.890.470	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	-	-	28.248.778.197	-
- Công ty CP Vinalines Nha Trang	60.585.295	-	24.089.654	-
- Công ty Cổ phần VIMC Logistics	3.863.076.849	-	4.710.287.937	-
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	81.313.983	-	107.061.950	-
- Công ty Cổ phần VTB & hợp tác lao động quốc tế	99.932.011	-	562.351	-
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	76.198.288	-	1.285.373	-
- Công ty TNHH Honda Logistic Việt Nam	3.074.531	-	66.942.320	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	793.136.329	(793.136.329)	792.992.581	(792.992.581)
- Công ty CP Vận tải Container VIMC	15.836.408.929	-	-	-
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên khác</b>	<b>200.803.328.888</b>	<b>(26.148.906.834)</b>	<b>92.716.823.036</b>	<b>(24.294.872.882)</b>
- Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư HB	146.268.626.306	-	-	-
- Công ty TNHH Hapag - Lloyd	61.257.567	-	9.178.877.773	-
- Denmar Chartering & Trading GmbH	16.658.268.724	(16.658.268.724)	16.658.268.724	(16.658.268.724)
- Ocean Network Express Pte Ltd	-	-	12.766.067.281	-
- Các khách hàng khác	37.815.176.291	(9.490.638.110)	54.113.609.258	(7.636.604.158)
	<b>222.971.807.428</b>	<b>(26.942.043.163)</b>	<b>127.491.538.729</b>	<b>(25.087.865.463)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<b>31/12/2024</b>		<b>01/01/2024</b>	
	<b>Giá trị VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá trị VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Công ty Đóng tàu Bạch Đằng (*)	49.239.258.319	(49.239.258.319)	49.239.258.319	(49.239.258.319)
Công ty Cổ phần Thương mại và xây dựng T&T Việt Nam	6.026.238.532	-	-	-
Tổng Công ty Xây dựng Đường Thủy	6.179.608.452	(6.179.608.452)	6.179.608.452	(6.179.608.452)
Các đối tượng khác	11.646.175.737	(1.032.231.218)	5.987.025.748	(1.032.231.218)
	<b>73.091.281.040</b>	<b>(56.451.097.989)</b>	<b>61.405.892.519</b>	<b>(56.451.097.989)</b>

(\*) Khoản ứng trước vượt quá giá trị quyết toán của Hợp đồng số 01/VNL-BĐ ngày 22/11/2010 ký giữa Tổng Công ty và Công ty Đóng tàu Bạch Đằng về việc đóng tàu BV-11.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>13.216.000.000</b>	-	<b>13.216.000.000</b>	-
- Công ty CP Cảng Cần Thơ (i)	6.716.000.000	-	6.716.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang (ii)	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
<b>Dài hạn</b>	<b>471.101.268.994</b>	-	<b>153.331.321.528</b>	-
- Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA (iii)	124.992.450.000	-	119.196.000.000	-
- Công ty CP Cảng Cần Thơ (i)	26.869.321.528	-	33.585.321.528	-
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (iv)	318.689.497.466	-	-	-
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	550.000.000	-	550.000.000	-
	<b>484.317.268.994</b>	-	<b>166.547.321.528</b>	-
<b>Phải thu về cho vay là các bên liên quan</b>	<b>165.627.771.528</b>	-	<b>166.547.321.528</b>	-
- Công ty CP Cảng Cần Thơ (i)	33.585.321.528	-	40.301.321.528	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang (ii)	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
- Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA (iii)	124.992.450.000	-	119.196.000.000	-
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	550.000.000	-	550.000.000	-
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (iv)	318.689.497.466	-	-	-

(i) Số dư gốc và lãi vay của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được Tổng Công ty trả hộ theo Văn bản thỏa thuận đã ký ngày 30/09/2019 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ. Thời hạn trả nợ đến hết năm 2027. Lãi suất của kỳ tính lãi đầu tiên là 4,5%/năm, lãi suất cho năm 2024 là 3,4%/năm. Các kỳ tiếp theo sẽ được điều chỉnh lại theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức bình quân lãi suất huy động của 04 Ngân hàng: Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank. Biện pháp đảm bảo bao gồm các tài sản đảm bảo và Quyền đòi nợ từ các hợp đồng kinh tế của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ với giá trị dự kiến được xác định là 65.726.937.914 đồng.

(ii) Khoản cho vay Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang ("Công ty Hậu Giang"), lãi suất 6%/năm, mục đích vay để nộp tiền sử dụng đất cho thời gian gia hạn tiền độ sử dụng đất tại Khu công nghiệp Sông Hậu - Giai đoạn 1. Thời gian vay đến ngày 31/12/2024 hoặc ngay sau khi Công ty Hậu Giang thu được tiền chuyển nhượng 21ha đất. Khoản vay không tài sản đảm bảo, Công ty ưu tiên sử dụng nguồn thu từ việc chuyển nhượng 21ha đất để hoàn trả khoản hỗ trợ tài chính. Đến thời điểm hiện tại Công ty Hậu Giang vẫn đang trong thời gian triển khai thực hiện các thủ tục để chuyển nhượng lô đất nêu trên.

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY (TIẾP)**

(iii) Khoản cho Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA vay, trị giá nguyên tệ là 4.950.000 USD theo Hợp đồng vay cổ đông ngày 26/08/2008, tương ứng với tỷ lệ vốn góp 15% của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA. Khoản cho vay được hưởng lãi suất Soft (lãi suất cho vay qua đêm có đảm bảo), được hoàn trả khi có yêu cầu của Công ty PSA Vietnam Pte Ltd., (bên cho vay).

(iv) Khoản phải thu công ty TNHH Cảng Công - Ten - Nơ Quốc tế Cái Lân (Cảng CICT) theo thỏa thuận mua nợ đã ký giữa VIMC, Công ty SSA Holdings International và các bên cho vay (Lender) nhằm thực hiện phương án tái cấu trúc tài chính CICT đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 22/7/2024.

**8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>339.784.197.850</b>	<b>(198.338.418.174)</b>	<b>363.047.109.705</b>	<b>(209.738.428.189)</b>
Tạm ứng	4.872.519.106	-	5.401.509.033	-
Kí cược, kí quỹ	488.060.875	(162.556.875)	563.376.875	(162.556.875)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	68.457.420.975	(68.457.420.975)	78.275.906.975	(77.066.663.975)
Lãi tiền gửi có kì hạn dự thu	18.846.003.587	-	39.009.465.756	-
Phải thu lãi cho vay	75.359.962.000	(7.713.305.729)	57.156.382.558	(7.733.305.729)
Phải thu thuế GTGT đầu vào của Dự án bến số 2 - Cảng Ba Ngòi	12.810.751.466	-	12.810.751.466	-
(1)				
Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm	7.769.322.276	-	15.042.900.975	-
Công ty CP Vinalines Nhà Trang (2)	106.209.633.907	(104.164.735.511)	106.230.769.573	(101.992.278.014)
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	15.682.105.689	(5.622.699.320)	17.334.975.914	(5.601.848.023)
Các khoản phải thu khác	29.288.417.969	(12.217.699.764)	31.221.070.580	(17.181.775.573)
<b>Dài hạn</b>	<b>59.969.855.872</b>	<b>-</b>	<b>34.304.989.955</b>	<b>(36.567.700)</b>
Ký cược, ký quỹ	3.483.461.658	-	3.328.702.424	-
Lãi cho vay	9.570.264.854	-	10.884.963.779	-
Phải thu tiền vật tư và nhiên liệu tồn trên tàu khi bán giao (3)	41.316.129.360	-	20.054.756.052	-
Phải thu khác	5.600.000.000	-	36.567.700	(36.567.700)
	<b>399.754.053.722</b>	<b>(198.338.418.174)</b>	<b>397.352.099.660</b>	<b>(209.774.995.889)</b>



**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan</b>	<b>305.569.690.895</b>	<b>(189.531.995.013)</b>	<b>290.273.135.151</b>	<b>(197.043.158.083)</b>
- Công ty CP Cảng Sài Gòn	-	-	100.600.000	-
- Công ty CP Cảng Cam Ranh	12.810.751.466	-	12.810.751.466	-
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	240.000.000	-	180.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	143.952.000	-	-	-
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	4.843.684.713	-	4.371.020.669	(2.211.389.083)
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	66.000.000	-	48.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	823.841.637	-	823.841.637	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	70.704.005.549	(70.704.005.549)	70.726.548.706	(70.704.005.549)
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	312.000.000	-	174.000.000	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	60.000.000	-	6.660.000.000	(6.600.000.000)
- Công ty CP Vinalines Nha Trang (2)	111.809.633.907	(104.164.735.511)	106.230.769.573	(101.992.278.014)
- Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải Việt Nam	2.100.000	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	7.975.530	-	2.418.486.000	-
- Công ty TNHH một thành viên DVHH Hậu Giang	11.022.557.947	(4.749.616.539)	7.369.868.635	-
- Công ty Cổ phần Cảng Năm Căn	3.310.988.907	(3.310.988.907)	3.310.988.907	(3.310.988.907)
- Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô	74.364.000	-	-	-
- Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	-	-	6.000.000	-
- Công ty Cổ phần VTB và TM Phương Đông (OSTC)	6.700.148.507	(6.602.648.507)	6.661.648.507	(6.622.648.507)
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	1.655.210.725	-	1.590.141.641	-
- Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA	61.002.015.761	-	49.389.493.496	-
- Công ty Cổ phần Hàng hải Sài Gòn	36.000.000	-	-	-
- Công ty CP Vận tải Container VIMC	215.700.000	-	-	-
- Công Ty TNHH Cảng Công-Ten-Nơ Quốc Tế Cái Lân	4.046.654.557	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin (4)	15.682.105.689	-	17.334.975.914	(5.601.848.023)
- Công ty CP Cảng Khuyến Lương	-	-	66.000.000	-
<b>Phải thu dài hạn khác là bên liên quan</b>	<b>31.024.494.424</b>	<b>-</b>	<b>10.884.963.779</b>	<b>-</b>
- Công ty CP Vận tải Container VIMC (3)	21.454.229.570	-	-	-
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	9.570.264.854	-	10.884.963.779	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

**8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)**

- (1) Đây là khoản thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của Dự án xây dựng bến số 2 – Cảng Ba Ngòi (Giai đoạn 1) mà Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP đã chuyển giao tài sản cho Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh.
- (2) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang mà Tổng Công ty đã trả hộ gốc vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam để đóng tàu Âu Cơ 1; khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng để đóng mới tàu Âu Cơ 1 và tàu Hoa Lư, lãi phát sinh tương ứng.
- (3) Phải thu tiền nhiên liệu, dầu nhớt, vật tư tàu là giá trị lượng vật tư chưa tiêu hao còn tồn trên tàu theo Hợp đồng cho thuê tàu giữa Công ty Vận tải biển VIMC – đơn vị trực thuộc Tổng Công ty và các bên thuê tàu, sẽ được quyết toán khi bàn giao thanh lý Hợp đồng.
- (4) Khoản phải thu Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin bao gồm tiền BHXH, BHYT, BHTN được Tổng Công ty trả hộ và khoản tiền mà Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin nhận nợ từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương được chuyển sang ghi tăng vốn Nhà nước tại Tổng Công ty. Tổng Công ty sẽ thực hiện thu hồi khoản phải thu này thông qua bù trừ với tiền thanh lý tàu của Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin đang phản ánh trên chỉ tiêu “Phải trả ngắn hạn khác”.

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**9. NỢ XẤU**

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị trích lập dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị trích lập dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>297.407.064.493</b>	<b>(284.780.328.729)</b>	<b>12.626.735.764</b>	<b>304.621.684.486</b>	<b>(292.705.958.590)</b>	<b>11.915.725.896</b>
- Công ty TNHH MTV đóng tàu Bạch Đằng	49.239.258.319	(49.239.258.319)	-	49.239.258.319	(49.239.258.319)	-
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	70.704.005.549	(70.704.005.549)	-	70.704.005.549	(70.704.005.549)	-
- Công ty CP Vinalines Nha Trang	106.209.633.907	(104.164.735.511)	2.044.898.396	104.941.493.917	(101.992.278.014)	2.949.215.903
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	6.602.648.507	(6.602.648.507)	-	6.622.648.507	(6.622.648.507)	-
- Công ty CP Vận tải biển Vinaship	-	-	-	6.600.000.000	(6.600.000.000)	-
- Denmar Chartering & Trading Gmbh	16.658.268.724	(16.658.268.724)	-	16.658.268.724	(16.658.268.724)	-
- Tổng Công ty Xây dựng Đường Thủy	6.179.608.452	(6.179.608.452)	-	6.179.608.452	(6.179.608.452)	-
- Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng	6.768.939.533	(2.794.578.599)	3.974.360.934	-	-	-
- Các đối tượng khác	35.044.701.502	(28.437.225.068)	6.607.476.434	43.676.401.018	(34.709.891.025)	8.966.509.993
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>36.567.700</b>	<b>(36.567.700)</b>	<b>-</b>
- Các đối tượng khác	-	-	-	36.567.700	(36.567.700)	-
	<b>297.407.064.493</b>	<b>(284.780.328.729)</b>	<b>12.626.735.764</b>	<b>304.658.252.186</b>	<b>(292.742.526.290)</b>	<b>11.915.725.896</b>

**10. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Thất thoát dầu Tàu VNL Trader	534.955.789	(534.955.789)	534.955.789	(534.955.789)
- Thất thoát dầu Tàu VNL Ocean	893.611.160	(893.611.160)	893.611.160	(893.611.160)
	<b>1.428.566.949</b>	<b>(1.428.566.949)</b>	<b>1.428.566.949</b>	<b>(1.428.566.949)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**11. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	126.234.528.695	-	141.797.196.285	-
- Công cụ, dụng cụ	259.796.286	-	321.366.323	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.988.278.877	-	4.850.530.301	-
- Hàng hóa (*)	211.237.976.639	(204.319.590.800)	210.966.919.232	(204.453.892.650)
	<b>341.720.580.497</b>	<b>(204.319.590.800)</b>	<b>357.936.012.141</b>	<b>(204.453.892.650)</b>

(\*) Hàng hóa bao gồm 02 máy tàu 47.500 DWT (HB-02/03) được đóng tại Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long với giá trị 210.469.590.800 đồng. Dự án này đã được dừng triển khai theo Nghị quyết số 513/NQ-HĐTV ngày 06/03/2015 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty. 02 máy tàu này đã được Tổng Công ty sử dụng để thế chấp cho Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Đông Bắc theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2019/HĐTCTS-NHPT ngày 29/08/2019. Tại thời điểm 31/12/2024, Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đối với 02 máy tàu này với số tiền 204.319.590.800 đồng.

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>						
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.324.907.174.250</b>	<b>1.324.907.174.250</b>	<b>-</b>	<b>1.530.400.000.000</b>	<b>1.530.400.000.000</b>	<b>-</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.324.907.174.250	1.324.907.174.250	-	1.530.400.000.000	1.530.400.000.000	-
	<b>1.324.907.174.250</b>	<b>1.324.907.174.250</b>	<b>-</b>	<b>1.530.400.000.000</b>	<b>1.530.400.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng các Ngân hàng Thương mại.

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

**Mẫu số B 09 - DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc (i)	Dự phòng	Tỷ lệ quyền	Giá gốc (i)	Dự phòng	Tỷ lệ quyền
	VND	VND	biểu quyết %	VND	VND	biểu quyết %
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>10.511.439.628.364</b>	<b>(157.161.314.204)</b>		<b>9.681.323.395.201</b>	<b>(192.877.799.191)</b>	
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	166.306.435.800	-	51,05%	166.306.435.800	-	51,05%
- Công ty CP Phát triển Hàng hải	-	-	51,00%	59.670.000.000	-	51,00%
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	75.684.000.000	-	51,00%	75.684.000.000	-	51,00%
- Công ty CP VIMC Logistics	47.563.558.000	-	56,72%	47.563.558.000	-	56,72%
- Công ty CP Cảng Cam Ranh	582.796.641.000	-	80,90%	582.796.641.000	-	80,90%
- Công ty CP Vận tải biển Vinaship	10.200.000.000	-	51,00%	10.200.000.000	-	51,00%
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	4.781.733.756.600	-	92,56%	4.781.733.756.600	-	92,56%
- Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh	125.101.000.800	-	51,00%	125.101.000.800	-	51,00%
- Công ty CP Cảng Sài Gòn	1.132.519.248.000	-	65,45%	1.132.519.248.000	-	65,45%
- Công ty CP Cảng Đà Nẵng	1.435.500.000.000	-	75,00%	1.435.500.000.000	-	75,00%
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	31.459.005.992	(16.356.536.848)	60,00%	31.459.005.992	(16.608.659.372)	60,00%
- Công ty CP Vận tải Container VIMC (ii)	1.014.550.000.000	-	99,56%	-	-	-
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	38.073.259.493	(16.080.698.577)	56,00%	38.073.259.493	(17.040.247.499)	56,00%
- Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	-	-	100,00%	-	-	100,00%
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	-	-	-	124.763.766.837	(59.506.818.715)	51,00%
- Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân	-	-	-	-	-	56,58%
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng hải Hậu Giang	395.301.093.431	(124.724.078.779)	100,00%	395.301.093.431	(99.722.073.605)	100,00%
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	259.192.479.128	-	99,01%	259.192.479.128	-	99,01%
- Công ty CP Vinalines Nha Trang	-	-	91,79%	-	-	91,79%
- Công ty CP Cảng Quy Nhơn (iii)	415.459.150.120	-	75,01%	415.459.150.120	-	75,01%



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc (i)	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc (i)	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND	%	VND	VND	%
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>403.834.081.788</b>	<b>(100.058.563.466)</b>		<b>403.834.081.788</b>	<b>(117.535.195.342)</b>	
- Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	35.865.600.000	(35.865.600.000)	44,61%	35.865.600.000	(35.865.600.000)	44,61%
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	39.266.565.460	-	50,00%	39.266.565.460	-	50,00%
- Công ty LD Dịch vụ Container quốc tế cảng SG-SSA	55.886.479.724	-	50,00%	55.886.479.724	-	50,00%
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	-	-	50,00%	-	-	50,00%
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA	169.387.500.000	(37.850.927.646)	50,00%	169.387.500.000	(55.327.559.522)	50,00%
- Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines Đồng Đô	-	-	49,14%	-	-	49,14%
- Công ty CP Cảng Năm Căn	3.131.513.820	(3.131.513.820)	49,35%	3.131.513.820	(3.131.513.820)	49,35%
- Công ty CP Cảng Khuyến Lương	20.846.179.892	-	49,00%	20.846.179.892	-	49,00%
- Công ty CP Hàng hải Đồng Đô	11.993.146.000	(11.993.146.000)	48,97%	11.993.146.000	(11.993.146.000)	48,97%
- Công ty CP Dịch vụ Vận tải và Thương mại	25.344.000.000	-	33,49%	25.344.000.000	-	33,49%
- Công ty CP Vận tải biển Hải Âu	-	-	0,00%	-	-	26,46%
- Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải	30.895.720.892	-	49,00%	30.895.720.892	-	49,00%
- Công ty CP Vận tải biển và hợp tác lao động quốc tế	7.286.400.000	(7.286.400.000)	36,00%	7.286.400.000	(7.286.400.000)	36,00%
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	3.930.976.000	(3.930.976.000)	49,00%	3.930.976.000	(3.930.976.000)	49,00%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc (i)	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc (i)	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND	%	VND	VND	%
<b>Dầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>17.179.300.748</b>	<b>(3.440.624.457)</b>		<b>17.179.300.748</b>	<b>(1.104.783.290)</b>	
- Công ty CP Hàng hải Sài Gòn	4.431.254.923	-	10,15%	4.431.254.923	-	10,15%
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	11.643.115.357	(2.335.841.167)	12,92%	11.643.115.357	-	12,92%
- Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư	147.178	-	0,00002%	147.178	-	0,00002%
- Công ty Liên doanh Gemasa Corporation	1.104.783.290	(1.104.783.290)		1.104.783.290	(1.104.783.290)	
	<b>10.932.453.010.900</b>	<b>(260.660.502.127)</b>		<b>10.102.336.777.737</b>	<b>(311.517.777.823)</b>	

(i) Đối với các khoản đầu tư Tổng Công ty sở hữu trước thời điểm 31/12/2016 (là thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa), giá trị khoản đầu tư được ghi nhận căn cứ vào kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

(ii) Công ty thành lập mới trong năm theo giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp số 0110710348 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10/5/2024 với vốn điều lệ là 1.015.000.000.000 tỷ đồng trong đó giá trị vốn góp của VIMC là 1.014.550.000 VND, hình thức góp vốn bằng tài sản và tiền, bao gồm:

- 12.648.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ. Ngày 19/07/2024, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP đã hoàn thành thủ tục chuyển quyền sở hữu toàn bộ số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ sang cho Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC (VIMC Lines) với số lượng 12.648 triệu cổ phần. Số lượng cổ phần còn lại sau khi thực hiện giao dịch là 0 cổ phiếu. Theo đó, Tổng Công ty không còn là Công ty mẹ trực tiếp của Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ và VIMC Lines trở thành Công ty mẹ trực tiếp của Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ kể từ ngày 19/7/2024.
- 4.590.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển hàng hải (Mã VMS). Ngày 09/08/2024, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP báo cáo đã hoàn thành thủ tục chuyển giao toàn bộ quyền sở hữu 4,59 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Phát triển hàng hải (Mã VMS). Số lượng cổ phiếu sau khi thực hiện giao dịch là 0 cổ phiếu. Theo đó, Tổng Công ty không còn là Công ty mẹ trực tiếp của Công ty Cổ phần Phát triển hàng hải kể từ ngày 05/08/2024. Đồng thời, ngày 05/08/2024, Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC (VIMC Lines) báo cáo đã hoàn thành nhận chuyển giao quyền sở hữu 4,59 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Phát triển hàng hải (Mã VMS) từ Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP và trở thành Công ty mẹ trực tiếp của Công ty Cổ phần Phát triển hàng hải kể từ ngày 05/08/2024.
- 500 container 20' DC và 500 container 40' HC, đã hoàn thành xong thủ tục chuyển giao.
- Góp vốn bằng tiền: phần còn lại sau khi đã trừ giá trị tài sản góp vốn



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(iii) Tháng 9/2015, Tổng Công ty thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (“QNP”) theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành (“Hợp Thành”). Ngày 27/05/2019, thực hiện Kết luận của Thanh tra Chính phủ về công tác Cổ phần hóa tại Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (“QNP”), ý kiến chỉ đạo của Phó thủ tướng thường trực Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, Tổng Công ty đã ký hợp đồng số 01/2019/VNL-HT/CGCP với Hợp Thành về việc nhận chuyển giao quyền sở hữu cổ phần QNP. Ngày 29/05/2019, việc chuyển giao quyền sở hữu 30.312.262 cổ phần tương đương 75,01% vốn điều lệ QNP cho Tổng Công ty đã được thực hiện thông qua Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam. Theo hợp đồng, tổng giá trị chuyển giao bao gồm (1) Số tiền chuyển giao và (2) Lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư. Trong đó:

- Số tiền chuyển giao (1) là 415.156.027.500 VND. Số tiền này đã được Tổng Công ty chuyển trả cho Hợp Thành vào ngày 27/05/2019 và tạm ghi nhận giá trị khoản đầu tư vào QNP vào ngày được chuyển giao quyền sở hữu.

- Lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư (2) là giá trị lợi ích hợp pháp mà Hợp Thành được hưởng trong giai đoạn tham gia đầu tư, quản lý và điều hành. Giá trị này hai bên thống nhất do Hợp Thành đưa ra cơ sở phương pháp xác định gửi Tổng Công ty xem xét cho ý kiến và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đến thời điểm 31/12/2024, các bên vẫn chưa xác định được giá trị lợi ích hợp pháp (2) mà Hợp Thành được hưởng trong giai đoạn tham gia đầu tư, quản lý và điều hành. Vì vậy, Tổng Công ty chưa thanh toán khoản này cho Hợp Thành đồng thời chưa ghi nhận vào giá trị khoản đầu tư trên Báo cáo tài chính.

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2024	246.258.984.717	39.000.836.988	5.949.104.791.065	11.308.592.908	240.055.000	6.245.913.260.678
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	384.447.428	4.301.203.817	479.929.048	-	5.165.580.293
- Mua mới trong kỳ	-	12.762.018.318	78.707.500.000	-	-	91.469.518.318
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(318.253.306.524)	-	-	(318.253.306.524)
- Góp vốn thành lập công ty	-	-	(82.953.591.437)	-	-	(82.953.591.437)
31/12/2024	246.258.984.717	52.147.302.734	5.630.906.596.921	11.788.521.956	240.055.000	5.941.341.461.328
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
01/01/2024	(138.005.147.288)	(22.302.365.139)	(5.051.042.362.375)	(9.727.992.235)	(210.936.772)	(5.221.288.803.809)
- Khấu hao trong kỳ	(13.398.616.100)	(5.247.104.115)	(288.636.211.310)	(233.952.257)	(29.118.228)	(307.545.002.010)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	318.167.855.943	-	-	318.167.855.943
- Phân loại lại	-	43.000.026	-	(43.000.026)	-	-
- Góp vốn thành lập công ty con	-	-	2.294.919.349	-	-	2.294.919.349
31/12/2024	(151.403.763.388)	(27.506.469.228)	(5.019.215.798.393)	(10.004.944.518)	(240.055.000)	(5.208.371.030.527)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2024	108.253.837.429	16.698.471.849	898.062.428.690	1.580.600.673	29.118.228	1.024.624.456.869
31/12/2024	94.855.221.329	24.640.833.506	611.690.798.528	1.783.577.438	-	732.970.430.801

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là: 239.091.236.150 đồng (tại ngày 31/12/2023 là: 357.621.120.096 đồng).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đang dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2024 là: 237.135.510.315 đồng (tại ngày 31/12/2023 là 275.082.500.001 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm mấy vi tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
01/01/2024	397.725.529	351.898.800	27.432.134.299	28.181.758.628
- Mua trong năm	-	-	-	-
31/12/2024	397.725.529	351.898.800	27.432.134.299	28.181.758.628
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
01/01/2024	(397.725.529)	(351.898.800)	(16.010.392.137)	(16.760.016.466)
- Khấu hao trong năm	-	-	(2.825.809.279)	(2.825.809.279)
31/12/2024	(397.725.529)	(351.898.800)	(18.836.201.416)	(19.585.825.745)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
01/01/2024	-	-	11.421.742.162	11.421.742.162
31/12/2024	-	-	8.595.932.883	8.595.932.883

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là: 7.427.391.442 đồng (tại ngày 31/12/2023 là: 7.204.664.169 đồng).

**15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	01/01/2024 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2024 VND
<b>a) Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	442.711.786.623	865.062.000	-	443.576.848.623
- Nhà cửa	442.711.786.623	865.062.000	-	443.576.848.623
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>	(211.206.698.453)	(29.822.108.214)	-	(241.028.806.667)
- Nhà cửa	(211.206.698.453)	(29.822.108.214)	-	(241.028.806.667)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	231.505.088.170	-	(28.957.046.214)	202.548.041.956
- Nhà cửa	231.505.088.170	-	(28.957.046.214)	202.548.041.956

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty phản ánh giá trị tòa nhà Trung tâm Thông tin thương mại Hàng hải quốc tế Hà Nội tại số 1 Đào Duy Anh, Phường Mai, Đống Đa, Hà Nội và giá trị tòa nhà Vinadeco Building tại số 163 Nguyễn Văn Trỗi, Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh đang sử dụng để cho thuê.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.876.143.841</b>	<b>7.463.577.609</b>
- Phí bảo hiểm	4.949.682.197	6.202.726.141
- Chi phí sửa chữa Tài sản cố định	66.545.847	30.128.788
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	304.486.092	457.792.885
- Các khoản khác	555.429.705	772.929.795
<b>Dài hạn</b>	<b>22.039.838.445</b>	<b>18.886.042.098</b>
- Chi phí thuê đất	15.600.831.235	16.176.816.435
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	3.046.229.795	2.171.742.782
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.366.575.879	323.823.480
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.026.201.536	213.659.401
	<b>27.915.982.286</b>	<b>26.349.619.707</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>4.134.193.609</b>	<b>4.134.193.609</b>	<b>25.913.429.807</b>	<b>25.913.429.807</b>
Công ty CP Cảng Sài Gòn	-	-	6.455.987.545	6.455.987.545
Công ty CP Cảng Hải Phòng	-	-	81.474.391	81.474.391
Công ty CP Cảng Đà Nẵng	-	-	1.820.343.856	1.820.343.856
Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh	-	-	34.781.773	34.781.773
Công ty CP Cảng Cần Thơ	-	-	420.829.870	420.829.870
Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	-	-	2.009.410.801	2.009.410.801
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	-	-	13.600.000	13.600.000
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	-	-	2.766.657.933	2.766.657.933
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	-	-	1.739.374.695	1.739.374.695
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	-	-	156.764.859	156.764.859
Công ty TNHH một thành viên Vận tải biển Đông	3.562.178.094	3.562.178.094	9.472.126.452	9.472.126.452
Công ty CP Phát triển Hàng hải	68.361.655	68.361.655	-	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô	-	-	529.416.000	529.416.000
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Vosco	503.653.860	503.653.860	-	-
Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ hàng hải Cảng Cửa Lò	-	-	88.128.000	88.128.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Sài Gòn	-	-	60.561.000	60.561.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	-	-	224.752.000	224.752.000
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép (CMIT)	-	-	39.220.632	39.220.632
<b>Phải trả người bán khác</b>	<b>73.280.641.304</b>	<b>73.280.641.304</b>	<b>94.744.092.411</b>	<b>94.744.092.411</b>
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long	32.067.142.734	32.067.142.734	32.067.142.734	32.067.142.734
Các nhà cung cấp khác	41.213.498.570	41.213.498.570	62.676.949.677	62.676.949.677
<b>Cộng</b>	<b>77.414.834.913</b>	<b>77.414.834.913</b>	<b>120.657.522.218</b>	<b>120.657.522.218</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	745.527.603	4.332.876.909	4.391.651.937	686.752.575
- Thuế thu nhập cá nhân	152.100.896	10.860.146.575	10.776.468.521	235.778.950
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	14.857.300.533	14.857.300.533	-
- Các loại thuế khác	-	10.411.220	10.000.000	411.220
	<b>897.628.499</b>	<b>30.060.735.237</b>	<b>30.035.420.991</b>	<b>922.942.745</b>
	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	65.980.504	-	-	65.980.504
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.111.282.260	-	-	7.111.282.260
- Thuế thu nhập cá nhân	277.883.571	-	-	277.883.571
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.477.831.000	2.111.131.000	633.300.000
	<b>7.455.146.335</b>	<b>1.477.831.000</b>	<b>2.111.131.000</b>	<b>8.088.446.335</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>22.164.650.361</b>	<b>2.936.761.500</b>
Longmarch Shipping Pte Ltd	8.353.736.725	-
Công ty Cổ phần Thương mại NCL	5.155.288.031	-
Glory Shipping Marine Co., Ltd	4.772.670.567	-
Lauritzen Bulkcar A/S, Copenhagen	-	958.346.602
Các đối tượng khác	3.882.955.038	1.978.414.898
	<b>22.164.650.361</b>	<b>2.936.761.500</b>
<b>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	<b>28.000.000</b>	<b>631.281.518</b>
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	-	383.654.800
- Công ty CP Cảng Đà Nẵng	-	247.626.718
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	28.000.000	-

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.845.237.358</b>	<b>23.767.395.200</b>
- Chi phí sửa chữa tàu	-	6.506.366.832
- Phải trả về sự cố trên tàu	5.015.912.043	3.659.006.045
- Chi phí phải trả khác	829.325.315	13.602.022.323
	<b>5.845.237.358</b>	<b>23.767.395.200</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**21. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>620.649.301.249</b>	<b>1.011.976.213.604</b>
Kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm	2.315.064.820	3.624.234.861
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	188.760.000	1.320.730.375
Các khoản phải trả, phải nộp khác	618.145.476.429	1.007.031.248.368
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương	28.502.905.649	27.285.346.321
- Phải trả tiền lãi vay	572.241.953.784	969.887.946.555
- Phải trả tiền thuế TNCN của nhân viên	2.528.763.292	2.435.874.424
- Phải trả, phải nộp khác	14.871.853.704	7.422.081.068
<b>Dài hạn</b>	<b>52.009.918.529</b>	<b>40.679.522.638</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	52.009.918.529	40.679.522.638
	<b>672.659.219.778</b>	<b>1.052.655.736.242</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan</b>	<b>29.370.523.100</b>	<b>27.369.346.321</b>
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Biển Đông	60.000.000	60.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải (CMB)	-	12.000.000
- Công ty Cổ phần VTB & hợp tác lao động quốc tế	-	12.000.000
- Công ty CP Vận tải Container VIMC	805.617.451	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương	28.502.905.649	27.285.346.321
<b>Phải trả dài hạn khác là các bên liên quan</b>	<b>31.632.416.397</b>	<b>22.054.062.951</b>
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	21.285.058.806	21.285.058.806
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	-	357.798.600
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	-	58.416.540
- Công ty Cổ phần VTB & hợp tác lao động quốc tế	-	105.012.600
- Công ty CP Vận tải Container VIMC	10.347.357.591	-
- Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam	-	73.888.200
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	-	42.864.000
- Công ty Cổ phần phát triển Hàng hải	-	131.024.205

(\*) Là khoản tiền thu được từ bán thanh lý các tàu của Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin trước đây với giá trị là 1.074.714,26 USD được chuyển về các tài khoản ngân hàng của Tổng Công ty nhằm mục đích thanh toán các khoản nợ mà Tổng Công ty đã đứng ra trả hộ. Khi được giải ngân từng phần, Tổng Công ty sẽ thực hiện bù trừ tiền thanh lý tàu nêu trên với công nợ phải thu của Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin (được trình bày tại chỉ tiêu “Phải thu khác” – Thuyết minh số 8).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2024		Trong năm			01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn			-	240.671.555.973	-	240.671.555.973	240.671.555.973
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả			-	240.671.555.973	-	240.671.555.973	240.671.555.973
- Ngân hàng phát triển Việt Nam (1)	-	-	-	240.671.555.973	-	240.671.555.973	240.671.555.973
Vay dài hạn	126.477.450.000	126.477.450.000	-	-	5.598.450.000	120.879.000.000	120.879.000.000
- PSA Viet Nam Pte., Ltd (2)	126.477.450.000	126.477.450.000	-	-	5.598.450.000	120.879.000.000	120.879.000.000
	<b>126.477.450.000</b>	<b>126.477.450.000</b>	-	<b>240.671.555.973</b>	<b>5.598.450.000</b>	<b>361.550.555.973</b>	<b>361.550.555.973</b>

- (1) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo các hợp đồng vay phục vụ cho mục đích đầu tư các dự án đóng tàu. Tài sản đảm bảo tiền vay là tài sản hình thành bằng nguồn vốn vay. Lãi suất vay được quy định cụ thể theo từng hợp đồng. Toàn bộ các hợp đồng vay này đều đã được cơ cấu lại nợ gốc.
- (2) Khoản vay Công ty PSA Vietnam Pte Ltd., để cho Liên danh SP-PSA vay lại theo hợp đồng vay cổ đông ngày 26/08/2008, tổng giá trị khoản vay của các cổ đông cho Liên danh SP-PSA vay là 33.000.000 USD bao gồm: Đợt A có giá trị là 28.196.202,53 USD và Đợt B có giá trị là 4.803.797,47 USD, trong đó tỷ lệ Tổng Công ty cho vay theo tỷ lệ cổ phần của Tổng Công ty là 15%, tương ứng số gốc vay 4.950.000 USD. Mục đích vay của Liên danh là chỉ được áp dụng cho các chi phí dự án. Lãi suất đi vay và cho vay đều căn cứ tính theo lãi suất Libor, từ ngày 16/12/2023, lãi suất đi vay và cho vay được chuyển sang tính theo lãi suất Sofr (lãi suất qua đêm có bảo lãnh). Căn cứ theo hợp đồng phụ, toàn bộ các khoản nợ mà Liên danh và các cổ đông không ứng trước còn nợ sẽ được Liên danh hoàn trả ngay khi có yêu cầu của các Cổ đông hay các Cổ đông ứng trước. Ngoài ra, theo thỏa thuận trong Hợp đồng vay vốn cổ đông thì toàn bộ cổ tức và các khoản phân chia khác (nếu có) theo Hợp đồng liên doanh hay Điều lệ sẽ được ưu tiên để trả gốc vay (và lãi lũy kế) cho đến khi thanh toán hết khoản vay này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU****23.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế VND	Tổng cộng VND
01/01/2023	12.005.880.000.000	-	(217.032.223.045)	11.788.847.776.955
- Lãi trong năm			357.283.201.651	357.283.201.651
31/12/2023	12.005.880.000.000	-	140.250.978.606	12.146.130.978.606
01/01/2024	12.005.880.000.000	-	140.250.978.606	12.146.130.978.606
- Trích quỹ	-	42.075.293.582	(93.924.408.582)	(51.849.115.000)
- Lãi trong năm	-	-	1.353.536.982.178	1.353.536.982.178
- Phân phối lợi	-	-	(46.326.570.024)	(46.326.570.024)
31/12/2024	12.005.880.000.000	42.075.293.582	1.353.536.982.178	13.401.492.275.760

**23.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	11.942.133.000.000	99,47%	11.942.133.000.000	99,47%
Vốn góp của cổ đông khác	63.747.000.000	0,53%	63.747.000.000	0,53%
	<b>12.005.880.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>12.005.880.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**23.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	46.326.570.024	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2024	01/01/2024
<b>Nợ khó đòi đã xử lý (VND)</b>	<b>22.017.721.772</b>	<b>22.017.721.772</b>
Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Toàn Cầu	3.846.155.590	3.846.155.590
Công ty TNHH Thương mại vận tải Dương Hoàng Thịnh	2.940.349.810	2.940.349.810
DNTN thương mại dịch vụ Nhật An	1.393.800.000	1.393.800.000
Bạch Việt Phương	2.548.102.000	2.548.102.000
Các đối tượng khác	11.289.314.372	11.289.314.372
<b>Ngại tệ các loại</b>		
USD	8.836.416,96	15.258.265,76

**25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	401.444.292.648	42.231.372.024
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.239.475.005.659	1.426.488.096.827
+ Doanh thu vận tải	1.081.134.673.427	1.278.891.273.808
+ Doanh thu dịch vụ khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải	7.635.831.954	12.295.883.141
+ Dịch vụ khai thác tòa nhà cho thuê văn phòng, kho bãi	142.210.168.814	125.481.121.372
+ Dịch vụ khác	8.494.331.464	9.819.818.506
	<b>1.640.919.298.307</b>	<b>1.468.719.468.851</b>

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	391.792.381.594	41.875.720.597
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.056.241.620.230	1.339.188.297.531
- Giá vốn dịch vụ vận tải	934.807.266.420	1.228.037.345.058
- Giá vốn dịch vụ khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải	7.008.916.441	11.770.917.719
- Giá vốn khai thác tòa nhà cho thuê văn phòng, kho bãi	107.574.814.653	93.367.787.659
- Giá vốn dịch vụ khác	6.984.924.566	7.457.945.245
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(134.301.850)	(1.445.698.150)
	<b>1.448.034.001.824</b>	<b>1.381.064.018.128</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	79.622.467.503	93.489.969.278
Cổ tức, lợi nhuận được chia	323.544.055.150	417.093.336.090
Lãi chênh lệch tỷ giá trong năm	80.152.674.924	20.835.410.024
Lãi từ việc bán các khoản đầu tư	29.502.900.000	14.655.408.246
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối	27.062.031.481	-
Các doanh thu tài chính khác	570.982.503	523.773.408
	<b>540.455.111.560</b>	<b>546.597.897.046</b>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	23.372.539.160	21.168.826.790
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kì	74.344.316.869	21.134.257.031
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kì	-	934.719.073
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	8.649.543.019	44.649.106.058
Chi phí hoạt động tài chính khác	943.079.564	626.697.350
	<b>107.309.478.612</b>	<b>88.513.606.302</b>

**29. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.964.717.851	16.251.521.655
Chi phí khác bằng tiền	2.887.153.757	4.506.159.272
	<b>9.851.871.608</b>	<b>20.757.680.927</b>

**30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.352.503.185	1.269.059.900
Chi phí nhân công	139.069.883.731	128.385.933.095
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.619.685.500	1.842.368.046
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	11.439.952.599	12.493.690.400
Thuế, phí và lệ phí	10.388.593.181	8.471.009.330
Chi phí dự phòng	(5.954.605.667)	3.394.247.409
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.332.548.937	16.972.286.262
Chi phí bằng tiền khác	43.523.955.803	35.835.142.028
	<b>222.772.517.269</b>	<b>208.663.736.470</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**31. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	104.475.616.802	305.503.840
Tiền phạt thu được	535.294.590	758.154.546
Tiền thuê đất được giảm	1.992.964.806	2.421.851.700
Thủ lao từ đại diện vốn góp	7.178.255.524	7.226.040.914
Thu từ phí đào tạo nhân sự và tiếp xúc thị trường	4.933.610.307	5.474.248.812
Thu nhập từ bồi thường	6.546.244.879	3.313.610.457
Thu nhập từ lãi vay được xóa	377.743.630.417	27.647.524.728
Thu nhập từ đánh giá lại tài sản để góp vốn	468.537.405.790	-
Các khoản khác	3.385.584.210	4.791.706.661
	<b>975.328.607.325</b>	<b>51.938.641.658</b>

**32. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi thù lao người đại diện vốn không	8.815.529.810	7.338.691.429
Chi tài trợ ủng hộ	5.471.000.000	2.610.000.000
Chi đền bù vỏ container	-	684.909.091
Tiền phạt, truy thu tiền thuế, phạt hành chính	109.662.769	165.530.940
Các khoản khác	801.973.122	174.632.617
	<b>15.198.165.701</b>	<b>10.973.764.077</b>

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.353.536.982.178	357.283.201.651
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	6.864.799.571	4.065.234.426
- Khấu hao TSCĐ là xe ô tô vượt trên 1,6 tỷ	155.793.072	155.793.072
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm của tiền và các khoản phải thu	-	1.271.223.187
- Các khoản tiền phạt và chi phí không được trừ	6.709.006.499	2.638.218.167
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	356.532.024.810	417.093.336.090
- Cổ tức lợi nhuận được chia	323.544.055.150	417.093.336.090
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm của tiền và các khoản phải thu	31.778.726.660	-
- Hoàn nhập Chi phí dự phòng phải thu khó đòi để loại trừ khi tính thuế năm trước	1.209.243.000	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	1.003.869.756.939	(55.744.900.013)
Lỗi năm trước chuyển sang	(1.003.869.756.939)	-
Tổng thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	221.586.896.770	331.714.303.348
Chi phí nhân công	294.177.367.275	265.330.328.302
Chi phí công cụ dụng cụ	2.508.525.300	2.771.218.237
Chi phí Khấu hao Tài sản cố định	340.192.919.503	344.539.099.272
Thuế, phí và lệ phí	17.808.902.721	8.464.285.193
Chi phí dự phòng	(6.088.907.517)	1.937.638.706
Chi phí dịch vụ mua ngoài	332.330.469.939	537.832.066.329
Chi phí khác bằng tiền	85.795.135.597	80.290.356.746
	<b>1.288.311.309.588</b>	<b>1.572.879.296.133</b>

**35. THÔNG TIN KHÁC****35.1 BÊN LIÊN QUAN****Giao dịch với các bên liên quan**

		Năm 2024	Năm 2023
	Mối quan hệ	VND	VND
<b>Mua hàng với bên liên quan</b>			
- Công ty CP Cảng Sài Gòn	Công ty con	20.043.705.178	14.096.323.812
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	Công ty con	120.296.188	2.596.838.408
- Công ty CP Cảng Đà Nẵng	Công ty con	8.923.566.914	10.298.894.664
- Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh	Công ty con	218.474.570	15.088.435
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	Công ty con	3.332.803.170	1.949.279.445
- Công ty CP Cảng VINCC Đình Vũ	Công ty con	14.989.407.100	
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	Công ty con	1.040.716.666	586.846.826
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Công ty con	7.964.478.182	9.740.462.856
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	Công ty con	916.750.741	570.667.803
- Công ty TNHH một thành viên Vận tải biển Đông	Công ty con	116.330.014	1.211.743.707
- Công ty TNHH một thành viên DVHH Hậu Giang	Công ty con	544.993.116	544.993.116
- Công ty CP Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ	Công ty con	118.490.058	6.728.995.409
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt nam	Công ty con	53.477.535	273.855.933
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Công ty con	4.781.114.697	4.660.375.747
- Công ty CP Hàng hải Đông Đô	Công ty liên kết	595.801.333	8.975.233.330
- Công ty CP Phát triển Hàng hải		63.297.829	-
- Công ty LD DV container quốc tế cảng SG SSA (SSIT)	Công ty liên kết	829.088.520	31.500.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Voseo	Công ty liên kết	1.304.824.340	-
- Công ty CP Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết	54.400.000	27.200.000
		<b>66.012.016.151</b>	<b>62.308.299.491</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**35. THÔNG TIN KHÁC****35.1 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp)**

	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Doanh thu Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan</b>			
- Công ty CP Cảng Sài Gòn	Công ty con	-	71.836.562
- Công ty CP Cảng Cam Ranh	Công ty con	-	190.545.455
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	Công ty con	8.382.738.332	13.123.431.662
- Công ty CP Cảng Đà Nẵng	Công ty con	1.246.133.600	1.434.574.382
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	Công ty con	5.091.265.125	4.547.359.090
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	Công ty con	3.049.162.211	1.672.790.041
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	Công ty con	173.928.244.129	176.633.922.946
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Công ty con	992.647.741	1.766.926.290
- Công ty CP Vinalines Nha Trang	Công ty con	46.212.877	45.890.589
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Công ty con	1.493.974.982	1.430.306.537
- Công ty Cổ phần Phát triển Hàng	Công ty con	466.319.292	460.608.575
- Công ty Cổ phần Vận tải Container	Công ty con	24.465.188.623	-
- Công ty Cổ phần VIMC Logistics	Công ty con	9.892.280.251	7.717.723.382
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	Công ty con	295.251.219	340.627.102
- Công ty TNHH một thành viên Vận tải biển Đông	Công ty con	11.828.993.687	11.657.073.166
- Công ty TNHH một thành viên DVHH Hậu Giang	Công ty con	3.615.256.987	3.438.465.741
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ VOSCO	Công ty liên kết	62.405.000	-
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Biển	Công ty liên kết	164.713.845	264.450.723
- Công ty Cổ phần VTB & hợp tác lao động quốc tế	Công ty liên kết	146.624.469	166.998.948
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	Công ty liên kết	432.117.363	496.219.491
- Công ty TNHH Vinalines Honda Logistic Việt Nam	Công ty liên kết	765.618.442	1.920.193.522
- Công ty Cổ phần Hàng hải Sài Gòn	Công ty liên kết	285.018.530	442.581.830
- Cty CP Đại lý tàu biển và Logistics Voseo	Công ty liên kết	68.518.519	-
- Công ty Cổ phần Logistic Cảng Đà Nẵng	Công ty liên kết	3.620.371	-
		<b>246.722.305.595</b>	<b>227.822.526.034</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**35. THÔNG TIN KHÁC****35.1 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Thu nhập khác từ bên liên quan</b>			
- Công ty CP Cảng Sài Gòn	Công ty con	4.933.610.307	4.689.697.875
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	Công ty con	-	748.946.943
		<b>4.933.610.307</b>	<b>5.438.644.818</b>
<b>Lãi cho vay bên liên quan</b>			
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	Công ty con	1.283.287.028	2.520.840.360
- Công ty TNHH một thành viên DVHH Hậu Giang	Công ty con	396.500.001	331.499.999
- Công ty TNHH Cảng Công-Ten-Nơ Quốc Tế Cái Lân	Công ty liên kết	4.046.654.557	-
- Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA	Công ty liên kết	9.073.724.458	8.300.547.775
		<b>14.800.166.044</b>	<b>11.152.888.134</b>
<b>Thu nhập từ cổ tức với bên liên quan</b>			
- Công ty CP Cảng Cam Ranh	Công ty con	8.920.356.750	10.902.658.250
- Công ty CP Cảng Sài Gòn	Công ty con	-	84.938.943.600
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	Công ty con	121.056.550.800	121.056.550.800
- Công ty CP Cảng Đà Nẵng	Công ty con	103.950.000.000	111.375.000.000
- Công ty CP Phát triển Hàng hải	Công ty con	5.232.600.000	4.590.000.000
- Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh	Công ty con	6.584.263.200	6.255.050.040
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt	Công ty con	23.029.881.600	17.992.095.000
- Công ty CP VIMC Logistics	Công ty con	-	-
- Công ty CP Cảng Quy Nhơn	Công ty con	36.374.714.400	36.374.714.400
- Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải	Công ty liên kết	7.828.220.400	7.063.056.000
- Công ty LD Vận tải quốc tế Nhật Việt	Công ty liên kết	4.000.000.000	4.000.000.000
- Công ty CP Cảng Khuyến Lương	Công ty liên kết	3.975.468.000	3.975.468.000
- Công ty CP Dịch vụ Vận tải và Thương mại	Công ty liên kết	2.592.000.000	3.456.000.000
- Công ty CP Vận tải biển Hải Âu	Công ty liên kết	-	4.895.100.000
- Công ty CP Hàng hải Sài Gòn	Đầu tư khác	-	218.700.000
		<b>323.544.055.150</b>	<b>417.093.336.090</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**35. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****35.1 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp)**

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh bên trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Thu nhập của người quản lý chủ chốt</b>		<b>13.659.385.250</b>	<b>10.382.626.131</b>
Ông Lê Anh Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.636.113.506	1.305.463.296
Ông Nguyễn Cảnh Tinh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	1.627.289.353	1.435.076.670
Ông Đỗ Tiến Đức	Thành viên HĐQT	1.305.366.516	1.090.282.922
Ông Nguyễn Đình Chung	Thành viên HĐQT	1.303.244.516	1.036.082.291
Ông Đỗ Hùng Dương	Thành viên HĐQT	1.266.520.968	1.018.900.419
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	1.234.966.487	987.087.356
Ông Lê Quang Trung	Phó Tổng giám đốc	1.230.466.487	1.010.387.356
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng giám đốc (Đã nhậm ngày 01/11/2023)	1.201.769.519	72.512.320
Ông Lương Đình Minh	Trưởng Ban Kiểm soát	1.195.023.753	999.717.917
Bà Phan Thị Nhị Hà	Kiểm soát viên	843.122.955	745.057.792
Ông Phạm Cao Nhuê	Kiểm soát viên	815.501.190	682.057.792

**35.2 CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT**

- (1) Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích làm văn phòng làm việc và kinh doanh cho thuê văn phòng từ ngày 15/06/1998 đến 25/06/2048. Diện tích khu đất thuê là 6.851,0 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- (2) Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất tại 163 Nguyễn Văn Trỗi, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm văn phòng làm việc và kinh doanh cho thuê từ 19/06/2002 đến 19/06/2052. Diện tích khu đất thuê là 330,0 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Tổng Công ty đã trả tiền thuê đất một lần cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

**35. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****35.2 CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT (TIẾP)**

(3) Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại một số địa điểm trên địa bàn thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

TT	Địa điểm	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mục đích	Hình thức thuê đất	Thời hạn thuê đất
1	Phường Đồng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	161.745,0	Trung tâm trung chuyển hàng hóa	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	40 năm (từ 24/02/2004 đến 24/01/2044)
2	Số 282 Đà Nẵng, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	8.310,1	Kinh doanh khách sạn, văn phòng cho thuê	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	50 năm (từ 25/07/1994 đến 25/07/2044)
3	11B Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	112,0	Văn phòng làm việc	Thuê đất, trả tiền thuê đất một lần cho toàn bộ thời gian thuê	50 năm (từ 15/10/1993 đến 15/10/2043)
<b>Tổng cộng</b>		<b>170.176,1</b>			

**35.3 THÔNG TIN KHÁC**

Theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, Tổng Công ty phải thực hiện quyết toán thuế, các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước với Cơ quan thuế và đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, quyết toán tiền thu về cổ phần hóa, chi trả chế độ lao động dôi dư, chi phí cổ phần hóa. Tổng Công ty đã hoàn thành việc quyết toán thuế. Đối với các nội dung còn lại, Tổng Công ty đã hoàn thành hồ sơ và đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, do vậy số liệu trên Báo cáo tài chính riêng kèm theo có thể thay đổi theo ý của các cấp có thẩm quyền.

**36. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Trưởng ban TCKT

Tổng Giám đốc



Vũ Thị Thanh Duyên



Lê Duy Dương




Nguyễn Cảnh Tinh



**TÔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024**



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 - 09
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	10 - 12
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	13
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	14 - 15
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	16 - 68

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Lê Anh Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Cảnh Tinh	Thành viên
Ông Đỗ Tiến Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Chung	Thành viên
Ông Đỗ Hùng Dương	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Cảnh Tinh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc

#### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Cảnh Tinh - Tổng Giám đốc.

#### **Ban kiểm soát**

Ông Lương Đình Minh	Trưởng ban
Bà Phan Thị Nhị Hà	Kiểm soát viên
Ông Phạm Cao Nhuệ	Kiểm soát viên

#### **Kế toán trưởng**

Ông Lê Duy Dương	Trưởng ban Tài chính – Kế toán
------------------	--------------------------------

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.



## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2025



Số: 146/2025/UHY- BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024*

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 03 tháng 3 năm 2025, từ trang 10 đến trang 68, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

**1. Tại Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng – Công ty con của Tổng Công ty ("Cảng Hải Phòng")**

Tại thời điểm 31/12/2024, Cảng Hải Phòng đang ghi nhận tại chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 142,14 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.

Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Cảng Hải Phòng đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 là 44,8 tỷ đồng, chi phí lãi vay tạm trích trước là 149,3 tỷ đồng.

Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị, Cảng Hải Phòng đã dừng trích khấu hao, dừng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này.

Ngày 08/6/2023, Cảng Hải Phòng đã có văn bản số 1674/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Bộ GTVT đã có văn bản số 10882/BGTVT-TC ngày 28/9/2023 gửi Bộ Tài chính tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (thay thế Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018), trong đó Bộ GTVT có đề xuất bổ sung nội dung trong điều khoản chuyển tiếp của Nghị định để trong trường hợp đề xuất được thông qua sẽ giải quyết được hình thức quản lý tài sản, tức là tài sản bến số 4,5 Cảng Chùa Vẽ được giao cho Cảng Hải Phòng quản lý, khai thác (không phải cho thuê).

Ngày 24/12/2024, Văn phòng Chính phủ đã có thông báo số 569/TB-VPCP về việc kết luận tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ về Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. Theo đó, Phó Thủ tướng thống nhất về việc không quy định xử lý chuyển tiếp trong Nghị định đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hình thành từ nguồn vốn Nhà nước, đồng thời giao Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính khẩn trương báo cáo phương án xử lý.

Khi có sự phê duyệt chính thức của các cấp có thẩm quyền về phương án quản lý khai thác đối với tài sản Cầu số 4, số 5, Bãi container Chùa Vẽ và Gói thiết bị, Cảng Hải Phòng sẽ có trách nhiệm cập nhật lại số liệu báo cáo tài chính.

Ngày 27/12/2024, thực hiện theo Nghị quyết số 168/NQ-CHP, Hội đồng quản trị Cảng Hải Phòng đã chấp thuận chủ trương tiếp tục trích khấu hao đối với cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ theo đề xuất của Tổng Giám đốc Cảng Hải Phòng tại Báo cáo số 4882/CHP-TCKT ngày 25/12/2024.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để xác định các chi phí liên quan đến việc sử dụng các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ của Cảng Hải Phòng giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024.

2. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Cảng Hải Phòng (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Cảng Hải Phòng chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Cảng Hải Phòng sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính của Cảng Hải Phòng.

Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của toàn bộ các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty (đính kèm).

### 2. *Tại Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông – Công ty con của Tổng Công ty (“Biển Đông”)*

*Liên quan đến chênh lệch số dư gốc vay và nợ vay phải trả Công ty tài chính TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy (“VFC”)*

Theo thư xác nhận độc lập mà chúng tôi nhận được từ VFC, số dư gốc cho vay và lãi phải thu Biển Đông liên quan đến Dự án tàu Container 1730 TEU V22 lớn hơn số liệu trên sổ sách do Biển Đông theo dõi tại thời điểm 01/01/2024 lần lượt là 28.667.314,77 USD và 59.208.393,37 USD, tại thời điểm 31/12/2024 lần lượt là 28.667.314,77 USD và 63.541.824,47 USD.

Nguyên nhân là do Biển Đông đã thực hiện chuyển nợ gốc và lãi vay phải trả VFC sang Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng (“Bạch Đằng”) theo biên bản bàn giao ký ngày 05/08/2015 với Bạch Đằng.

Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp cho các số dư tại thời điểm đầu năm, số liệu phát sinh trong kỳ và số dư cuối kỳ của các khoản vay và chi phí lãi vay phải trả này.

Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các chỉ tiêu này và các ảnh hưởng nếu có đến Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo hay không (xem thêm tại Thuyết minh số 20 và số 24).

*Liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch giữa nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng với số tiền Công ty nhận nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)*

Trước năm 2017, Biển Đông áp dụng hướng dẫn của công văn số 751/BTC-TCĐN ngày 17/9/2015 của Bộ tài chính (công văn 751) v/v hướng dẫn kế toán phần chênh lệch giữa giá trị khoản nợ theo sổ sách kế toán và giá trị nhận nợ với DATC. Theo đó, khoản chênh lệch giữa số tiền Biển Đông nhận nợ với DATC với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận tăng giá trị phần vốn Nhà nước tại Biển Đông.

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)**

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)**

Từ năm 2018 đến năm 2021, Biển Đông chuyển sang áp dụng các quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, theo đó khoản chênh lệch giữa số tiền Biển Đông nhận nợ DATC với giá trị khoản gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Từ năm 2022 tới 2023, Biển Đông áp dụng hướng dẫn của Thông tư số 46/2021/TT-BTC ngày 23/6/2021, công văn số 751/BTC-TCDN ngày 17/9/2015, công văn số 5883 /BTC-TCDN ngày 08/5/2017, công văn số 1440/BTC-TCDN ngày 08/02/2021 của Bộ Tài chính. Theo đó, khoản chênh lệch giữa số tiền Công ty nhận nợ với DATC với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận tăng giá trị phần vốn Nhà nước tại Biển Đông.

Nếu Biển Đông áp dụng nhất quán quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc ghi nhận các khoản này thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2024, chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Mã số 416) sẽ giảm xuống 2.166,24 tỷ đồng, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) tăng lên tương ứng và tại ngày 31/12/2024, chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Mã số 416) sẽ giảm xuống 2.166,24 tỷ đồng, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) tăng lên tương ứng.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng được nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hàng hải Việt Nam tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất các nội dung sau:

- Tại thuyết minh số 1.5 – Cấu trúc Tổng công ty: Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn – Công ty con của Tổng Công ty được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đang phản ánh giá trị khoản đầu vào Công ty con này là 415,46 tỷ VND. Đây là giá trị mà Tổng Công ty đã chuyển trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành (“Hợp Thành”) theo các quy định của hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu cổ phần.  
Đến ngày 31/12/2024, Tổng Công ty và Hợp Thành vẫn đang trong quá trình trao đổi, xem xét về giá trị lợi ích hợp pháp của Hợp Thành trong giai đoạn tham gia đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.
- Tại thuyết minh 2.1 – Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất: Các báo cáo tài chính của một số Công ty con, Công ty liên kết được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đang tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của các Công ty này. Các báo cáo tài chính của các đơn vị này đang được lập và trình bày trên giả định hoạt động liên tục.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp)

- Như trình bày tại thuyết minh 11 – Các khoản đầu tư tài chính, Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Công ty con của Tổng Công ty (Cảng Sài Gòn), đang theo dõi khoản đầu tư góp vốn bằng tài sản là 600m cầu tàu K6, K7, K8, K9, K10 tại Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội vào Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Ngọc Viễn Đông (“Công ty Ngọc Viễn Đông”) với giá trị góp vốn được xác định là 300.001.000.000 đồng (tương đương tỷ lệ góp vốn 5,6%). Cảng Sài Gòn không thu thập được các Báo cáo tài chính của Công ty Ngọc Viễn Đông từ năm 2021 đến nay. Tuy nhiên, các tài sản góp vốn là hơn 600m cầu cảng từ K6 đến K10 tại Khu Nhà Rồng - Khánh Hội vẫn đang được Công ty tiếp tục quản lý, khai thác, kinh doanh và Công ty Ngọc Viễn Đông cam kết chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất có liên quan đối với Nhà nước theo Biên bản thỏa thuận ngày 31/08/2017 giữa Công ty Ngọc Viễn Đông và Cảng Sài Gòn. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khoản đầu tư này không bị suy giảm giá trị.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 17- Xây dựng cơ bản dở dang, “Dự án đầu tư xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I” được triển khai từ năm 2002 với tổng mức đầu tư theo dự toán ban đầu 230,3 tỷ đồng; “Dự án đầu tư xây dựng cảng Cái Cui giai đoạn II” được triển khai từ năm 2009 với tổng mức đầu tư theo dự toán ban đầu là 829,8 tỷ đồng. Việc đầu tư 02 dự án đã kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu và hiện vẫn chưa hoàn thành. Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ – Công ty con của Tổng Công ty đang tiếp tục triển khai đầu tư để hoàn thành đưa các hạng mục dự án vào sử dụng vào hoạt động kinh doanh.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 19 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:
  - + Cảng Sài Gòn đã tạm tính các chi phí phải nộp liên quan đến tiền thuê đất tại Khu vực Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội tính đến thời điểm Công ty ký thỏa thuận với Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô Thị Ngọc Viễn Đông (“Ngọc Viễn Đông”) (chủ đầu tư dự án Khu Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội) theo Quyết định chủ trương đầu tư số 6815/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh). Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Cảng Sài Gòn đang tiếp tục làm việc với cơ quan thuế về cơ sở tính tiền thuê đất phải nộp.
  - + Cảng Sài Gòn đã tạm nộp về tiền thuê đất và thuế đất cho giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020 tại Cảng Tân Thuận 1, Tân Thuận 2 (Tân Thuận Đông) theo thông báo của Chi cục thuế Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đang tiếp tục làm việc với chi cục thuế Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan hữu quan về cơ sở của việc phải nộp số tiền thuê đất này.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 22 (3) và 22 (4) – Phải trả phải nộp khác: Cảng Sài Gòn đã tiếp nhận tiền ứng vốn từ Ngân sách Nhà nước và Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông để phục vụ đầu tư dự án xây dựng Cảng Sài Gòn – Hiệp Phước, thuộc quản lý của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước - Công ty con của Cảng Sài Gòn. Đến thời điểm hiện tại dự án này vẫn đang trong quá trình xây dựng.
- Tại thuyết minh 22(6) – Phải trả phải nộp khác và 24(1) – Vay và nợ thuế tài chính, đến thời điểm hiện tại tại Dự án Nhà máy đóng tàu Hậu Giang của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang đã bị dừng vĩnh viễn theo văn bản số 403/TTg-KTN ngày 29/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Liên quan đến nguồn vốn dùng để đầu tư dự án này, Công ty đang thực hiện ghi nhận lãi suất tái cơ cấu căn cứ Nghị quyết 107/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính Phủ. Tuy nhiên các bên cho vay/ứng vốn gồm: Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (VFC), Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy (SBIC) chưa thực hiện cơ cấu nợ theo nghị quyết nêu trên.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP)

### Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp)

- Tại Thuyết minh số 24 (2) - Vay và nợ thuê tài chính và Thuyết minh số 7 – Phải thu về cho vay: Tại ngày 31/12/2024, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty phản ánh khoản Phải thu về cho vay Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP - PSA ("SP-PSA") trị giá nguyên tệ là 4.950.000 USD (tại Công ty mẹ - Tổng Công ty) và 11.880.000 USD (tại Cảng Sài Gòn), đồng thời phản ánh khoản vay Công ty PSA Việt Nam Pte., Ltd ("PSA Việt Nam") với cùng số tiền theo Hợp đồng vay cổ đông ngày 26/08/2008, tương ứng với tỷ lệ vốn góp 15% của Tổng Công ty và 36% của Công ty CP Cảng Sài Gòn tại Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty và Cảng Sài Gòn vẫn đang tiếp tục làm việc với các bên để thống nhất ký lại phụ lục hợp đồng và cơ sở tính số lãi phải thu và lãi phải trả tương ứng.
- Như đã nêu tại Thuyết minh số 37.3 – Thông tin khác, theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, Tổng Công ty phải thực hiện quyết toán thuế, các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước với Cơ quan thuế và đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, quyết toán tiền thu về cổ phần hóa, chi trả chế độ lao động dôi dư, chi phí cổ phần hóa. Tổng Công ty đã hoàn thành việc quyết toán thuế. Đối với các nội dung còn lại, Tổng Công ty đã hoàn thành hồ sơ và đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do vậy số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo có thể thay đổi theo ý kiến của các cấp có thẩm quyền.

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



**Lê Quang Nghĩa**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1  
Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2025

**Trịnh Thị Trang**  
**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4061-2022-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>13.250.276.250.627</b>	<b>11.963.612.942.094</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.255.012.146.283	2.771.448.217.598
Tiền	111		1.867.525.795.383	1.522.178.429.592
Các khoản tương đương tiền	112		1.387.486.350.900	1.249.269.788.006
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>5.138.580.323.941</b>	<b>5.276.990.271.626</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	11	5.138.580.323.941	5.276.990.271.626
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.607.375.668.277</b>	<b>2.733.306.403.113</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	1.744.869.889.828	1.503.172.355.537
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	904.476.701.248	723.497.121.304
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	203.408.000.000	65.212.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.114.081.771.535	783.375.660.069
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(363.723.523.135)	(346.213.562.598)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4.262.828.801	4.262.828.801
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	10	<b>485.064.150.994</b>	<b>493.411.636.746</b>
Hàng tồn kho	141		689.383.741.794	697.865.529.396
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(204.319.590.800)	(204.453.892.650)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>764.243.961.132</b>	<b>688.456.413.011</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	79.824.461.633	88.853.920.088
Thuế GTGT được khấu trừ	152		545.190.547.000	438.142.458.714
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	139.228.952.499	161.460.034.209

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>17.174.694.382.362</b>	<b>15.571.815.787.190</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.506.052.730.179</b>	<b>1.123.241.189.041</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5	93.599.714.342	102.843.157.875
Trả trước cho người bán dài hạn	212	6	24.653.398.581	24.653.398.581
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	1.080.764.677.466	883.211.680.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	307.034.939.790	112.569.520.285
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	-	(36.567.700)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.100.520.065.447</b>	<b>9.019.043.281.010</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	8.401.808.885.120	8.296.680.031.903
- Nguyên giá	222		29.962.641.030.949	31.225.381.315.244
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.560.832.145.829)	(22.928.701.283.341)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	45.229.712.513	48.144.234.401
- Nguyên giá	225		58.290.437.844	58.290.437.844
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(13.060.725.331)	(10.146.203.443)
Tài sản cố định vô hình	227	14	653.481.467.814	674.219.014.706
- Nguyên giá	228		934.473.120.013	929.988.480.979
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(280.991.652.199)	(255.769.466.273)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>15</b>	<b>417.002.112.683</b>	<b>456.095.448.921</b>
- Nguyên giá	231		801.560.573.617	799.763.848.418
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(384.558.460.934)	(343.668.399.497)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>17</b>	<b>3.528.272.652.993</b>	<b>2.514.340.409.174</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		39.141.592.111	38.937.789.457
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.489.131.060.882	2.475.402.619.717
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.220.497.150.565</b>	<b>2.029.159.377.540</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	11	1.849.307.819.163	1.641.806.308.629
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	11	395.522.409.602	411.417.655.941
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	11	(24.333.078.200)	(24.064.587.030)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>402.349.670.495</b>	<b>429.936.081.504</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	373.585.689.251	400.626.923.848
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		28.763.981.244	29.309.157.656
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>30.424.970.632.989</b>	<b>27.535.428.729.284</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>13.008.273.019.746</b>	<b>12.169.113.677.699</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.099.991.348.524</b>	<b>7.417.296.164.057</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	1.698.029.979.726	1.172.565.793.665
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		77.566.769.514	41.343.194.352
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	309.516.290.210	292.996.021.234
Phải trả người lao động	314		684.237.666.497	598.141.572.144
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	2.313.842.060.507	2.238.687.385.014
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	25.249.417.363	19.997.232.312
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	1.542.820.618.819	1.414.230.911.311
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	1.280.673.986.345	1.496.330.731.754
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		25.100.000.000	16.018.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		142.954.559.543	126.985.322.271
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.908.281.671.222</b>	<b>4.751.817.513.642</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	20	13.882.563.322	14.310.819.982
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21	44.734.415.104	44.662.204.284
Phải trả dài hạn khác	337	22	2.381.238.467.846	2.407.085.935.506
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	1.999.549.682.841	1.792.085.060.787
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341	23	468.876.542.109	493.673.493.083
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>17.416.697.613.243</b>	<b>15.366.315.051.585</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>17.416.697.613.243</b>	<b>15.366.315.051.585</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		745.029.557	10.945.029.557
Vốn khác của chủ sở hữu	414		73.241.144.535	82.963.929.693
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(3.203.637.830.471)	(3.190.407.830.469)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		108.499.338.222	40.796.738.792
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.933.165.394.314	2.086.664.356.714
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		92.227.503	92.227.504
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		596.828.553.066	(241.969.636.062)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(1.424.185.891.752)	(1.404.282.835.379)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.021.014.444.818	1.162.313.199.317
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.901.883.756.517	4.571.350.235.856
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>30.424.970.632.989</b>	<b>27.535.428.729.284</b>

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Trưởng ban TCKT

Tổng Giám đốc



Vũ Thị Thanh Duyên

Lê Duy Dương

Nguyễn Cảnh Tinh

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	16.969.719.071.136	12.820.166.123.213
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		8.470.890.671	5.146.652.716
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>16.961.248.180.465</b>	<b>12.815.019.470.497</b>
Giá vốn hàng bán	11	28	14.147.885.979.277	10.412.004.593.703
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>2.813.362.201.188</b>	<b>2.403.014.876.794</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	856.589.652.356	664.610.287.475
Chi phí tài chính	22	30	616.879.088.999	257.553.794.521
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>372.851.242.087</i>	<i>202.077.736.231</i>
Lãi/(lỗ) đầu tư Công ty liên doanh, liên kết	24		225.015.248.832	153.835.939.153
Chi phí bán hàng	25	31	138.313.204.379	138.049.421.642
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	1.343.354.790.920	1.045.493.993.895
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>1.796.420.018.078</b>	<b>1.780.363.893.364</b>
Thu nhập khác	31	33	1.435.448.737.979	484.846.885.838
Chi phí khác	32	34	79.220.229.770	139.196.627.975
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.356.228.508.209</b>	<b>345.650.257.863</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>3.152.648.526.287</b>	<b>2.126.014.151.227</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		546.070.402.800	421.040.443.445
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(23.250.630.856)	3.154.567.469
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>2.629.828.754.343</b>	<b>1.701.819.140.313</b>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		2.021.014.444.818	1.162.313.199.317
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		608.814.309.525	539.505.940.996
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>35</b>	<b>1.683</b>	<b>968</b>

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2025

**Người lập biểu**

**Trưởng ban TCKT**

**Tổng Giám đốc**

2/12

**Vũ Thị Thanh Duyên**

LEWIS

**Lê Duy Dương**



**Nguyễn Cảnh Tinh**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp gián tiếp)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		3.152.648.526.287	2.126.014.151.227
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		1.525.135.144.321	1.317.079.959.847
Các khoản dự phòng	03		26.689.582.157	(246.955.748.464)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(55.131.068.690)	(32.704.482.287)
Lỗ/(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(1.308.671.609.044)	(611.684.852.217)
Chi phí lãi vay	06		372.851.242.087	202.077.736.231
Các điều chỉnh khác	07		26.272.308.883	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		3.739.794.126.001	2.753.826.764.337
Tăng/giảm các khoản phải thu	09		455.843.676.906	196.137.602.937
Tăng/giảm hàng tồn kho	10		8.277.984.948	167.779.251.249
Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(434.232.237.235)	(287.772.220.054)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12		36.070.693.052	94.383.529.075
Tăng/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(217.231.080.187)	(283.278.203.057)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(569.874.097.308)	(377.463.564.339)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		32.320.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(220.552.756.659)	(197.571.402.293)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		2.798.128.629.518	2.066.041.757.855
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.090.639.824.854)	(2.385.642.111.728)
Tiền thu thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		846.150.504.689	95.187.760.339
Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.805.556.798.760)	(8.186.708.335.708)
Tiền thu hồi cho vay bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.701.753.928.991	8.745.841.396.984
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(332.099.938.458)	(2.447.862.450)
Tiền thu bởi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		106.295.848.490	17.585.790.150
Tiền thu lãi vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27		368.021.672.950	471.447.342.944
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		(2.206.074.606.952)	(1.244.736.019.469)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		470.498.442.708	352.321.414.309
Tiền trả nợ gốc vay	34		(548.833.154.504)	(557.972.094.150)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(46.326.570.024)	(212.268.501.333)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(124.661.281.820)</b>	<b>(417.919.181.174)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>467.392.740.747</b>	<b>403.386.557.212</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	2.771.448.217.598	2.384.234.648.554
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		16.171.187.938	(16.172.988.168)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>3.255.012.146.283</b>	<b>2.771.448.217.598</b>

Người lập biểu

**Vũ Thị Thanh Duyên**

Trưởng ban TCKT

**Lê Duy Dương**

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



**Nguyễn Cảnh Tinh**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 250/TTg ngày 29/4/1995 của Thủ tướng chính phủ. Ngày 29/09/2006, Tổng Công ty đã chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 216/2006/QĐ – TTg của Thủ tướng chính phủ. Đồng thời, Thủ tướng chính phủ cũng ban hành Quyết định số 217/2006/QĐ-TTg về việc thành lập Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Ngày 25/06/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 985/QĐ-TTg về việc chuyển Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Thực hiện đề án Tái cơ cấu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tổng Công ty đã tổ chức thực hiện xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2016. Ngày 08/12/2017, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 3402/QĐ-BGTVT công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Đến ngày 20/06/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 751/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Ngày 18/06/2020, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp ban hành Quyết định số 277/QĐ-UBQLV điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ theo kết quả chào bán cổ phần lần đầu của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Tổng Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu vào ngày 13/08/2020 và chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 18/08/2020.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0100104595 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội lần đầu ngày 07/07/2010. Từ ngày 18/08/2020, Tổng Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7 để chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với vốn điều lệ là 12.005.880.000.000 VND.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, đường thủy nội địa, đường bộ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải; hoạt động điều hành cảng biển, cảng đường thủy nội địa; hoạt động đại lý, giao nhận vận chuyển, logistics, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, mua bán nợ...

**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

**1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.5 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2024 bao gồm:

STT	Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	51,05%	51,05%	Dịch vụ hàng hải
2	Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	TP. Hải Phòng	51,00%	51,00%	Dịch vụ vận tải biển
3	Công ty Cổ Phần VIMC Logistics	TP. Hà Nội	59,50%	60,59%	Dịch vụ hàng hải
4	Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	Khánh Hòa	80,90%	80,90%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
5	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	TP. Hải Phòng	51,00%	51,00%	Dịch vụ vận tải biển
6	Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	TP. Hải Phòng	92,56%	92,56%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
7	Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Nghệ An	51,00%	51,00%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
8	Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	65,45%	65,45%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
9	Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng	75,00%	75,00%	Dịch vụ cảng biển
10	Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	TP. Hải Phòng	60,00%	60,00%	Dịch vụ vận tải biển
11	Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	TP. Hà Nội	56,00%	56,00%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
12	Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	Dịch vụ vận tải biển
13	Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	Quảng Ninh	56,58%	56,58%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
14	Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng hải Hậu Giang	Hậu Giang	100,00%	100,00%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp, vận chuyển
15	Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	TP. Cần Thơ	99,01%	99,01%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
16	Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	Khánh Hòa	91,79%	91,79%	Dịch vụ vận tải biển
17	Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (i)	Bình Định	75,01%	75,01%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
18	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	Khánh Hòa	41,26%	51,00%	Dịch vụ hàng hải
19	Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ	TP. Hải Phòng	47,21%	51,00%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

STT	Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
20	Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	TP. Hải Phòng	55,54%	60,00%	Dịch vụ hàng hải
21	Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	TP. Hải Phòng	92,56%	100,00%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
22	Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	TP. Hải Phòng	92,56%	100,00%	Dịch vụ khám chữa bệnh
23	Công ty TNHH MTV Đào tạo kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	TP. Hải Phòng	92,56%	100,00%	Dịch vụ đào tạo
24	Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	48,52%	74,13%	Dịch vụ hàng hải
25	Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước	TP. Hồ Chí Minh	59,26%	90,54%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
26	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ Cảng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	41,44%	63,31%	Dịch vụ hàng hải
27	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Cảng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	33,38%	51,00%	Dịch vụ hàng hải
28	Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	34,51%	52,72%	Dịch vụ hàng hải
29	Công ty TNHH MTV Cung ứng Nhân lực VOSCO	TP. Hải Phòng	51,00%	51,00%	Cung ứng nhân lực
30	Công ty Cổ phần dịch vụ Cảng Hậu Giang	Hậu Giang	51,00%	51,00%	Dịch vụ hàng hải
31	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship	TP. Hải Phòng	51,00%	51,00%	Dịch vụ hàng hải
32	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	TP. Quy Nhơn	75,01%	75,01%	Dịch vụ hàng hải
33	Công ty cổ phần Vận tải container VIMC (VIMC Lines) (ii)	TP. Hà Nội	99,56%	99,56%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp, vận tải biển
34	Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải	TP. Hải Phòng	51,00%	50,55%	Dịch vụ hàng hải
35	Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	TP. Hải Phòng	51,00%	50,55%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp

- i. Tháng 9/2015, Tổng Công ty thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (“QNP”) theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành (“Hợp Thành”). Ngày 27/05/2019, thực hiện Kết luận của Thanh tra Chính phủ về công tác Cổ phần hóa tại QNP, ý kiến chỉ đạo của Phó thủ tướng thường trực Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, Tổng Công ty đã ký hợp đồng số 01/2019/VNL-HT/CGCP với Hợp Thành về việc nhận chuyển giao quyền sở hữu cổ phần QNP. Ngày 29/05/2019, việc chuyển giao quyền sở hữu 30.312.262 cổ phần tương đương 75,01% vốn điều lệ QNP cho Tổng Công ty đã được thực hiện thông qua Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam. Theo hợp đồng, tổng giá trị chuyển giao bao gồm (1) Số tiền chuyển giao và (2) Lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư. Trong đó:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.5 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY (TIẾP)**

- Số tiền chuyển giao (1) là 415.156.027.500 VND. Số tiền này đã được Tổng Công ty chuyển trả cho Hợp Thành vào ngày 27/05/2019 và tạm ghi nhận giá trị khoản đầu tư vào QNP vào ngày được chuyển giao quyền sở hữu.
- Lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư (2) là giá trị lợi ích hợp pháp mà Hợp Thành được hưởng trong giai đoạn tham gia đầu tư, quản lý và điều hành. Giá trị này hai bên thống nhất do Hợp Thành đưa ra cơ sở phương pháp xác định gửi Tổng Công ty xem xét cho ý kiến và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đến thời điểm 31/12/2024, các bên vẫn chưa xác định được giá trị lợi ích hợp pháp (2) mà Hợp Thành được hưởng trong giai đoạn tham gia đầu tư, quản lý và điều hành. Vì vậy, Tổng Công ty chưa thanh toán khoản này cho Hợp Thành đồng thời chưa ghi nhận vào giá trị khoản đầu tư trên Báo cáo tài chính riêng.

- ii. Công ty thành lập mới trong năm theo giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp số 0110710348 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10/5/2024 với vốn điều lệ là 1.015.000.000.000 tỷ đồng. Đến ngày 31/12/2024, các bên đã hoàn thành góp vốn theo đăng ký kinh doanh.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của

Dự phòng phải thu khó đòi được Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (Các Công ty con). Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con. Báo cáo tài chính của một số Công ty con và Công ty liên kết gồm: Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông, Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang, Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang, Công ty TNHH quốc tế Cảng Cái Mép có các sự kiện cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của các Công ty này như lỗ lũy kế lớn, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn... nhưng báo cáo tài chính của các Công ty này vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục để hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng, với việc các đơn vị đang trong quá trình quyết liệt tái cơ cấu các khoản nợ vay, đồng thời thị trường vận tải biển đang có những chuyển biến hết sức tích cực thì giả định hoạt động liên tục để lập Báo cáo tài chính của các công ty này là phù hợp.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát: Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)****2.2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**3.1 CÁC ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 CÁC NGHIỆP VỤ BẢNG NGOẠI TỆ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.3 TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.4 HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THỂ THƯƠNG MẠI**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thể thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thể thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thể thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thể thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thể thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

**3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Chúng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chúng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chúng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chúng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

*Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết* mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thể thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tổng Công ty không phân bổ lợi thể thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thể thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong kỳ. Tổng Công ty loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Tổng Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Tổng Công ty điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tổng Công ty. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi và được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên. Dự phòng cũng được xác định đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn. Dự phòng được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.7 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng tại Công ty Vận tải biển VIMC – đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty mẹ, giá trị hàng tồn kho (chủ yếu là nhiên liệu trên tàu) được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng dịch vụ hoặc hạng mục tư vấn dự án chưa nghiệm thu hoàn thành. Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn được tập hợp theo chi phí thực tế phát sinh của dự án đầu tư bất động sản để bán.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối kỳ kế toán cho từng mặt hàng tồn kho có chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc hàng tồn kho và giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ VÔ HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Chính sách khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Tổng Công ty và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 35
Máy móc, thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	03 – 10
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50
Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao
Phần mềm	03
Tài sản cố định vô hình khác	02 – 21

**3.9 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Đối với bất động sản đầu tư được đưa vào sử dụng và ghi tăng nguyên giá trước thời điểm xác định giá trị cổ phần hóa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được ghi nhận theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 25
Quyền sử dụng đất	50
Cơ sở hạ tầng	47

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.11 THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau. Đối với giá trị lợi thế kinh doanh và giá trị công cụ dụng cụ đánh giá lại được ghi nhận theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận Tài sản cố định vô hình. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí dựa trên đánh giá tình hình thực tế, chi phí công cụ dụng cụ được phản ánh vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí dựa trên đánh giá tình hình thực tế, chi phí công cụ dụng cụ được phản ánh vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.
- Chi phí thuê nhà và chi phí bảo hiểm: Được phân bổ căn cứ thời gian trả trước.

**3.13 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại ngoại tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**3.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản đi vay và nợ thuê tài chính.

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ, theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.15 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, toàn bộ chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

**3.16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm chi phí lãi vay và các loại chi phí khác.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**3.17 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

**3.18 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.19 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày cuối kỳ được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu – là vốn điều lệ của Tổng Công ty được Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt tại Quyết định số 277/QĐ-UBQLV ngày 18/06/2020.

Tại Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông (“Biển Đông”): Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 751/BTC-TCDN ngày 17/09/2015, khoản chênh lệch giữa số tiền Biển Đông nhận nợ với Công ty TNHH Mua Bán nợ Việt Nam (DATC) với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng phát sinh trước ngày chuyển đổi chủ nợ được ghi nhận tăng giá trị phần vốn Nhà nước tại Biển Đông. Hướng dẫn này có sự khác biệt với quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, theo đó khoản chênh lệch này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Trước năm 2017, Biển Đông áp dụng hướng dẫn của công văn số 751/BTC-TCDN ngày 17/9/2015 của Bộ tài chính (công văn 751) v/v hướng dẫn kế toán phần chênh lệch giữa giá trị khoản nợ theo sổ sách kế toán và giá trị nhận nợ với DATC (Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam). Theo đó, khoản chênh lệch giữa số tiền Công ty nhận nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận tăng giá trị phần vốn Nhà nước tại Biển Đông.

Từ năm 2018 đến năm 2021, Biển Đông chuyển sang áp dụng các quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, theo đó, khoản chênh lệch giữa số tiền Biển Đông nhận nợ DATC với giá trị khoản gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Từ năm 2022 tới 2023, Biển Đông áp dụng hướng dẫn của Thông tư số 46/2021/TT-BTC ngày 23/6/2021, công văn số 751/BTC-TCDN ngày 17/9/2015, công văn số 5883 /BTC-TCDN ngày 08/5/2017, công văn số 1440/BTC-TCDN ngày 08/02/2021 của Bộ Tài chính.

Nếu Biển Đông áp dụng nhất quán quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong ghi nhận các khoản này thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2024, chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Mã số 416) sẽ giảm xuống 2.166,24 tỷ đồng, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) tăng lên tương ứng và tại ngày 31/12/2024, chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Mã số 416) sẽ giảm xuống 2.166,24 tỷ đồng, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) tăng lên tương ứng.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.20 GHI NHẬN DOANH THU**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

**3.21 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

**3.23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**3.24 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

*Chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

*Thuế suất thuế TNDN năm tài chính hiện hành*

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

**3.25 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**3.26 CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết.
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.26 CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**3.27 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	16.561.419.383	14.337.111.932
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.850.964.376.000	1.507.841.317.660
Các khoản tương đương tiền (*)	1.387.486.350.900	1.249.269.788.006
	<u>3.255.012.146.283</u>	<u>2.771.448.217.598</u>

(\*) Là các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng Thương mại với kỳ hạn không quá 03 tháng.

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

Số 1 Đảo Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.744.869.889.528</b>	<b>(254.544.791.678)</b>	<b>1.503.172.355.537</b>	<b>(241.635.972.042)</b>
<i>Phải thu khách hàng là bên liên quan</i>	<i>92.121.897.013</i>	<i>(4.547.915.958)</i>	<i>105.921.327.083</i>	<i>(4.547.772.210)</i>
Công ty Cổ phần VTB & hợp tác lao động quốc tế	99.932.011	-	61.904.007	-
Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	124.636.288	-	6.037.373	-
Công ty TNHH Vinalines Honda Logistic Việt Nam	1.137.853.872	-	839.194.499	-
Công ty CP Tiếp vận Biển Đông	4.655.791.380	-	9.729.489.380	-
Công ty cổ phần đại lý tàu biển và LOGISTICS	1.053.597.594	-	578.875.817	-
Công ty TNHH Tiếp Vận SITC - Đình Vũ	-	-	32.151.600	-
Công ty CP HPH Logistic	4.543.659.314	-	4.455.304.425	-
Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	5.269.379.882	-	5.108.531.636	-
Công ty Cổ phần Lai Dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	70.680.540	-	22.860.365	-
Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA	2.785.844.500	-	22.522.052.280	-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	63.654.666.209	-	53.363.974.040	-
Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	492.539.914	-	1.603.791.697	-
Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	355.175.057	-	430.443.612	-
Công ty Cổ phần Tàu Lai Cảng Đà Nẵng	-	-	20.269.200	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Visihip	3.754.779.629	(3.754.779.629)	3.754.779.629	(3.754.779.629)
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Cái Lân	2.822.051.194	-	1.949.475.000	-
Công ty CP Hùng hải Đông Đô	115.000.000	-	115.000.000	-
Công ty CP Cảng tổng hợp Thị Vải	-	-	167.400.000	-
Công ty CP Hùng hải Sài Gòn	24.000.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Viên Dương	793.136.329	(793.136.329)	792.992.581	(792.992.581)
Công ty Cổ phần Công nghiệp tàu thủy và Vận tải Cần Thơ	-	-	112.994.111	-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP - PSA	-	-	8.000.000	-
Công ty CP sửa chữa tàu biển Nosco-Vinalines	307.030.500	-	245.805.831	-
Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam	15.142.800	-	-	-
Công ty CP Cảng Năm Căn	47.000.000	-	-	-



TÓNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên khác</b>	<b>1.652.747.992.815</b>	<b>(249.996.875.720)</b>	<b>1.397.251.028.454</b>	<b>(237.088.199.832)</b>
Denmar Chartering & Trading GmbH	16.658.268.724	(16.658.268.724)	16.658.268.724	(16.658.268.724)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại DIC	60.597.598.942	(60.597.598.942)	65.437.185.833	(59.727.257.172)
Maersk A/S	10.561.674.714	-	9.563.162.165	-
Công ty TNHH Billion Industrial Việt Nam	16.519.008.420	-	19.726.636.390	-
Ocean Network Express Pte Ltd	24.278.805.976	-	25.766.212.030	-
Công ty TNHH Cảng Phước Long	7.973.162.400	-	8.709.947.634	-
SITC Container Lines Co., Ltd	38.657.905.546	-	32.427.170.315	-
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu	21.977.044.420	(21.977.044.420)	21.977.044.420	(21.977.044.420)
Công ty TNHH Naigai Nitto Logistics Việt Nam	14.116.722.448	-	12.218.324.395	-
Công ty Vận tải Quốc tế Mê Kông	6.214.501.642	-	11.127.386.366	-
Công ty Cổ phần Than cảng Sài Gòn	106.934.902	-	58.732.114.604	-
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản	23.910.382.470	-	42.354.563.913	-
Cục dự trữ Nhà nước Khu vực Đông Bắc	-	-	20.594.864.484	-
Các khách hàng khác	1.411.175.982.211	(150.763.963.634)	1.051.958.147.181	(138.725.629.516)
<b>Dài hạn</b>	<b>93.599.714.342</b>	<b>-</b>	<b>102.843.157.875</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu khách hàng là bên liên quan</b>	<b>93.599.714.342</b>	<b>-</b>	<b>102.843.157.875</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép (*)	93.599.714.342	-	102.843.157.875	-
	<b>1.838.469.604.170</b>	<b>(254.544.791.678)</b>	<b>1.606.015.513.412</b>	<b>(241.635.972.042)</b>

(\*) Khoản phải thu Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép (CMIT) liên quan đến tiền thuê cơ sở kết cấu hạ tầng tại Cảng Cái Mép. Trong đó bao gồm khoản phải thu liên quan khoản tiền thuê đất được giãn theo thỏa thuận Hợp đồng cho giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2019. Khoản tiền này sẽ thanh toán trong 24 kỳ kể từ sau ngày 30/06/2019 cho đến ngày 31/12/2030. Ngày 30/06/2023, Cảng Sài Gòn và CMIT đã ký kết Thỏa thuận tạm hoãn thanh toán với các bên cho thuê, theo đó tiền khoản tiền thuê đất được giãn theo thỏa thuận Hợp đồng cho giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2019 trong 4 kỳ đầu tiên sẽ được hoãn lại và thực hiện kể từ ngày 30/06/2025.

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

Số 1 Đảo Dục Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngân hạn</b>				
<b>Các bên liên quan</b>				
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	904.476.701.248	(57.539.883.989)	723.497.121.304	(57.539.883.989)
Công ty CP Hàng hải Đồng Đế	2.676.105.764	-	590.830.480	-
	180.184.500	-	590.830.480	-
	2.495.921.264	-	-	-
<b>Các bên khác</b>	901.800.595.484	(57.539.883.989)	722.906.290.824	(57.539.883.989)
Công ty Đóng tàu Bạch Đằng (1)	69.262.562.009	(49.239.258.319)	69.262.562.009	(49.239.258.319)
Công ty Mitsui E & S Co., Ltd	108.086.362.479	-	190.746.186.888	-
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nam Triệu (2)	256.655.705.789	-	260.255.705.789	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Huỳnh Thy	-	-	44.988.000.000	-
Độc tượng khác	467.795.965.207	(8.300.625.670)	157.653.836.138	(8.300.625.670)
<b>Dài hạn</b>	24.653.398.581	-	24.653.398.581	-
Công ty Cổ phần Địa ốc 10	24.653.398.581	-	24.653.398.581	-
	<b>929.130.099.829</b>	<b>(57.539.883.989)</b>	<b>748.150.519.885</b>	<b>(57.539.883.989)</b>

**(1) Bao gồm:**

- Khoản ứng trước liên quan đến Hợp đồng số 01/VNL-BĐ ngày 22/11/2010 ký giữa Công ty mẹ - Tổng Công ty và Công ty Đóng tàu Bạch Đằng về việc đóng 03 tàu BV-10, BV-11, BV-12 số tiền 49.239.258.319 VND. Đây là số tiền ứng trước theo hợp đồng vượt quá giá trị quyết toán do dừng thực hiện dự án.
- Số còn lại là khoản ứng trước cho việc đóng tàu Lucky Star và tàu Blue Star với Công ty CP Vận tải Biển Việt Nam. Hiện nay các bên đang hoàn thiện các thủ tục cần thiết để quyết toán hoàn thành giá trị tàu.

- (2) Khoản ứng trước cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nam Triệu về việc đóng tàu Vosco Sunrise của Công ty CP Vận tải biển Việt Nam. Hai bên đang hoàn thiện các thủ tục cần thiết để quyết toán hoàn thành giá trị tàu.



7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>				
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA (i)	203.408.000.000	-	65.212.000.000	-
Bên khác	202.008.000.000	-	63.812.000.000	-
Các đối tượng khác	202.008.000.000	-	63.812.000.000	-
<b>Dài hạn</b>				
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA (i)	1.400.000.000	-	1.400.000.000	-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA (ii)	1.400.000.000	-	1.400.000.000	-
Công ty TNHH Cảng Công - Ten - Nơ Quốc tế Cái Lân (iii)	1.080.764.677.466	-	883.211.680.000	-
	1.080.764.677.466	-	883.211.680.000	-
	337.100.850.000	-	514.108.000.000	-
	424.974.330.000	-	369.103.680.000	-
	518.689.497.466	-	-	-
	1.284.172.677.466	-	948.423.680.000	-

- (i) Khoản cho vay theo Nghị quyết số 119/NQ-CSG ngày 16/03/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn ("Cảng Sài Gòn") Công ty con của Tổng Công ty về việc đồng ý các nội dung tài cơ cấu khoản nợ vay của Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA ("SSIT") với các tổ chức tín dụng tại Điều khoản Thỏa thuận và Thỏa thuận khoản tài trợ của Chủ sở hữu. Cụ thể, các Công ty con của Tổng Công ty về việc đồng ý tài trợ cho việc mua lại khoản vay và tất cả các nghĩa vụ nợ của SSIT với tổng kinh phí cần thiết là 48.000.000 USD, trong đó Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn đã hoàn tất chuyển 564.432.000.000 VND cho SSIT vay theo Hợp đồng vay thực hiện ngày 28/04/2023 và Thỏa thuận tài cơ cấu SSIT. Khoản vay thời hạn 05 năm, lãi suất 6,3%/năm, hình thức đảm bảo là tín chấp.
- (ii) Khoản cho Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA vay, trị giá nguyên tệ là 4.950.000 USD (tại Công ty mẹ - Tổng Công ty) và 11.880.000 USD (tại Cảng Sài Gòn) theo Hợp đồng vay có đóng ngày 26/08/2008, tương ứng với tỷ lệ vốn góp 15% của Tổng Công ty và 36% của Công ty CP Cảng Sài Gòn tại Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA. Khoản cho vay được hưởng lãi suất Sời (lãi suất cho vay qua đêm có đảm bảo), được hoàn trả khi có yêu cầu của Công ty PSA Vietnam Pte Ltd., (bên cho vay). Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Tổng Công ty và Cảng Sài Gòn vẫn đang tiếp tục làm việc với các bên để thống nhất ký lại phụ lục hợp đồng và cơ sở tính số lãi phải thu và lãi phải trả tương ứng.
- (iii) Khoản phải thu Công ty TNHH Cảng Công - Ten - Nơ Quốc tế Cái Lân (Cảng CICT) theo thỏa thuận mua nợ đã ký giữa VIMC, Công ty SSA Holdings International và các bên cho vay (Lender) nhằm thực hiện phương án tái cấu trúc tài chính CICT đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 22/7/2024.

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

Số 1 Đê Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.114.081.771.535</b>	<b>(47.197.243.782)</b>	<b>783.375.660.069</b>	<b>(47.034.686.907)</b>
- Tạm ứng	23.680.410.730	-	23.006.540.315	-
- Ký cược, ký quỹ	57.862.924.614	(162.556.875)	13.654.904.236	(162.556.875)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	40.250.966.469	(3.287.420.975)	4.875.445.211	(3.287.420.975)
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	293.298.093.332	(7.733.305.729)	199.192.408.141	(7.733.305.729)
- Các khoản chi bộ	80.386.274.300	(96.597.406)	38.563.631.216	(96.597.406)
- Phải thu thuế GTGT đầu vào của Dự án bản số 2 - Cảng Ba Ngòi	12.810.751.466	-	12.810.751.466	-
- Tiền thu cổ phần hóa	28.719.686.558	-	28.719.686.558	-
- Các khoản phải thu khác	577.072.664.066	(35.917.362.797)	462.552.292.926	(35.754.805.922)
+ Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng (I)	52.630.296.044	-	50.193.406.832	-
+ Khấu hao và lãi vay đối với tài sản cầm số 4, số 5 bãi container Chùa Vẽ (II)	194.218.263.761	-	194.218.263.761	-
+ Phải thu khác	330.224.104.261	(35.917.362.797)	218.140.622.333	(35.754.805.922)
<b>Dài hạn</b>	<b>307.034.939.790</b>	<b>-</b>	<b>112.569.520.285</b>	<b>(36.567.700)</b>
- Ký cược, ký quỹ	164.599.664.649	-	41.454.390.526	-
- Phải thu về chi phí bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc, cây trồng, chi phí tạm cư	74.166.933.376	-	51.220.150.029	-
- Phải thu khác	68.268.341.765	-	19.894.979.730	(36.567.700)
	<b>1.421.116.711.325</b>	<b>(47.197.243.782)</b>	<b>895.945.180.354</b>	<b>(47.071.254.607)</b>



**8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>322.821.129.803</b>	<b>(23.852.306.009)</b>	<b>168.251.045.998</b>	<b>(23.872.306.009)</b>
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	1.655.210.725	-	1.680.469.752	-
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA	212.537.977.105	-	54.519.493.496	-
- Công ty CP Vinalines Hòa Lạc Logistic	324.126.585	-	324.126.585	-
- Công ty CP Cảng Năm Căn	3.310.988.907	(3.310.988.907)	3.310.988.907	(3.310.988.907)
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	6.700.148.507	(6.602.648.507)	6.661.648.507	(6.622.648.507)
- Công TNHH Cảng Cần Thơ - Thành Tuấn	154.250.000	-	154.250.000	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	97.057.412.225	(12.932.016.846)	81.375.306.536	(12.932.016.846)
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy và Vận tải Cần Thơ	1.006.651.749	(1.006.651.749)	1.006.651.749	(1.006.651.749)
- Công ty CP Cảng Khuyến Lương	-	-	66.000.000	-
- Công ty LD Dịch vụ Container quốc tế cảng SG - SSA	-	-	19.152.110.466	-
- Công ty CP Hàng hải Đông Đô	74.364.000	-	-	-

(i) Thực hiện Nghị quyết số 317/NQ-CNTT ngày 23/11/2015 của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam ("SBIC") về việc Phê duyệt nội dung điều chuyển đổi tương nhận nợ từ nguồn ủy thác của SBIC tại Công ty tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy liên quan đến điều chuyển Dự án đầu tư đóng mới tàu 1.730 TEU - V22 từ Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông ("Biển Đông") sang Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng ("Bạch Đằng") và Biên bản bàn giao ký ngày 05/08/2015 giữa Biển Đông với Bạch Đằng, Biển Đông đã bàn giao Dự án này cùng các khoản nợ gốc vay và lãi vay liên quan sang cho Bạch Đằng từ ngày 05/08/2015. Khoản nợ trên là số còn lại phải thu Bạch Đằng sau khi bàn giao chi phí, công nợ vay, lãi vay của Dự án (xem thêm tại Thuyết minh số 24 – Vay và nợ thuê tài chính).

(ii) Khoản tiền đã được Công ty CP Cảng Hải Phòng – Công ty con nộp vào ngân sách Nhà nước đối với chi phí khấu hao và lãi vay trong giai đoạn từ năm 2014 đến 31/12/2018 của cầu cảng số 4, số 5 Bến cảng Chùa Vẽ theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại văn bản số 3910/BTC-TTr ngày 03/04/2020.

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

Số 1 Đảo Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**9. NỢ XẤU**

**Ngắn hạn**

- Công ty TNHH MTV Đông lâu Bạch Đằng
- Denmar Chartering & Trading Gmbh
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại DIC
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin
- Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cãi Mếp
- Các đối tượng khác

**Dài hạn**

- Các khoản phải thu khác

31/12/2024		01/01/2024	
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
VND	VND	VND	VND
393.051.586.523	29.328.063.388	374.093.296.849	27.879.734.251
49.239.258.319	-	49.239.258.319	-
16.658.268.724	-	16.658.268.724	-
60.597.598.942	-	65.437.185.833	5.709.928.661
23.059.435.641	47.935.804	16.547.728.383	-
21.977.044.420	-	21.977.044.420	-
39.706.522.031	8.843.939.948	-	-
181.813.458.446	20.436.187.636	204.233.811.170	22.169.805.590
-	-	36.567.700	-
-	-	36.567.700	-
<b>393.051.586.523</b>	<b>29.328.063.388</b>	<b>374.129.864.549</b>	<b>27.879.734.251</b>



**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các số liệu minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	431.641.044.485	-	446.133.145.057	-
- Công cụ, dụng cụ	29.133.777.571	-	23.996.756.296	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.538.137.150	-	11.327.422.057	-
- Hàng hóa (*)	219.070.782.588	(204.319.590.800)	215.806.187.804	(204.453.892.650)
- Hàng gửi đi bán	-	-	602.018.182	-
	<b>689.383.741.794</b>	<b>(204.319.590.800)</b>	<b>697.865.529.396</b>	<b>(204.453.892.650)</b>

(\*) Hàng hóa bao gồm 02 máy tàu 47.500 DWT (HB-02/03) được đóng tại Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long với giá trị 210.469.590.800 đồng. Dự án này đã được dừng triển khai theo Nghị quyết số 513/NQ-HĐTV ngày 06/03/2015 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty. Hai máy tàu này đã được Tổng Công ty sử dụng để thế chấp cho Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Đông Bắc theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2019/HĐTCTS-NHPT ngày 29/08/2019. Tại thời điểm 31/12/2024, Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đối với 02 máy tàu này với số tiền 204.319.590.800 đồng.

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Dầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn	5.138.580.323.941	5.138.580.323.941	5.276.990.271.626	5.276.990.271.626
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	5.138.580.323.941	5.138.580.323.941	5.276.990.271.626	5.276.990.271.626
	<b>5.138.580.323.941</b>	<b>5.138.580.323.941</b>	<b>5.276.990.271.626</b>	<b>5.276.990.271.626</b>

(\*) Các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng các Ngân hàng Thương mại.

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

**Công ty**

Công ty	31/12/2024			01/01/2024		
	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ lợi ích %	Giá trị (t) VND	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ lợi ích %	Giá trị (t) VND
Công ty Cổ phần Cảng Khuyến Lương	49,00%	49,00%	38.842.478.997	49,00%	49,00%	32.552.707.590
Công ty TNHH Cảng Công-xen-ơ Quốc tế Cái Lân	50,00%	28,34%	-	50,00%	28,34%	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp tàu thủy và Vận tải Cần Thơ	33,45%	33,45%	-	33,45%	33,45%	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ VOSCO	46,45%	23,69%	20.308.310.076	46,45%	23,69%	20.328.470.544
Công ty Cổ phần Vận tải & Thuê tàu biển Việt Nam	43,32%	43,32%	-	44,61%	44,61%	-
Công ty Cổ phần Cảng Năm Căn	49,35%	49,35%	-	49,35%	49,35%	-
Công ty Cổ phần Cảng tổng hợp Thị Vải	21,00%	13,74%	17.000.265.402	21,00%	13,74%	12.940.195.879
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng	30,52%	28,25%	29.757.030.562	30,52%	28,25%	31.999.714.649
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại hàng hải Hải Phòng	40,53%	38,48%	30.990.342.284	40,53%	38,48%	36.004.561.863
Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hải Hải Âu	-	-	-	26,46%	26,46%	6.680.107.925
Công ty CP Đại lý tàu biển và Logistic Vosco	36,00%	18,36%	3.219.817.702	36%	18,36%	2.202.661.742
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Hưng Phúc	20,00%	13,09%	300.000.000	20,00%	13,09%	300.000.000
Công ty Cổ phần dịch vụ Vận tải & Thương mại (Transco)	33,49%	33,49%	58.186.491.199	33,49%	33,49%	60.056.914.581
Công ty Cổ phần Hàng hải Đồng Đô	48,97%	48,97%	-	48,97%	48,97%	-
Công ty CP HPH Logistics	38,81%	35,92%	14.900.653.069	38,81%	35,92%	16.164.948.515
Công ty Cổ phần Lai đất và Dịch vụ hàng hải Cửa Lò	36,00%	18,36%	6.724.806.131	36,00%	18,36%	5.876.541.454
Công ty Cổ phần Logistic Cảng Sài Gòn	20,12%	18,62%	2.627.515.041	20,12%	18,62%	1.678.103.402
Công ty Cổ phần Logistic Cảng Đà Nẵng	45,10%	33,83%	26.000.530.784	45,10%	33,83%	25.501.991.538
Công ty TNHH KM Cargo Service Hải Phòng	36,00%	33,32%	23.779.148.807	36,00%	33,32%	21.380.249.716



**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thông tin này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết*

Công ty	31/12/2024		01/01/2024	
	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ lợi ích %
				Giá trị (t) VND
Công ty TNHH Smart Logistics Service (Hải Phòng)	20.00%	18.51%	-	-
Công ty Cổ phần Tầu lai Cảng Đà Nẵng	36.00%	27.00%	36.00%	29,050,220,748
Công ty Cổ phần Tiếp vận Biển Đông	21.00%	21.00%	21.00%	-
Công ty Cổ phần TM DV VT Logistic Sài Gòn Bến Tre	30.00%	13.09%	30.00%	200,000,000
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải (CMB)	49.00%	49.00%	49.00%	26,604,292,818
Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu (Sesco)	-	-	26.46%	14,641,477,187
Công ty Cổ phần Vận tải biển Viship	37.00%	37.00%	37.00%	-
Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	25.00%	23.14%	25.00%	-
Công ty Cổ phần VTB & hợp tác lao động quốc tế	36.00%	36.00%	36.00%	-
Công ty Cổ phần VTB và TM Phương Đông (OSTC)	49.00%	49.00%	49.00%	-
Công ty LD DV container quốc tế cảng SG SSA (SSIT)	50.00%	36.55%	50.00%	592,831,899,157
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	47.19%	46.72%	47.19%	5,853,954,912
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	50.00%	45.82%	50.00%	-
Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA	50.00%	38.54%	50.00%	393,380,963,923
Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	50.00%	32.72%	50.00%	31,808,526,562
Công ty TNHH NYK Autologic Việt Nam	20.00%	10.21%	20.00%	4,781,572,238
Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines Đông Đô	45.56%	45.56%	45.56%	-
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ	50.00%	47.21%	50.00%	204,276,672,941
Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	50.00%	50.00%	50.00%	37,155,841,198
Công ty TNHH Vinalines Honda Logistic Việt Nam	22.12%	12.55%	22.12%	8,674,889,576
Công ty Cổ phần Vinalines Hòa Lạc Logistic	37.89%	21.49%	37.89%	5,588,940,381
Công ty Cổ phần dịch vụ công nghiệp Hàng hải	-	-	20.00%	13,289,887,592
				<b>1,641,806,308,629</b>

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Đầu tư vào đơn vị khác**

Công ty	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ %
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>389.522.247.319</b>	<b>(23.333.078.200)</b>		<b>405.417.493.658</b>	<b>(23.064.587.030)</b>	
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	22.892.528.698	-	0,17%	45.990.299.209	-	0,18%
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông (ii)	300.001.000.000	-	5,56%	300.001.000.000	-	5,56%
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế QTM	33.594.424.002	(21.880.635.615)	11,35%	33.594.424.002	(21.880.635.615)	11,35%
Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn	18.000.000.000	-	16,68%	18.000.000.000	-	16,68%
Đầu tư vào đơn vị khác	15.034.294.619	(1.452.442.585)		7.831.770.447	(1.183.951.415)	
<b>Đầu tư bằng quỹ phúc lợi</b>	<b>6.000.162.283</b>	<b>(1.000.000.000)</b>		<b>6.000.162.283</b>	<b>(1.000.000.000)</b>	
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	2.593.162.283	-		2.593.162.283	-	
Đầu tư khác	3.407.000.000	(1.000.000.000)		3.407.000.000	(1.000.000.000)	
	<b>395.522.409.602</b>	<b>(24.333.078.200)</b>		<b>411.417.655.941</b>	<b>(24.064.587.030)</b>	

(i) Đối với các khoản đầu tư Tổng Công ty sở hữu trước thời điểm 31/12/2016 (là thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa), giá trị khoản đầu tư được ghi nhận căn cứ vào kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

(ii) Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn – Công ty con của Tổng Công ty (Cảng Sài Gòn), đang theo dõi khoản đầu tư góp vốn bằng tài sản là 600m cầu tàu K6, K7, K8, K9, K10 tại Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội vào Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Ngọc Viễn Đông (“Công ty Ngọc Viễn Đông”) với giá trị góp vốn được xác định là 300.001.000.000 đồng (tương đương tỷ lệ góp vốn 5,6%). Cảng Sài Gòn không thu thập được các Báo cáo tài chính của Công ty Ngọc Viễn Đông từ năm 2021 đến nay. Tuy nhiên, các tài sản góp vốn vẫn đang được Công ty tiếp tục quản lý, khai thác, kinh doanh và Công ty Ngọc Viễn Đông cam kết chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất có liên quan đối với Nhà nước theo Biên bản hòa thuận ngày 31/08/2017 giữa Công ty Ngọc Viễn Đông và Cảng Sài Gòn. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khoản đầu tư này không bị suy giảm giá trị.



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	9.464.304.074.324	3.088.024.662.795	18.380.324.929.294	235.558.871.102	57.168.767.729	31.225.381.305.244
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	641.624.488.242	18.192.660.668	6.070.488.978	6.430.951.608	-	672.318.589.496
- Mua mới trong kỳ	2.025.303.982	459.163.494.801	491.715.569.446	14.099.540.709	650.750.000	967.654.658.938
- Thanh lý, nhượng bán	(3.182.946.171)	(89.679.654.858)	(2.219.707.939.212)	(5.699.876.214)	(219.563.636)	(2.318.489.980.091)
- Phân loại lại	12.693.932.774	3.216.142.188	(15.250.878.069)	(659.196.893)	-	-
- Bán giao cho Thành phố Hải Phòng	(556.924.356.144)	(263.479.163)	(564.347.647)	(2.793.710.479)	-	(560.545.893.433)
- Tàng/Giảm khác	(6.270.868.478)	(15.287.040.000)	(3.005.007.490)	885.266.763	(1.534.625.895)	(23.677.649.205)
31/12/2024	9.554.269.628.529	3.463.366.786.431	16.639.582.815.300	247.821.846.596	56.065.328.198	29.962.641.030.949

HAO MÒN LŨY KẾ

01/01/2024	(5.361.439.414.013)	(2.178.762.787.471)	(15.184.280.735.625)	(158.960.816.558)	(45.257.519.673)	(22.928.701.273.341)
- Khấu hao trong kỳ	(255.412.426.990)	(177.524.303.109)	(998.493.525.377)	(20.795.429.855)	(3.637.318.733)	(1.455.863.004.064)
- Bán giao cho Thành phố Hải Phòng	547.660.673.082	235.678.000	564.347.647	2.793.710.479	-	551.254.409.208
- Thanh lý, nhượng bán	3.177.292.945	89.675.162.225	2.172.260.950.696	5.699.876.214	141.634.664	2.270.954.916.744
- Phân loại lại	(10.897.674)	(2.415.457.400)	1.061.972.680	1.364.382.396	(2)	-
- Tàng/Giảm khác	(7.760.952.682)	8.568.948.243	1.500.842.745	(786.032.682)	1.534.625.895	1.522.805.624
31/12/2024	(5.073.785.725.332)	(2.260.222.759.512)	(14.007.386.147.234)	(170.684.310.006)	(47.218.577.849)	(21.560.832.145.829)

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

01/01/2024	4.102.864.660.311	909.261.875.324	3.196.044.193.669	76.598.054.544	11.911.248.056	8.296.680.031.903
31/12/2024	4.480.483.903.197	1.203.144.026.919	2.632.196.668.066	77.137.536.590	8.846.750.349	8.401.808.885.120

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 8.891.181.259 đồng (tại ngày 31/12/2023 là 6.710.265.079.306 đồng).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đang dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 1.345.974.699.456 đồng (tại ngày 31/12/2023 là 2.047.770.799.867 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2024	22.590.437.844	35.700.000.000	58.290.437.844
31/12/2024	<u>22.590.437.844</u>	<u>35.700.000.000</u>	<u>58.290.437.844</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÔN</b>			
01/01/2024	(4.047.453.443)	(6.098.750.000)	(10.146.203.443)
- Khấu hao trong kỳ	(1.129.521.888)	(1.785.000.000)	(2.914.521.888)
31/12/2024	<u>(5.176.975.331)</u>	<u>(7.883.750.000)</u>	<u>(13.060.725.331)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2024	<u>18.542.984.401</u>	<u>29.601.250.000</u>	<u>48.144.234.401</u>
31/12/2024	<u>17.413.462.513</u>	<u>27.816.250.000</u>	<u>45.229.712.513</u>

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Bản quyền, bằng sáng chế <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	TSCĐ vô hình khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2024	788.483.574.719	351.898.800	126.796.184.949	14.356.822.511	929.988.480.979
- Mua trong kỳ	-	-	5.619.874.233	-	5.619.874.233
- Giảm khác	(931.663.199)	-	(413.572.000)	210.000.000	(1.135.235.199)
31/12/2024	<u>787.551.911.520</u>	<u>351.898.800</u>	<u>132.002.487.182</u>	<u>14.566.822.511</u>	<u>934.473.120.013</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÔN</b>					
01/01/2024	(156.043.605.967)	(351.898.800)	(85.066.046.094)	(14.307.915.412)	(255.769.466.273)
- Khấu hao trong kỳ	(14.287.216.193)	-	(11.787.037.614)	(43.904.760)	(26.118.158.567)
- Tăng khác	692.400.641	-	369.426.839	(165.854.839)	895.972.641
31/12/2024	<u>(169.638.421.519)</u>	<u>(351.898.800)</u>	<u>(96.483.656.869)</u>	<u>(14.517.675.011)</u>	<u>(280.991.652.199)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2024	<u>632.439.968.752</u>	-	<u>41.730.138.855</u>	<u>48.907.099</u>	<u>674.219.014.706</u>
31/12/2024	<u>617.913.490.001</u>	-	<u>35.518.830.313</u>	<u>49.147.500</u>	<u>653.481.467.814</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 75.102.581.270 đồng (tại ngày 31/12/2023 là: 42.654.800.559 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Số đầu	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>	<b>799.763.848.418</b>	<b>1.796.725.199</b>	<b>-</b>	<b>801.560.573.617</b>
- Quyền sử dụng đất	255.797.525.808	-	-	255.797.525.808
- Nhà cửa	541.158.775.630	1.796.725.199	-	542.955.500.829
- Cơ sở hạ tầng	2.807.546.980	-	-	2.807.546.980
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>	<b>(343.668.399.497)</b>	<b>(40.890.061.437)</b>	<b>-</b>	<b>(384.558.460.934)</b>
- Quyền sử dụng đất	(54.459.720.271)	(6.141.281.994)	-	(60.601.002.265)
- Nhà cửa	(288.491.858.726)	(33.896.919.171)	-	(322.388.777.897)
- Cơ sở hạ tầng	(716.820.500)	(851.860.272)	-	(1.568.680.772)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	<b>456.095.448.921</b>	<b>(39.093.336.238)</b>	<b>-</b>	<b>417.002.112.683</b>
- Quyền sử dụng đất	201.337.805.537	(6.141.281.994)	-	195.196.523.543
- Nhà cửa	252.666.916.904	(32.100.193.972)	-	220.566.722.932
- Cơ sở hạ tầng	2.090.726.480	(851.860.272)	-	1.238.866.208

Bất động sản đầu tư chủ yếu bao gồm giá trị quyền sử dụng đất tại Cảng Cái Mép, tòa nhà Trung tâm Thông tin thương mại Hàng hải quốc tế Hà Nội tại số 1 Đào Duy Anh, Phường Mai, Đống Đa, Hà Nội và giá trị tòa nhà Vinadeco Building tại số 163 Nguyễn Văn Trỗi, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh đang sử dụng để cho thuê.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

**16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>79.824.461.633</b>	<b>88.853.920.088</b>
- Phí bảo hiểm	21.284.996.684	21.284.996.684
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	18.423.061.033	18.423.061.033
- Chi phí sửa chữa	14.618.279.026	14.618.279.026
- Các khoản khác	25.498.124.890	34.527.583.345
<b>Dài hạn</b>	<b>373.585.689.251</b>	<b>400.626.923.848</b>
- Lợi thế kinh doanh	1.598.764.474	1.598.764.474
- Tiền thuê đất trả trước	70.522.864.934	70.522.864.934
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	226.194.470.270	226.194.470.270
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	46.834.233.085	46.834.233.085
- Chi phí trước hoạt động	5.169.139.803	5.169.139.803
- Các khoản khác	23.266.216.685	50.307.451.282
	<b>453.410.150.884</b>	<b>489.480.843.936</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thông tin này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
- Dự án đầu tư xây dựng mới khu nhà ở căn bộ công nhân viên Cảng Sài Gòn - Giai đoạn 2	39.141.592.111	39.141.592.111	38.937.789.457	38.937.789.457
	39.141.592.111	39.141.592.111	38.937.789.457	38.937.789.457
Xây dựng cơ bản dở dang				
- Mua sắm	3.489.131.060.882	3.489.131.060.882	2.475.402.619.717	2.475.402.619.717
- Xây dựng cơ bản	45.369.904.529	45.369.904.529	1.864.193.525	1.864.193.525
+ Dự án 02 bến container số 3,4 Cảng cửa ngõ Lạch Huyện (1)	3.442.803.812.356	3.442.803.812.356	2.472.414.279.892	2.472.414.279.892
+ Dự án xây dựng khu bãi san cầu cảng số 4,5	3.154.812.152.209	3.154.812.152.209	1.618.005.587.322	1.618.005.587.322
+ Dự án đầu tư xây dựng Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước (2)	-	-	116.401.932.855	116.401.932.855
+ Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I (3)	30.056.053.743	30.056.053.743	337.098.446.775	337.098.446.775
+ Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II (4)	42.404.035.793	42.404.035.793	59.433.908.642	59.433.908.642
+ Dự án đầu tư nâng cấp bến cảng số 1 - Cảng Quy Nhơn	8.647.825.475	8.647.825.475	8.647.825.475	8.647.825.475
+ Dự án khác	-	-	73.258.538.517	73.258.538.517
	206.883.745.136	206.883.745.136	259.568.040.306	259.568.040.306
- Sửa chữa lớn	957.343.997	957.343.997	1.124.146.300	1.124.146.300
	3.528.272.652.993	3.528.272.652.993	2.514.340.409.174	2.514.340.409.174



## TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP

Số 1 Đảo Duy Anh, phường Phương Mai,  
Quận Đống Đa, Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Mẫu số B09 – DN/HN  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2024

#### 17. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN (TIẾP)

(1) Thông tin Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3, số 4 Cảng cửa ngõ Quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng;
- Mục đích xây dựng: Đáp ứng tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội của thành phố Hải Phòng;
- Địa điểm xây dựng: Khu bến Cảng Lạch Huyện thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng;
- Tổng mức đầu tư: 6.946 tỷ VND;
- Thời gian bắt đầu triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành: từ năm 2020 đến năm 2025.
- Nguồn vốn đầu tư: Dự kiến vốn vay 55%, vốn chủ sở hữu 45%;
- Quy mô của dự án: Xây dựng 02 bến cho tàu đến 100.000DWT (gần 8.000 teus) với tổng chiều dài 750m, rộng 50m; Bến xà lan dịch vụ với tổng chiều dài 250m (gồm cả 50m bề rộng của bến chính), rộng 15m cho cỡ tàu đến 3.000 DWT (gần 160 teus); Kê bảo vệ bờ; Hệ thống bãi chứa hàng, đường giao thông, các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật, thiết bị đồng bộ (đáp ứng sản lượng hàng hóa thông qua 1,0 - 1,1 triệu teus/năm) trên diện tích 47ha; Các thiết bị chính phục vụ khai thác: 06 cần trục STS trên bến chính; 24 RTG; 02 xe nâng RSD; 01 xe nâng rỗng; 50 đầu kéo + rơ-moóc; 01 cầu trục xướng sửa chữa, 08 cần xe tại công cảng và phần mềm quản lý vận hành cảng TOS;

Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2024: Công ty đã thực hiện được 55,41% tổng khối lượng dự án. Dự kiến đưa vào sử dụng giai đoạn 1 trong tháng 3/2025 và sẽ hoàn thành toàn bộ dự án vào cuối năm 2025.

(2) Thông tin chung về dự án

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn – Hiệp Phước;
- Địa chỉ: D10C, Đường D3, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Mục đích: Phục vụ đi đò Khu cảng Nhà Rong - Khánh Hội của Cảng Sài Gòn theo Công văn số 1603/TTg-CN ngày 10/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành cho phép đầu tư các cảng trên sông Sài Gòn;
- Quy mô: 36,06 ha;
- Tổng vốn đầu tư: 2.777 tỷ VND;
- Tình trạng của dự án: Dự án đã hoàn thành 800m cầu cảng, 02 kho chứa hàng, 118.000m<sup>2</sup> bãi chứa hàng và hiện vẫn đang trong quá trình vữa thi công, vừa xây dựng hoàn thiện các cơ sở hạ tầng còn lại, vừa kết hợp khai thác trên các hạng mục đã hoàn thành. Thời gian dự kiến hoàn thành là tháng 5/2025.
- Ngày 12/10/2022, Công ty đã có Tờ trình số 99/SPH-2022 gửi tới Hội đồng quản trị và đang trong quá trình chờ HĐQT phê duyệt dự toán điều chỉnh. Theo đó, chi phí quản lý theo dự toán điều chỉnh có giá trị là 56.746.708.000 đồng. Đến thời điểm 31/12/2024, giá trị xây dựng đã hoàn thành tạm tăng tại sản là 1.529.891.772.965 VND, Công ty đang hoàn thiện hồ sơ để xin phép điều chỉnh dự toán các khoản mục chi phí đầu tư của dự án.

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP**

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai,  
Quận Đống Đa, Hà Nội

**Mẫu số B09 – DN/HN**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**17. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN (TIẾP)**

**(3) Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ**

- Mục đích xây dựng: San lấp mặt bằng 23,4 ha, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
- Tổng mức đầu tư: 230,3 tỷ VND
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Từ năm 2002 đến năm 2011, hiện tại đã kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu.
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2024: Dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác đối với phần diện tích 9,5 ha, phần diện tích đất còn lại dự án mới thực hiện việc san lấp mặt bằng và xây dựng bờ kè, chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng cần thiết cho hoạt động của cảng. Công ty đang tiếp tục triển khai đầu tư để hoàn thành đưa các hạng mục dự án để sử dụng cho hoạt động kinh doanh.

**(4) Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ**

- Mục đích xây dựng: Xây dựng phát triển Cảng Cái Cui với công suất từ 4,0 - 4,5 triệu tấn/ năm, tiếp nhận tàu trọng tải đến 20.000DWT, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
- Tổng mức đầu tư: 829,8 tỷ VND
- Thời gian bắt đầu triển khai: Từ năm 2009 và hiện tại đã kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu.
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2024: Dự án mới triển khai được việc san lấp mặt bằng và thực hiện được một số hạng mục nhỏ. Hiện tại, Công ty đang chờ hoàn tất thủ tục pháp lý và huy động vốn để tiếp tục triển khai đầu tư khi có điều kiện.



**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**Mẫu số B 09 - DN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>1.698.029.979.726</b>	<b>1.698.029.979.726</b>	<b>1.172.462.471.665</b>	<b>1.172.462.471.665</b>
<b>Các bên liên quan</b>	<b>26.364.572.900</b>	<b>26.364.572.900</b>	<b>23.500.746.796</b>	<b>23.500.746.796</b>
- Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải (CMB)	2.082.029.708	2.082.029.708	157.926.462	157.926.462
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	49.500.000	49.500.000	400.758.779	400.758.779
- Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	787.722.782	787.722.782	1.418.136.333	1.418.136.333
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA	142.441.583	142.441.583	3.217.264	3.217.264
- Công ty CP Logistics Cảng Đà Nẵng	3.119.967.702	3.119.967.702	6.596.497.031	6.596.497.031
- Công ty CP Tàu lai cảng Đà Nẵng	9.826.865.009	9.826.865.009	11.286.944.555	11.286.944.555
- Công ty TNHH Cảng Công ten nơ Quốc tế Cái Lân	3.575.217.879	3.575.217.879	275.686.818	275.686.818
- Công ty Cổ phần HPH Logistic	239.620.463	239.620.463	16.053.552	16.053.552
- Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô	2.004.677.253	2.004.677.253	529.416.000	529.416.000
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Vosco	594.464.360	594.464.360	2.467.798.564	2.467.798.564
- Công ty LD DV container quốc tế cảng SG SSA	3.396.706.292	3.396.706.292	-	-
- Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ hàng hải Cảng Cửa Lò	-	-	272.905.190	272.905.190
- Công ty Cổ phần Hàng hải Sài Gòn	404.263.266	404.263.266	60.561.000	60.561.000
- Công ty cổ phần Dịch vụ công nghiệp Hàng hải	141.096.603	141.096.603	14.845.248	14.845.248
<b>Các bên khác</b>	<b>1.671.665.406.826</b>	<b>1.671.665.406.826</b>	<b>1.148.961.724.869</b>	<b>1.148.961.724.869</b>
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu Ha Long	32.067.142.734	32.067.142.734	32.067.142.734	32.067.142.734
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam	-	-	186.085.462.583	186.085.462.583
- Tổng Công ty Xây dựng đường thủy - CTCP - Chi nhánh 01	16.665.309.635	16.665.309.635	23.828.400.049	23.828.400.049
- Công ty TNHH Thiết bị nâng Hải Phòng	30.700.000.000	30.700.000.000	-	-
- MITSUI E&S CO., LTD	534.268.317.506	534.268.317.506	-	-
- Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	246.886.354.746	246.886.354.746	7.880.405.946	7.880.405.946
- Công ty Cổ phần xây dựng Công trình Thủy Hà nội	-	-	17.724.828.169	17.724.828.169
- Công ty đóng tàu Bạch Đằng	72.806.298.515	72.806.298.515	72.806.298.515	72.806.298.515
- Các đối tượng khác	707.571.983.690	707.571.983.690	808.569.186.873	808.569.186.873
	<b>1.698.029.979.726</b>	<b>1.698.029.979.726</b>	<b>1.172.462.471.665</b>	<b>1.172.462.471.665</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và của được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	6,535,342,963	153,437,934,538	148,515,399,706	11,457,877,795
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	637,176,957	637,176,957	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	216,792,395,427	543,031,188,895	571,835,792,480	187,987,791,842
- Thuế thu nhập cá nhân	3,045,473,398	82,634,830,397	71,208,518,410	14,471,785,385
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất (*)	60,163,867,679	216,957,828,288	185,753,472,451	91,368,223,516
- Thuế bảo vệ môi trường	-	458,107,000	458,107,000	-
- Các loại thuế khác	6,458,941,767	79,808,223,998	82,036,554,093	4,230,611,672
	<b>292,996,021,234</b>	<b>1,076,965,290,073</b>	<b>1,060,445,021,097</b>	<b>309,516,290,210</b>

	01/01/2024	Số đã nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	5,449,237,851	427,548,046	3,104,943,574	2,771,842,323
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	8,577,124,607	110,434,852	243,691,401	8,443,868,058
- Thuế thu nhập cá nhân	1,442,219,511	450,431,815	1,054,189,234	838,462,092
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất (*)	145,989,971,348	35,028,845,711	53,844,037,033	127,174,780,026
- Các loại thuế khác	1,480,892	4,000,000	5,480,892	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	9,645,191	9,645,191	-
	<b>161,460,034,209</b>	<b>36,030,905,615</b>	<b>58,261,987,325</b>	<b>139,228,952,499</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)**

(\*) Bao gồm:

- Cảng Sài Gòn tạm ước tính tiền thuê đất còn phải nộp tại khu vực Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội tính đến thời điểm Công ty ký thỏa thuận với Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô Thị Ngọc Viễn Đông (Ngọc Viễn Đông-chủ đầu tư dự án Khu Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội) theo Quyết định chủ trương đầu tư số 6815/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 40.247.522.180 VND. Công ty đã có nhiều văn bản trao đổi với cơ quan thuế Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến đơn giá để tính tiền thuê đất tại khu vực nêu trên cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến 31/08/2017. Tính đến ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi cuối cùng từ cơ quan có thẩm quyền.
- Cảng Sài Gòn tạm nộp tiền thuê đất và thuế đất cho giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020 tại Cảng Tân Thuận 1, Tân Thuận 2 (Tân Thuận Đông) theo các Thông báo của Chi cục thuế Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền 124.474.343.440 VND. Cơ quan thuế sử dụng đơn giá thuê văn phòng để tính toán tiền thuê cho toàn bộ diện tích thuê, nhưng thực tế phần lớn diện tích thuê được sử dụng làm cầu tàu và kho bãi với đơn giá thuê thấp hơn đơn giá được cơ quan thuế sử dụng. Theo đó, Công ty đã có nhiều văn bản trao đổi với chi cục thuế Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan hữu quan về việc xác định diện tích, đơn giá và mục đích sử dụng đối với diện tích đất đã thuê theo các thông báo nêu trên và tính đến ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi cuối cùng từ các cơ quan này.

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.313.842.060.507</b>	<b>2.238.687.385.014</b>
- Chi phí lãi vay tạm trích (*)	2.250.074.143.398	2.169.977.156.047
- Chi phí sửa chữa sự cố tàu	5.015.912.043	6.506.366.832
- Chi phí công trình công cộng khu nhà ở cán bộ công nhân viên cảng Sài Gòn	15.389.773.022	15.750.687.210
- Trích trước giá vốn dịch vụ đã cung cấp	6.798.753.561	5.285.528.151
- Thuế nhà đất phải trả	441.209.387	428.256.660
- Chi phí phải trả khác	36.122.269.096	40.739.390.114
<b>Dài hạn</b>	<b>13.882.563.322</b>	<b>14.310.819.982</b>
- Thuế nhà đất	13.882.563.322	14.310.819.982
	<b>2.327.724.623.829</b>	<b>2.252.998.204.996</b>

(\*) Bao gồm Khoản phải trả của Công ty tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy ("VFC") có số dư tại ngày 31/12/2024 bao gồm khoản vay bằng VND là 728.311.773.798 VND bao gồm 317.867.277.106 VND và 16.728.423,67 USD (tại ngày 01/01/2024 là 314.545.473.772 VND và 16.728.423,67 USD). Theo thư xác nhận, thông báo lãi vay từ VFC thì lãi vay mà VFC đang theo dõi phải thu Biển Đông nhiều hơn số Biển Đông đang phản ánh tại thời điểm 01/01/2024 và 31/12/2024 lần lượt là 59.208.393,37 USD và 63.541.824,47 USD. Đây là lãi vay liên quan đến khoản nợ gốc vay tài trợ cho dự án đóng tàu Container 1730 TEU V22 đã được bàn giao cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng (xem thêm Thuyết minh số 8 – Phải thu khác và Thuyết minh số 24 – Vay và nợ thuế tài chính).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>25.249.417.363</b>	<b>19.997.232.312</b>
Doanh thu từ thuê kho, thuê mặt bằng	3.642.452.775	4.009.026.194
Doanh thu nhận trước từ hoạt động vận tải biển	4.267.032.584	4.792.208.946
Doanh thu từ hoạt động khai thác cảng biển	10.151.840.748	9.535.048.336
Doanh thu khác	7.188.091.256	1.660.948.836
<b>Dài hạn</b>	<b>44.734.415.104</b>	<b>44.662.204.284</b>
Doanh thu từ thuê kho, thuê mặt bằng	44.734.415.104	44.662.204.284
	<b>69.983.832.467</b>	<b>64.659.436.596</b>

**22. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.542.820.618.819</b>	<b>1.414.230.911.311</b>
- Kinh phí công đoàn	10.041.294.296	10.081.222.308
- Bảo hiểm xã hội	376.559.352	21.280.559
Bảo hiểm y tế	93.893.825	99.258.699
- Bảo hiểm thất nghiệp	165.345.568	3.728.933
- Phải trả về cổ phần hóa	160.235.295.791	18.100.592.423
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	18.333.909.476	18.329.830.905
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.353.574.320.511	1.367.594.997.484
+ Cổ tức, lợi nhuận phải trả	15.057.717.924	71.587.527.412
+ Lãi vay các Ngân hàng và các tổ chức khác (1)	944.405.253.421	1.037.546.445.550
+ Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu	71.740.689.008	72.617.406.911
+ Thuế TNCN của người lao động chưa quyết toán	6.101.369.870	5.787.994.285
+ Chi phí đền bù ô nhiễm Cảng Hoàng Diệu (2)	94.020.613.821	-
+ Các khoản khác	222.248.676.467	180.055.623.326



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**22. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC (TIẾP)**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Dài hạn</b>	<b>2.381.238.467.846</b>	<b>2.407.085.935.506</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	104.315.719.784	62.170.833.632
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.276.922.748.062	2.344.915.101.874
- <i>Phải trả Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông tiền ứng vốn để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước (3)</i>	850.000.000.000	850.000.000.000
- <i>Phải trả Ngân sách Nhà nước tiền ứng trước để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước (4)</i>	599.000.000.000	599.000.000.000
<i>Tam tầng nguyên giá tàu (Lucky Star, Blue Star, Vosco Sunrise) (5)</i>	487.172.201.784	516.672.201.784
<i>Tổng Công ty Công nghiệp Tàu Thủy- Ứng vốn (6)</i>	191.025.462.572	191.025.462.572
<i>Phải trả khác</i>	149.725.083.706	188.217.437.518
	<b>3.924.059.086.665</b>	<b>3.821.316.846.817</b>
<b>Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan</b>	<b>34.875.403.269</b>	<b>29.240.616.326</b>
<i>Công ty LD Dịch vụ Container quốc tế cảng SG - SSA</i>	4.455.468.624	841.043.603
<i>Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP - PSA</i>	484.526.024	729.914.777
<i>Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ</i>	-	7.190.708
<i>Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn</i>	50.500.000	-
<i>Công ty CP Cảng Tổng hợp Thị Vải</i>	224.573.843	314.646.277
<i>Công ty CP Logistics Cảng Đà Nẵng</i>	-	5.136.480
<i>Công ty CP Tàu Lai Cảng Đà Nẵng</i>	1.157.429.129	57.338.160
<i>Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin</i>	28.502.905.649	27.285.346.321
<i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Biển Đông</i>	60.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải (CMB)</i>	92.411.613	-

**(1) Trong đó bao gồm:**

- Khoản lãi vay phải trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Cần Thơ liên quan đến hợp đồng vay để đầu tư dự án xây dựng Nhà máy đóng tàu Hậu Giang, số tiền khoảng hơn 28,2 tỷ đồng. Sau thời gian hoãn nợ theo Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính phủ, khoản vay này tiếp tục được tính lại theo mức lãi suất công bố của Ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***22. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC (TIẾP)**

- Khoản lãi vay phải trả cho Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (VFC) với giá trị hơn 26,7 tỷ đồng liên quan đến hợp đồng vay để đầu tư dự án xây dựng Nhà máy đóng tàu Hậu Giang theo danh mục dự án sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài 600 triệu USD quy định tại Quyết định số 1986/QĐ-CNT-TCKT ngày 26/06/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam với lãi suất 9,5%/năm, giá trị 28,6 tỷ đồng. Đến thời điểm hiện tại Dự án Nhà máy đóng tàu Hậu Giang đã bị dừng vĩnh viễn theo văn bản số 403/TTg-KTN ngày 29/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Khoản nợ vay từ nguồn vay nước ngoài này được tái cơ cấu theo Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính phủ với mức lãi suất ưu đãi và Công ty đang thực hiện trích với lãi suất 1,2%/năm. Giữa Công ty và VFC hiện nay vẫn chưa thống nhất mức lãi suất liên quan đến khoản nợ gốc vay của VFC từ khi có Nghị quyết 107/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính Phủ. VFC chưa thực hiện tái cơ cấu nợ theo Nghị quyết mà vẫn đang tính cho Công ty ở mức lãi suất theo hợp đồng là 9,5%/năm.
  - Lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo các hợp đồng vay phục vụ cho mục đích đầu tư các dự án đóng tàu với giá trị khoảng 490 tỷ đồng.
- (2) Trong năm 2024, Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng – Công ty con (Cảng Hải Phòng) nhận được từ UBND Quận Ngô Quyền số tiền hơn 319 tỷ đồng để đảm bảo thực hiện việc di dời cảng Hoàng Diệu theo các Quyết định số 3983/QĐ-UBND và 3984/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND Quận Ngô Quyền về việc thu hồi đất; Quyết định số 3982/QĐ-UBND ngày 22/12/2023, 4274/QĐ-UBND ngày 28/12/2023, 347/QĐ-UBND ngày 15/3/2024 và 2459/QĐ-UBND ngày 01/10/2024 của UBND Quận Ngô Quyền về việc phê duyệt phương án bồi thường đối với Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Trong đó, số tiền đền bù di dời tài sản là 94,4 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2024, số dư khoản chi phí đền bù di dời Cảng Hoàng Diệu là 90 tỷ đồng.
- (3) Phải trả Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông (gọi tắt là Công ty Ngọc Viễn Đông) liên quan đến khoản ứng vốn từ Công ty Ngọc Viễn Đông theo nhu cầu vốn từ năm 2013 đến năm 2015 của Công ty CP Cảng Sài Gòn đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt để thi công và đưa vào khai thác liên quan đến dự án Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước giai đoạn 1 (nay thuộc quản lý của Công ty CP Cảng Sài Gòn Hiệp Phước - Công ty con của Tổng Công ty). Theo thỏa thuận ban giao ngày 31/08/2017, Công ty Ngọc Viễn Đông đồng ý tạm bàn giao lại nguyên trạng cho Công ty tiếp tục quản lý, khai thác, kinh doanh tại khu Nhà Rong - Khánh Hội trong thời gian đầu tư xây dựng khu Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước chưa hoàn thành. Công ty có trách nhiệm hoàn tất việc di dời, xử lý tài sản với điều kiện Ngọc Viễn Đông hoàn tất các thủ tục pháp lý về đất đai và đồng thời trong khoảng thời gian này Công ty không phải chịu các chi phí có liên quan trong thời gian sử dụng đất (từ ngày 31/08/2017). Sau khi công tác di dời hoàn tất, việc quyết toán khoản tạm ứng vốn này sẽ được thực hiện giữa Công ty CP Cảng Sài Gòn, Bộ Tài chính và Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông.
- (4) Phải trả Ngân sách Nhà nước liên quan đến khoản Cảng Sài Gòn nhận ứng trước từ Ngân sách Nhà nước năm 2009 và 2010 để phục vụ đầu tư dự án xây dựng Cảng Sài Gòn- Hiệp Phước, thuộc quản lý của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước- Công ty con của Công ty. Theo quyết định số 46/2010/QĐ-TTg ngày 24 tháng 06 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, khoản ứng trước vốn này sẽ phải hoàn trả cho Ngân sách Nhà nước khi công tác xây dựng dự án Cảng Sài Gòn- Hiệp Phước hoàn tất. Đến thời điểm hiện tại, dự án vẫn đang trong quá trình xây dựng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***22. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC (TIẾP)**

- (5) Khoản tạm trích để tăng TSCĐ tại Công ty CP Vận tải Biển Việt Nam. Công ty đang hoàn thiện hồ sơ để quyết toán nguyên giá tàu Lucky Star, Blue Star và Vosco Sunrise với các khoản trả trước cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng và Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nam Triệu.
- (6) Khoản phải trả cho Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy (SBIC) về các nghiệp vụ nhận cấp vốn có tính lãi hoạt động trong giai đoạn từ khi thành lập đến năm 2009 liên quan đến hoạt động đầu tư Dự án Nhà máy đóng tàu Hậu Giang. Dự án này đã bị dừng vĩnh viễn theo Công văn số 403/TTg-KTN của Thủ tướng Chính phủ ngày 29 tháng 03 năm 2012. Lãi phát sinh liên quan đến khoản nợ này đã được tái cơ cấu là xóa lãi phát sinh theo Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ. Đến thời điểm 31/12/2024, SBIC vẫn chưa thực hiện theo Nghị quyết của Chính Phủ nêu trên và vẫn thực hiện thông báo lãi cho Công ty hàng năm.

**23. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ****Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	468.876.542.109	493.673.493.083
	<u>468.876.542.109</u>	<u>493.673.493.083</u>



**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**Mẫu số B09 – DN/HN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2024		Trong kỳ		31/12/2024	
	Giá trị ĐK		Tăng		Giảm	
	VND	Số có khả năng trả nợ VND	VND	VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	1.496.330.731.754	1.496.330.731.754	247.892.298.150	463.549.043.559	1.280.673.986.345	1.280.673.986.345
Vay ngắn hạn	85.441.441.303	85.441.441.303	96.865.128.033	64.577.418.610	117.729.150.726	117.729.150.726
Vay dài hạn đến hạn trả	1.410.889.290.451	1.410.889.290.451	151.027.170.117	398.971.624.949	1.162.944.835.619	1.162.944.835.619
Vay dài hạn	1.792.085.060.787	1.792.085.060.787	665.970.417.669	458.505.795.615	1.999.549.682.841	1.999.549.682.841
<b>Cộng</b>	<b>3.288.415.792.541</b>	<b>3.288.415.792.541</b>	<b>913.862.715.819</b>	<b>922.054.839.174</b>	<b>3.280.223.669.186</b>	<b>3.280.223.669.186</b>

**Vay ngắn hạn**

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2024	
				VND	VND
Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (1)	USD	Theo từng hợp đồng	Tin chấp		59.080.000.000
Ngân hàng phát triển Việt Nam	VND	Theo từng hợp đồng	Thế chấp		1.051.839.588.728
Vay ODA đến hạn trả (3)	USD	Theo từng hợp đồng	Tin chấp		23.523.799.299
Vay các đối tượng khác	VND	Theo từng hợp đồng	Thế chấp, tin chấp		146.230.598.318
<b>Vay dài hạn</b>					<b>1.280.673.986.345</b>

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Mẫu số B09 – DN/HN  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Vay dài hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2024
	VND			VND
Ngân hàng phát triển Việt Nam		Theo từng hợp đồng	Thế chấp, tín chấp	248.406.295.507
Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (1)	USD	Theo từng hợp đồng	Tín chấp	46.495.501.428
PSA VietNam Pte.Ltd (2)	USD	Theo lãi suất Swap	Tín chấp	426.459.330.000
Vay dài hạn ODA (3)	USD	Theo từng hợp đồng	Tín chấp	481.315.473.943
Quý đầu tư Phát triển Thành phố Đà Nẵng	VND	Theo từng hợp đồng	Tín chấp	252.872.800.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	VND	Theo từng hợp đồng	Thế chấp, tín chấp	225.542.512.983
Vay khác	VND	Theo từng hợp đồng	Thế chấp, tín chấp	318.457.768.980
				1.999.549.682.841

(1) Trong đó bao gồm:

- Khoản vay của Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông (Biển Đông) với Công ty tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (VFC) có số dư tại ngày 31/12/2024 là 59.080.000.000 VND (tại ngày 31/12/2023 là 59.080.000.000 VND). Đây là khoản vay tài trợ cho Dự án đóng tàu Container 1730 TEU V22 đã được bàn giao cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng (Bạch Đằng). Cụ thể, thực hiện Nghị quyết số 317/NQ-CNTT ngày 23/11/2015 của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu Thủy Việt Nam về việc Phê duyệt nội dung điều chuyển đối tượng nhận nợ từ nguồn ủy thác của Tổng Công ty tại VFC liên quan đến điều chuyển Dự án đầu tư đóng mới tàu 1.730 TEU - V22 từ Biển Đông sang Bạch Đằng và Biển bán giao ký này 05/08/2015 giữa Công ty với Bạch Đằng. Biển Đông đã bán giao Dự án này, các khoản nợ gốc vay và lãi vay liên quan sang cho Bạch Đằng từ ngày 05/08/2015.

- Khoản vay VFC để thực hiện các dự án đầu tư của Công ty TNHH MTV Nhà máy Đóng tàu Hậu Giang theo danh mục dự án sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài 600 triệu USD quy định tại Quyết định số 1986/QĐ-CNT-TCKT ngày 26/06/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn ân hạn 02 năm. Số dư nhận nợ bằng tiền VND gốc vay ban đầu được các bên thống nhất quy đổi sang USD là 1.970.144,91 USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay này được tái cơ cấu theo Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính phủ. Công ty đã thanh toán trả cho VFC lũy kế đến thời điểm 31/12/2024 số tiền 3,5 tỷ VND quy đổi tương đương 146.133,96 USD. Thông qua Thỏa thuận tái cấu trúc Vinashin, toàn bộ số tiền nợ đã được các chủ nợ thống nhất sẽ được lùi thời hạn trả đến 30/12/2025 với lãi suất 1%/năm được tính vào cuối kỳ.



## TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

Mẫu số B09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

#### 24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

##### (2) Chi tiết khoản vay:

- PSA Viet Nam Pte.Ltd, Công ty CP Cảng Sài Gòn và Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP là cổ đông góp vốn của Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA. Các cổ đông đã đồng ý cho Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA vay theo hợp đồng vay cổ đông ngày 26/08/2008 với tổng giá trị khoản vay là 33.000.000 USD bao gồm: Đợt A có giá trị là 28.196.202,53 USD và Đợt B có giá trị là 4.803.797,47 USD. PSA Viet Nam Pte.Ltd đã ứng trước toàn bộ khoản cho vay này, Tổng công ty và Cảng Sài Gòn sẽ nhận nợ với PSA Viet Nam Pte.Ltd, tổng số gốc vay 16.830.000 USD tương ứng với tổng tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty và Cảng Sài Gòn là 51%.
- Mục đích vay: để Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA chi trả cho chi phí dự án phát triển, thiết kế, kỹ thuật, mua sắm các vật liệu và thiết bị, xây dựng, vận hành, lắp đặt, hoàn tất, tài trợ, hoạt động, bảo trì, tiếp thị, thay thế và sửa chữa cảng container 2 cầu cảng tại Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, bao gồm Cầu cảng 600 mét và một số máy cẩu cầu cảng.
- Lãi suất cho vay áp dụng theo Hợp đồng vay cổ đông được tính theo lãi suất Libor 6 tháng, từ ngày 16/12/2023, phía PSA thông báo lãi suất áp dụng được tạm tính theo lãi suất Sofr (lãi suất qua đêm có bảo lãnh).
- Theo quy định của hợp đồng phụ (kỳ ngày 26/5/2008 giữa SP-PSA, các cổ đông và Calyon), toàn bộ các khoản nợ mà Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA và các cổ đông không ứng trước còn nợ sẽ được Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA hoàn trả ngay khi có yêu cầu của các Cổ đông hay các Cổ đông ứng trước. Ngoài ra, theo thỏa thuận trong Hợp đồng vay vốn cổ đông thì toàn bộ cổ tức và các khoản được phân chia khác (cho Tổng công ty và Cảng Sài Gòn nếu có) theo Hợp đồng liên doanh hay Điều lệ sẽ được ưu tiên để trả gốc vay (và lãi lũy kế) cho đến khi thanh toán hết khoản vay này. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng công ty và Cảng Sài Gòn vẫn đang tiếp tục làm việc với các bên để thống nhất ký lại phụ lục hợp đồng và cơ sở tính số lãi phải thu và lãi phải trả tương ứng.

##### (3) Bao gồm:

- Số dư vay theo hợp đồng vay số 02/2004/TDNN ngày 21/12/2004 ký giữa Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hải Phòng và Cảng Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng), mục đích vay đầu tư thiết bị đối với dự án "Cải tạo nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II", không có tài sản đảm bảo, lãi suất 1,3%/năm, kỳ trả gốc và lãi cuối cùng vào ngày 20/08/2029. Tại thời điểm 31/12/2024, số dư nợ vay gốc Yên Nhật là: 784.283.500,00 JPY (tương đương 121.509.042.655 VND); trong đó Nợ dài hạn đến trả là: 156.856.700,00 JPY (tương đương 23.523.799.299 VND).
- Giá trị nhận nợ liên quan đến các tài sản là cầu cảng số 04, số 05 và bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và các khoản mục chủ phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị được ghi nhận cần cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải (Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT) với số tiền 383,3 tỷ VND.
- Căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT và Biên bản về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần được ký giữa Tổ công tác Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ VND (bao gồm 342,1 tỷ VND là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng, và 41,2 tỷ VND là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).



**24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Đến thời điểm hiện tại, phương án vay và trả nợ vay (thời hạn vay, phương án trả nợ, lãi suất vay và các điều khoản đảm bảo), cũng như đồng tiền nhận nợ (Việt Nam Đồng hay Yên Nhật) chưa được các cơ quan quản lý Nhà nước phê duyệt tại thời điểm nhận nợ, vì thế, Công ty tạm ghi nhận các khoản vay này bằng Việt Nam Đồng và thực hiện trích trước chi phí lãi vay cho giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến thời điểm 31/12/2019 với lãi suất 9,5%/năm, cộng thêm chi phí cho vay lại là 0,2%/năm. Trong năm 2020, theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, Công ty đã tạm dừng trích chi phí lãi vay kể từ đầu năm 2020.

Tại văn bản số 8715/BTC-PLN ngày 23/07/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đã đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị đối với 02 cầu cảng và các nội dung khoản vay nêu trên và đồng ý chủ trương cho vay lại phần chi phí thiết bị tương tự cơ chế cho vay lại phần thiết bị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại văn bản số 1596/CP-QHQT ngày 25/10/2004. Cụ thể, lãi suất cho vay lại bằng Yên Nhật là 1,5%/năm. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Bộ Tài chính về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính (nếu cần thiết).

Ngày 11/1/2022, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 7642/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành yêu cầu Bộ GTVT chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng các phương án, thống nhất một phương án xử lý, quản lý khai thác cầu cảng số 4, số 5 thuộc bến cảng Chùa Vẽ, đảm bảo phù hợp với thực trạng tài sản, điều kiện quản lý khai thác cầu cảng và tuân thủ theo quy định của Pháp luật liên quan.

Bộ GTVT đã có văn bản số 10882/BGTVT-TC ngày 28/9/2023 gửi Bộ Tài chính tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (thay thế Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018), trong đó Bộ GTVT có đề xuất bổ sung nội dung trong điều khoản chuyển tiếp của Nghị định để trong trường hợp đề xuất được thông qua sẽ giải quyết được hình thức quản lý tài sản, tức là tài sản bên số 4,5 Cảng Chùa Vẽ được giao cho Cảng Hải Phòng quản lý, khai thác (không phải cho thuê). Ngày 24/12/2024, Văn phòng Chính phủ đã có thông báo số 569/TB-VPCP về việc kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại cuộc họp tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ về Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. Theo đó, Phó Thủ tướng thống nhất về việc không quy định xử lý chuyển tiếp trong Nghị định đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hình thành từ nguồn vốn Nhà nước, đồng thời giao Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính khẩn trương báo cáo phương án xử lý.

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

**Mẫu số B09 – DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**25.1 BẢNG ĐỐI CHIỀU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khai thác	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	12.005.800.000.000	10.945.029.557	89.940.729.693	(3.251.786.782.150)	18.595.390.399	1.506.197.454.224	92.227.592	(652.146.359.060)	4.269.334.651.790	14.077.041.149.755
- Lợi (lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	-	-	1.162.313.190.317	539.505.940.996	1.701.819.140.313
- Trãi cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	-	(286.257.829.851)	(286.257.829.851)
- Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	-	500.442.548.008	-	(628.424.554.919)	(41.513.163.256)	(109.505.169.217)
- Nợ gốc và lãi được giảm	-	-	-	61.378.931.881	-	-	-	-	-	61.378.931.881
- Biến động VCSH trong công ty liên kết	-	-	-	-	22.201.330.393	-	-	-	-	22.201.330.393
Tăng khác	-	-	(6.976.800.000)	-	-	34.353.502	2	(123.791.721.400)	90.285.637.216	(40.363.536.879)
31/12/2024	12.005.800.000.000	10.945.029.557	82.963.929.693	(3.190.407.830.469)	40.796.738.791	2.066.664.356.714	92.227.594	(241.949.636.062)	4.571.350.235.856	15.346.315.051.485
01/01/2024	12.005.800.000.000	10.945.029.557	82.963.929.693	(3.190.407.830.469)	40.796.738.791	2.066.664.356.714	92.227.594	(241.949.636.062)	4.571.350.235.856	15.346.315.051.485
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	2.021.014.444.818	608.814.309.525	2.629.828.754.343
- Trích quỹ KPTPL	-	-	-	-	-	804.518.060.719	-	(981.975.773.047)	(49.132.408.876)	(226.590.121.202)
- Biến động VCSH trong công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	67.792.599.400
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Thôn vốn công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng/Giảm khác	-	(10.200.000.000)	(9.722.785.158)	(13.230.000.000)	-	-	-	(46.326.570.004)	(81.761.529.109)	(128.108.505.133)
31/12/2024	12.005.800.000.000	745.029.557	73.241.144.535	(3.203.637.830.471)	108.499.338.222	2.933.165.394.314	92.227.593	596.828.553.066	(147.366.440.881)	(279.220.161.769)
										4.901.883.756.517
										17.416.697.613.243



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**25.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	11.942.133.000.000	99,47%	11.942.133.000.000	99,47%
Vốn góp của cổ đông khác	63.747.000.000	0,53%	63.747.000.000	0,53%
	<b>12.005.880.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>12.005.880.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**25.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(46.326.570.024)	-

**26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2024	01/01/2024
Ngoại tệ các loại		
USD	55.796.818,42	54.396.030,11
EUR	2.765,93	6.111,73
JPY	45.593,00	44.000,00
RUB	5.707.044,18	2.016.869,46
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	47.978.313.903	43.713.886.096



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	4.307.603.925.955	1.813.722.701.028
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.655.666.346.953	10.990.775.157.002
+ Doanh thu vận tải	4.473.051.188.004	4.228.535.778.235
+ Doanh thu hoạt động khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải	7.686.709.404.664	6.401.153.555.584
+ Doanh thu khai thác tòa nhà cho thuê văn phòng, kho bãi	345.058.353.334	290.119.839.771
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	150.847.400.951	70.965.983.412
Doanh thu hợp đồng xây dựng	6.448.798.228	15.668.265.183
	<b>16.969.719.071.136</b>	<b>12.820.166.123.213</b>

**28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.250.969.858.767	1.780.357.537.601
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.891.007.711.882	8.617.404.367.999
- Giá vốn dịch vụ vận tải	4.029.551.798.937	3.755.129.469.316
- Giá vốn hoạt động khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải	5.438.750.405.749	4.572.194.678.506
- Giá vốn cho thuê văn phòng, khai thác	313.482.677.004	238.909.843.368
- Giá vốn dịch vụ khác	109.222.830.192	52.616.072.959
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(134.301.850)	(1.445.698.150)
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	6.042.710.478	14.242.688.103
	<b>14.147.885.979.277</b>	<b>10.412.004.593.703</b>

**29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	464.476.358.397	472.748.962.576
Lãi bán các khoản đầu tư	62.425.431.766	15.732.043.260
Cổ tức, lợi nhuận được chia	36.214.959.243	39.637.740.510
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	206.026.148.452	84.192.445.157
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm	77.901.052.806	43.330.914.952
Các doanh thu tài chính khác	9.545.701.692	8.968.181.020
	<b>856.589.652.356</b>	<b>664.610.287.475</b>

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP**

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai,

Quận Đống Đa, Hà Nội

**Mẫu số B09 – DN/HN**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	372.851.242.087	202.077.736.231
Chi phí/Lỗ bán cổ phiếu, thanh lý các khoản đầu tư tài chính	35.269.320	369.359.063
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong kỳ	147.479.228.103	44.497.145.002
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	22.769.984.116	10.626.432.665
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	72.322.918.476	(679.881.836)
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.420.446.897	663.003.396
	<b>616.879.088.999</b>	<b>257.553.794.521</b>

**31. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	14.960.771.459	13.217.709.003
Chi phí khấu hao tài sản cố định	166.066.567	238.464.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.251.334.265	96.636.380.153
Chi phí bằng tiền khác	27.935.032.088	27.956.868.003
	<b>138.313.204.379</b>	<b>138.049.421.642</b>

**32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ đồ dùng	32.570.875.837	35.136.903.616
Chi phí nhân công	757.978.711.994	715.362.670.351
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.274.643.413	38.042.833.962
Thuế, phí và lệ phí	32.950.862.532	20.458.207.690
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	26.827.030.643	(125.900.175.920)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	143.816.754.698	91.851.889.358
Chi phí bằng tiền khác	306.935.911.803	270.541.664.838
	<b>1.343.354.790.920</b>	<b>1.045.493.993.895</b>

**33. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	720.352.895.601	83.566.105.871
Lãi vay được xóa, cơ cấu nợ vay	382.276.365.958	189.124.024.198
Thu nhập từ tiền bồi thường & bảo hiểm	231.605.029.462	146.967.972.979
Thu nhập từ hoàn trả dự án Cải Lấn	35.282.863.424	-
Thu nhập từ đánh giá lại tài sản để góp vốn	25.201.964.037	-
Các khoản thu nhập khác	40.729.619.497	65.188.782.790
	<b>1,435,448,737,979</b>	<b>484,846,885,838</b>

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP**Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai,  
Quận Đống Đa, Hà Nội**Mẫu số B09 – DN/HN**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**34. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ thanh lý, nhượng bán	3.154.470.854	167.353.247
Chi phí khấu hao, lãi vay và chi phí khác dự án	19.544.026.993	16.483.984.103
Chi phí khắc phục sự cố do tài sản tồn thất	-	50.884.282.739
Tiền phạt, truy thu tiền thuế, phạt hành chính	19.872.192.501	14.889.819.310
Các khoản khác	36.649.539.422	56.771.188.576
	<b>79.220.229.770</b>	<b>139.196.627.975</b>

**35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	2.021.014.444.818	1.162.313.199.317
Lợi nhuận/ (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.021.014.444.818	1.162.313.199.317
Số lượng bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	1.200.588.000	1.200.588.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	<b>1.683</b>	<b>968</b>

**36. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ đồ dùng	1.954.586.181.564	1.842.028.813.008
Chi phí nhân công	2.844.440.962.974	2.543.469.907.819
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.525.135.144.321	1.317.079.959.847
Thuế, phí và lệ phí	77.273.557.442	34.830.653.289
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	83.274.790.696	(122.296.295.451)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.142.667.332.614	3.819.051.120.885
Chi phí bằng tiền khác	960.415.809.885	800.877.608.655
	<b>11.587.793.779.496</b>	<b>10.235.041.768.052</b>



**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

Số 1 Đảo Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Mẫu số B09 – DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**37. THÔNG TIN KHÁC**

**37.1 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Hoạt động dịch vụ vận tải		Hoạt động khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải		Hoạt động khai thác tòa nhà cho thuê văn phòng, khu bãi		Hoạt động bán hàng		Hoạt động khác		Tổng các bộ phận		Loại trừ Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ từ bên ngoài	4.464.480.297.333	7.686.709.404.664	345.058.353.334	4.307.603.925.955	157.296.199.179	16.961.248.180.465	-	16.961.248.180.465	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	435.162.800.246	2.247.958.998.915	31.575.676.330	56.634.067.188	42.030.658.509	2.813.362.201.188	-	2.813.362.201.188	-	-	-	-	-	-
Tổng chi phí mua tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Mẫu số B09 – DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

37.1 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Hoạt động dịch vụ vận tải		Hoạt động khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải		Hoạt động khai thác tòa nhà cho thuê văn phòng, kho bãi		Hoạt động bán hàng		Hoạt động khác		Tổng các bộ phận		Loại trừ		Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.223.389.125.519		6.401.153.555.584		290.119.839.771		1.813.722.701.028		86.634.248.595		12.815.019.470.497		-		12.815.019.470.497
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	472.188.702.738		1.825.040.883.019		51.209.994.403		33.365.163.427		21.210.133.207		2.403.014.876.794		-		2.403.014.876.794
Tổng chi phí mua tài sản cố định											797.023.341.327		-		797.023.341.327
Tài sản bộ phận											27.706.786.865.046		(171.358.135.762)		27.535.428.729.284
Tổng tài sản	-		-		-		-		-		27.706.786.865.046		(171.358.135.762)		27.535.428.729.284
Nợ phải trả không phân bổ											12.299.175.553.676		(130.061.875.977)		12.169.113.677.699
Tổng nợ phải trả	-		-		-		-		-		12.299.175.553.676		(130.061.875.977)		12.169.113.677.699

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP**Số 1 Đảo Duy Anh, phường Phương Mai,  
Quận Đống Đa, Hà Nội**Mẫu số B09 – DN/HN**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****37.2 BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh bên trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

**Giao dịch với các bên liên quan**

	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Doanh thu với bên liên quan</b>			
- Công ty CP Tàu lai Cảng Đà Nẵng	Công ty liên kết	8.435.029.031	6.820.244.880
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	Công ty liên kết	96.899.754.005	59.110.929.540
- Công ty CP Đại lý tàu biển và Logistics Vosco	Công ty liên kết	13.009.750.081	7.953.576.665
- Công ty CP Vận tải biển và hợp tác lao động quốc tế	Công ty liên kết	1.021.862.985	408.861.905
- Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	Công ty liên kết	7.890.492.841	3.834.237.863
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	Công ty liên kết	822.685.326	1.074.654.491
- Công ty CP Tiếp vận Biển Đông	Công ty liên kết	8.591.845.361	5.135.312.752
- Công ty Cổ phần Vận tải & Thuê tàu biển Việt Nam	Công ty liên kết	6.666.666	3.272.727
- Công ty TNHH Honda Logistics Việt Nam	Công ty liên kết	11.040.238.594	8.275.420.726
- Công ty CP Hàng hải Đồng Đô	Công ty liên kết	214.963.812	1.665.659.799
- Công ty TNHH Cảng Công-tên-nơ Quốc tế Cái Lân	Công ty liên kết	4.109.572.165	3.225.359.785
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Vosco	Công ty liên kết	963.915.532	1.245.443.797
- Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải	Công ty liên kết	-	2.160.000
- Công ty CP Vận tải và thương mại Transco	Công ty liên kết	-	98.532.381
- Công ty LD Dịch vụ Container quốc tế cảng SG - SSA	Công ty liên kết	145.188.213.402	77.301.790.830
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	Công ty liên kết	562.593.870	1.127.278.926
- Công ty CP Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết	270.564.659	282.997.817
- Công ty TNHH NYK Autologistic Việt Nam	Công ty liên kết	56.227.000	2.712.531.900
- Công ty Cổ phần Cảng tổng hợp Thị Vải	Công ty liên kết	723.900.000	643.792.000
- Công ty CP Logistics Cảng Đà Nẵng	Công ty liên kết	37.552.831.960	23.002.635.638
- Công ty CP Hàng hải Sài Gòn	Công ty liên kết	285.018.530	442.581.830
- Công ty CP HPH Logistic	Công ty liên kết	4.869.927.135	9.162.183.125
- Công ty CP Tân cảng Quy Nhơn	Công ty liên kết	69.774.000	53.334.500
		<b>342.585.826.955</b>	<b>213.582.793.877</b>



**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP**

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai,

Quận Đống Đa, Hà Nội

**Mẫu số B09 – DN/HN**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****37.2 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Chi phí với bên liên quan</b>			
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	Công ty liên kết	50.800.000	1.617.624.000
- Công ty CP Hàng hải Đông Đô	Công ty liên kết	595.801.333	18.454.997.257
- Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải	Công ty liên kết	1.175.655.484	399.535.353
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	Công ty liên kết	5.271.420.000	10.873.767.300
- Công ty LD Dịch vụ Container quốc tế cảng SG - SSA	Công ty liên kết	339.436.457	184.079.835
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP - PSA	Công ty liên kết	53.776.589.788	2.215.716.724
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	Công ty liên kết	11.612.704.851	851.686.595
- Công ty CP Đại lý tàu biển và Logistics Vosco	Công ty liên kết	2.103.662.643	2.477.862.904
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Vosco	Công ty liên kết	30.703.888.599	18.481.023.837
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đinh Vũ	Công ty liên kết	106.549.226	-
- Công ty CP Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết	54.400.000	172.400.000
- Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	Công ty liên kết	9.054.368.747	4.738.148.923
- Công ty Cổ phần Cảng tổng hợp Thị Vải	Công ty liên kết	3.660.399.703	1.345.896.000
- Công ty CP Logistics Cảng Đà Nẵng	Công ty liên kết	79.997.995.168	74.490.278.154
- Công ty CP Tàu Lai Cảng Đà Nẵng	Công ty liên kết	81.152.772.450	81.360.715.309
- Công ty CP Tiếp vận Biển Đông	Công ty liên kết	-	516.957.000
- Công ty CP Hàng hải Sài Gòn	Công ty liên kết	154.600.186	-
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	Công ty liên kết	245.274.400	409.042.320
- Công ty CP HPH Logistic	Công ty liên kết	552.152.527	214.869.963
- Công ty CP Tân cảng Quy Nhơn	Công ty liên kết	31.857.210.000	30.091.870.400
- Công ty cổ phần Dịch vụ công nghiệp hàng hải	Công ty liên kết	255.761.436	114.169.158
		<b>312.721.442.998</b>	<b>249.010.641.032</b>

Thu nhập của người quản lý chủ chốt:

Ho và tên	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Lê Anh Sơn	Chủ tịch HĐQT	1.636.113.506	1.305.463.296
Ông Nguyễn Cảnh Tình	Thành viên HĐQT, kiêm TGD	1.627.289.353	1.435.076.670
Ông Đỗ Tiến Đức	Thành viên HĐQT	1.305.366.516	1.090.282.922
Ông Nguyễn Đình Chung	Thành viên HĐQT	1.303.244.516	1.036.082.291
Ông Đỗ Hùng Dương	Thành viên HĐQT	1.266.520.968	1.018.900.419
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	1.234.966.487	987.087.356
Ông Lê Quang Trung	Phó Tổng giám đốc	1.230.466.487	1.010.387.356
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng giám đốc	1.201.769.519	72.512.320
Ông Lương Đình Minh	Trưởng Ban Kiểm soát	1.195.023.753	999.717.917
Bà Phan Thị Nhị Hà	Thành viên Ban Kiểm soát	843.122.955	745.057.792
Ông Phạm Cao Nhuệ	Thành viên Ban Kiểm soát	815.501.190	682.057.792
		<b>13.659.385.250</b>	<b>10.382.626.131</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****37.3 THÔNG TIN KHÁC**

Theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, Tổng Công ty phải thực hiện quyết toán thuế, các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước với Cơ quan thuế và đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, quyết toán tiền thu về cổ phần hóa, chi trả chế độ lao động dôi dư, chi phí cổ phần hóa. Tổng Công ty đã hoàn thành việc quyết toán thuế. Đối với các nội dung còn lại, Tổng Công ty đã hoàn thành hồ sơ và đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do vậy số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo có thể thay đổi theo ý kiến của các cấp có thẩm quyền.

**38. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán và điều chỉnh hồi tố tại Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ. Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

TÀI SẢN	Mã số	Số trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh Phân loại	Số sau điều chỉnh VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>11.965.376.076.582</b>	<b>(1.763.134.488)</b>	<b>11.963.612.942.094</b>
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2.735.069.537.601	(1.763.134.488)	2.733.306.403.113
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	723.652.104.304	(154.983.000)	723.497.121.304
Phải thu ngắn hạn khác	136	784.983.811.557	(1.608.151.488)	783.375.660.069
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>15.572.087.539.913</b>	<b>(271.752.723)</b>	<b>15.571.815.787.190</b>
Tài sản dở dang dài hạn	240	2.514.612.161.897	(271.752.723)	2.514.340.409.174
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	2.475.674.372.440	(271.752.723)	2.475.402.619.717
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>27.537.463.616.495</b>	<b>(2.034.887.211)</b>	<b>27.535.428.729.284</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>12.168.959.809.699</b>	<b>153.868.000</b>	<b>12.169.113.677.699</b>
Nợ ngắn hạn	310	7.417.142.296.057	153.868.000	7.417.296.164.057
Phải trả người bán ngắn hạn	311	1.172.462.471.665	103.322.000	1.172.565.793.665
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.414.180.365.311	50.546.000	1.414.230.911.311
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>15.368.503.806.796</b>	<b>(2.188.755.211)</b>	<b>15.366.315.051.585</b>
Vốn chủ sở hữu	410	15.368.503.806.796	(2.188.755.211)	15.366.315.051.585
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(239.780.880.851)	(2.188.755.211)	(241.969.636.062)
- LNST chưa phân phối lấy kế đến cuối năm trước	421a	(1.402.094.080.168)	(2.188.755.211)	(1.404.282.835.379)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>27.537.463.616.495</b>	<b>(2.034.887.211)</b>	<b>27.535.428.729.284</b>

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu



Vũ Thị Thanh Duyên

Trưởng ban TCKT



Lê Duy Dương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Cảnh Tinh



**TỜ TRÌNH**

**Về việc phê duyệt Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024  
của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025  
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP năm 2024 đã kiểm toán;

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phê duyệt Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 của VIMC như sau:

**1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024**

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP năm 2024 đã kiểm toán, một số các chỉ tiêu tài chính và số liệu tiền lương thực hiện tại Công ty mẹ như sau:

Chỉ tiêu	KH 2024	TH 2024	TH 2024/ KH 2024
1. Doanh thu (tỷ đồng)	2.415	3.157	131%
2. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (tỷ đồng)	935	1.353,5	145%
3. Tiền lương bình quân của người lao động (triệu đồng/tháng)		19.136	
4. Tiền lương bình quân của Người quản lý (triệu đồng/tháng)		1.071,6	

Như vậy, tổng doanh thu thực hiện và lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2024 của Công ty mẹ đều tăng trưởng so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua.

**2. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024**

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024, các quy định hiện hành, nhu cầu đầu tư phát triển và số dư các quỹ hiện tại của Tổng công ty (quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi, ...), Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phê duyệt Phương án phân phối, trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2024 cụ thể như sau:



STT	Nội dung	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 (VND)	Tỷ lệ/ LNST (%)	Ghi chú
1	Lợi nhuận trước thuế	1.353.536.982.178		
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.353.536.982.178		
	Trong đó:			
	Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm	27.062.031.481		theo TM BCTC riêng trang 42
	Thu nhập từ lãi vay được xoá	377.743.630.417		theo TM BCTC riêng trang 43
	Thu nhập từ đánh giá lại tài sản để góp vốn	468.537.405.790		theo TM BCTC riêng trang 43
3	Tổng lợi nhuận sau thuế tạm phân phối	59.418.125.000		
3.1	Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	57.810.750.000	4,27	Trích 3 tháng tiền lương bình quân của Người lao động và không vượt theo quy định tại khoản 1 Điều 8 NĐ số 53 (VIMC được trích tối đa 3 tháng tiền lương BQ của NLĐ và 20% lợi nhuận vượt kế hoạch)
	Quỹ Khen thưởng	28.905.375.000		phân bổ 50% giá trị vào quỹ KT
	Quỹ Phúc lợi	28.905.375.000		phân bổ 50% giá trị vào quỹ PL
3.2	Trích quỹ thưởng người quản lý	1.607.375.000	0,12	Trích tối đa 1,5 tháng tiền lương bình quân của Người quản lý (Khoản 2 Điều 8 NĐ 53)
4	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ (KTPL, thưởng NQL) (4)=(2)-(3)	1.294.118.857.178		

Đối với lợi nhuận còn lại của năm 2024 là 1.294.118.857.178 đồng, tại Đại hội này Hội đồng quản trị đề xuất chưa trích quỹ đầu tư phát triển và chưa chia cổ tức. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét, thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

Trân trọng kính trình./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Các thành viên HĐQT;
- Lưu: VT, TCKT, TKTH, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

  
**Lê Anh Sơn**

Số: 290/TTr-ĐHĐCĐ

*Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2025*

**TỜ TRÌNH**

**V/v thông qua quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và phê duyệt kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025  
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 53/2016/NĐ-CP; Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 229/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam,

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (“VIMC”) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024; phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban Kiểm soát (“BKS”) của Tổng công ty như sau:

### **1. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 phê duyệt**

Tại Điều 6 Nghị quyết số 229/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của VIMC đã phê duyệt quỹ tiền lương và quỹ thù lao kế hoạch năm 2024 như sau:

HĐQT gồm 05 thành viên, trong đó 04 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và 01 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (thành viên HĐQT kiêm TGD). BKS gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Tổng quỹ tiền lương Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (không bao gồm Tổng giám đốc): 7.560 triệu đồng; tiền lương bình quân: 90 triệu đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 216 triệu đồng.

- Thực hiện phân phối theo Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý, BKS VIMC.

### **2. Thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của HĐQT, BKS năm 2024**

HĐQT VIMC kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của HĐQT, BKS năm 2024 như sau:

HĐQT gồm 05 thành viên, trong đó 04 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và 01 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (thành viên HĐQT kiêm TGD). BKS gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Tổng quỹ tiền lương (không bao gồm Tổng giám đốc): 8.021,5 triệu đồng; tiền lương bình quân: 95,5 triệu đồng/người/tháng. Trong đó:

- + Quỹ tiền lương HĐQT: 5.269,5 triệu đồng.

- + Quỹ tiền lương BKS: 2.752,0 triệu đồng.

- Quỹ thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 235,44 triệu đồng/năm.

- Thực hiện phân phối theo Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý, BKS VIMC.

### **3. Phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2025**

Thực hiện Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp Nhà nước, HĐQT VIMC, sau khi loại trừ các yếu tố khách quan theo quy định khi xác định tiền lương, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2025 như sau:

- HĐQT gồm 05 thành viên, trong đó 04 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và 01 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (thành viên HĐQT kiêm TGD). BKS gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Tổng quỹ tiền lương HĐQT, BKS (không bao gồm Tổng giám đốc): 7.849 triệu đồng; tiền lương bình quân: 93,44 triệu đồng/người/tháng.



- Quỹ thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 242,2 triệu đồng.

Thực hiện phân phối theo Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý, BKS VIMC.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của HĐQT, BKS Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

Trân trọng kính trình./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Các thành viên HĐQT;
- Lưu: VT, CT HĐQT, TCNS, TKTH, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Lê Anh Sơn**

**TỜ TRÌNH**

**Về việc Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025  
của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025  
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH11 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 229/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP,

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (“VIMC”) kính trình Đại hội đồng cổ đông Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025 của VIMC như sau:

**I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2024**

**1. Bối cảnh năm 2024**

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC) và các doanh nghiệp thành viên (DNTV) năm 2024 hoạt động trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược gay gắt; xung đột leo thang ở nhiều khu vực; giá xăng dầu, hàng hóa cơ bản, cước vận tải biến động mạnh; kinh tế, thương mại phục hồi chậm, thiếu vững chắc; tổng cầu, đầu tư toàn cầu sụt giảm; tỷ giá, lãi suất biến động khó lường; thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, lương thực, an ninh mạng diễn biến phức tạp.

Thị trường vận tải hàng rời diễn biến không ổn định trong suốt thời gian cả năm. Chỉ số BDI suy giảm mạnh từ thời điểm cuối năm 2023 từ mức 3.400 điểm xuống chỉ còn khoảng 1.300 điểm vào tháng 1/2024 và sau đó chủ yếu dao động trong khoảng 1.500 đến 2.000 điểm. Tuy nhiên, kể từ giữa tháng 11, chỉ số BDI tiếp tục giảm sâu xuống mức 1.150 điểm. Thị trường chủ yếu được dẫn dắt bởi cỡ tàu lớn Capesize trong

khi các phân khúc tàu nhỏ hơn như Supramax và Handysize duy trì ổn định do nhu cầu tăng tại khu vực Châu Á và Châu Mỹ.

Thị trường vận tải container diễn biến tích cực trong nửa đầu năm, giá cước vận tải tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do cuộc xung đột tại Biển Đỏ tiếp tục diễn biến phức tạp, tình trạng tắc nghẽn tại các cảng chính thế giới, nhu cầu tiêu dùng phục hồi tại thị trường Mỹ và châu Âu. Tuy nhiên, giá cước trung bình đã giảm liên tiếp kể từ thời điểm giữa tháng 7 do các hãng tàu dần thích ứng được với việc phải định tuyến lại, tình trạng tắc nghẽn tại các cảng chính thế giới được cải thiện, nhu cầu, số lượng tàu đóng mới bàn giao tiếp tục ở mức cao.

Đối với hệ thống cảng biển của VIMC, áp lực cạnh tranh ngày một lớn. Các cảng biển tư nhân liên tục ra đời, với sự linh hoạt rất cao trong chính sách giá, có lợi thế tuyệt đối trong công tác phát triển thị trường, tiếp thị khách hàng. Bên cạnh đó, trước tình hình khó khăn chung, bản thân các hãng tàu cũng buộc phải cắt giảm chi phí, tạo áp lực lên doanh thu bốc xếp tại các cảng.

Các doanh nghiệp dịch vụ logistics gặp nhiều khó khăn ở cả khía cạnh chi phí vận hành (giá xăng dầu, giá điện...), và đầu ra khi nhiều doanh nghiệp xuất khẩu thiếu đơn hàng, làm giảm luồng vận chuyển hàng hóa giữa nhà xưởng và ga, cảng, cửa khẩu.

**2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2024**

**2.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**2.1.1 Kết quả sản xuất kinh doanh công ty mẹ**

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	TH 2023	KH 2024	TH 2024	TH 2024/ TH 2023	TH 2024/ KH 2024
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.067</b>	<b>2.414</b>	<b>3.157</b>	<b>153%</b>	<b>131%</b>
<b>1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	1.468	1.255	1.641	112%	131%
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	1.381	1.158	1.448	105%	125%
<b>3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	87,6	96,8	193	220%	199%
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	547	381	540	99%	142%
<b>5. Chi phí tài chính</b>	88,4	49,8	107	121%	215%
<b>6. Chi phí bán hàng</b>	20,7	16,1	9,8	47%	61%
<b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	209	244	223	107%	91%
<b>8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	316	169	393	124%	233%
<b>9. Thu nhập khác</b>	51,9	778	975	1878%	125%
<b>10. Chi phí khác</b>	10,9	11,5	15,2	138%	132%
<b>11. Lợi nhuận khác (11=9-10)</b>	40,9	766	960	2344%	125%
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>357</b>	<b>935</b>	<b>1.353</b>	<b>379%</b>	<b>145%</b>

- Sản lượng công ty mẹ: 3,8 triệu tấn, bằng 100% KH2024 (không bao gồm 1,4 triệu tấn sản lượng container của VIMC Lines 6 tháng cuối năm 2024 sau khi chuyển sang công ty cổ phần).

- Tổng doanh thu: 3.157 tỷ đồng (bằng 131% KH 2024), trong đó:



+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 1.641 tỷ đồng, tăng 386 tỷ đồng so với kế hoạch, chủ yếu do VIMC mở rộng hoạt động kinh doanh, tăng doanh thu hoạt động thương mại (tăng 365 tỷ đồng).

+ Doanh thu tài chính: 540 tỷ đồng, bằng 142% KH 2024, tương đương tăng 159 tỷ đồng, chủ yếu từ lãi tiền gửi (tăng 48 tỷ đồng) và lãi chênh lệch tỷ giá (tăng 107 tỷ đồng).

+ Thu nhập khác: 975 tỷ đồng, tăng 197 tỷ đồng so với kế hoạch, chủ yếu do trong năm VIMC được (i) hạch toán thu từ xóa lãi/lãi của Ngân hàng VDB là 378 tỷ đồng (tăng 177 tỷ đồng so với kế hoạch), (ii) thu từ đánh giá lại chênh lệch tài sản góp vốn bằng cổ phiếu của Công ty cổ phần Phát triển Hàng hải và Công ty cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ vào Công ty cổ phần Vận tải Container VIMC là 468,5 tỷ đồng (tăng 16 tỷ đồng so với kế hoạch), (iii) thu từ thanh lý tài sản 104 tỷ đồng (giảm 7,6 tỷ đồng so với kế hoạch) và (iv) một số khoản thu nhập khác là 20,8 tỷ đồng.

- Tổng chi phí: 1.479 tỷ đồng (bằng 122% KH 2024), chi phí tăng so với kế hoạch do: chi phí cho hoạt động thương mại tăng 363,5 tỷ đồng, chi phí tài chính tăng 57 tỷ đồng (chủ yếu do tăng lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ).

Trong năm, VIMC đã tiến hành triển khai đồng bộ các giải pháp để quản lý chi phí hiệu quả, theo đó chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2024 giảm 20,8 tỷ đồng so với kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế: 1.353 tỷ đồng (bằng 145% KH 2024).

Như vậy, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ năm 2024 hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 giao.

#### 2.1.2 Kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất VIMC:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	So sánh TH2024/ TH2023	So sánh TH2024/ KH2024
Sản lượng vận tải biển	Triệu tấn	20,8	15,8	19,4	94%	122%
Sản lượng cảng biển	Triệu tấn	114,8	123,7	145,3	127%	117%
Doanh thu	Tỷ đồng	13.964	13.447	19.253	138%	144%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.126	2.736	3.153	149%	115%

(Ghi chú: Số liệu theo Báo cáo tài chính VIMC năm 2024 đã được kiểm toán)

##### a. Khối cảng biển

Sản lượng cảng biển: 145 triệu tấn, tăng 17% so với kế hoạch. Trong đó sản lượng container: 6,2 triệu Teus, bằng 119% KH 2024. Sản lượng khối cảng biển tăng trưởng tốt do:

- Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nhằm duy trì và tăng trưởng thị trường, thị phần.

- Tận dụng cơ hội từ việc tắc nghẽn các cảng trong khu vực đồng thời đẩy mạnh công tác thị trường, chăm sóc khách hàng, khối cảng biển phát triển thêm được nhiều tuyến dịch vụ container mới về các cảng.

- Hầu hết các cảng đều có sản lượng tăng trưởng so với năm 2023 và KH 2024. Trong đó, sản lượng các mặt hàng chiến lược như container, thức ăn gia súc, sắt thép, dăm gỗ, viên gỗ nén tăng trưởng tốt tại các cảng như Sài Gòn, Đà Nẵng, Quy Nhơn, và đặc biệt tăng mạnh tại nhóm các cảng liên doanh với mức tăng trưởng 38%.

Doanh thu khối cảng biển: 7.753 tỷ đồng, tăng 15% so với kế hoạch, trong đó: Cảng Hải Phòng - tăng 688 tỷ đồng (do tăng doanh thu khai thác, ngoài ra trong năm hợp nhất Cảng Hải Phòng ghi nhận khoản đền bù di dời Cảng Hoàng Diệu 202 tỷ đồng); Cảng Sài Gòn - tăng 288 tỷ đồng (tăng doanh thu khai thác và doanh thu tài chính); Cảng Đà Nẵng - tăng 113 tỷ đồng.

Để thúc đẩy và nâng cao năng suất lao động, chất lượng dịch vụ tại các đơn vị cảng biển, VIMC đã chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; nhiều đơn vị đã nỗ lực và quyết tâm cải tiến, hoàn thiện hướng đến xây dựng hệ thống cảng thông minh, hiện đại, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và hiệu quả hoạt động. Trong năm 2024, đã thu hút thêm được 10 tuyến dịch vụ container mới, đặc biệt trong đó có các tuyến dịch vụ lớn, kết nối trực tiếp hệ thống cảng biển của VIMC với các cảng biển tại Châu Âu, Mỹ.

### ***b. Khối vận tải biển***

Sản lượng khối vận tải biển: 19,4 triệu tấn, tăng 22% so với kế hoạch. Mặc dù sản lượng giảm so với cùng kỳ năm 2023 (do các đơn vị thực hiện thanh lý 10/56 tàu, trong khi chỉ đầu tư bổ sung được 02 tàu, đồng thời có 14 tàu phải tiến hành lên đà, sửa chữa định kỳ), tuy nhiên vẫn đảm bảo và vượt kế hoạch 22% do VIMC đã quyết liệt chỉ đạo các đơn vị trong việc đẩy mạnh các hoạt động thuê tàu ngoài để bù đắp (sản lượng từ hoạt động thuê tàu ngoài đạt 2,2 triệu tấn).

Doanh thu khối vận tải biển: 9.729 tỷ đồng, tăng 93% so với kế hoạch, trong đó: VIMC Shipping - tăng 213 tỷ đồng (từ tăng doanh thu thương mại và doanh thu từ tái cơ cấu); Vosco - tăng 3.609 tỷ đồng (tăng từ doanh thu thương mại, doanh thu khai thác và doanh thu bán tàu); từ tháng 7/2024 ghi nhận doanh thu của VIMC Lines vào kết quả hợp nhất (530 tỷ đồng).

### ***c. Khối dịch vụ hàng hải***

Năm 2024, hoạt động khối dịch vụ hàng hải tiếp tục gặp nhiều khó khăn do hoạt động kinh doanh truyền thống của các đơn vị bị suy giảm; chưa có đột phá trong phát triển các dịch vụ mới. Hệ thống kho bãi, đội xe vận tải, hệ thống logistics vẫn còn hạn chế nhiều mặt về năng lực và chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Dịch vụ logistics cốt lõi chưa đem lại nhiều doanh thu, phụ thuộc nhiều vào thuê ngoài. Cơ cấu khách hàng chưa đa dạng, phụ thuộc nhiều vào khách hàng truyền thống.

Doanh thu khối dịch vụ hàng hải: 1.543 tỷ đồng, tăng 10% so với kế hoạch, hầu hết các đơn vị đều có doanh thu đảm bảo và vượt mức doanh thu được giao.

## ***2.2 Kết quả hoạt động đầu tư năm 2024***

### ***2.2.1 Hoạt động đầu tư tại Công ty mẹ:***

Kế hoạch đầu tư của Công ty mẹ năm 2024 được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 229/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/4/2024 là 436,7 tỷ đồng, trong đó, các dự án chuyển tiếp: 199,6 tỷ đồng, các dự án đầu tư mới: 237,1 tỷ đồng.

Trong năm, Công ty mẹ đã thực hiện công tác đầu tư với tổng giá trị là 151,4 tỷ đồng (tương đương 35% kế hoạch). Nguyên nhân chính khiến tỷ lệ hoàn thành kế hoạch đầu tư chưa cao là do vướng cơ chế chính sách liên quan đến việc đấu thầu nên Công ty mẹ chưa triển khai thực hiện Dự án đầu tư tàu hàng khô từ 20.000 - 50.000 DWT (Kế hoạch 177,8 tỷ đồng).

Tình hình thực hiện các dự án đầu tư của Công ty mẹ trong năm 2024 cụ thể:

***Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng:***

- Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng dịch vụ Hàng hải - cảng biển Hậu Giang: Đã hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư và khởi công ngày 12/01/2024. Giá trị khối lượng thi công thực tế năm 2024 đạt 70% giá trị hợp đồng và được chuyển tiếp sang năm 2025.

- Dự án ĐTXD cảng thủy nội địa Ninh Giang: Đã được UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án (Quyết định số 2690/QĐ-UBND ngày 18/10/2024). Sau khi có quyết định phê duyệt chủ trương Dự án, VIMC đã làm việc với UBND huyện Ninh Giang, Hải Dương để được hướng dẫn các thủ tục liên quan đến đo đạc, kiểm đếm phục vụ giải phóng mặt bằng. Năm 2024, đã giải ngân 796 triệu đồng chi phí thuê tư khảo sát xây dựng, lập báo cáo đề xuất dự án và đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính. Năm 2025, VIMC tiếp tục triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư: lập quy hoạch 1/500, Báo cáo DTM, lập và phê duyệt BCNCKT, đền bù GPMB...với giá trị dự kiến khoảng 84 tỷ đồng.

***Dự án mua sắm trang thiết bị:***

- Hoàn thành Dự án đầu tư mua 500 vỏ container mới loại 40HC, 500 vỏ container mới loại 20DC: Đã hoàn thành các công tác đầu tư dự án, bàn giao đưa vào sử dụng; nghiệm thu thanh, quyết toán Hợp đồng; điều chuyển tài sản cho VIMC Shipping quản lý, khai thác.

- Hoàn thành mua 02 ô tô 7 chỗ và 01 xe ô tô 5 chỗ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

***Dự án đầu tư hệ thống công nghệ thông tin:***

Trong năm 2024, Công ty mẹ đã triển khai các Dự án công nghệ thông tin nhằm nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phục hoạt động quản lý điều hành. Tình hình triển khai còn chưa đạt được như kế hoạch, dự kiến sẽ tiếp tục chuyển tiếp thực hiện trong năm 2025. Cụ thể:

+ Dự án Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý điều hành của VIMC: đã thực hiện ký kết hợp đồng với nhà thầu triển khai và giải ngân tạm ứng hợp đồng.

+ Dự án cổng thông tin và chia sẻ nguồn lực - Logistics Hub: đã tiến hành ký hợp đồng thực hiện lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật. Dự án có sự thay đổi thiết kế thi công, báo cáo khảo sát dựa theo tình hình thực tế nên chưa phê duyệt Dự án.

***Sửa chữa tòa nhà, kho bãi:***

Trong năm, VIMC đã triển khai các hạng mục sửa chữa Tòa nhà theo kế hoạch đã được phê duyệt. Tổng giá trị giải ngân trong năm đạt 17,3 tỷ đồng (09 hạng mục). Trong đó, 01 hạng mục đang triển khai, tiếp tục chuyển tiếp thực hiện trong năm 2025 là Hạng mục Cải tạo, lắp đặt bổ sung hệ thống hút khói hành lang cho Tòa nhà Ocean Park.



***Chiến lược phát triển Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035: Xây dựng và triển khai các giải pháp để thực hiện tầm nhìn***

Trong năm 2024, Dự án Tư vấn chiến lược đã được triển khai thực hiện toàn VIMC. Dự án đã nghiệm thu Giai đoạn Báo cáo đầu kỳ, hiện đang thực hiện Giai đoạn Báo cáo giữa kỳ và tiếp tục chuyển tiếp thực hiện trong năm 2025.

***2.2.2 Tình hình triển khai các Dự án trọng điểm của VIMC:***

Năm 2024, tất cả các dự án trọng điểm của VIMC đã được đẩy mạnh triển khai, cơ bản đã đạt được tiến độ theo kế hoạch đề ra, cụ thể:

(i) Dự án đầu tư xây dựng Bến container số 3, số 4 thuộc cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại khu bến Cảng Lạch Huyện, Thành phố Hải Phòng):

Tính đến thời điểm báo cáo, tổng giá trị giải ngân lũy kế là 4.962 tỷ đồng/tổng mức đầu tư 6.946 tỷ đồng (tỷ lệ 71,4%). Đây là dự án trọng điểm nên VIMC và Cảng Hải Phòng đã tập trung nguồn lực, đẩy mạnh thực hiện. Trong năm 2024, VIMC đã chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ, khẩn trương hoàn thành các gói thầu, lắp đặt thiết bị và chuẩn bị các thủ tục công bố mở cảng, đảm bảo Dự án được đưa vào khai thác đúng kế hoạch (đưa dự án vào khai thác trong tháng 4/2025), dự kiến hoàn thành toàn bộ dự án trong năm 2025.

(ii) Dự án Cảng trung chuyển quốc tế tại Huyện Cần Giờ, TP Hồ Chí Minh:

Trong năm 2024, VIMC đã phối hợp với Cảng Sài Gòn tích cực, bám sát các Bộ, ngành để giải trình Hồ sơ đề xuất đầu tư Dự án Cảng trung chuyển quốc tế tại huyện Cần Giờ, TP Hồ Chí Minh. Đến nay, đã giải quyết được các thủ tục liên quan đến chấp thuận chủ trương của Dự án. Cụ thể như sau:

- Về Quy hoạch hệ thống cảng biển Việt Nam: ngày 22/5/2024, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 442/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Về Hồ sơ đề xuất dự án xin chấp thuận chủ trương: ngày 16/01/2025, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án (Quyết định số 148/QĐ-TTg).

Trong năm 2025, dự kiến VIMC/Cảng Sài Gòn sẽ phối hợp với đối tác để hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư, được lựa chọn làm nhà đầu tư Dự án.

(iii) Dự án Đầu tư xây dựng tổng thể Bến cảng container Liên Chiểu, Đà Nẵng:

VIMC đã phối hợp với Cảng Đà Nẵng triển khai các thủ tục đề xuất đầu tư và đẩy mạnh việc hợp tác với đối tác nước ngoài để triển khai, xây dựng phương án hợp tác phù hợp với định hướng đầu tư mới của UBND thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, VIMC đang đẩy mạnh triển khai phát triển các dự án cơ sở hạ tầng logistics tại các khu vực và đạt được nhiều bước tiến quan trọng như: Dự án Cảng thủy nội địa Ninh Giang được chấp thuận chủ trương đầu tư; công bố mở cảng cạn Đông Phố Mới, tỉnh Lào Cai (ICD Lào Cai),...

***2.3 Công tác đầu tư vốn:***

Thực hiện Kế hoạch đầu tư vốn năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua, trong năm 2024, VIMC đã triển khai thực hiện đầu tư vốn tại các doanh nghiệp như sau:

- Hoàn thành đầu tư góp vốn thành lập CTCP Vận tải Container VIMC (VIMC Lines): ngày 10/5/2024, VIMC Lines đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Đồng thời, VIMC đã hoàn thiện các thủ tục góp vốn vào VIMC Lines bằng tiền, tài sản (lô vỏ container, giá trị vốn đầu tư tại VIMC Đình Vũ, Vimadeco) theo quy định. Hiện nay, VIMC Lines đã ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đầu tư góp vốn thành lập liên doanh VIMC - Aries: VIMC đã xây dựng phương án hoàn thiện trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương, quyết định góp vốn thành lập Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Hàng hải VIMC - Aries. Đến thời điểm hiện nay, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp và hoàn thành việc góp vốn.

Công tác tăng vốn các doanh nghiệp thành viên: VIMC đã hoàn thành tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship; Công ty cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam và đang triển khai các thủ tục để tăng vốn điều lệ tại Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ...

#### **2.4 Công tác thanh lý tài sản**

Trong năm 2024, VIMC đã hoàn thành thanh lý tàu VIMC Green theo kế hoạch, doanh thu bán tàu 103 tỷ đồng. Đồng thời hoàn thành thanh lý 10 xe ô tô không còn nhu cầu sử dụng, thu về 1,08 tỷ đồng.

## **II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2025**

### **1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:**

Bước sang năm 2025, dự báo tình hình thế giới tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường khi vẫn tiềm ẩn nguy cơ xung đột địa chính trị và cạnh tranh nước lớn, căng thẳng thương mại gia tăng, việc thay đổi chính sách của một số nền kinh tế lớn là rủi ro đối với tăng trưởng toàn cầu.

Tình hình thị trường vận tải biển hiện nay đang suy giảm nghiêm trọng, các chỉ số vận tải (BDI, WCI) đã giảm mạnh về mức thấp nhất kể từ tháng 6/2020 do nhu cầu suy yếu, các rủi ro liên quan đến chính sách thương mại của Mỹ đồng thời nhiều hãng tàu bắt đầu nối lại các tuyến dịch vụ qua Biển Đỏ. Dự báo thị trường vận tải trong năm 2025 sẽ tiếp tục phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức do nhu cầu vận chuyển hàng rời của thị trường năm 2025 chỉ tăng khoảng 1%, trong khi nguồn cung đội tàu duy trì tăng trưởng khoảng 3% dẫn tới nguy cơ dư cung lớn và gây áp lực lên giá cước vận tải. ***Hiện tại, chỉ số BDI chỉ dao động từ khoảng 700-1200 (thấp hơn nhiều mức giả định xây dựng kế hoạch năm 2025 từ 1600-2000).***

Bên cạnh đó, VIMC tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn nội tại như đội tàu suy giảm, tuổi tàu già, tính năng kỹ thuật kém trong khi yêu cầu của các công ước mới ngày càng cao; hệ thống cơ sở hạ tầng logistics ở các vị trí không còn thuận lợi, năng lực cạnh tranh giảm sút; các cảng biển lớn phải di dời và chịu ảnh hưởng từ hoạt động xây dựng hạ tầng đầu tư công tại các địa phương.

Mặc dù đối mặt với bối cảnh đầy khó khăn, thách thức trong năm 2025, nhưng với ý chí, khát vọng của tập thể Lãnh đạo và người lao động, trên tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính về quyết tâm đảm bảo mục tiêu tăng trưởng không thấp hơn năm 2024 và không thấp hơn 8%, VIMC sẽ triển khai đồng bộ nhiều giải pháp toàn diện, tháo gỡ các điểm nghẽn, khó khăn, tạo đột phá, động lực tăng trưởng mới, phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 - 2025 hướng tới chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV.

Căn cứ văn bản số 1073/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 25/3/2025 về việc giao chỉ tiêu tăng trưởng năm 2025 đối với các Tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu. VIMC xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau:

### 1.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty mẹ:

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	KH 2025/ TH 2024
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>3.157</b>	<b>3.849</b>	<b>122%</b>
<b>1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	1.641	3.176	194%
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	1.448	3.139	217%
<b>3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	193	36,2	19%
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	540	326	60%
<b>5. Chi phí tài chính</b>	107	34,5	32%
<b>6. Chi phí bán hàng</b>	9,8	15,2	154%
<b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	223	240	108%
<b>8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	393	72,5	18%
<b>9. Thu nhập khác</b>	975	346	36%
<b>10. Chi phí khác</b>	15,2	10,3	68%
<b>11. Lợi nhuận khác (11=9-10)</b>	960	336	35%
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.353</b>	<b>409</b>	<b>30%</b>

- Sản lượng Công ty mẹ: 3,2 triệu tấn (bằng 85% TH 2024).

- Tổng doanh thu: 3.849 tỷ đồng, tăng 692 tỷ đồng tương đương 22% so với TH năm 2024. Trong đó, doanh thu từ hoạt động vận tải biển: 3.006 tỷ đồng, tăng 1.526 tỷ đồng so với TH 2024, đây là sự cố gắng nỗ lực của VIMC nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng theo chủ trương của Chính phủ.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2025 VIMC dự kiến đạt 409 tỷ đồng, bằng 30% TH 2024 do trong năm 2024 VIMC ghi nhận một số khoản lợi nhuận từ tái cơ cấu tài chính, đánh giá lại tài sản góp vốn, chênh lệch tỷ giá.

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh nêu trên đảm bảo chỉ tiêu tăng trưởng được Bộ Tài chính giao theo văn bản số 1073/QĐ-BTC ngày 25/3/2025 của Bộ Tài chính.

#### Kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất VIMC:

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2024	KH 2025	KH 2025/ TH 2024
<b>Sản lượng Vận tải biển</b>	Triệu tấn	19,4	21,1	109%
<b>Sản lượng cảng biển</b>	Triệu tấn	145,3	158,3	109%
<b>Doanh thu</b>	Tỷ đồng	19.253	20.793	108%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Tỷ đồng	3.153	3.076	98%

## 2. Kế hoạch hoạt động đầu tư năm 2025

### 2.1 Kế hoạch đầu tư Công ty mẹ:

a) Kế hoạch đầu tư năm 2025 của Công ty mẹ là 194,6 tỷ đồng, trong đó:

- Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp từ năm 2024 sang năm 2025 là: 162,7 tỷ đồng.



- Kế hoạch đầu tư mới năm 2025 là: 31,9 tỷ đồng.

*\* Dự án chuyển tiếp từ năm 2024:*

(i) Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng:

- Dự án ĐTXD cảng thủy nội địa Ninh Giang: Năm 2025 sẽ triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư với giá trị dự kiến là 84 tỷ đồng.

- Dự án Cải tạo, lắp đặt bổ sung hệ thống hút khói hành lang cho Tòa nhà Ocean Park: Triển khai thi công, hoàn thành trong Quý II/2025.

- Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng khu dịch vụ hàng hải Cảng biển Hậu Giang: tiếp tục triển khai, hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng trong năm 2025.

- Dự án Mua sắm bổ sung thiết bị âm thanh, ánh sáng phục vụ phòng họp lớn tầng 3 toà nhà Ocean Park: điều chỉnh tổng mức đầu tư lên 1,8 tỷ đồng để nâng cấp hệ thống âm thanh chuyên dụng phục vụ hội nghị.

(ii) Dự án Công nghệ thông tin:

- Dự án Cổng thông tin CSKH tập trung (CRM + Hotline).

- Dự án Nâng cấp hạ tầng CNTT phục vụ công tác quản lý điều hành của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

- Dự án cổng thông tin và chia sẻ nguồn lực - Logistics Hub.

- Dự án đầu tư phần mềm quản trị nhân sự.

(iii) Chiến lược phát triển Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035: Xây dựng và triển khai các giải pháp để thực hiện tầm nhìn.

*\* Dự án mới trong năm 2025:*

(i) Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng:

- Dự án 1: Lắp đặt hệ thống chiếu sáng mỹ thuật bên ngoài tòa nhà Ocean Park.

- Dự án 2: Dự án khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long.

- Dự án 3: Dự án đầu tư xây dựng trung tâm logistics VIMC tại khu bến Lạch Huyện, thành phố Hải Phòng

- Dự án 4: Dự án ĐTXD khu bến cảng Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng - Phần kêu gọi nhà đầu tư chiến lược.

- Dự án 5: Dự án ĐTXD khu bến cảng Nam Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng.

(ii) Dự án mua sắm thiết bị:

- Dự án 1: Mua mới 02 xe ô tô 7 chỗ.

(iii) Dự án Công nghệ thông tin:

- Dự án Trục tích hợp - Bigdata VIMC.

b) Kế hoạch sửa chữa, cải tạo cơ sở hạ tầng, thiết bị năm 2025 là: 31,9 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 đính kèm).

**2.2 Kế hoạch giảm tỷ lệ sở hữu, thoái vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp**

Căn cứ Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 05 năm giai đoạn 2021 - 2025, Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt, tình hình triển khai công tác

thoái vốn năm 2024, tình hình thị trường, VIMC tiếp tục đề ra kế hoạch giảm tỷ lệ sở hữu, thoái vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp trong năm 2024 cụ thể:

+ Kế hoạch thoái vốn: (i) Công ty cổ phần Hàng hải Sài Gòn; (ii) Công ty TNHH Hàng công nghệ cao; (iii) Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng; (iv) Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại; (v) Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh; (vi) Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô.

+ Kế hoạch tăng vốn điều lệ, giảm tỷ lệ sở hữu của VIMC tại doanh nghiệp: (i) Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ; (ii) Công ty cổ phần VIMC Logistics; (iii) Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam; (iv) Công ty cổ phần Vận tải Container VIMC.

*(Chi tiết tại Phụ lục số 02 đính kèm).*

### **2.3 Kế hoạch tăng vốn, góp vốn Công ty mẹ:**

Trong năm 2025, Công ty mẹ dự kiến góp vốn tại một số doanh nghiệp để bố trí ngân sách, chủ động về tài chính với tổng kế hoạch giá trị đầu tư vốn: 3.242,7 tỷ đồng (chưa bao gồm khoản thanh toán “Giá trị lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư” theo hợp đồng chuyển giao cổ phần Cảng Quy Nhơn với Công ty Hợp Thành khoảng 65 tỷ đồng), trong đó:

- Chuyển tiếp từ năm 2024: Góp vốn thành lập Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Hàng hải VIMC - ARIES với giá trị góp vốn là 2,7 tỷ đồng (giá trị tạm tính, tương đương 51% vốn điều lệ).

- Các dự án đầu tư vốn mới: 3.240 tỷ đồng nhằm tham gia góp vốn vào liên doanh triển khai các Dự án ĐTXD Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ; Dự án Đầu tư xây dựng tổng thể Bến cảng container Liên Chiểu sau khi được cấp có thẩm quyền lựa chọn theo quy định. Cụ thể:

+ Tham gia góp vốn vào liên doanh thực hiện Dự án ĐTXD Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ: VIMC cùng Cảng Sài Gòn liên danh với đối tác để tham gia đấu thầu, được lựa chọn là nhà đầu tư Dự án. Sau đó, các bên tham gia liên danh sẽ thành lập Công ty Liên doanh triển khai Dự án. Tỷ lệ sở hữu phía Việt Nam tại Liên doanh là 51% vốn điều lệ. Giá trị góp vốn của VIMC tạm tính theo tỷ lệ 36% vốn điều lệ tối thiểu của Liên doanh. Giá trị góp vốn, tỷ lệ góp vốn cụ thể của các bên tham gia Liên doanh sẽ được VIMC báo cáo tại Phương án thành lập Liên doanh.

+ Tham gia góp vốn vào liên doanh thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng tổng thể Bến cảng container Liên Chiểu: VIMC tham gia đấu thầu, được lựa chọn là nhà đầu tư Dự án Liên Chiểu. Hoặc cùng với Cảng Đà Nẵng liên danh với đối tác tham gia đấu thầu để được lựa chọn là Nhà đầu tư dự án Liên Chiểu. Sau đó, các bên tham gia liên danh sẽ thành lập Công ty Liên doanh triển khai Dự án. Tỷ lệ sở hữu của phía Việt Nam (VIMC, Cảng Đà Nẵng) là 51% vốn điều lệ.

Ngoài ra, trong năm 2025, đề xuất không thực hiện giải thể Công ty Nhân lực Hàng hải VIMC (VIMC Manpower), giữ nguyên mô hình hoạt động là đơn vị hạch toán phụ thuộc để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, cung ứng thuyền viên theo chiến lược quản lý thuyền viên tập trung toàn VIMC.

Đồng thời, cùng với việc tiếp tục thực hiện tái cơ cấu VIMC Hậu Giang, VIMC nghiên cứu, xây dựng phương án tăng vốn điều lệ cho VIMC Hậu Giang từ các nguồn tài sản, công nợ phải thu của VIMC hiện đang đầu tư cho VIMC Hậu Giang thuê lại tại thời điểm phù hợp để VIMC Hậu Giang có nguồn lực thực hiện các dự án đầu tư, nâng

cao năng lực khai thác, kinh doanh và lành mạnh tình hình tài chính của VIMC Hậu Giang, chuẩn bị cho phương án chuyển công ty cổ phần.

*(Chi tiết tại Phụ lục 03, 04 đính kèm)*

**2.4 Kế hoạch bán/thanh lý tài sản cũ, không có nhu cầu sử dụng của Công ty mẹ:**

*(Chi tiết tại Phụ lục 05 đính kèm)*

**2.5 Kế hoạch thanh lý tàu:**

*(Chi tiết tại Phụ lục 06,07 đính kèm)*

**2.6 Kế hoạch đầu tư tàu:**

*(Chi tiết tại Phụ lục 08 đính kèm)*

**3. Chủ trương tăng vốn điều lệ Công ty mẹ:**

Thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Ban Chấp hành Trung ương tại Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018, Chiến lược phát triển giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2035 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, hiện nay, VIMC đang triển khai hàng loạt dự án trọng điểm trong ba lĩnh vực cốt lõi: đầu tư hệ thống cảng biển nước sâu (Lạch Huyện, Nam Đồ Sơn, Liên Chiểu, Cần Giờ...), phát triển đội tàu và hạ tầng logistics. Tổng nhu cầu vốn đối ứng cho các dự án này khoảng 55.000 tỷ đồng, trong đó riêng giai đoạn 2025-2030 cần hơn 23.000 tỷ đồng. Tuy nhiên, với quy mô vốn điều lệ hiện tại là 12.005 tỷ đồng, chủ yếu tập trung đầu tư vào tài sản cố định (hệ thống cảng biển và kho bãi, đội tàu) và đầu tư vốn tại các doanh nghiệp. Trong giai đoạn vừa qua, VIMC đã tích lũy nguồn lực để đảm bảo triển khai các dự án trọng điểm. Dự kiến, VIMC có thể tự huy động nguồn lực khoảng 6.300 tỷ đồng và huy động từ nguồn vốn bên ngoài khoảng 17.000 tỷ đồng.

Vì vậy, việc tăng vốn điều lệ của VIMC là cần thiết để đáp ứng nhu cầu đầu tư, phát triển của VIMC nhằm tận dụng cơ hội về nguồn lực để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh (đầu tư phát triển cảng cho tàu trọng tải lớn, đầu tư phát triển đội tàu, đầu tư tăng vốn tại các công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả,...), phù hợp với định hướng chiến lược phát triển của VIMC.

với định hướng chiến lược phát triển của VIMC.

Để đảm bảo nguồn lực thực hiện các dự án đầu tư theo Chiến lược phát triển, trong năm 2025, sau khi đủ điều kiện, VIMC sẽ xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông phương án tăng vốn điều lệ của VIMC lên khoảng 23.000 - 25.000 tỷ đồng, giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần của Nhà nước tại VIMC xuống 65% vốn điều lệ thông qua hình thức: (i) Giữ lại lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ để bổ sung vốn chủ sở hữu tạo nguồn tăng vốn điều lệ của VIMC; (ii) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, thu hút nhà đầu tư chiến lược, Nhà nước không góp thêm vốn khi VIMC tăng vốn điều.

**4. Các giải pháp thực hiện kế hoạch**

**4.1 Phát triển thị trường:**

- Trong bối cảnh thị trường biến động khó lường, thường xuyên gặp gỡ, tiếp xúc với các đối tác, khách hàng, chủ hàng, hãng tàu trong và ngoài nước để trao đổi, cập nhật thông tin diễn biến thị trường cũng như nắm bắt được kế hoạch sản xuất, xuất



nhập khẩu hàng hóa của đối tác, kế hoạch triển khai các tuyến dịch vụ của hãng tàu, từ đó xây dựng kịch bản ứng phó phù hợp.

- Trong bối cảnh sản lượng có nguy cơ sụt giảm mạnh, các hãng tàu rút các tuyến dịch vụ, bến tại các cảng sẽ dư thừa, các Doanh nghiệp thành viên (DNTV) ngay lập tức kích hoạt các giải pháp để giữ chân khách hàng, không để mất dịch vụ sang các đối thủ cạnh tranh. Đồng thời tìm kiếm cơ hội thu hút thêm các hãng tàu, dịch vụ mới, tối ưu hóa sử dụng cầu bến.

- Tiếp tục cụ thể hóa và triển khai mạnh mẽ văn hóa "Lấy khách hàng làm trung tâm". Cùng cố và thúc đẩy mối quan hệ hợp tác thông qua các hoạt động liên doanh, liên kết nhằm đảm bảo sản lượng ổn định cũng như phát triển thêm các service mới về hệ thống cảng VIMC.

- Tiếp tục tái cơ cấu, sắp xếp bộ máy kinh doanh theo hành trình trải nghiệm khách hàng, đảm bảo nhân sự phù hợp với từng vị trí. Tạo đột phá trong chăm sóc khách hàng thông qua chương trình marketing tập trung và các gói dịch vụ tích hợp. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, khai thác, ngày càng chuyên nghiệp trong công tác chăm sóc khách hàng, nâng cao trải nghiệm khách hàng. Phát triển mạnh các dịch vụ mới, các dịch vụ ngoài bốc xếp, dịch vụ logistics để tăng trưởng doanh thu cho cảng.

- Xây dựng, bổ sung thêm các giải pháp mới để kịp thời ứng phó với các diễn biến nhanh, khó lường trong chính sách thuế quan của Mỹ. Tập trung đẩy mạnh triển khai các giải pháp để thúc đẩy các hoạt động kinh doanh, tìm kiếm và mở rộng thêm các khách hàng, chủ hàng, hãng tàu, tuyến dịch vụ mới nhằm đa dạng hóa thị trường, tránh phụ thuộc vào các thị trường truyền thống, giảm thiểu rủi ro từ các chính sách thuế quan, thương mại mới.

- Tích cực hội nhập quốc tế, tăng cường hợp tác song phương, đa phương; huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, hỗ trợ kỹ thuật của các đối tác, tổ chức quốc tế nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản trị, điều hành, khai thác

#### **4.2 Về tài chính, đầu tư:**

- Trên cơ sở dự báo và đánh giá tình hình thị trường, DNTV xây dựng các kịch bản ứng phó tương ứng. Trong bối cảnh sản xuất kinh doanh có thể bị ảnh hưởng bởi chính sách thuế mới, các DNTV cần đánh giá để lựa chọn các dự án đầu tư phù hợp, trong đó ưu tiên thúc đẩy các hoạt động đầu tư trọng điểm để mở rộng, tăng trưởng trên cơ sở cân đối dòng tiền.

- Triển khai các chương trình mua sắm tập trung, mô hình Shared Service Center nhằm quản lý chi phí hiệu quả, chống lãng phí.

- Triển khai các giải pháp tiết giảm chi phí, quản lý chi phí hiệu quả, các chương trình mua sắm tập trung, mô hình Shared Service Center.

- Tiếp tục làm việc với VDB về tái cơ cấu nợ của Công ty mẹ và các DNTV; tiếp tục hỗ trợ các DNTV xử lý nợ tại các NHTM, SBIC, VFC;

- Tìm kiếm các nguồn vốn để huy động vốn cho các dự án trọng điểm của các DNTV VIMC và các dự án tại Công ty mẹ.

- Tiếp tục rà soát các nguồn lực, cơ sở hạ tầng, đất đai để xây dựng phương án đưa vào khai thác, nâng cao hiệu quả hoạt động cho các DNTV.

- Triển khai đầu tư mua tàu phù hợp với chiến lược phát triển đội tàu, ưu tiên các loại tàu thể hệ mới tiết kiệm nhiên liệu và thân thiện với môi trường.

- Thanh lý tàu cũ: Đẩy mạnh thanh lý các tàu có tuổi cao, hiệu quả khai thác thấp, không đáp ứng yêu cầu môi trường của IMO.

#### **4.3 Về nguồn nhân lực:**

Trong năm 2025, VIMC tiếp tục tập trung thực thi trụ cột “Lấy con người làm trung tâm”, theo đó chú trọng đầu tư và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Tiếp tục cơ cấu bộ máy tổ chức tinh, gọn, hiệu quả.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo AI trong quản trị nhân sự.

- Đổi mới công tác tuyển dụng, đào tạo, tìm kiếm nhân tài, thực hiện SSC - Share service center dịch vụ tuyển dụng, dịch vụ đào tạo với các DNTV trong VIMC.

- Đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo hướng: Liên tục, đa chiều (360 độ), theo tiêu chí, bằng sản phẩm, kết hợp công cụ đánh giá bằng phần mềm;

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế tiền lương và đãi ngộ theo nguyên tắc thị trường để tạo động lực cho người lao động phấn đấu, toàn tâm, toàn ý với công việc; thiết lập cơ chế, chính sách để tạo cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh và thu hút, trọng dụng nhân tài;

- Triển khai chiến lược Văn hóa doanh nghiệp toàn VIMC với Một nền tảng - Hai tiếp cận - Ba ưu tiên (thực thi một nền tảng văn hóa thống nhất chung, áp dụng cho toàn bộ các doanh nghiệp thành viên của VIMC).

#### **4.4 Về quản trị, điều hành:**

- Tập trung bổ sung, hoàn thiện, tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế trong hệ thống, xử lý những bất cập, tồn đọng, vướng mắc kéo dài, đáp ứng tốt nhất cho yêu cầu đổi mới sáng tạo, tạo đột phá phát triển đất nước trong tình hình mới.

- Tiếp tục hoàn thiện, sắp xếp lại tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tăng cường phân cấp, phân quyền thực chất, hiệu quả; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm người đứng đầu.

- Không ngừng nâng cao chất lượng công tác quản trị, điều hành tại VIMC và các DNTV thông qua việc hợp tác với các đối tác, hãng tàu hàng đầu thế giới.

- Tích cực, chủ động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mới để tăng năng suất lao động. Tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ theo Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị

- Toàn VIMC áp dụng hiệu quả hệ thống CRM, tập trung triển khai cơ sở dữ liệu lớn Big Data trên nền tảng tập trung, làm cơ sở để kết nối các nguồn lực, phát triển các dịch vụ tích hợp, gia tăng doanh thu từ các dịch vụ mới.

- Ứng dụng công nghệ quản lý chi phí: Áp dụng công nghệ số và tự động hóa vào quản lý vận hành, đặc biệt trong việc tối ưu hóa lịch trình khai thác và bảo trì đội tàu.

- Công tác đổi mới sáng tạo: Kaizen tiếp tục được tổng hợp trên hệ tri thức VIMC, phấn đấu đạt tăng trưởng giá trị làm lợi khi triển khai áp dụng Kaizen so với năm 2024.

Trân trọng kính trình./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Các thành viên HĐQT;
- Lưu: VT, CT HĐQT, PTTT, TKTH, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**





**PHỤ LỤC 01.1**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2025 - CÔNG TY MẸ**

*Đơn vị: triệu đồng*

TT	Tên dự án	Quy mô/ Mô tả dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2025
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp từ năm trước</b>		<b>1.630.010</b>	<b>162.735</b>
<b>1</b>	<b>Dự án đầu tư XD CB và trang thiết bị</b>		<b>1.576.514</b>	<b>130.555</b>
1.1	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu dịch vụ hàng hải Cảng biển Hậu Giang	Nhóm C	3.900	34.500
1.2	Dự án ĐTXD cảng thủy nội địa Ninh Giang	Nhóm B	1.496.459	84.000
1.3	Cải tạo, lắp đặt bổ sung hệ thống hút khói hành lang cho Tòa nhà Ocean Park	Lắp bổ sung từ tầng G đến tầng 19	14.355	10.255
1.4	Mua sắm bổ sung thiết bị âm thanh, ánh sáng phục vụ phòng họp lớn tầng 3 toà nhà Ocean Park	Hệ thống âm thanh chuyên dụng phục vụ hội nghị	1.800	1.800
<b>2</b>	<b>Dự án CNTT</b>		<b>21.795</b>	<b>17.680</b>
2.1	Dự án Cổng thông tin CSKH tập trung (CRM + Hotline)	Triển khai tại TCT Hàng hải Việt Nam và các DNTV	1.000	1.000
2.2	Dự án Nâng cấp hạ tầng CNTT phục vụ công tác quản lý điều hành của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Văn phòng TCT Hàng hải Việt Nam	14.106	10.743
2.3	Dự án cổng thông tin và chia sẻ nguồn lực - Logistics Hub	Triển khai tại TCT Hàng hải Việt Nam và các DNTV	4.850	4.685
2.4	Dự án đầu tư phần mềm quản trị nhân sự	Triển khai tại TCT Hàng hải Việt Nam và các DNTV	1.839	1.252
<b>3</b>	<b>Chiến lược phát triển Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035: Xây dựng và triển khai các giải pháp để thực hiện tầm nhìn</b>	<b>3 giai đoạn Báo cáo</b>	<b>31.701</b>	<b>14.500</b>
<b>II</b>	<b>Dự án khởi công năm KH</b>		<b>3.439.010</b>	<b>31.850</b>
<b>1</b>	<b>Dự án đầu tư XD CB</b>		<b>3.420.710</b>	<b>23.210</b>
1.1	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng mỹ thuật bên ngoài toà nhà Ocean Park	Từ tầng 4 đến tầng 19	7.710	7.710
1.2	Dự án khu vực ĐBSCL		75.000	5.000
1.3	Dự án đầu tư xây dựng trung tâm logistics VIMC tại khu bến Lạch Huyện, thành phố Hải Phòng	Xây dựng trung tâm logistics với quy mô sử dụng đất 46,7 ha	3.338.000	500

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Quy mô/ Mô tả dự</b>	<b>Tổng mức</b>	<b>Kế hoạch</b>
1.4	Dự án ĐTXD khu bến cảng Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng - Phần kêu gọi nhà đầu tư chiến lược.			5.000
1.5	Dự án ĐTXD khu bến cảng Nam Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng			5.000
<b>2</b>	<b><i>Dự án mua sắm thiết bị</i></b>		<b><i>4.500</i></b>	<b><i>4.500</i></b>
2.1	Mua mới xe oto 7 chỗ phục vụ công việc chung của văn phòng	02 xe	4.500	4.500
<b>3</b>	<b><i>Dự án CNTT</i></b>		<b><i>13.800</i></b>	<b><i>4.140</i></b>
3.1	Dự án Trục tích hợp - Bigdata VIMC		13.800	4.140
	<b>Tổng cộng</b>		<b>5.069.020</b>	<b>194.585</b>

**PHỤ LỤC 01.2**  
**KẾ HOẠCH SỬA CHỮA NĂM 2025 - CÔNG TY MẸ**

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Tên dự án	Quy mô/Mô tả dự án	Tổng mức đầu tư sửa chữa	Kế hoạch 2025
<b>I</b>	<b>SỬA CHỮA CSHT</b>		<b>21.050</b>	<b>21.050</b>
1	Cải tạo khu vệ sinh từ tầng G đến tầng 3 toà nhà Ocean Park	16 phòng WC	3.700	3.700
2	Chống thấm dột sân trời tầng 4 và tầng mái toà nhà Ocean Park	800 m2	1.500	1.500
3	Cải tạo sửa chữa nhà ăn tầng 19 toà nhà Ocean Park	575 m2	12.700	12.700
4	Lắp mới 2 Biển hiệu của Tổng công ty tại TP. Hồ Chí Minh	65 m2	300	300
5	Lắp mới Biển hiệu của Tổng công ty tại toà nhà Ocean Park	80 m2	1.000	1.000
6	Cải tạo nội thất cho Cabin thang máy trung tâm		500	500
7	Sửa chữa, cải tạo ngoại thất mặt trước toà nhà Ocean Park	Mặt trước toà nhà	1.000	1.000
8	Cải tạo sửa chữa Pantry tầng 3,5,8,11,15 toà nhà Ocean Park	5 tầng	350	350
<b>II</b>	<b>SỬA CHỮA THIẾT BỊ</b>		<b>10.842</b>	<b>10.842</b>
1	Cải tạo Hệ thống Camrea từ tầng 1 đến tầng 15 và lắp bổ sung Camera trong thang máy	từ tầng 1 đến tầng 15	1.000	1.000
2	Thay thế thiết bị cho hệ thống báo cháy từ Loop 1 đến Loop 7 (tầng B2 đến tầng 16)	từ tầng B2 đến tầng 16	3.700	3.700
3	Lắp bổ sung máy cắt liên lạc giữa 2 máy phát điện dự phòng		300	300
4	Kết nối nhóm cho 2 thang máy phía sau toà nhà Ocean Park	2 thang	220	220
5	Nâng cấp và hiện đại hoá 4 thang máy trung tâm toà nhà Ocean Park	4 thang máy	4.712	4.712
6	Thay thế đèn Compact chiếu sáng hành lang từ tầng 4 đến tầng 15 và tầng 19 bằng đèn Led	12 tầng	180	180
7	Cải tạo, sửa chữa hệ thống PCCC toà nhà 163 Nguyễn Văn Trỗi TP. HCM	9 tầng	450	450
8	Sửa chữa hệ thống Điều hoà toà nhà 163 Nguyễn Văn Trỗi TP. HCM		280	280
	<b>Tổng cộng</b>		<b>31.892</b>	<b>31.892</b>



**PHỤ LỤC SỐ 02.1:**  
**KẾ HOẠCH THOÁI, GIẢM VỐN GÓP CỦA TỔNG CÔNG TY**  
**TẠI CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN GÓP NĂM 2025**

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ	Vốn đầu tư của VIMC (theo mệnh giá)	Số cổ phần VIMC nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ của VIMC	
					Hiện tại	Tỷ lệ sau thoái vốn
I	Chuyển tiếp từ năm 2024					
1	Công ty Cổ phần Hàng hải Sài Gòn	43.096	4.374	437.400	10,15%	0%
2	Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	39.854	-	-	56,00%	0%
3	Công ty CP Cảng Hải Phòng	3.269.600	3.026.414	302.641.377	92,56%	65%
4	Công ty CP Dịch vụ Vận tải và Thương mại	86.000	28.800	2.880.000	33,49%	0%
II	Kế hoạch năm 2025					
1	Công ty CP Cảng Cam Ranh	245.018	198.230	19.823.015	80,90%	65%
2	Công ty CP Hàng hải Đông Đô	122.445	59.966	5.996.573	48,97%	0%

**PHỤ LỤC SỐ 02.2:**  
**KẾ HOẠCH GIẢM TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA TỔNG CÔNG TY TẠI CÁC DOANH NGHIỆP**  
**CÓ VỐN GÓP NĂM 2025**

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Tên doanh nghiệp	Hiện tại			Sau điều chỉnh			Ghi chú
		Vốn điều lệ	Số cổ phần VIMC nắm giữ	Tỷ lệ VIMC nắm giữ	Vốn điều lệ dự kiến	Số cổ phần VIMC nắm giữ	Tỷ lệ VIMC nắm giữ	
I	Chuyển tiếp từ năm 2024							
1	Công ty CP Cảng Cần Thơ	275.281	27.256.618	99,01%	489.720	31.831.818	65%	Tăng VDL theo hình thức chuyển nợ của VIMC thành vốn góp (tạm tính theo công nợ tại 31/12/2024), phát hành cổ phiếu, giảm tỷ lệ sở hữu của VIMC tại Cảng Cần Thơ xuống 65% VDL
2	Công ty CP VIMC Logistics	142.121	8.061.620	56,72%	223.934	8.061.620	36%	Tăng VDL, giảm tỷ lệ sở hữu của VIMC xuống 36% VDL nhằm huy động nguồn lực, tạo sự linh hoạt, chủ động cho DN, cải thiện hoạt động SXKD.
II	Kế hoạch năm 2025							
1	Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	16.421	x	60,00%	27.367	x	dưới 51%	Điều chỉnh phương án sắp xếp sang thực hiện tăng VDL, giảm tỷ lệ sở hữu của VIMC

STT	Tên doanh nghiệp	Hiện tại			Sau điều chỉnh			Ghi chú
		Vốn điều lệ	Số cổ phần VIMC nắm giữ	Tỷ lệ VIMC nắm giữ	Vốn điều lệ dự kiến	Số cổ phần VIMC nắm giữ	Tỷ lệ VIMC nắm giữ	
								xuống dưới 51% VDL nhằm huy động nguồn lực, tạo sự linh hoạt, chủ động cho DN, cải thiện hoạt động SXKD.
2	Công ty CP Vận tải Container VIMC	1.015.000	1.014.550	99.96%	1.989.314	1.014.550	51%	Tăng VDL, giảm tỷ lệ sở hữu vốn của VIMC tại VIMC Lines xuống 51% theo Đề án thành lập VIMC Lines.



**PHỤ LỤC SỐ 02.3:**  
**KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ, GIẢM TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA VIMC**  
**TẠI CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN GÓP NĂM 2025**

**I. Công ty cổ phần VIMC Logistics Việt Nam (VIMC Logistics)**

***1. Tình hình thực hiện sắp xếp theo Đề án cơ cấu lại VIMC***

Theo Đề án cơ cấu lại VIMC giai đoạn 2021 - 2025 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt, VIMC Logistics được sắp xếp theo hình thức thoái vốn hoặc tăng vốn điều lệ để giảm tỷ lệ sở hữu của VIMC tại VIMC Logistics xuống 36%. Tại Kế hoạch tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp, giảm tỷ lệ sở hữu của VIMC tại các doanh nghiệp có vốn góp năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thường niên VIMC thông qua, VIMC Logistics được sắp xếp theo hình thức thoái vốn hoặc tăng vốn điều lệ theo phương thức phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư để giảm tỷ lệ sở hữu của VIMC tại VIMC Logistics xuống 36% (sau khi tái cơ cấu VIMC Logistics).

Theo Đề án cơ cấu lại VIMC Logistics giai đoạn 2023 - 2028 do Công ty xây dựng, kế hoạch tăng vốn điều lệ dự kiến thực hiện trong năm 2025.

***2. Định hướng và kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư***

***2.1. Định hướng kinh doanh***

- Mục tiêu phát triển giai đoạn 2023 - 2025: Xử lý dứt điểm những tồn tại, tài sản, dự án kinh doanh thua lỗ; tinh gọn bộ máy; quản trị doanh nghiệp hiệu lực, hiệu quả. Duy trì, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung chất lượng dịch vụ tốt đối với nhóm khách hàng hiện hữu; phát triển tăng thị phần khách hàng cũng như phát triển đa dạng nguồn khách hàng mới.

- Mục tiêu phát triển giai đoạn 2026 - 2028: tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng logistics, tham gia sâu vào chuỗi dịch vụ trong hệ sinh thái vận tải biển - cảng biển - dịch vụ logistics của VIMC.

- Tầm nhìn đến năm 2030: hình thành hệ thống cơ sở hạ tầng logistics, hoàn thành các dự án lớn, trọng điểm: Trung tâm logistics tại vùng kinh tế trọng điểm; trung tâm khai thác chuỗi hàng container lạnh Bắc - Nam và xuất khẩu.

***2.2. Kế hoạch đầu tư***

**a) Đầu tư xây dựng phát triển kho lạnh tại Hải Phòng**

- Phương thức: Thuê kho bãi thường, chuyển đổi đầu tư trang thiết bị kho bãi thường thành hệ thống kho lạnh tại Hải Phòng nhằm đáp ứng nhu cầu bảo quản hàng hóa như thực phẩm, dược phẩm, hóa chất gia tăng. Kho lạnh được quy hoạch với quy mô 2.000 m<sup>2</sup>, gồm 5 kho thành phần, mỗi kho có diện tích 400 m<sup>2</sup>, đặt gần Cảng Hải Phòng, thuận tiện giao thông và kết nối hạ tầng. Thị trường mục tiêu bao gồm doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại khu vực Hải Phòng, các doanh nghiệp logistics quốc tế và nhà sản xuất hàng tiêu dùng.

- Dự kiến thời gian đầu tư: năm 2025

- Dự kiến tổng mức đầu tư: khoảng 14,8 tỷ đồng.

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có.

**b) Phát triển nghiên cứu đầu tư CSHT tại ICD Lào Cai**

Ngày 16/12/2024, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Quyết định số 1549/QĐ-BGTVT công bố mở cảng cạn Đông Phố Mới (Lào Cai). Cảng cạn Đông Phố Mới nằm trong Khu Công nghiệp Đông Phố Mới, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai có diện tích 50.000m<sup>2</sup>. Chức năng của cảng cạn Đông Phố Mới (Lào Cai) là nơi tiếp nhận, lưu hàng hóa phục vụ các hoạt động kinh doanh dịch vụ và thực hiện thủ tục xuất - nhập khẩu hàng hóa phù hợp với quy định Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 4/4/2017 của Chính phủ và Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cơ quan có thẩm quyền cấp.

ICD Đông Phố Mới ở Lào Cai là một khu trung chuyển hàng hóa quan trọng, kết nối Việt Nam với các thị trường quốc tế qua cửa khẩu Lào Cai. Khu vực này có lợi thế về địa lý, giao thông, và đang được chú trọng đầu tư về hạ tầng, mở ra nhiều cơ hội phát triển dịch vụ logistics, vận tải và các ngành nghề liên quan. Trong giai đoạn 2025-2030, mục tiêu phát triển phát huy vai trò trung tâm logistics hiện đại nhằm tối ưu hóa hoạt động luân chuyển hàng hóa trong và ngoài nước, phát triển các dịch vụ công nghệ cao như quản lý kho bãi tự động, giám sát vận chuyển bằng IoT, đồng thời, hỗ trợ doanh nghiệp xuất nhập khẩu thông qua dịch vụ hải quan nhanh chóng và tư vấn quy trình. Các dịch vụ tiềm năng còn bao gồm trung tâm logistics, hệ thống quản lý hàng hóa, cũng như các dịch vụ giá trị gia tăng như đóng gói, dán nhãn và gia công sơ bản. Đặc biệt, khu vực này còn tiềm năng phát triển dịch vụ thương mại điện tử xuyên biên giới Việt - Trung, tận dụng lợi thế địa lý và quan hệ thương mại song phương, đồng thời thúc đẩy khai thác kho lạnh để bảo quản và vận chuyển hàng hóa nông sản, thực phẩm một cách hiệu quả.

- Dự kiến thời gian nghiên cứu đầu tư: 2025

- Dự kiến nguồn vốn đầu tư: vốn tự có.

c) Đầu tư tài sản, trang thiết bị

Để mở rộng hoạt động kinh doanh, Công ty sẽ đầu tư đội xe vận tải gồm 20 chiếc xe đầu kéo container có máy phát điện + romooc.

Dự kiến tổng mức đầu tư: Khoảng 30 tỷ đồng.

Dự kiến nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có của doanh nghiệp.

d) Nghiên cứu thêm các phương án đầu tư tại một số khu vực kinh tế trọng điểm (khi có cơ hội)

*(i) Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống phân phối hàng Honda tại khu Liên Chiêu - Đà Nẵng*

- Hình thành một trung tâm tiếp nhận, lưu trữ, phân phối hàng Honda kết nối giữa các nhà máy của Honda cũng như giữa nhà máy tới các đại lý phân phối, từ đó rút ngắn được thời gian vận chuyển, mang lại hiệu quả cao cho nhà sản xuất, mang lại doanh thu cho VIMC Logistics.

- Giảm chi phí nhà sản xuất, giảm mức độ hư hỏng, mất cắp hàng hoá do phương thức phục vụ vận tải “từ cửa đến cửa” tin cậy hơn, nhanh hơn.

- Dự kiến địa điểm: khu vực Liên Chiêu - Đà Nẵng.

- Dự kiến quy mô, tổng mức đầu tư: tổng diện tích thực hiện Dự án là 20.000 m<sup>2</sup> gồm các hạng mục chính dự kiến: nhà văn phòng điều hành khoảng 200 m<sup>2</sup>, kho hàng 10.000 m<sup>2</sup>, bãi 5.000 m<sup>2</sup>, diện tích còn lại xây dựng các hạng mục phụ trợ. Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 103,4 tỷ đồng.

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có của doanh nghiệp + vốn góp: 40%; vốn vay ngân hàng và huy động hợp pháp khác: 60%.

*(ii) Dự án Đầu tư xây dựng trung tâm logistics tại Cần Giờ*

Theo Chiến lược phát triển của VIMC giai đoạn 2021-2030, VIMC hợp tác với MSC nghiên cứu đầu tư khu bến trung chuyển container quốc tế quy mô lớn tại huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh. Giai đoạn 1 của Dự án, xây dựng 1.000m bến chính, 450m bến sà lan và 38,5ha bãi hàng. Đây là dự án trọng điểm nhằm phát triển dịch vụ trung chuyển container quốc tế, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội ngành hàng hải.

VIMC Logistics nghiên cứu đầu tư xây dựng một trung tâm logistics (hệ thống kho lạnh) tại huyện Cần Giờ (nay là xã Thạnh An) với thông tin dự kiến như sau:

- Mục đích: hình thành một hệ thống kho lạnh tại huyện Cần Giờ nhằm đáp ứng nhu cầu lưu trữ, bảo quản các sản phẩm khai thác từ biển và các sản phẩm đông lạnh khác.

- Dự kiến địa điểm: xã Thạnh An - thành phố Hồ Chí Minh

- Dự kiến quy mô: tổng diện tích thực hiện Dự án 12.000m<sup>2</sup> gồm các hạng mục chính: nhà văn phòng điều hành khoảng 200m<sup>2</sup>; kho hàng 10.000m<sup>2</sup>; bãi 1.000m<sup>2</sup>; diện tích còn lại xây dựng các hạng mục phụ trợ.

- Nguồn vốn đầu tư: vốn tự có 40%; vốn vay và huy động khác 60%.

**3. Phương án sắp xếp VIMC Logistics**

Nhằm đảm bảo nguồn vốn triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển, huy động nguồn lực, tạo sự linh hoạt, chủ động cho doanh nghiệp, cải thiện hoạt động sản xuất kinh doanh, căn cứ phương án sắp xếp VIMC Logistics tại Đề án cơ cấu lại VIMC (giảm tỷ lệ sở hữu từ 56,72% xuống 36% vốn điều lệ), VIMC đề xuất phương án tăng vốn điều lệ để giảm tỷ lệ sở hữu của VIMC xuống 36% vốn điều lệ.

Dự kiến kế hoạch tăng vốn của VIMC Logistics:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>1</b>	<b>Vốn điều lệ hiện tại</b>	<b>142.121</b>	<b>100,0</b>
1.1	VIMC	80.616	56,72
1.2	Cổ đông khác	61.505	43,28
<b>2</b>	<b>Vốn điều lệ mới (dự kiến)</b>	<b>223.934</b>	<b>100,0</b>
2.1	VIMC	80.616	36,0
2.2	Cổ đông khác	143.318	74,0
<b>3</b>	<b>Vốn điều lệ tăng thêm (dự kiến) (3=2-1)</b>	<b>81.813</b>	

**II. Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam (Vinabridge)**

**1. Tình hình thực hiện thoái vốn theo Đề án cơ cấu lại VIMC**

Theo Đề án cơ cấu lại VIMC giai đoạn 2021 - 2025 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt, Vinabridge được sắp xếp theo hình thức thoái toàn bộ vốn.

Căn cứ Kế hoạch thoái vốn năm 2024 của VIMC đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua, VIMC đã triển khai các thủ tục thoái vốn tại Vinabridge: (i) thẩm định xác định giá trị phần vốn góp của VIMC tại Vinabridge; (ii) phê duyệt phương án thoái vốn của VIMC tại Vinabridge; (iii) thực hiện chào bán cho thành viên góp vốn còn lại của



Vinabridge, tuy nhiên, thành viên góp vốn từ chối không mua; (iv) thực hiện bán đấu giá phần vốn góp tại Vinabridge ra bên ngoài (tổ chức ngày 27/12/2024). Việc thực hiện thoái vốn tại Vinabridge không hoàn thành trong năm 2024 do không thu hút được các nhà đầu tư quan tâm.

**2. Định hướng và kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư**

**2.1. Định hướng kinh doanh**

- Nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm giữ khách hàng truyền thống và tìm kiếm khách hàng mới.
- Gia tăng doanh thu trong hai mảng dịch vụ chính là khai thác kho bãi và vận chuyển.
- Tìm kiếm cơ hội hợp tác với các công ty xuất nhập khẩu, các công ty liên doanh có nhu cầu logistics tại Hải Phòng.
- Kết hợp chặt chẽ với các cảng biển, hãng tàu trong hệ sinh thái của VIMC.
- Hợp tác với các công ty logistics trong hệ thống VIMC cũng như các công ty vận chuyển trong hiệp hội logistics Hải Phòng để gia tăng nguồn hàng vận chuyển.
- Tiết giảm và quản lý chi phí hiệu quả.
- Tìm kiếm các khách hàng vận chuyển để có thể kết hợp hai chiều xe vận chuyển.

**2.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2024	KH 2025	So sánh
1	Doanh thu	Triệu đồng	55.600	62.800	113%
2	Chi phí	Triệu đồng	55.470	61.750	111%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	130	1.050	807%
4	Tỷ suất LNST/VCSH	%	0,79	6,4	810%
5	Ebitda	Triệu đồng	1.850	2.375	128%

**2.3. Kế hoạch đầu tư**

Năm 2025, Công ty dự kiến thực hiện đầu tư các tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

- Đầu tư 03 moocs x 40”, tổng mức đầu tư: 1,08 tỷ đồng.
- Đầu tư phòng cháy chữa cháy tại Bãi container, tổng mức đầu tư: 0,2 tỷ đồng.
- Đầu tư 01 xe nâng hàng 45 tấn, tổng mức đầu tư: 10,5 tỷ đồng.

Tổng kế hoạch đầu tư năm 2025: 11,78 tỷ đồng.

**3. Kế hoạch sắp xếp, cơ cấu lại doanh nghiệp**

Hiện nay, sau giai đoạn thực hiện tái cơ cấu mạnh mẽ (năm 2023 - 2024), hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinabridge đã được cải thiện rõ rệt, sau nhiều năm liên tục thua lỗ (từ 2019), năm 2024, dự kiến Công ty đã có lãi (130 triệu đồng). Ngoài ra, Cơ quan Hải quan đã công nhận Bãi Vinabridge là địa điểm giám sát, kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung (từ tháng 6/2024) nên dự kiến, sản lượng sẽ tiếp tục tăng trưởng, hoạt động của Vinabridge sẽ từng bước ổn định. Kế hoạch năm 2025 dự kiến lãi 1,05 tỷ đồng. Nhằm

nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng dịch vụ kho bãi đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh, Vinabridge cần bổ sung nguồn vốn để thực hiện đầu tư mua sắm trang thiết bị (kế hoạch đầu tư năm 2025 là 11,78 tỷ đồng).

Vì vậy, nhằm huy động nguồn lực, tạo sự linh hoạt, chủ động cho doanh nghiệp, cải thiện hoạt động sản xuất kinh doanh, VIMC đề xuất điều chỉnh phương án sắp xếp Vinabridge từ thoái toàn bộ vốn sang thực hiện tăng vốn, giảm tỷ lệ sở hữu tại Vinabridge xuống dưới 51% vốn điều lệ trong năm 2025.

**III. Công ty cổ phần Vận tải container VIMC (VIMC Lines)**

**1. Phương án vốn điều lệ theo Đề án thành lập VIMC Lines**

Theo Phương án thành lập Công ty cổ phần Vận tải container VIMC kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HHVN ngày 02/02/2024 của Hội đồng quản trị VIMC, phương án vốn điều lệ của VIMC Lines như sau:

**1.1. Vốn điều lệ hiện tại khi thành lập**

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Vận tải container VIMC tại thời điểm thành lập: **1.015.000 triệu đồng**, trong đó:

Cổ đông	Giá trị vốn góp theo mệnh giá (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
VIMC	1.014.550	99,956
Cổ đông khác	450	0,044
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.015.000</b>	

**1.2. Kế hoạch tăng vốn điều lệ:**

Sau khi thành lập VIMC Lines, VIMC và các bên liên quan tiếp tục tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược tham gia góp vốn vào VIMC Lines. Khi đó, Công ty sẽ tăng vốn điều lệ, phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược và giảm tỷ lệ sở hữu vốn của VIMC tại VIMC Lines. Dự kiến thực hiện các thủ tục trong năm 2025, chính thức hoàn thành tăng vốn điều lệ năm 2026, kế hoạch cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch tăng VDL	
	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ lệ
Vốn góp của VIMC	1.014.550	51,00 %
Vốn góp của cổ đông khác	450	0,023 %
Vốn góp của nhà đầu tư chiến lược	974.314	48,977 %
<b>Vốn điều lệ</b>	<b>1.989.314</b>	<b>100 %</b>

Số vốn điều lệ tăng thêm khoảng 974,31 tỷ đồng, tương ứng với 48,977% vốn điều lệ, phát hành cho cổ đông chiến lược, nhằm huy động nguồn vốn phục vụ công tác đầu tư đội tàu container, đầu tư cơ sở hạ tầng, kho bãi, phương tiện... của VIMC Lines và các doanh nghiệp thành viên để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

**2. Định hướng và kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư**

**2.1. Định hướng kinh doanh**

**2.1.1. Về kinh doanh lĩnh vực vận tải biển:**

Tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ của thị phần vận chuyển container bằng tàu biển tuyến nội địa đối với một số mặt hàng trọng yếu như: hàng nông sản, hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng, ...

- Phát triển hoạt động khai thác, hợp tác với một số hãng tàu trong và ngoài nước trong hoạt động khai thác và đại lý tàu như: Công ty TNHH MTV vận tải Biển Đông; Hyundai Merchant Marine Co., Ltd; Gold Star Line Ltd; Zim, ... Ngoài ra, sẽ hợp tác với Vosco nếu việc hợp tác mang lại hiệu quả tốt.

- Phát triển dịch vụ Đại lý khai thác vận tải tàu container: Khai thác tuyến nội địa và các tuyến Nội Á: Cái Mép, Hong Kong, Singapore, Malaysia, Ấn Độ. Về dài hạn khi tạo dựng được bộ máy hoạt động ổn định và có thương hiệu

### **2.1.2. Về kinh doanh khai thác cảng biển, kho bãi**

Theo phương án góp vốn của VIMC tại VIMC Lines, Công ty cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ và Công ty cổ phần Phát triển Hàng hải là công ty con của VIMC Lines.

VIMC Lines không trực tiếp điều hành kinh doanh khai thác cảng, kho bãi nhưng sẽ quản trị về chiến lược tại cảng và doanh nghiệp dịch vụ có vốn góp, đồng thời hỗ trợ phát triển cảng, kho bãi và kết nối chuỗi dịch vụ theo chiến lược của VIMC. VIMC Lines sẽ định hướng để toàn bộ tàu container của Công ty khai thác và đối tác ghé các cảng VIMC thuộc VIMC nhằm tăng sản lượng hàng thông qua Cảng VIMC, đồng thời, phối hợp khai thác hệ thống kho bãi của Vimadeco tại Hải Phòng, Hà Nội, Hồ Chí Minh giúp các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả khai thác, tăng doanh thu và lợi nhuận.

### **2.1.3. Kinh doanh dịch vụ Logistics tích hợp**

Với lợi thế sở hữu các cảng biển, đội tàu, xe, ... VIMC Lines có thể cung cấp chuỗi dịch vụ logistics từ khâu nhận hàng, tổ chức đóng gói, lưu kho, thuê phương tiện vận tải, thủ tục hải quan, ... và giao hàng đến điểm cuối (thường là kho, nhà máy hoặc công trường) theo chỉ định của chủ hàng, được khách hàng lựa chọn.

Các dịch vụ chuỗi logistics của VIMC Lines gồm: Xếp dỡ hàng; Thông quan hàng hóa; Giao nhận hàng hóa nguyên container; Vận chuyển nội địa; Kiểm đếm; Lưu kho; Dịch vụ giao hàng tận nơi.

## **2.2. Kế hoạch đầu tư**

Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2025-2030 của VIMC Lines tại phương án như sau:

STT	Loại tàu/ container	Hình thức đầu tư	Thời điểm đầu tư	TMĐT (USD)	TMĐT (tr.đồng)
<b>I</b>	<b>Năm 2025</b>				
1	01 tàu container 1.000 - 2.200 TEU	Mua cũ/mua lại tàu đóng mới/đóng mới	2025	21.000.000	540.750
2	01 tàu 900 - 2.200 TEU	Mua cũ/mua lại tàu đóng mới/đóng mới	2025	19.000.000	489.250
3	1700-2200 TEU số 1	Đóng mới/mua lại tàu đóng mới/mua cũ	2025 -2028	Từ 32.000.000 đến 36.000.000	Từ 824.000 đến 927.000

STT	Loại tàu/ container	Hình thức đầu tư	Thời điểm đầu tư	TMĐT (USD)	TMĐT (tr.đồng)
4	1700-2200 TEU số 2	Đóng mới/mua lại tàu đóng mới/mua cũ	2025 -2028	Từ 32.000.000 đến 36.000.000	Từ 824.000 đến 927.000
5	500/20'MT và 500/40' MT		2025		71.887
6	500/20'MT và 500/40' MT		2025		86.880
7	Dự án mua cầu quay		2025		40.800
<b>II</b>	<b>Giai đoạn 2026-2030</b>				
1	1700-2200 TEU số 3	Đóng mới/mua lại tàu đóng mới/mua cũ	2027	Từ 32.000.000 đến 36.000.000	Từ 824.000 đến 927.000
2	1700-2200 TEU số 4	Đóng mới/mua lại tàu đóng mới/mua cũ	2027	Từ 32.000.000 đến 36.000.000	Từ 824.000 đến 927.000

Kế hoạch đầu tư năm 2025 của VIMC Lines bao gồm: 04 tàu container (đóng mới/ mua lại tàu đóng mới/ mua cũ), 02 lô vỏ container và đầu tư cầu quay với tổng kế hoạch đầu tư khoảng 2.877 tỷ đồng đến 3.083 tỷ đồng. Ngoài ra, trong giai đoạn 2026 - 2030, VIMC Lines tiếp tục đầu tư thêm 02 tàu container với kế hoạch đầu tư khoảng 1.648 tỷ đến 1.854 tỷ đồng.

### ***3. Phương án tăng vốn của VIMC Lines***

Nhằm đảm bảo nguồn vốn triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển của Công ty, căn cứ phương án sắp xếp VIMC Lines tại Phương án thành lập Công ty cổ phần Vận tải container VIMC (giảm tỷ lệ sở hữu từ 99,956% xuống 51% vốn điều lệ), VIMC đề xuất phương án tăng vốn điều lệ theo phương thức phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư để giảm tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty xuống 51% vốn điều lệ theo Đề án Thành lập VIMC Lines đã được phê duyệt.



**PHỤ LỤC 03:**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TĂNG VỐN CÔNG TY MẸ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP CÓ**  
**VỐN GÓP NĂM 2025**

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Dự án đầu tư	Giá trị góp vốn	Hình thức góp vốn	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Chuyển tiếp năm 2024</b>			
1	Đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Hàng hải VIMC - ARIES	2.700	Góp vốn bằng tiền	Giá trị góp vốn là 102.000 USD (tương đương 51% VDL của Liên doanh) theo Quyết định số 70/QĐ-HHVN ngày 08/5/2025. Số tiền góp vốn bằng VND tạm tính, giá trị góp vốn bằng VND quy đổi theo tỷ giá tại ngày góp vốn.
<b>II</b>	<b>Kế hoạch mới năm 2025</b>			
1	Công ty TNHH MTV VIMC Hậu Giang	x	Bằng công nợ, tài sản	Cùng với việc tiếp tục thực hiện tái cơ cấu VIMC Hậu Giang, VIMC nghiên cứu, xây dựng phương án tăng VDL cho VIMC Hậu Giang từ các nguồn tài sản, công nợ phải thu của VIMC hiện đang đầu tư cho VIMC Hậu Giang thuê lại... tại thời điểm phù hợp để VIMC Hậu Giang có nguồn lực thực hiện các dự án đầu tư, nâng cao năng lực khai thác, kinh doanh và lành mạnh tình hình tài chính của VIMC Hậu Giang, chuẩn bị cho phương án chuyển CTCP.
2	CTCP Vinalines Nha Trang	x	Chuyển nợ thành vốn góp	Chuyển nợ thành vốn góp của Tổng công ty tại Vinalines Nha Trang. Sẽ thực hiện thoái vốn sau khi đạt đại của Vinalines Nha Trang được xử lý.
3	CTCP Cảng Cần Thơ	x	Chuyển nợ thành vốn góp	Chuyển nợ thành vốn góp của Tổng công ty tại Cảng Cần Thơ và phát hành tăng vốn cho đối tác, giảm tỷ lệ sở hữu Tổng công ty xuống 65%.

STT	Dự án đầu tư	Giá trị góp vốn	Hình thức góp vốn	Ghi chú
4	Liên doanh thực hiện Dự án Cần Giờ	3.240.000	Góp vốn bằng tiền	Tổng công ty cùng với Cảng Sài Gòn liên danh với đối tác để tham gia đấu thầu, được lựa chọn là Nhà đầu tư Dự án Cần Giờ. Sau đó, các bên tham gia liên danh sẽ thành lập Công ty Liên doanh triển khai Dự án. Tỷ lệ sở hữu của phía Việt Nam (VIMC, Cảng Sài Gòn) là 51% VDL. Giá trị góp vốn của VIMC tạm tính theo tỷ lệ 36% vốn điều lệ tối thiểu của Liên doanh. Giá trị góp vốn, tỷ lệ góp vốn cụ thể của các bên tham gia Liên doanh sẽ được VIMC báo cáo tại Phương án thành lập Liên doanh.
5	Liên doanh thực hiện Dự án Liên Chiểu	x	Góp vốn bằng tiền	Tổng công ty tham gia đấu thầu, được lựa chọn là nhà đầu tư Dự án Liên Chiểu. Hoặc cùng với Cảng Đà Nẵng liên danh với đối tác tham gia đấu thầu để được lựa chọn là Nhà đầu tư Dự án Liên Chiểu. Sau đó, các bên tham gia liên danh sẽ thành lập Công ty Liên doanh triển khai Dự án. Tỷ lệ sở hữu của phía Việt Nam (VIMC, Cảng Đà Nẵng) là 51% VDL

*Ghi chú: Ngoài ra, hiện nay Tổng công ty đang làm việc với Công ty Hợp Thành để xử lý khoản thanh toán “Giá trị lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư” theo hợp đồng chuyển giao cổ phần Cảng Quy Nhơn với Công ty Hợp Thành, tạm tính giá trị khoảng 65 tỷ đồng. Khoản thanh toán trên sẽ được thực hiện sau khi 02 bên thống nhất giá trị lợi ích hợp pháp.*

**PHỤ LỤC 04.1**  
**KẾ HOẠCH SẮP XẾP CÁC DOANH NGHIỆP NĂM 2025**

TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ vốn VIMC nắm giữ hiện tại	Kế hoạch thoái vốn, sắp xếp DN		Ghi chú
			Hình thức sắp xếp	Tỷ lệ nắm giữ của VIMC sau khi sắp xếp	
<b>I</b>	<b>Sắp xếp đơn vị phụ thuộc</b>				
1	Công ty Nhân lực Hàng hải VIMC	HTPT	Giữ lại mô hình đơn vị HTPT để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, cung ứng thuyền viên theo chiến lược quản lý thuyền viên tập trung toàn VIMC.		Không thực hiện giải thể theo Đề án
<b>II</b>	<b>Thực hiện giải thể, phá sản doanh nghiệp</b>				
1	Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines Đông Đô	51%	Phá sản		Điều chỉnh Đề án
2	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	12,92%	Giải thể DN do quỹ đất bị thu hồi		

## **PHỤ LỤC 04.2**

### **KẾ HOẠCH SẮP XẾP CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC CỦA VIMC**

#### **I. Công ty Nhân lực Hàng hải VIMC**

##### ***1. Phương án sắp xếp Công ty Nhân lực Hàng hải VIMC***

Theo Đề án cơ cấu lại VIMC, Công ty nhân lực Hàng hải VIMC được sắp xếp theo hình thức chấm dứt hoạt động. Đến thời điểm hiện nay, đơn vị vẫn chưa chấm dứt hoạt động do đang xử lý các tồn tại từ giai đoạn trước.

Tuy nhiên, hiện nay, VIMC đang định hướng sẽ duy trì hoạt động của MMS theo mô hình đơn vị hạch toán phụ thuộc để thực hiện chức năng đào tạo phát triển đội ngũ thuyền viên, cung ứng thuyền viên cho các doanh nghiệp trong hệ thống VIMC và các đối tác.

Vì vậy, VIMC đề xuất điều chỉnh phương án sắp xếp đối với Công ty Nhân lực Hàng hải VIMC theo phương án: Giữ nguyên mô hình hoạt động là đơn vị hạch toán phụ thuộc của VIMC.

##### ***2. Sự cần thiết duy trì hoạt động Công ty Nhân lực Hàng hải VIMC***

Hiện, số lượng nhân sự thuyền viên của các đơn vị nhóm Vận tải biển của Tổng công ty như sau:

- Tổng số thuyền viên tại thời điểm tháng 30/11/2024 của Công ty Vận tải biển VIMC: 452 thuyền viên, trong đó: Sĩ quan 172 người, chiếm 38,05% tổng số thuyền viên; Chức danh khác 280 người, chiếm 61,95% tổng số thuyền viên.

- Tổng số thuyền viên của Công ty TNHH Vận tải Biển Đông đến thời điểm 30/11/2024: 103 thuyền viên, trong đó Sĩ quan: 43 người chiếm 41.7%; chức danh khác 60 người.

- Cơ cấu theo chức danh: Thủy thủ, thợ máy (77% có trình độ là sơ cấp, trung cấp; 23 % có trình độ cao đẳng và đại học). Sĩ quan vận hành (61% có trình độ cao đẳng; 39% có trình độ đại học). Sĩ quan quản lý (30% có trình độ cao đẳng; 70% có trình độ đại học).

Do vậy việc tiếp tục duy trì hoạt động của Công ty Nhân lực Hàng hải VIMC giúp thực hiện chức năng quản lý, đào tạo và cung cấp thuyền viên có chất lượng chuyên môn tốt, chuyên nghiệp, có năng lực tốt về ngoại ngữ và đạo đức nghề nghiệp cho các doanh nghiệp vận tải biển thuộc VIMC.

##### ***3. Định hướng kinh doanh***

Tiếp tục duy trì hoạt động của Công ty Nhân lực Hàng hải VIMC để thực hiện chức năng quản lý, đào tạo và cung cấp thuyền viên có chất lượng chuyên môn tốt, chuyên nghiệp, có năng lực tốt về ngoại ngữ và đạo đức nghề nghiệp cho các doanh nghiệp vận tải biển thuộc VIMC theo từng giai đoạn cụ thể, hướng tới mục tiêu liên kết với 1 doanh nghiệp vận tải biển của VIMC có chức năng cung ứng thuyền viên cho các chủ tàu nước ngoài đạt tiêu chuẩn. Kế hoạch dự kiến như sau:

- *Giai đoạn 1 (năm 2025):* Tổ chức quản lý, điều động thuyền viên cho Công ty Vận tải biển VIMC, Công ty cổ phần Vận tải container VIMC, Công ty TNHH Vận tải Biển Đông;

- *Giai đoạn 2 (từ năm 2027):* Mở rộng cung ứng thuyền viên cho các doanh nghiệp vận tải biển khác của VIMC có nhu cầu;



- *Giai đoạn 3 (từ năm 2028)*: Nghiên cứu triển khai hợp tác với doanh nghiệp vận tải biển thuộc VIMC có chức năng cung ứng thuyền viên cho các chủ tàu nước ngoài.

### **3. Kế hoạch triển khai**

#### **3.1. Phương án nhân sự**

Tuyển dụng Giám đốc Công ty Nhân lực Hàng hải VIMC có đủ năng lực chuyên môn, kinh nghiệm quản lý, đào tạo thuyền viên để xây dựng, triển khai Phương án tổ chức hoạt động theo mục tiêu, định hướng của VIMC;

Xem xét điều chuyển Bộ phận nhân sự quản lý thuyền viên của Công ty Vận tải biển VIMC về Công ty Nhân lực Hàng hải VIMC, tuyển dụng bổ sung cán bộ quản lý có đủ năng lực chuyên môn, kinh nghiệm để làm công tác quản lý thuyền viên tập trung;

#### **3.2. Phương án hoạt động**

Xây dựng phương án hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Nhân lực Hàng hải VIMC; kiện toàn bộ máy chức năng, nhân sự phòng chuyên môn, quy chế/quy định và quy trình nghiệp vụ;

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách, thỏa thuận hợp tác, hợp đồng, các thủ tục pháp lý liên quan đến cho thuê lại lao động;

- Điều chuyển đội ngũ thuyền viên của Công ty Vận tải biển VIMC, Công ty cổ phần Vận tải container VIMC, Công ty TNHH Vận tải Biển Đông về Công ty Nhân lực Hàng hải VIMC để tổ chức quản lý, bố trí, điều động đảm bảo theo quy định pháp luật và quy chế của VIMC.

#### **3.2. Địa điểm Văn phòng làm việc**

Trên cơ sở định hướng hoạt động, cơ cấu tổ chức và kế hoạch lao động như trên, để thuận tiện cho công tác quản lý, điều động, đào tạo huấn luyện thuyền viên, phương án bố trí văn phòng làm việc mới của Công ty Nhân lực Hàng hải VIMC tại Thành phố Hải Phòng (tại địa điểm làm việc Công ty Vận tải biển VIMC đang thuê của Chi nhánh VIMC tại Hải Phòng để quản lý thuyền viên - số 282 đường Đă Nẵng, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng) hoặc tại khu vực Hà Nội.

**PHỤ LỤC 05**  
**KẾ HOẠCH THANH LÝ TÀI SẢN CÔNG TY MẸ NĂM 2025**

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị khấu hao/dự phòng	Giá trị còn lại	Năm đưa vào sử dụng
<b>Văn phòng Tổng công ty</b>					
1	Xe ô tô 50z-4425	966	966	0	2007
2	Xe ô tô 29z-7495	1.443	1.443	0	2007
3	Xe ô tô 29z-7827	1.292	1.292	0	2007
4	Xe ô tô 29x-8479	1.443	1.443	0	2005
5	Xe ô tô 5 chỗ 30v-9010	1.292	1.292	0	2009
6	Moóc 29R-502.85 Rơ moóc - (VP HP)	311	311	0	2016
7	Xe 15C-030.28 Xe đầu kéo container nhận bàn giao từ VMSC	1.608	1.608	0	2011
8	Moóc15R-005.48 Xe rơ moóc nhận bàn giao từ VMSC	265	265	0	2011
9	Xe 15C-022.28 Xe đầu kéo container nhận bàn giao từ VMSC	1.608	1.608	0	2010
10	Moóc15R-005.45 Xe rơ moóc nhận bàn giao từ VMSC	265	265	0	2011
11	Xe 15C-022.36 Xe đầu kéo container nhận bàn giao từ VMSC	1.608	1.608	0	2010
12	Moóc 29R-502.82 Rơ moóc - VP HCM	311	311	0	2016
13	Xe 15C-022.25 Xe đầu kéo container nhận bàn giao từ VMSC	1.608	1.608	0	2010
14	Moóc 29R-500.40 Rơ moóc - (cũ VP Hải Phòng) (mới HCM)	314	314	0	2016
15	Xe 15C-022.29 Xe đầu kéo container nhận bàn giao từ VMSC	1.608	1.608	0	2010
16	Moóc 29R-500.72 Rơ moóc - VP Hải Phòng	314	314	0	2016
17	Moóc 29R-037.97 (số cũ 29R-1164) Rơ moóc - Chuyển vào HCM theo quyết định số 37 ngày 10/3/16	242	242	0	2008
18	Moóc 29R-034.57 (số cũ 0865) Rơ moóc - chuyển VPHCM theo QĐ54/QĐ-VCSC ngày 14/5/15	242	242	0	2008
19	Vỏ container	3.230	3.230	0	2010
20	Thanh lý 02 máy tàu	211.386	204.319		
	<b>Tổng</b>	<b>231.356</b>	<b>224.289</b>		

*(Ghi chú: kế hoạch thanh lý tài sản nêu trên chưa bao gồm kế hoạch thanh lý tàu biển)*

**PHỤ LỤC SỐ 06**  
**KẾ HOẠCH BÁN TÀU CÔNG TY MẸ NĂM 2025**

STT	Tên Doanh nghiệp	Tên tàu	Năm đóng	Loại tàu	DWT/TEU	Tình trạng đề xuất	Thời điểm bán	Lý do bán
1	VIMC Shipping	Tây Sơn 2	2005	Hàng rời	13.310	Thanh lý	Quý IV	Tàu già cũ
2		Tây Sơn 3	2005	Hàng rời	13.285		Quý IV	
3		Đại Phú	2006	Tàu dầu	50.530		Quý IV	
4		Đại An (đã bán 4/2025)	2007	Tàu dầu	50.530		Quý II	

**PHỤ LỤC SỐ 07**  
**KẾ HOẠCH BÁN TÀU CÁC ĐƠN VỊ VẬN TẢI BIỂN NĂM 2025**

STT	Tên Doanh nghiệp	Tên tàu	Năm đóng	Loại tàu	DWT/TEU	Nơi đóng	Tình trạng đề xuất	Thời điểm bán	Lý do bán
1	Vosco	Vosco Star	1999	Hàng rời	46.671	Nhật Bản	Thanh lý	Quý II-III	Già cũ
2		Fortune Freighter	1997	Container	560 TEU	Nhật Bản	Thanh lý	Quý III	Già cũ
3		Fortune Navigator	1998	Container	560 TEU	Nhật Bản	Thanh lý	Quý IV	Già cũ
4	Vinaship	Vinaship Pearl	1996	Hàng rời	24.241	Nhật	Thanh lý	Quý IV	Già cũ
		Vinaship Sea	1998	Hàng rời	27.841	Nhật	Thanh lý	Quý III-IV	Già cũ
5	Đông Đô	Đông Thịnh	1994	Hàng rời	7.088	Nhật	Thanh lý	Quý II	Già cũ, khai thác không hiệu quả
6		Đông An	1995	Hàng rời	7.091	Nhật	Thanh lý	Quý II	
7		Đông Hồ	1998	Container	561	Nhật	Thanh lý	Quý IV	
8	Vitranschart	VTC Glory	1998	Hàng rời	23.620	Nhật Bản	Thanh lý	Quý IV	Già cũ
9	Inlaco SG	Inlaco Bright	1999	Hàng rời	23.592	Philippines	Thanh lý	Quý IV	Già cũ
10	OSTC	Oriental Glory	1995	Hàng rời	68.591	Nhật	Thanh lý	Quý IV	Già cũ, khai thác không hiệu quả
11		Phương Đông 05	1994	Hàng rời	23.724	Nhật	Thanh lý	Quý III	
12		Phương Đông 06	1993	Hàng rời	22.201	Nhật	Thanh lý	Quý IV	



**PHỤ LỤC SỐ 08**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TÀU CÔNG TY MẸ VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN**  
**NĂM 2025**

STT	Tên Doanh nghiệp	Loại tàu	Số lượng	DWT/ TEU	Tổng mức đầu tư dự kiến	Hình thức đầu tư (Mua/Đóng mới/Thuê mua/...)	Thời điểm dự kiến đầu tư
1	Công ty mẹ (VIMC Shipping) hoặc CTCP được chuyển đổi từ VIMC Shipping	Hàng rời	01	64.000 DWT	32-35 triệu USD	Đóng mới	Quý 4/2025
2	VIMC Lines	Container	02	900 - 2200 TEU	Khoảng 19 - 21 triệu USD	Mua cũ//mua lại tàu đóng mới/đóng mới	Quý 4/2025
		Container	02	1700 – 2200 TEU	Khoảng 32 - 36 Triệu USD	Đóng mới/mua lại tàu đóng mới/mua cũ	Ngay sau khi hoàn thành tăng vốn chủ sở hữu
3	Vinaship	Hàng rời	01	30.000-35.000 DWT	13-15 triệu USD	Mua cũ	Quý 4/2025
		Hàng rời	01	30.000-35.000 DWT	13-15 triệu USD	Mua cũ	Quý 4/2025
4	VOSCO	Hàng rời	03	56.000 - 58.000 DWT	$\leq 23$ triệu USD/tàu	Mua cũ	- 01 tàu: T1/2025; - 01 tàu: Quý 1; - 01 tàu: Quý 2.
		Tàu dầu	04	Khoảng 50.000 DWT	$\leq 52$ triệu USD/tàu	Mua cũ hoặc đóng mới	- 01 tàu: Quý 3/2025; - 03 tàu: Theo phân kỳ hợp đồng đóng mới.
		Hàng rời	04	62.000 – 66.000 DWT	$\leq 40$ triệu USD/tàu	Mua cũ hoặc đóng mới	Theo phân kỳ hợp đồng đóng mới.
		Tàu container	02	Khoảng 1.000 Teus	$\leq 20$ triệu USD/tàu	Mua cũ	Quý 4/2025
5	Inlaco SG	Hàng rời	01	20.000-40.000 DWT	Khoảng 15 triệu USD	Mua cũ	Quý 4/2025

**TỜ TRÌNH**

**Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025  
của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025  
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC);

Thực hiện các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP, Ban kiểm soát Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP, như sau:

**1. Nguyên tắc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập**

- a. Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy, có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- b. Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban chứng khoán chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng, lựa chọn đơn vị kiểm toán hàng đầu trong danh sách các công ty kiểm toán đủ tiêu chuẩn do Bộ Tài chính công bố hàng năm để thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.
- c. Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.
- d. Cung cấp khoá học đào tạo về chuyên ngành tài chính kế toán miễn phí cho Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

**2. Danh sách các công ty kiểm toán đề xuất**

Ban kiểm soát Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP thống nhất với đề xuất của Ban Tài chính Kế toán VIMC tại Báo cáo lựa chọn đơn vị kiểm toán ngày 14/3/2025 về danh sách 03 công ty kiểm toán độc lập, Ban Kiểm soát đã tổng hợp bảng xếp hạng các Công ty Kiểm toán độc lập nằm trong danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025 được Bộ Tài chính phê duyệt tại Quyết định số 2730/QĐ-BTC ngày 15/11/2024, đảm bảo năng lực tốt nhất đáp ứng các yêu cầu về kiểm toán BCTC của VIMC. Đó là:

- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Tuy nhiên, để có kết quả lựa chọn được đơn vị kiểm toán độc lập đáp ứng tốt nhất với chi phí phù hợp dựa trên hồ sơ năng lực của từng đơn vị, trong quá trình triển khai mời thầu theo đúng quy định tại Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và các quy định liên quan của VIMC (nếu có), Ban Kiểm soát đưa ra các định hướng tiêu chí lựa chọn như sau:

- + Có doanh thu lớn từ soát xét và kiểm toán BCTC.
- + Có số lượng nhân viên và đội ngũ kiểm toán viên lớn, chuyên nghiệp có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm.
- + Có số lượng khách hàng lớn, ưu tiên cho các đơn vị kiểm toán đã kiểm toán tại các công ty có quy mô lớn và ngành nghề tương tự với VIMC.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung, tiêu chí lựa chọn và danh sách các công ty kiểm toán được nêu ở trên và uỷ quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý theo đúng quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT;
- Lưu: VT, TCKT, TKTH, VP, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**



**Lương Đình Minh**





**TỜ TRÌNH**  
**V/v bầu cử Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát**  
**Tổng công ty Hàng hải Việt Nam nhiệm kỳ 2025 – 2030**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 2411/QĐ-BTC ngày 08/7/2025 của Bộ Tài chính về việc cử lại Người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty Hàng hải Việt Nam và công văn số 10180/BTC-TCCB ngày 08/7/2025 của Bộ Tài chính về công tác cán bộ tại Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (VIMC) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung như sau:

**I. Nhân sự Hội đồng quản trị**

Thông qua việc bầu thành viên Hội đồng quản trị VIMC nhiệm kỳ 2025-2030:

1. Số lượng thành viên HĐQT cần bầu: 05 thành viên
2. Số lượng ứng viên: 05 người, bao gồm:
  - Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh, Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VIMC, đại diện 25,469% vốn điều lệ.
  - Ông Lê Anh Sơn, Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VIMC, đại diện 20% vốn điều lệ.
  - Ông Đỗ Hùng Dương, Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VIMC, đại diện 18% vốn điều lệ
  - Ông Nguyễn Đình Chung, Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VIMC, đại diện 18% vốn điều lệ
  - Ông Đỗ Tiến Đức, Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VIMC, đại diện 18% vốn điều lệ

**II. Nhân sự Ban Kiểm soát**

Thông qua việc bầu thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030:

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát cần bầu: 03 thành viên
2. Số lượng ứng viên: 03 người, bao gồm:
  - Ông Lương Đình Minh, Trưởng ban kiểm soát VIMC nhiệm kỳ 2020-2025
  - Bà Phan Thị Nhị Hà, Thành viên Ban kiểm soát VIMC nhiệm kỳ 2020-2025
  - Ông Phạm Cao Nhuệ, Thành viên Ban kiểm soát VIMC nhiệm kỳ 2020-2025

*(Thông tin tóm tắt của các ứng viên đính kèm Tờ trình)*

Trên đây là Tờ trình về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP, nhiệm kỳ 2025-2030. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Các nội dung khác liên quan đến bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030 được áp dụng theo quy chế bầu cử Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT Tcty;
- BKS Tcty;
- NPTQT Tcty ;
- Lưu: VT, TKTH, TCNS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Lê Anh Sơn**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2025*

**QUY CHẾ**  
**ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2025 – 2030**  
**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; và Luật
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;
- Căn cứ Nghị quyết số 124/NQ-HHVN ngày 11/4/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP về kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP,

**CHƯƠNG I:**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này áp dụng cho việc ứng cử, đề cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") tại cuộc họp Đại hội cổ đông lần đầu ("Đại hội") của Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam ("Tổng công ty").
2. Quy chế này quy định cụ thể tiêu chuẩn, quyền ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS của cổ đông, đại diện cổ đông cũng như thủ tục, điều

kiện, phương thức tiến hành biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS tại Đại hội.

3. Quy chế này áp dụng đối với tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần hoặc những người được ủy quyền tham dự Đại hội theo Danh sách cổ đông chốt ngày 06/5/2025.

## **Điều 2. Số lượng bầu thành viên HĐQT, BKS**

1. Số lượng bầu thành viên HĐQT là năm (05) người.
2. Số lượng bầu thành viên BKS là ba (03) người.

## **CHƯƠNG II:**

### **ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HĐQT, BKS**

## **Điều 3. Tiêu chuẩn ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS**

1. Tiêu chuẩn ứng cử, đề cử thành viên HĐQT (*Ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Nghị định 155/2020/NĐ-CP).*  
Thành viên HĐQT là người:
  - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;
  - c. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác;
  - d. Thành viên HĐQT không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và Người quản lý khác của Tổng công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý;
  - e. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.
2. Tiêu chuẩn ứng cử, đề cử thành viên BKS (*Ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (theo Khoản 1, Điều 169 của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14; Điều 286 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 50 Điều lệ Công ty).*  
Thành viên BKS là người:
  - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
  - b. Không được giữ các chức vụ quản lý của Tổng công ty;



- c. Không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;
- d. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty;
- e. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên kế toán của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- f. Có đạo đức nghề nghiệp;
- g. Có trình độ từ đại học trở lên;
- h. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm (đối với kiểm soát viên chuyên trách).
- i. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 4. Quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS**

##### **1. Quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT:**

- a. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền ứng cử hoặc gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT.
- b. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ Từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; Từ 20% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; Từ 35% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên; Từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 ứng cử viên; Từ 65% đến dưới 75% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu đề cử tối đa 05 ứng cử viên; Từ 75% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 06 ứng cử viên.
- c. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử, ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Đoàn Chủ tọa có thể tổ chức đề cử theo cơ chế được công bố và thông qua tại Đại hội trước khi tiến hành đề cử.

##### **2. Quyền đề cử, ứng cử thành viên BKS:**

- a. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền ứng cử hoặc gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên BKS.

- b. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; Từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; Từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên; Từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 ứng cử viên; Từ 50% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 05 ứng cử viên.
- c. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử, ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Đoàn Chủ tọa có thể tổ chức đề cử theo cơ chế được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty và phải được Đại hội cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

## **Điều 5. Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS**

1. Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS bao gồm:
  - a. Đơn ứng cử/ Đơn đề cử tham gia HĐQT, BKS (theo mẫu đính kèm tài liệu Đại hội).
  - b. Số lượng, tỉ lệ và loại cổ phần do cổ đông hoặc đại diện chủ sở hữu ứng cử/đề cử nắm giữ.
  - c. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai có dán ảnh.
  - d. Bản sao hợp lệ CMND/Thẻ Căn cước công dân/Hộ chiếu.
  - e. Bản sao hợp lệ Hộ khẩu thường trú (hoặc giấy đăng ký tạm trú dài hạn).
  - f. Bản sao hợp lệ các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.
  - g. Giấy ủy quyền và/hoặc Biên bản họp nhóm (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền ứng cử).
2. Các cổ đông đủ tiêu chuẩn ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS gửi hồ sơ ứng cử, đề cử cho Ban tổ chức Đại hội 10 ngày trước ngày tổ chức Đại hội theo địa chỉ: Hồ sơ xin gửi về Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CPCT trước 17 giờ 00 ngày .... tháng .... năm 2025 theo địa chỉ sau:

Văn phòng Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Ocean Park số 01 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84) 24 3577 0825/29      Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu cử

## **Điều 6. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu cử**

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được bổ sung vào tài liệu Đại hội và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT, BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT, BKS. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT, BKS được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
2. Trình độ học vấn;
3. Trình độ chuyên môn;
4. Quá trình công tác;
5. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT/BKS và các chức danh quản lý khác;
6. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT/BKS của Tổng công ty;
7. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);
8. Họ và tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
9. Các thông tin khác (nếu có).

## **CHƯƠNG III: BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT, BKS**

### **Điều 7. Phương thức bầu cử**

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

*Ví dụ:*

*Đại hội thống nhất sẽ bầu chọn năm (05) thành viên HĐQT trong tổng số sáu (06) ứng viên. Cổ đông A có 1.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết (gồm cổ phần sở hữu và cổ phần được ủy quyền).*

*Khi đó, tổng số quyền bầu cử của cổ đông A là:  $1.000.000 \times 5 = 5.000.000$  quyền bầu cử.*

*Cổ đông A có thể bầu theo một trong những phương thức sau:*

- (i) Dồn hết 5.000.000 quyền bầu cử của mình cho một (01) ứng cử viên HĐQT;*
- (ii) Chia đều 5.000.000 quyền bầu cử của mình cho sáu (06) ứng cử viên HĐQT*
- (iii) Phân bổ 5.000.000 quyền bầu cử của mình cho một số ứng cử viên HĐQT bằng cách chia nhỏ cho từng ứng viên theo những tỷ lệ khác nhau nhưng tổng số quyền bầu cử chia cho các ứng viên đó không vượt quá 5.000.000*

## **Điều 8. Phiếu bầu**

1. Phiếu bầu cần có các nội dung chủ yếu sau:
  - a. Ghi rõ số lượng phiếu biểu quyết mà mỗi cổ đông/đại diện cổ đông có quyền tham gia biểu quyết.
  - b. Phiếu bầu cần có đầy đủ họ và tên của các ứng viên.
  - c. Phiếu bầu cần có ô trống để cổ đông/đại diện cổ đông có thể điền số phiếu biểu quyết dành cho từng ứng viên.
  - d. Nội dung hướng dẫn cách thức điền vào Phiếu bầu.
2. Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu bầu:
  - a. Không theo mẫu quy định, không có dấu treo của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
  - b. Không có đầy đủ chữ ký, họ tên của cổ đông/ đại diện cổ đông;
  - c. Phiếu bị gạch, xóa, sửa chữa;
  - d. Phiếu rách, không còn nguyên vẹn;
  - e. Phiếu ghi thêm nội dung, thông tin khác trừ những nội dung theo yêu cầu của Đoàn Chủ tọa;
  - f. Phiếu có tổng số quyền bầu cử của cổ đông cho các ứng viên vượt quá tổng số quyền bầu cử ghi trên phiếu của cổ đông đó.
3. Sau khi hoàn tất các nội dung của Phiếu bầu, cổ đông/đại diện cổ đông thực hiện bỏ phiếu vào hòm phiếu theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tọa hoặc Ban Kiểm phiếu.

## **Điều 9. Nguyên tắc kiểm phiếu**

1. Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
2. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của đại diện các cổ đông.
1. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc BKS được xác định theo tổng số phiếu bầu (hợp lệ) tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số



phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên như quy định tại Điều 2 Quy chế này.

2. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho một vị trí cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tổ chức bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau đó.

#### **Điều 10. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử**

3. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc BKS được xác định theo tổng số phiếu bầu (hợp lệ) tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên như quy định tại Điều 2 Quy chế này.
4. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho một vị trí cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tổ chức bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau đó.

#### **Điều 11. Biên bản kiểm phiếu**

1. Ngay sau khi kiểm phiếu, Trưởng Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu có các nội dung chủ yếu sau:
  - a. Thời gian, địa điểm kiểm phiếu.
  - b. Thành phần Ban Kiểm phiếu.
  - c. Mục đích, nội dung bỏ phiếu.
  - d. Tổng số cổ đông có mặt và đại diện được ủy quyền bầu cử tại Đại hội.
  - e. Tổng số phiếu biểu quyết/tỉ lệ tham gia bầu cử, trong đó nêu rõ số phiếu biểu quyết/tỉ lệ phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết/tỉ lệ phiếu biểu quyết không hợp lệ.
  - f. Chữ ký của tất cả các thành viên trong Ban Kiểm phiếu.
  - g. Danh sách cổ đông tham gia bầu cử (*Phụ lục đính kèm Biên bản*).
2. Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử được xem xét ngay tại Đại hội.
3. Biên bản kiểm phiếu được Trưởng Ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

### **CHƯƠNG IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 12. Điều khoản thi hành**

1. Quy chế này gồm 4 chương, 12 điều, có hiệu lực ngay tại thời điểm được Đại hội cổ đông lần đầu của Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thông qua.

2. Chủ tọa Đại hội chịu trách nhiệm điều hành việc ứng cử, đề cử, bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam tại Đại hội theo các điều khoản của Quy chế này.
3. Các cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỌA**



**Lê Anh Sơn**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2025

**BIÊN BẢN KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT  
CÁC NỘI DUNG TRÌNH TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2025 CỦA TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

Hôm nay, vào lúc 10h06 ngày 09 tháng 7 năm 2025, tại Long VI Palace, số 03 Đào Duy Anh, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (Đại hội) đã tiến hành biểu quyết thông qua một số nội dung trình tại Đại hội, cụ thể như sau:

**I. Thành phần Ban Kiểm phiếu:**

1. Bà Vũ Thị Diệp - Trưởng Ban
2. Bà Kiều Việt Hà - Thành viên
3. Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc - Thành viên

**II. Kết quả biểu quyết:**

Tổng số cổ đông tham gia biểu quyết là 22 cổ đông, tương đương với 1.194.343.604 cổ phần. Sau khi tiến hành biểu quyết, kết quả biểu quyết như sau:

**1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị ("HĐQT") về Kết quả hoạt động năm 2024, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2025 - 2030, Kế hoạch hoạt động năm 2025**

- Tán thành: 1.194.343.604 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**2. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát ("BKS") về thẩm định Báo cáo tài chính, kết quả kinh doanh và kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc VIMC năm 2024**

- Tán thành: 1.194.343.604 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.





**3. Thông qua Báo cáo tự đánh giá Kết quả thực hiện nhiệm vụ của BKS và Kiểm soát viên năm 2024, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2025 - 2030, Kế hoạch hoạt động năm 2025**

- Tán thành: 1.194.343.604 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán**

- Tán thành: 1.194.343.604 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024**

- Tán thành: 1.194.343.604 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**6. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025 của VIMC**

- Tán thành: 1.194.343.604 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**7. Thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 của HĐQT, BKS; Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của HĐQT, BKS**

- Tán thành: 1.194.343.604 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.



- Không có ý kiến: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**8. Thông qua Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của VIMC**

- Tán thành: 1.194.343.604 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**9. Thông qua việc đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của VIMC**

- Tán thành: 1.194.343.604 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

*(Danh sách chi tiết kết quả biểu quyết của cổ đông được đính kèm theo Biên bản này).*

Biên bản Kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty hàng hải Việt Nam - CTCP được lập vào lúc 10h30 ngày 09/7/2025 và được tất cả các thành viên Ban Kiểm phiếu thống nhất thông qua.

**THÀNH VIÊN  
BAN KIỂM PHIẾU**

**Kiều Việt Hà**

**Nguyễn Thị Minh Ngọc**

**TRƯỞNG BAN  
BAN KIỂM PHIẾU**

**Vũ Thị Diệp**





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2025

**BIÊN BẢN KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU  
BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT  
TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

Hôm nay, vào lúc 10h18 ngày 09/7/2025, tại Long Vĩ Palace, số 03 Đào Duy Anh, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (Đại hội) đã tiến hành bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), thành viên Ban Kiểm soát (BKS), cụ thể như sau:

**I. Thành phần Ban Kiểm phiếu:**

1. Bà Vũ Thị Diệp - Trưởng Ban
2. Bà Kiều Việt Hà - Thành viên
3. Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc - Thành viên

**II. Kết quả bầu cử:**

**1. Bầu cử Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025 - 2030**

Tổng số cổ đông tham gia bầu cử là 24 cổ đông, tương đương với 1.194.847.104 cổ phần. Sau khi tiến hành bầu cử, kết quả bầu cử như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ phiếu bầu (%)
1	Ông LÊ ANH SƠN	1.194.847.304	100,00
2	Ông NGUYỄN CẢNH TÌNH	1.194.847.304	100,00
3	Ông NGUYỄN ĐÌNH CHUNG	1.194.847.204	100,00
4	Ông ĐỖ HÙNG DƯƠNG	1.194.846.854	99,99
5	Ông ĐỖ TIẾN ĐỨC	1.194.846.854	99,99

**2. Bầu cử Thành viên BKS nhiệm kỳ 2025 – 2030**

Tổng số cổ đông tham gia bầu cử là 20 cổ đông, tương đương với 1.194.837.704 cổ phần. Sau khi tiến hành bầu cử, kết quả bầu cử như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ phiếu bầu (%)
1	Ông LƯƠNG ĐÌNH MINH	1.194.839.004	100,00
2	Bà PHAN THỊ NHỊ HÀ	1.194.837.304	99,99
3	Ông PHẠM CAO NHUỆ	1.194.836.804	99,99

(Danh sách chi tiết kết quả bầu cử của cổ đông được đính kèm theo Biên bản này).

Biên bản Kết quả kiểm phiếu bầu cử thành viên HĐQT, BKS tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty hàng hải Việt Nam - CTCP được lập vào lúc 10h30 ngày 09/7/2025 và được tất cả các thành viên Ban Kiểm phiếu thống nhất thông qua.

**THÀNH VIÊN  
BAN KIỂM PHIẾU**



**Kiều Việt Hà**



**Nguyễn Thị Minh Ngọc**

**TRƯỞNG BAN  
BAN KIỂM PHIẾU**



**Vũ Thị Diệp**





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2025*

## **BIÊN BẢN**

### **CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 CỦA TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

Hôm nay, vào hồi 08h30 ngày 09/7/2025 tại phòng họp tầng 2, Long Vĩ Palace, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (Đại hội) theo hình thức họp trực tiếp, bỏ phiếu biểu quyết điện tử.

#### **A. THÀNH PHẦN THAM DỰ**

1. Các cổ đông theo danh sách cổ đông của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC) chốt tại thời điểm ngày 06/5/2025.
2. Các thành viên Hội đồng quản trị VIMC (HĐQT); các thành viên Ban Kiểm soát VIMC (BKS); Ban Điều hành VIMC; Phó Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.
3. Lãnh đạo đại biểu cổ đông nhà nước - Bộ Tài chính.
4. Các khách mời của VIMC.
5. Đại diện các cơ quan thông tấn báo chí.

#### **B. KHAI MẠC ĐẠI HỘI, BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG, THÔNG QUA QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**

##### **1. Khai mạc Đại hội**

Bà Chu Diệu Linh – Trưởng Ban Nghiệp vụ Công đoàn Tổng công ty tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và khai mạc Đại hội.

##### **2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông**

Đại diện Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông lập lúc 08h30 ngày 09/7/2025, cụ thể như sau:

- Tổng số cổ đông của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP chốt tại thời điểm ngày 06/5/2025 là 964 cổ đông, đại diện cho 1.200.588.000 cổ phần.
- Tổng số cổ đông tham dự Đại hội (bao gồm cổ đông tham dự và đại diện cổ đông được ủy quyền tham dự) là 23 cổ đông, đại diện cho 1.194.336.704 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 99,48% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.



Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VIMC, Đại hội với số lượng, thành phần cổ đông tham dự như trên là hợp lệ, đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

### **3. Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội**

Bà Chu Diệu Linh - Trưởng Ban Nghiệp vụ Công đoàn Tổng công ty trình bày trước Đại hội về dự thảo Quy chế tổ chức Đại hội, hướng dẫn sử dụng phần mềm biểu quyết điện tử tại Đại hội, 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội thống nhất thông qua Quy chế tổ chức Đại hội.

## **C. GIỚI THIỆU ĐOÀN CHỦ TỌA, BAN THƯ KÝ VÀ THÔNG QUA DANH SÁCH BAN KIỂM PHIẾU, CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI**

### **1. Giới thiệu Đoàn Chủ tọa**

Ban Tổ chức Đại hội giới thiệu Đoàn Chủ tọa Đại hội bao gồm:

- Ông Lê Anh Sơn - Chủ tịch HĐQT VIMC - Chủ tọa Đại hội
- Ông Nguyễn Cảnh Tinh - Thành viên HĐQT, TGD VIMC
- Ông Đỗ Hùng Dương - Thành viên HĐQT VIMC
- Ông Nguyễn Đình Chung - Thành viên HĐQT VIMC
- Ông Đỗ Tiến Đức - Thành viên HĐQT VIMC

### **2. Giới thiệu Đoàn Thư ký**

Chủ tọa Đại hội giới thiệu Đoàn Thư ký bao gồm:

- Bà Nguyễn Thị Hà Trang - Chuyên viên Ban TK-TH, Trưởng Đoàn Thư ký
- Bà Bùi Thu Trang - Chuyên viên Ban Đầu tư, Thành viên

### **3. Thông qua danh sách Ban Kiểm phiếu**

Đại hội giới thiệu danh sách nhân sự dự kiến của Ban Kiểm phiếu gồm 03 người, 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã thống nhất thông qua danh sách Ban Kiểm phiếu, bao gồm:

- Bà Vũ Thị Diệp - Phó Trưởng Ban TK-TH, Trưởng Ban Kiểm phiếu
- Bà Kiều Việt Hà - Chuyên viên Ban PC&QTRR, Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc - Chuyên viên Ban TK-TH, Thành viên

### **4. Thông qua Chương trình Đại hội**

Sau khi nghe giới thiệu Chương trình Đại hội, Đại hội đã tiến hành biểu quyết với 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội thống nhất thông qua Chương trình Đại hội.

## **D. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI**

### **1. Báo cáo của HĐQT về Kết quả hoạt động năm 2024, nhiệm kỳ 2020-2025 và Phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2025-2030, Kế hoạch hoạt động năm 2025**

Ông Đỗ Hùng Dương - Thành viên HĐQT VIMC trình bày trước Đại hội Báo cáo của HĐQT về Kết quả hoạt động năm 2024, nhiệm kỳ 2020-2025 và Phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2025-2030, Kế hoạch hoạt động năm 2025 của HĐQT VIMC.

### **2. Báo cáo của BKS về kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát HĐQT và Tổng giám đốc VIMC năm 2024**

Ông Lương Đình Minh - Trưởng Ban Kiểm soát VIMC trình bày trước Đại hội Báo cáo của BKS về Kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của VIMC, giám sát HĐQT và Tổng giám đốc năm 2024.

### **3. Báo cáo tự đánh giá Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên và BKS năm 2024, Phương hướng hoạt động năm 2025**

Ông Lương Đình Minh - Trưởng Ban Kiểm soát VIMC trình bày trước Đại hội Báo cáo của BKS tự đánh giá Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên và BKS năm 2024, Phương hướng hoạt động năm 2025.

### **4. Trình Đại hội Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán**

Ông Lê Duy Dương - Trưởng Ban Tài chính Kế toán VIMC trình bày trước Đại hội Tờ trình về Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

Một số chỉ tiêu chính theo Báo cáo tài chính năm 2024 như sau:

*Đơn vị tính: Đồng*

<b>A</b>	<b>Bảng Cân đối kế toán</b>	<b>Tại 31/12/2024</b>	<b>Tại 31/12/2023</b>
<b>I</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>14.412.914.827.217</b>	<b>13.777.616.310.724</b>
1	Tài sản ngắn hạn	2.222.671.378.674	2.511.356.461.711
2	Tài sản dài hạn	12.190.243.448.543	11.266.259.849.013
<b>II</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>14.412.914.827.217</b>	<b>13.777.616.310.724</b>
1	Nợ phải trả	1.011.422.551.457	1.631.485.332.118
2	Vốn chủ sở hữu	13.401.492.275.760	12.146.130.978.606

<b>B</b>	<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	192.885.296.483	87.655.450.723
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	393.406.540.554	316.318.324.070



<b>B</b>	<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.353.536.982.178	357.283.201.651
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.353.536.982.178	357.283.201.651

<b>C</b>	<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
1	Lợi nhuận trước thuế	1.353.536.982.178	357.283.201.651
2	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	205.778.519.391	2.929.683.033
4	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(97.957.522.738)	392.917.304.702
5	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(286.998.125.997)	(66.812.514.027)
6	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(179.177.129.344)	329.034.473.708
7	Tiền và tương đương tiền đầu năm	480.875.972.938	149.475.735.653
8	Tiền và tương đương tiền cuối năm	322.930.807.932	480.875.972.938

Trường hợp cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền có sự điều chỉnh về các chỉ tiêu có liên quan đến kết quả sản xuất, kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2024, HĐQT VIMC chỉ đạo VIMC điều chỉnh các chỉ tiêu để phù hợp theo quy định của pháp luật.

#### **5. Trình Đại hội Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024**

Ông Lê Duy Dương - Trưởng Ban Tài chính Kế toán VIMC trình bày trước Đại hội về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 của VIMC.

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024, các quy định hiện hành và số dư các quỹ hiện tại của VIMC, HĐQT VIMC trình Đại hội phê duyệt Phương án phân phối, trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2024 như sau:

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 (VND)</b>	<b>Tỷ lệ/ LNST (%)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Lợi nhuận trước thuế	1.353.536.982.178		
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024	1.353.536.982.178		
	Trong đó:			

STT	Nội dung	Phương án phân phối lợi nhuận	Tỷ lệ/ LNST	Ghi chú
	Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm	27.062.031.481		Theo TM BCTC riêng trang 42
	Thu nhập từ lãi vay được xóa	377.743.630.417		Theo TM BCTC riêng trang 43
	Thu nhập từ đánh giá lại tài sản để góp vốn	468.537.405.790		Theo TM BCTC riêng trang 43
<b>3</b>	<b>Tổng lợi nhuận sau thuế tạm phân phối</b>	<b>59.418.125.000</b>		
3.1	Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	57.810.750.000	4,27	Trích 3 tháng tiền lương bình quân của Người lao động và không vượt theo quy định tại khoản 1 Điều 8 NĐ số 53 (VIMC được trích tối đa 3 tháng tiền lương BQ của NLD và 20% lợi nhuận vượt kế hoạch)
	Quỹ Khen thưởng	28.905.375.000		Phân bổ 50% giá trị vào quỹ KT
	Quỹ Phúc lợi	28.905.375.000		Phân bổ 50% giá trị vào quỹ PL
3.2	Trích quỹ thưởng người quản lý	1.607.375.000	0,12	Trích tối đa 1,5 tháng tiền lương bình quân của Người quản lý (Khoản 2 Điều 8 NĐ 53)
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ (KTPL, thưởng NQL) (4)=(2)-(3)</b>	<b>1.294.118.857.178</b>		

Đối với lợi nhuận còn lại của năm 2024 là 1.294.118.857.178 đồng, chưa thực hiện trích quỹ đầu tư phát triển và chưa chia cổ tức.

#### **6. Trình Đại hội Thông qua việc đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của VIMC**

Ông Đỗ Tiến Đức - Thành viên HĐQT VIMC trình bày trước Đại hội Tờ trình về việc đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của VIMC.

Người đại diện theo pháp luật của VIMC sau khi thay đổi:

- Số lượng người đại diện theo pháp luật: 02 người

- Chức danh của 02 người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc.



## **7. Trình Đại hội về Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024; Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của HĐQT, BKS**

Ông Nguyễn Đình Chung - Thành viên HĐQT trình bày trước Đại hội Tờ trình về Quyết toán Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024; Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm của HĐQT, BKS.

### ***Quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS thực hiện năm 2024:***

HĐQT gồm 04 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và 01 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc). BKS gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Tổng quỹ tiền lương (không bao gồm Tổng giám đốc): 8.021,5 triệu đồng; tiền lương bình quân: 95,5 triệu đồng/người/tháng. Trong đó:

+ Quỹ tiền lương HĐQT: 5.269,5 triệu đồng.

+ Quỹ tiền lương BKS: 2.752,0 triệu đồng.

- Quỹ thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 235,44 triệu đồng/năm.

- Thực hiện phân phối theo Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý, BKS VIMC.

### ***Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của HĐQT, BKS:***

HĐQT gồm 04 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và 01 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc). BKS gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Tổng quỹ tiền lương HĐQT, BKS (không bao gồm Tổng giám đốc): 7.849 triệu đồng; tiền lương bình quân: 93,44 triệu đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 242,2 triệu đồng.

Thực hiện phân phối theo Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý, BKS VIMC.

## **8. Trình Đại hội Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025 của VIMC**

Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc VIMC trình bày trước Đại hội Tờ trình về Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025 của VIMC.

### ***Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:***

Kết quả hợp nhất:

- Sản lượng hàng hóa thông qua cảng đạt 145,3 triệu tấn, bằng 127% so với năm 2023 và bằng 117% so với kế hoạch năm 2024.

- Sản lượng vận tải biển đạt 19,4 triệu tấn, bằng 94% so với năm 2023 và bằng 122% so với kế hoạch năm 2024.

- Doanh thu hợp nhất đạt 19.375 tỷ đồng, bằng 139% so với năm 2023 và bằng 144% so với kế hoạch năm 2024.

- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 3.153 tỷ đồng, bằng 149% so với năm 2023 và bằng 115% so với kế hoạch năm 2024.

**Kết quả Công ty mẹ:**

- Sản lượng vận tải biển đạt 3,8 triệu tấn, bằng 55% so với năm 2023 và bằng 100% so với kế hoạch năm 2024.

- Doanh thu đạt 3.157 tỷ đồng, bằng 153% so với năm 2023 và bằng 131% so với kế hoạch năm 2024.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 1.353 tỷ đồng, bằng 379% so với năm 2023 và bằng 145% so với kế hoạch năm 2024.

***Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025:***

*Kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty mẹ:*

- Sản lượng vận tải biển: 3,2 triệu tấn.

- Doanh thu: 3.849 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 409 tỷ đồng.

*Kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất VIMC:*

- Sản lượng vận tải biển: 21,1 triệu tấn.

- Sản lượng cảng biển: 158,3 triệu tấn.

- Doanh thu: 20.793 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 3.076 tỷ đồng.

*Kế hoạch đầu tư Công ty mẹ:*

- Kế hoạch đầu tư năm 2025 của Công ty mẹ là 194,6 tỷ đồng, trong đó:

+ Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp từ năm 2024 sang năm 2025 là: 162,7 tỷ đồng.

+ Kế hoạch đầu tư mới năm 2025 là: 31,9 tỷ đồng.

- Kế hoạch sửa chữa, cải tạo cơ sở hạ tầng, thiết bị năm 2025 là: 31,9 tỷ đồng.

*Kế hoạch tăng vốn, góp vốn Công ty mẹ:*

Tổng kế hoạch giá trị đầu tư vốn: 3.242,7 tỷ đồng (chưa bao gồm khoản thanh toán “Giá trị lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư” theo hợp đồng chuyển giao cổ phần Cảng Quy Nhơn với Công ty Hợp Thành khoảng 65 tỷ đồng), trong đó:

- Chuyển tiếp từ năm 2024: Góp vốn thành lập Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Hàng hải VIMC - ARIES.

- Dự án đầu tư vốn mới: Góp vốn vào liên doanh triển khai Dự án ĐTXD Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ, liên doanh triển khai Dự án Đầu tư xây dựng tổng thể Bến cảng container Liên Chiểu sau khi được cấp có thẩm quyền lựa chọn theo quy định.



*Kế hoạch giảm tỷ lệ sở hữu, thoái vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp:*

- Tăng vốn điều lệ, giảm tỷ lệ sở hữu của VIMC tại 04 doanh nghiệp.
- Thực hiện thoái vốn/giảm vốn của VIMC tại 06 doanh nghiệp.

#### **9. Trình Đại hội về Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của VIMC**

Bà Phan Thị Nhị Hà - Thành viên BKS VIMC trình bày trước Đại hội Tờ trình về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của VIMC.

Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy, có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao và nhiều kinh nghiệm.

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban chứng khoán chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng, lựa chọn đơn vị kiểm toán hàng đầu trong danh sách các công ty kiểm toán đủ tiêu chuẩn do Bộ Tài chính công bố hàng năm để thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2025 của VIMC.

- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán của VIMC.

- Cung cấp khoá học đào tạo về chuyên ngành tài chính kế toán miễn phí cho VIMC.

Danh sách các công ty kiểm toán đề xuất:

- Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho HĐQT VIMC quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của VIMC đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý theo đúng quy định của pháp luật.

#### **10. Thảo luận, đóng góp ý kiến đối với nội dung các Báo cáo, Tờ trình đã trình bày nêu trên**

Ông Lê Anh Sơn - Chủ tịch HĐQT VIMC đề nghị các cổ đông thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các Báo cáo, Tờ trình đã trình bày nêu trên về các nội dung liên quan đến Kết quả hoạt động của HĐQT, BKS năm 2024, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2025 - 2030, kế hoạch hoạt động năm 2025; Báo cáo tài chính năm 2024; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025 của VIMC; Quỹ tiền lương, thù lao năm 2024 của HĐQT, BKS; Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của HĐQT, BKS; Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025; Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của VIMC.



### ***Ý kiến của các cổ đông:***

- Bà Phạm Thị Thu Trang được ủy quyền bởi cổ đông Nguyễn Thị Vui đánh giá cao và ghi nhận sự nỗ lực và cố gắng của HĐQT, Ban Điều hành trong thời gian qua và mong muốn VIMC đạt tăng trưởng trong năm 2025 ở mức cao là 8%.

- Ông Lê Anh Sơn báo cáo Đại hội và cổ đông về kết quả đạt được là thành quả không chỉ nhờ sự cố gắng, nỗ lực của Ban Lãnh đạo VIMC mà của cả tập thể. Ông Sơn giải đáp mức tăng trưởng của VIMC còn phụ thuộc vào thị trường, ngành hàng hải với đặc thù mang tính quốc tế cao, phải đối mặt với nhiều biến động khó lường, đặc biệt trong giai đoạn 06 tháng cuối năm 2025. Ông Sơn khẳng định HĐQT luôn kỳ vọng VIMC tăng trưởng mỗi ngày, dự kiến đạt kế hoạch tăng trưởng như Chính phủ đề ra và tập thể VIMC luôn nỗ lực để đảm bảo lợi ích cho cổ đông.

### **11. Biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo/trình tại Đại hội**

Chủ tọa Đại hội đề nghị các cổ đông biểu quyết thông qua các nội dung trình tại Đại hội.

Kết quả biểu quyết như sau:

***(i) Thông qua Báo cáo của HĐQT về Kết quả hoạt động năm 2024, nhiệm kỳ 2020-2025 và Phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2025-2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2025***

- Tán thành: 1.194.343.604 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

***(ii) Thông qua Báo cáo của BKS về kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của VIMC, giám sát HĐQT và TGD năm 2024***

- Tán thành: 1.194.343.604 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

***(iii) Thông qua Báo cáo của BKS tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên và BKS năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025***



- Tán thành: 1.194.343.604 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

***(iv) Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán***

- Tán thành: 1.194.343.604 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

***(v) Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024***

- Tán thành: 1.194.343.604 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

***(vi) Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025 của VIMC***

- Tán thành: 1.194.343.604 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

***(vii) Thông qua Quỹ tiền lương, thù lao năm 2024; Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của HĐQT, BKS***

- Tán thành: 1.194.343.604 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**(viii) Thông qua Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2054 của VIMC**

- Tán thành: 1.194.343.604 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**(xi) Thông qua việc đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của VIMC**

- Tán thành: 1.194.343.604 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không tán thành: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Không có ý kiến: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**12. Bầu thành viên HĐQT, BKS**

**12.1 Thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS**

Bà Chu Diệu Linh - Trưởng Ban Nghiệp vụ Công đoàn Tổng công ty trình bày trước Đại hội nội dung dự thảo Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS.

Đại hội đã tiến hành biểu quyết với 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội thống nhất thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS.

**12.2 Giới thiệu ứng viên**

Bà Chu Diệu Linh giới thiệu các ứng viên tham gia ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2025-2030 như sau:

Danh sách ứng viên thành viên HĐQT	Danh sách ứng viên thành viên BKS
Ông Nguyễn Cảnh Tinh	Ông Lương Đình Minh
Ông Lê Anh Sơn	Bà Phan Thị Nhị Hà
Ông Đỗ Hùng Dương	Ông Phạm Cao Nhuệ
Ông Nguyễn Đình Chung	
Ông Đỗ Tiến Đức	

Không có cổ đông nào ứng cử, đề cử thêm.

Đại hội đã tiến hành biểu quyết với 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội thống nhất thông qua danh sách ứng cử thành viên HĐQT, BKS.



### **12.3 Bầu cử thành viên HĐQT, BKS**

Bà Chu Diệu Linh hướng dẫn cổ đông, đại diện cổ đông thực hiện bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS.

### **13. Kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025-2030**

#### **13.1 Bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030**

Tổng số cổ đông tham gia bầu cử là 24 cổ đông, tương đương với 1.194.847.104 cổ phần.

Kết quả bầu thành viên HĐQT như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ phiếu bầu (%)
1	Ông LÊ ANH SƠN	1.194.847.304	100,00
2	Ông NGUYỄN CẢNH TÌNH	1.194.847.304	100,00
3	Ông NGUYỄN ĐÌNH CHUNG	1.194.847.204	100,00
4	Ông ĐỖ HÙNG DƯƠNG	1.194.846.854	99,99
5	Ông ĐỖ TIẾN ĐỨC	1.194.846.854	99,99

Đại hội đã nhất trí với kết quả bầu cử do Ban Kiểm phiếu công bố.

Căn cứ kết quả bầu cử và các quy định tại Quy chế Bầu cử, các ông có tên trên đã trúng cử thành viên HĐQT của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP nhiệm kỳ 2025-2030.

#### **13.2 Bầu cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2025-2030**

Tổng số cổ đông tham gia bầu cử là 20 cổ đông, tương đương với 1.194.837.704 cổ phần.

Kết quả bầu thành viên Ban Kiểm soát như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ phiếu bầu (%)
1	Ông LƯƠNG ĐÌNH MINH	1.194.839.004	100,00
2	Bà PHAN THỊ NHỊ HÀ	1.194.837.304	99,99
3	Ông PHẠM CAO NHUỆ	1.194.836.804	99,99

Đại hội đã nhất trí với kết quả bầu cử do Ban Kiểm phiếu công bố.

Căn cứ kết quả bầu cử và các quy định tại Quy chế Bầu cử, các ông, bà có tên trên đã trúng cử thành viên BKS của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP nhiệm kỳ 2025-2030.

**13. Ông Hồ Công Trung - Phó Cục Trưởng Cục PTDNNN, Bộ Tài chính phát biểu chỉ đạo**

Ông Trung chúc mừng HĐQT và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới đã giành được sự tin nhiệm tuyệt đối của tất cả các cổ đông.

Nhiệm kỳ 2020-2025 vừa qua là nhiệm kỳ khó khăn chung của cả nước. Với VIMC đây là giai đoạn đặc biệt khó khăn do còn phải gánh những hậu quả của thời kỳ trước, đồng thời đại dịch Covid-19 đã làm đứt gãy chuỗi cung ứng. Nhưng rất mừng đây cũng chính là giai đoạn VIMC phát triển nhanh, đạt tăng trưởng cao.

HĐQT VIMC nhiệm kỳ mới gồm các thành viên của nhiệm kỳ cũ, có thuận lợi là am hiểu tình hình của VIMC; nhưng nếu cứ tiếp tục tư duy cũ, lối mòn cũ thì chưa chắc đã phát huy tốt nguồn lực để đạt hiệu quả cao trong giai đoạn tới. Tôi thay mặt số cổ phần của Bộ Tài chính đại diện mong muốn bộ máy mới có suy nghĩ mới, đột phá mới để nhiệm kỳ 2025-2030 đạt được nhiều thành tích cao hơn nữa.

**E. THÔNG QUA BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI**

Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã được đọc trước toàn thể Đại hội và được biểu quyết thông qua với: (i) 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội đã thống nhất thông qua Biên bản Đại hội; (ii) 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội đã thống nhất thông qua Nghị quyết Đại hội.

Đại hội kết thúc vào 11h00 cùng ngày.

**TM. BAN THƯ KÝ  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Thị Hà Trang**

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**Lê Anh Sơn**



**NGHỊ QUYẾT  
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025  
CỦA TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

*Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC) ngày 09/7/2025,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.**

Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) về kết quả hoạt động năm 2024, nhiệm kỳ 2020-2025 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2025-2030, kế hoạch hoạt động năm 2025 (*theo Báo cáo số 284/BC-ĐHĐCĐ ngày 08/7/2025 của HĐQT VIMC*).

**Điều 2.**

Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát (“BKS”) về kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát HĐQT và Tổng giám đốc VIMC năm 2024 (*theo Báo cáo số 285/BC-ĐHĐCĐ ngày 08/7/2025 của BKS VIMC*).

**Điều 3.**

Thông qua Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên và BKS năm 2024, phương hướng hoạt động năm 2025 (*theo Báo cáo số 286/BC-ĐHĐCĐ ngày 08/7/2025 của BKS VIMC*).

**Điều 4.**

Thông qua Báo cáo tài chính Hợp nhất; Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP năm 2024 đã được kiểm toán (*theo Tờ trình số 287/TTr-ĐHĐCĐ ngày 08/7/2025 của HĐQT VIMC*).

Trường hợp cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền có sự điều chỉnh về các chỉ tiêu có liên quan đến kết quả sản xuất, kinh doanh, báo

cáo tài chính năm 2024, Hội đồng quản trị VIMC chỉ đạo VIMC điều chỉnh các chỉ tiêu để phù hợp theo quy định của pháp luật.

## **Điều 5.**

Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 của VIMC (theo Tờ trình số 288/TTr-ĐHĐCĐ ngày 08/7/2025 của HĐQT VIMC).

Phương án phân phối, trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2024 như sau:

STT	Nội dung	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 (VND)	Tỷ lệ/LNST (%)	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1.353.536.982.178</b>		
<b>2</b>	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024	1.353.536.982.178		
	Trong đó:			
	Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm	27.062.031.481		theo TM BCTC riêng trang 42
	Thu nhập từ lãi vay được xoá	377.743.630.417		theo TM BCTC riêng trang 43
	Thu nhập từ đánh giá lại tài sản để góp vốn	468.537.405.790		theo TM BCTC riêng trang 43
<b>3</b>	<b>Tổng lợi nhuận sau thuế tạm phân phối</b>	<b>59.418.125.000</b>		
<b>3.1</b>	Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	57.810.750.000	4,27	Trích 3 tháng tiền lương bình quân của Người lao động và không vượt theo quy định tại khoản 1 Điều 8 NĐ số 53 (VIMC được trích tối đa 3 tháng tiền lương BQ của NLĐ và 20% lợi nhuận vượt kế hoạch)
	Quỹ Khen thưởng	28.905.375.000		phân bổ 50% giá trị vào quỹ KT
	Quỹ Phúc lợi	28.905.375.000		phân bổ 50% giá trị vào quỹ PL
<b>3.2</b>	Trích quỹ thưởng người quản lý	1.607.375.000	0,12	Trích tối đa 1,5 tháng tiền lương bình quân của Người quản lý (Khoản 2 Điều 8 NĐ 53)
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ (KTPL, thưởng NQL) (4)=(2)-(3)</b>	<b>1.294.118.857.178</b>		

Đối với lợi nhuận còn lại của năm 2024 là 1.294.118.857.178 đồng, chưa thực hiện trích quỹ đầu tư phát triển và chưa chia cổ tức.

**Điều 6.** Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025 của VIMC (theo Tờ trình số 289/TTr-ĐHĐCĐ ngày 08/7/2025 của HĐQT VIMC).

***Kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty mẹ:***

- Sản lượng vận tải biển: 3,2 triệu tấn.
- Doanh thu: 3.849 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 409 tỷ đồng.

***Kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất:***

- Sản lượng vận tải biển: 21,1 triệu tấn.
- Sản lượng cảng biển: 158,3 triệu tấn.
- Doanh thu: 20.793 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 3.076 tỷ đồng.

***Kế hoạch đầu tư Công ty mẹ:***

- Kế hoạch đầu tư năm 2025 là 194,6 tỷ đồng, trong đó:
  - + Kế hoạch chuyển tiếp từ năm 2024 sang năm 2025 là: 162,7 tỷ đồng.
  - + Kế hoạch đầu tư mới năm 2025 là: 31,9 tỷ đồng.
- Kế hoạch sửa chữa, cải tạo cơ sở hạ tầng, thiết bị năm 2025 là: 31,9 tỷ đồng.

***Kế hoạch tăng vốn, góp vốn Công ty mẹ:***

Tổng kế hoạch giá trị đầu tư vốn: 3.242,7 tỷ đồng (chưa bao gồm khoản thanh toán “Giá trị lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư” theo hợp đồng chuyển giao cổ phần Cảng Quy Nhơn với Công ty Hợp Thành khoảng 65 tỷ đồng), trong đó:

- Chuyển tiếp từ năm 2024: Góp vốn thành lập Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Hàng hải VIMC - ARIES.

- Dự án đầu tư vốn mới: Góp vốn vào Liên doanh triển khai Dự án ĐTXD Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ; Liên doanh triển khai Dự án Đầu tư xây dựng tổng thể Bến cảng container Liên Chiểu sau khi được cấp có thẩm quyền lựa chọn theo quy định.

***Kế hoạch giảm tỷ lệ sở hữu, thoái vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp:***

- Tăng vốn điều lệ, giảm tỷ lệ sở hữu của VIMC tại 04 doanh nghiệp.
- Thực hiện thoái vốn/giảm vốn của VIMC tại 06 doanh nghiệp.

**Điều 7.** Thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và kế hoạch tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của HĐQT, BKS (theo Tờ trình số 290/TTr-ĐHĐCĐ ngày 08/7/2025 của HĐQT VIMC).

### ***Quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS thực hiện năm 2024:***

HĐQT gồm 04 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và 01 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc). BKS gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Tổng quỹ tiền lương (không bao gồm Tổng giám đốc): 8.021,5 triệu đồng; tiền lương bình quân: 95,5 triệu đồng/người/tháng. Trong đó:

+ Quỹ tiền lương HĐQT: 5.269,5 triệu đồng.

+ Quỹ tiền lương BKS: 2.752,0 triệu đồng.

- Quỹ thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 235,44 triệu đồng/năm.

- Thực hiện phân phối theo Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý, BKS VIMC.

### ***Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của HĐQT, BKS:***

HĐQT gồm 04 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và 01 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc). BKS gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Tổng quỹ tiền lương HĐQT, BKS (không bao gồm Tổng giám đốc): 7.849 triệu đồng; tiền lương bình quân: 93,44 triệu đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 242,2 triệu đồng.

Thực hiện phân phối theo Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý, BKS VIMC.

**Điều 8.** Thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của VIMC. (theo Tờ trình số 291/TTr-ĐHĐCĐ ngày 08/7/2025 của Hội đồng quản trị VIMC).

Danh sách các công ty kiểm toán đề xuất:

- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT căn cứ các tiêu chí lựa chọn: (a) Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy, có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao và nhiều kinh nghiệm; (b) Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban chứng khoán chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng, lựa chọn đơn vị kiểm toán hàng đầu trong danh sách các công ty kiểm toán đủ tiêu chuẩn do Bộ Tài chính công bố hàng năm để thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2024 của VIMC; (c) Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán của VIMC; (d) Cung cấp khoá học đào tạo về chuyên ngành tài chính kế toán miễn phí cho VIMC; căn cứ danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của VIMC.



Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của VIMC cần đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 9.** Thông qua việc đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của VIMC (theo Tờ trình số 292/TTr-ĐHĐCĐ ngày 08/7/2025 của Hội đồng quản trị VIMC).

Người đại diện theo pháp luật của VIMC sau khi thay đổi:

- Số lượng người đại diện theo pháp luật: 02 người.
- Chức danh của 02 người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc.

**Điều 10.** Kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát VIMC nhiệm kỳ 2025-2030, cụ thể như sau:

Thành viên Hội đồng quản trị gồm các ông/bà có tên sau:

- Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh - Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Lê Anh Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Đỗ Hùng Dương - Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Đình Chung - Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Đỗ Tiến Đức - Thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Ban Kiểm soát gồm các ông/bà có tên sau:

- Ông Lương Đình Minh - Trưởng Ban Kiểm soát
- Bà Phan Thị Nhị Hà - Thành viên Ban Kiểm soát
- Ông Phạm Cao Nhuệ - Thành viên Ban Kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP giao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP triển khai thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Cổ đông VIMC (qua website);
- HNX (để CBTT);
- HĐQT, BKS VIMC (để t/hiện);
- Lưu: VT, TKTH, VP.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**



**CHỦ TỌA**

**CHỦ TỊCH HĐQT**

**Lê Anh Sơn**